

GIẢI MAN BOOKER 2007

*"Tiết chế đến  
kinh ngạc và cách  
nhìn không tì vết."*

**– Los Angeles  
Times**

hộp mắt  
A N N E E N R I G H T



nh

nhà nam NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

**ANNE ENRIGHT**

Phạm Viêm Phương & Huỳnh Kim Oanh *dịch*



**HỌP MẶT**

• THE GATHERING •

**NHÃ NAM & NXB VĂN HỌC**

---

ebook©vctvegroup | 20-03-2021

## **Giới Thiệu**

Chín đứa con còn sống sót của nhà Hegarty họp mặt tại Dublin dự tang lễ của Liam, một người con vừa chết đuối. Veronica, người em gái, đã tới canh cái xác, bầu bạn với nó, và canh cả bí mật cô từng cùng anh chia sẻ: một chuyện đã xảy ra trong nhà bà ngoại họ mùa đông năm 1968, một bí mật tăm tối đã khiến cuộc đời họ vĩnh viễn biến hình. Trong lúc Enright lần theo những con đường của sự phản bội và cứu chuộc qua ba thế hệ, bà đã cho thấy ký ức có thể thay đổi đến đâu, và những bí mật có thể gây ra chừng nào đau đớn. Ở tác phẩm này, cũng như mọi tác phẩm khác mà Enright từng viết, trí tuệ đặc biệt của bà đã vặn xoắn thế giới một chút rồi trả lại nó cho chúng ta trong ánh sáng mới và không thể lãng quên.

“Trí tuệ đến liêu lĩnh, khiếu hài hước hoang dại, chậm rãi trong diễn tiến, không một chút ỉ an: tiểu thuyết của Enright rất tầm tối, nhưng đó cũng là điều khiến nó lấp lánh.”

– *New York Times Book Review*

“Tiết chế đến kinh ngạc và cách nhìn không tì vết.”

– *Los Angeles Times*

“Giọng kể của cuốn sách phảng phất âm hưởng nỗi đau lạnh lùng đầy giận dữ kiểu Joan Didion, nhưng lòng trắc ẩn ấm áp có lẽ gợi nhớ Người Dublin của James Joyce.”

– *Washington Post*

“Enright đã viết một tiểu thuyết nghiệt ngã mà trang nhã tuyệt vời, đưa chủ đề Ireland quen thuộc là sự bất thường trong gia đình và thói đồng đánh của ký ức vào vùng lãnh địa được đắp thêm thịt da bằng một sự khách quan chính xác tới mức khiến nó lại gần như tràn đầy lòng thương...”

– *Los Angeles Times*

“Một cái nhìn trực diện vào một gia đình đau thương... một tiểu thuyết rất đáng đọc và đáng hài lòng.”

– Ngài Howard Davies,



Chủ tịch Ban Giám khảo giải *Man Booker*

“Mê hoặc, lạnh lùng, sâu sắc.*Hộp mắ*tlà một cái nhìn ám ảnh vào một gia đình tan vỡ, bị bóp nghẹt bởi hàng thế hệ đau thương, thất vọng, vật lộn thỏa hiệp với đi ều không thể thay thế.”

– *Entertainment Weekly*

# I

Tôi muốn ghi lại những gì đã xảy ra tại nhà bà ngoại tôi hồi mùa hè năm tôi tám chín tuổi gì đó, nhưng tôi không chắc liệu nó có thực sự xảy ra không. Tôi cần làm chứng cho một sự kiện không chắc chắn. Tôi cảm thấy nó kêu gào trong tôi - cái đi đâu có thể đã không xảy ra này. Thậm chí tôi không biết gọi tên nó là gì. Chắc có thể gọi nó là một tội lỗi về xác thịt, nhưng xác thịt đã từ lâu tan rã và tôi không chắc nỗi đau nào có thể còn day dứt trong xương.

Anh Liam của tôi thích chim và, giống như mọi cậu trai khác, anh thích xương những con thú chết. Tôi không có con trai, vì vậy khi đi ngang qua bất kỳ cái đâu lâu hay bộ xương nhỏ nào tôi cũng đều chậm bước và nghĩ về anh ấy, về chuyện anh ấy từng mê thích những nét phức tạp của chúng. Đôi cánh già nua của một con ác là thò ra khỏi mớ lông bù xù; chắc mập và nhẹ và sạch. Đó là từ chúng ta dùng cho xương: *Sạch*.

Tôi bảo các con gái mình tránh xa cái sọ chuột trong rừng hoặc con chim sẻ chết đang trải nắng mưa cạnh bức tường khu vườn, dĩ nhiên. Tôi không chắc tại sao. Dù vậy, đôi khi chúng tôi tìm thấy, trên bãi biển, một cái mai mực trắng tinh khiết đến độ tôi phải tuồn nó vào túi áo, và tôi an ủi tay mình bằng cách mân mê cái vòm cong trắng bí mật của nó.

Bạn không thể phỉ báng người chết, tôi nghĩ, bạn chỉ có thể an ủi họ.

Vì vậy tôi tặng Liam bức tranh này: hai đứa con gái của tôi đang chạy trên rìa cát bãi biển lổn nhổn đá, dưới bầu trời vẫn vũ sà xuống thấp, vai

áo khoác hất ra sau. Sau đó tôi xóa nó. Tôi nhắm mắt và buông mình lăn theo tiếng tĩnh điện ầm ĩ của biển cả. Khi tôi mở mắt ra, đó là đề gọi máy đưa con gái trở lại xe.

Rebecca! Emily!

Điêu đó không quan trọng. Tôi không biết sự thật, hoặc tôi không biết cách kể sự thật. Tôi chỉ có những câu chuyện, những ý nghĩ về đêm, những niềm tin bất ngờ để ra trong tình trạng không chắc chắn. Tôi chỉ có những lời cu ờng loạn, giống vậy hơn. *Bà yêu ông ấy!* Tôi nói. *Bà hẳn đã yêu ông ấy!* Tôi chờ cái ý nghĩa mà bình minh mang đến, khi bạn không ngủ. Tôi ở lại dưới nhà trong khi cả gia đình thở đầu ở phía trên và tôi viết ra điêu này, tôi trải chúng ra thành những câu đẹp, tất cả những xương trắng, sạch của tôi.

## 2

Có những ngày tôi không nhớ được mẹ tôi. Tôi nhìn tấm ảnh của bà và bà vượt khỏi tôi. Hoặc tôi tới thăm bà một ngày Chủ nhật, sau bữa trưa, chúng tôi có một buổi chiều thú vị, rồi khi rời đi tôi nhận thấy bà đã chảy qua tôi như nước.

“Tạm biệt,” bà nói, đã mờ đi. “Tạm biệt, con gái yêu,” và bà rướn khuôn mặt già nua mền mại lên, nhận một cái hôn. Nó vẫn khiến tôi nổi cơn thịnh nộ. Cái kiêu, khi tôi quay đi, có vẻ như bà biến mất, và khi nhìn lại, tôi chỉ thấy những đường viền. Tôi nghĩ có lẽ tôi sẽ cứ thế đi qua bà trên phố, nếu bà từng mua một chiếc áo khoác khác. Nếu mẹ tôi phạm tội ác thì sẽ không có nhân chứng - bà là bản thân sự lãng quên.

“Ví của mẹ đâu?” Bà thường nói thế hồi chúng tôi còn nhỏ - hoặc có khi là chìa khóa của bà, hay mắt kính của bà. “Có ai thấy ví của mẹ không?”, câu này gần như ở đó, trong mấy giây ấy, khi bà đi từ hành lang đến phòng khách, đến nhà bếp và quay trở lại. Ngay từ hồi đó chúng tôi đã tránh nhìn bà mà nhìn khắp mọi nơi khác; bà là một nỗi kích động đằng sau chúng tôi, một kiêu tội lỗi tập thể, khi chúng tôi tản ra quanh phòng, biết rằng mắt chúng tôi sẽ lướt qua mà không thấy cái ví, màu nâu và căng tròn, cho dù nó rành rành nằm đó.

Rồi Bea sẽ tìm thấy nó. Luôn luôn có một đứa con có thể không chỉ nhìn, mà còn thấy. Đứa lạng lẽ nhất.

“Cám ơn, con yêu.”



Công bằng mà nói, mẹ tôi là người lãng đãng đến nỗi có thể bà thậm chí không thấy chính bà. Bà có thể rê đầu ngón tay qua một lũ con gái xếp hàng trong tấm ảnh cũ mà không nhận ra được chính bà. Và, trong số tất cả con cái bà, tôi là đứa trông giống mẹ bà, bà ngoại Ada của tôi, nhất. Chắc phải làm bà rối trí.



“Ô, xin chào,” bà nói khi mở cửa ti ền sảnh, ngày tôi nghe tin về Liam.

“Xin chào. Con yêu.” Bà có thể nói y như thế với con mèo.

“Vào đi. Vào đi,” trong lúc bà đứng ngay ngưỡng cửa, không bước tránh cho tôi qua.

Dĩ nhiên bà biết tôi là ai, chỉ có điều bà quên mất tên tôi. Mắt bà đảo từ bên này sang bên kia trong khi gạch lần lượt tên từng đứa ra khỏi danh sách.

“Chào mẹ,” tôi nói, chỉ để cho bà một manh mối. Và tôi lách qua bà vào ti ền sảnh.

Ngôi nhà này biết tôi. Luôn luôn nhỏ hơn tôi nghĩ; những bức tường sát nhau hơn và phức tạp hơn những bức tường ta nhớ được. Chỗ này luôn luôn quá nhỏ.

Sau lưng tôi, mẹ tôi mở cửa phòng khách.

“Con uống thứ gì không? Một tách trà nhé?”

Nhưng tôi không muốn vào phòng khách. Tôi không phải khách. Đây cũng là nhà của tôi. Tôi đã ở trong nó, trong khi nó lớn dần, khi phòng ăn

bị tổng vào căn bếp, khi căn bếp nuốt chửng khu vườn phía sau. Đây là nơi những giấc mơ của tôi thường vẫn diễn ra, kể cả bây giờ.

Không phải là tôi còn muốn lại sống ở đây. Chỗ này chỉ toàn những khu mở rộng chứ không ra cái nhà. Ngay cả cái phòng xếp bên cạnh cửa bếp cũng có một cánh cửa ở cuối phòng, cho nên ta phải luồn lách đi qua đồng áo khoác và máy hút bụi để vào nhà vệ sinh tầng một. Ta không thể bán chỗ này, đôi khi tôi nghĩ, trừ phi như là bán đất. San bằng nó và bắt đầu lại từ đầu.

Nhà bếp vẫn bốc cái mùi cũ - nó xộc vào đáy sọ tôi, rất mơ hồ và ghê tởm, dưới lớp sơn vàng nhạt tươi mới. Những cái tủ đầy khăn trải giường cũ; lớp cách nhiệt bao quanh hệ thống sưởi đầy bụi bặm và nom như bị nướng chín; chiếc ghế cha tôi thường ngồi, tay vịn sáng bóng và lạnh vì chất thải con người trong nhiều năm. Nó làm tôi hơi nghẹn, và rồi tôi không nghĩ thấy nó nữa. Nó ở đây, thế thôi. Nó là mùi của chúng tôi.

Tôi bước tới kệ bếp đằng kia nhắc ấm nước lên, nhưng khi tôi đi hứng nước vào ấm, ống tay áo tôi vướng vào vòi nước đang chảy nên tay áo liền sưng nước. Tôi vẫy bàn tay, rồi đến cả cánh tay, và khi ấm đã đầy và cắm điện rồi tôi liền cởi áo khoác, lộn tay áo ướt ra mà vỗ vỗ trong không khí.

Mẹ tôi nhìn cảnh kỳ lạ này, như thể nó gọi bà nhớ lại điều gì. Sau đó bà bước tới chỗ cái đĩa đựng thuốc, trên kệ bếp đằng này. Bà uống thuốc, từng viên một, với cái lưỡi mềm nhão và lơ đãng. Bà ngược cầm lên nuốt không cần nước trong khi tôi lấy bàn tay chùi cánh tay ướt, rồi sau đó lùa bàn tay ướt qua mái tóc.

Viên thuốc nhộng xanh cuối cùng vào trong miệng bà và bà đứng yên, vận động cổ họng. Bà nhìn ra cửa sổ một thoáng. Rồi bà quay sang tôi, lơ đãng.

“Con thế nào, cưng?”

“Veronica!” Tôi chỉ muốn hét chữ đó vào bà. “Mẹ đã đặt tên con là Veronica!”

Giá mà bà trở nên rõ hình dáng, tôi nghĩ. Lúc đó tôi có thể bắt lấy bà và nói cho bà biết sự thật của tình huống, mức nghiêm trọng của việc bà đã làm. Nhưng bà vẫn mơ hồ, không thể chạm đến, được yêu thương quá nhiều.

Tôi đến để nói với bà rằng người ta đã tìm thấy Liam.

“Con ổn chứ?”

“Ôi, mẹ.”

Lần cuối tôi khóc trong căn bếp này là năm mười bảy tuổi, đã là quá tuổi được phép khóc, dù có thể chưa quá tuổi trong gia đình tôi, nơi mọi người dường như ở mọi độ tuổi, cùng một lúc. Tôi chùi cẳng tay ướt dọc theo chiếc bàn gỗ thông vàng, với lớp bóng như nhựa rất dày của nó. Tôi quay sang bà và sửa lại nét mặt để nói cái câu theo nghi thức (tôi nhận thấy cũng có một nỗi hân hoan nhất định trong chuyện này) nhưng, “Veronica!” bà nói, hết sức bất ngờ và bà đi tới - hầu như xông tới - chỗ ấm nước. Bà đặt tay lên quai ấm bằng nhựa cứng khi những bong bóng nổi dày lên sát thành ấm, và bà nhấc nó lên, phích vẫn còn cắm, rót một ít nước vào để làm nóng bình trà.

Thậm chí anh còn không thích bà.

Có một vết cắt trên tường, đằng kia cạnh cửa, nơi Liam ném con dao vào mẹ chúng tôi, và mọi người đã cười ầm lên mà quát tháo anh. Nó ở đó giữa những vết nứt sọc và vết bẩn vô danh khác. Nổi tiếng. Cái lỗ mà Liam đã tạo ra, sau khi mẹ tôi hụp tránh, và trước khi mọi người bắt đầu la hét.

Bà đã có thể nói gì với anh? Bà có thể khiêu khích gì anh ấy - người phụ nữ dễ thương này? Và lúc đó Ernest, hoặc Mossie, một trong những người bạo tay, giằng co tổng anh ra cửa sau và vật xuống cỏ đá cho một trận. Chúng tôi cười vì cả chuyện đó. Và ông anh đã mất của tôi, Liam, cũng cười: kẻ ném dao, kẻ đang bị đá, anh cũng cười ầm, và anh chớp lấy mắt cá chân anh mình vật xuống cỏ. Cả tôi nữa - tôi cũng cười ầm, theo tôi nhớ được. Mẹ tôi lau bầu chút đỉnh, trước cảnh đó, và lại tiếp tục công việc của bà. Chị Midge của tôi nhặt con dao lên, dứ dứ nó ra ngoài cửa sổ về phía bọn con trai đang vật nhau, trước khi ném vào bồn đầy chén bát dơ. Kể cả nếu không được gì khác, cả nhà tôi cũng đã có trò vui.

Mẹ tôi đẩy nắp bình trà và nhìn tôi.

Tôi là một khối run rẩy từ hông đến đầu gối. Có một sức nóng khủng khiếp, một sự lỏng chùng trong ruột gan khiến tôi muốn thọc hai nắm tay vào giữa hai đùi. Đó là một cảm giác gây bối rối, đâu đó giữa trạng thái ỉa chảy và tình dục - một nỗi s ầu khổ h ầu như thuộc cơ quan sinh dục.

Lần cuối cùng tôi khóc ở đây hẳn là về một bạn trai nào đó. Những giọt nước mắt gia đình t ầm thường chẳng có nghĩa gì trong nhà bếp này; chúng chỉ là một phần của sự ền ào chung. Điều duy nhất quan trọng là, *Anh ấy gọi điện*, hoặc *Anh ấy không gọi*. Thật là thảm họa. Kiểu thảm họa sẽ khiến ta cào cấu các bức tường sau năm chai rượu táo. *Anh ấy bỏ mình rồi*. Gập người lại, ôm lấy bụng; tru tréo và ụa khan. *Thậm chí anh ấy còn không gọi điện để lấy lại khăn quàng của mình nữa*. Cậu trai với đôi mắt xanh lam.

Bởi vì chúng tôi cũng - áng chừng - là những tình nhân tuyệt vời, những người nhà Hegarty. Toàn bộ cái trò làm tình bất ngờ, mắt-đối-mắt và không bao giờ, không bao giờ buông xuôi. Trừ những người vốn hoàn toàn không thể yêu. Cũng là h ầu hết chúng tôi, theo một cách nào đó.

Cũng là h ầu hết chúng tôi.

“Là chuyện v ề Liam,” tôi nói.

“Liam?” bà nói. “*Liam?*”

Mẹ tôi có mười hai đứa con và - như bà đã nói với tôi vào một ngày khó chịu - bảy lần sẩy thai. Những lỗ hổng trong đầu bà không phải do lỗi của bà. Dù vậy, tôi không bao giờ tha thứ cho bà đi đâu nào cả. Chỉ là không thể.

Tôi không tha thứ cho bà vì chị Margaret mà chúng tôi gọi là Midge, cho đến khi chị chết, ở tuổi bốn mươi hai, do ung thư tụy. Tôi không tha thứ cho bà chuyện cô chị xinh đẹp lưu lạc Bea. Tôi không tha thứ cho bà chuyện ông anh cả Ernest, một linh mục ở Peru, cho đến khi anh trở thành một linh mục sa ngã ở Peru. Tôi không tha thứ cho bà chuyện anh Stevie, một thiên thần bé nhỏ trên thiên đường. Tôi không tha thứ cho bà toàn bộ chuỗi lê thê Midge, Bea, Ernest, Stevie, Ita, Mossie, Liam, Veronica, Kitty, Alice và cặp song sinh, Ivor với Jem.

Bà đã đặt cho chúng tôi những cái tên vĩ đại như thế - không có kiểu Jimmy, Joe hay Mick tầm thường. Những lần sẩy thai có lẽ được gọi bằng con số, kiểu như “1962” hoặc “1964”, dù có lẽ bà cũng đặt tên cho họ, trong lòng bà (Serena, Aifric, Mogue). Tôi cũng không tha thứ cho bà chuyện những đứa con đã chết đó. Cái kiểu bà thậm chí không có một cuốn sổ tay, để có thể biết đứa nào đã tiêm chủng bệnh gì, khi nào, thuốc gì. Tôi có phải là người phụ nữ duy nhất ở Ireland vẫn có khả năng bị nhiễm sốt bại liệt không? Không ai biết được. Tôi không tha thứ mớ quần áo cũ bất tận từ các anh chị, chuyện đồ chơi thiếu thốn, và chuyện Midge đét đít chúng tôi bởi vì mẹ chúng tôi quá hiên lảnh, hoặc bận rộn, hoặc vắng mặt, hoặc mang thai nên chẳng buồn quan tâm.

Bà mẹ ngọt ngào của tôi. Thiếu nữ không tuổi của tôi.

Không, khi thẳng thắn đối mặt với chuyện này, tôi không tha thứ cho bà chuyện tình dục. Sự ngốc nghếch của việc làm tình quá nhiều. Cởi mở và mù quáng. Những hậu quả, mẹ ời. *Những hậu quả*.

“Liam,” tôi nói, cực kỳ dữ dội. Và cuộc bạo loạn trong nhà bếp dịu xuống khi tôi làm nhiệm vụ của mình, tức là nói với một con người về một con người khác, những chi tiết ít ỏi và tỉ mỉ về chuyện họ gặp kết cục thế nào.

“Con e là anh ấy chết rồi, mẹ ạ.”

“Ô,” bà nói. Đúng như tôi chờ bà nói. Đúng là âm thanh tôi biết sẽ thoát ra từ miệng bà.

“Ở đâu?” bà nói.

“Nước Anh, mẹ ạ. Chỗ anh ấy ở. Họ tìm thấy anh ấy ở Brighton.”

“Ý con là sao?” bà hỏi. “Ý con nói ‘Brighton’ là sao?”

“Brighton ở Anh, mẹ ạ. Đó là một thị trấn ở miền Nam nước Anh. Nó gần London.”

Và lúc đó bà đánh tôi.

Tôi không nghĩ trước đây bà từng đánh tôi. Sau này tôi cố nhớ lại, nhưng tôi thực sự nghĩ rằng bà đã nhường việc đánh lại cho người khác: dĩ nhiên là Midge, người luôn luôn chùi rửa thứ gì đó, và vì thế khi đi ngang qua là sẽ quất miếng giẻ lau vào ta, vào ngay mặt, hoặc cổ, hoặc bắp chân ta, và mùi của cái giẻ đó, tôi luôn luôn nghĩ, tệ hơn cả cái đau. Mossie, một kẻ loạn thần kinh. Ernest, mẫu người trầm tư, thì ưa dùng đến lòng bàn tay. Càng xuống đến người nhỏ tuổi hơn, việc đánh đòn càng mất uy thế và tàn

đần, tuy nhiên bản thân tôi cũng hơi có một thời như thế, với Alice và hai đứa song sinh, Ivor-và-Jem.

Nhưng mẹ tôi đặt một tay lên bàn, và bà vung tay kia ra để chụp lấy một bên đầu tôi. Không đau lắm. Không đau gì cả. Rồi bà quay người lại, bấu lay kệ bếp, và bà lơ lửng ở đó, giữa bệ bếp và cái bàn, đầu bà rũ xuống giữa hai cánh tay sải rộng. Trong giây lát bà im lặng, rồi một âm thanh khủng khiếp phát ra từ bà. Hết sức êm ái. Nó có vẻ bốc lên từ lưng bà. Bà ngẩng đầu lên và quay sang tôi, để tôi có thể chứng kiến khuôn mặt bà; vẻ mặt của bà, lúc này, nét mặt ta sẽ vĩnh viễn không bao giờ còn thấy lại.

*Đừng nói với mẹ.* Đó là điệp khúc thời thơ ấu của chúng tôi, một trong những điệp khúc thời thơ ấu. *Đừng nói với mẹ.* Câu này của Midge, nhiều nhất, nhưng cũng của bất cứ ai trong số những anh chị lớn hơn. Nếu có thứ gì đó bể hoặc bị đổ ra, nếu Bea không về nhà hoặc Mossie lên sống trên gác thượng, hay Liam chơi LSD, hoặc Alice quan hệ tình dục, hay Kitty chảy máu xối xả vào bộ đồng phục đi học mới của nó, hay một lô cú điện thoại về việc chậm trễ, sự ùn tắc, những rắc rối về tiền xe buýt và tiền taxi, và một lần, kinh khủng nhất, đêm Liam ở trong xà lim. Không tin nhắn nào được chuyển tiếp đi: cuộc thảo luận thì thảo trong hành lang, *Đừng nói với mẹ*, bởi vì “mẹ” sẽ - thế nào nhỉ? Héo úa? “Mẹ” sẽ lo. Mà đi đâu đó với tôi có vẻ đúng đắn. Xét cho cùng, cái gia đình này do chính bà tạo ra. Tất cả đều xuất phát từ bà - một cách đơn độc và đầy đau đớn. Và cha tôi nói đi đâu đó nhiều hơn bất cứ ai; đi đâu đó, quân tử, *Không cần nói với mẹ tại bay lúc này*, như thể thực tế chiếc giường của ông là toàn bộ thực tế mà người phụ nữ này đáng phải chịu đựng.

Sau khi mẹ tôi với qua đánh tôi, lần đầu tiên, ở tuổi bảy mươi so với tuổi ba mươi chín của tôi, đầu óc tôi trào dâng, hằm như nổ tung, vì sự bất công của toàn bộ chuyện này. Tôi nghĩ mình sẽ chết vì bất công, tôi nghĩ nó sẽ được viết trên giấy khai tử của tôi. Rằng nhiệm vụ này cần chuyển giao cho tôi, trước hết bởi vì tôi là người cẩn thận, dĩ nhiên rồi. Tôi có một chiếc xe, một hóa đơn điện thoại dễ chịu. Tôi có những đứa con gái không cần phải cãi cọ xem đứa nào đang mặc lộn quần lót của đứa nào vào buổi sáng trước khi đến trường. Vì vậy tôi là người phải lái xe qua nhà mẹ, nhấn chuông cửa và tự đặt mình vào vị trí tiện bị đánh đòn ở mé bên kia cái bàn nhà bếp của bà. Đâu phải tôi có được những thứ này một cách tình cờ - ông chồng, chiếc xe, hóa đơn điện thoại, những đứa con gái. Vì vậy tôi tức giận với từng người trong đám anh chị em tôi, trong đó có Stevie, đã chết từ lâu, và Midge, vừa mới chết, và tôi đang nổi khùng lên với Liam vì anh cũng chết, ngay lúc này, khi tôi cần anh nhất. Tôi đã lạc khỏi đầu óc mình, theo nghĩa đen. Tôi quá giận dữ đến độ tôi có một tầm nhìn khác xuống nhà bếp, một tầm nhìn từ trên cao xuống: tôi, với một tay áo ướt xắn lên, cánh tay trần nằm bẹp trên bàn, và ở bên kia bàn, mẹ tôi, như đang đóng vào thập giá, đầu rũ xuống trên cái cổ trắng để trần hình tam giác nhỏ của bà.

Đây là nơi Liam hiện diện. Trên đây. Tôi cảm thấy anh như cảm thấy một tiếng la lớn trong phòng. Đây là đi đâu anh thấy; cánh tay trần của tôi, mẹ chúng tôi đang chơi đi tàu bay giữa quầy bếp và chiếc bàn. Bay thấp.

“Mẹ.”

Âm thanh không ngừng thoát ra từ miệng bà. Tôi giờ cánh tay lên.

“Mẹ.”



Bà không biết người ta đã làm thay bà bao nhiêu chuyện trong sáu ngày kể từ cú điện thoại đầu tiên từ nước Anh đó. Bà được miễn tất cả chuyện đó: Kitty chạy khắp London và tôi khắp Dublin tìm những hồ sơ nha sĩ; chiều cao và màu tóc của anh, và hình xăm trên vai phải của anh. Không chi tiết nào được đọc lại cho bà như đã được đọc cho tôi, hồi sáng nay, bởi một nữ cảnh sát rất tử tế ghé tận nhà, vì tôi là người yêu anh nhất. Tôi thấy thương cho các nữ cảnh sát - họ chỉ được phân cho những bà con, gái điếm, và những tách trà.

Lúc này nước bọt nhều xuống từ môi dưới của mẹ tôi, thành từng giọt và sọt. Miệng bà vẫn há. Bà muốn ngậm lại nhưng hai môi bà không chịu ngậm và, “Ga, ga,” bà kêu.

Tôi phải đi tới chạm vào bà. Tôi phải nắm hai vai bà nâng lên nhẹ nhàng và đưa bà đi. Tôi sẽ ép hai cánh tay bà xuôi xuống thân người trong lúc tôi đẩy và dẫn bà đến ghế, và cho đường vào tách trà của bà, dù bà không dùng đường. Tôi sẽ làm tất cả chuyện này để tỏ lòng tôn trọng một nỗi sầu khổ sinh học, ngu ngốc, phi thời gian.

Bà sẽ khóc y như vậy nếu là Ivor, ít hơn nếu là Mossie, nhiều hơn nếu là Ernest, và khóc không nguôi, như tất cả chúng tôi sẽ khóc, nếu là Jem yêu quý. Bà sẽ khóc bất chấp là đứa con trai nào. Tôi chợt nhận ra rằng có điều gì không đúng ở đây, bởi vì tôi mới là người đã mất một thứ không thể thay thế được. Bà vẫn còn rất nhiều.

Tôi và Liam cách nhau mười một tháng. Chúng tôi nối đuôi nhau chui ra khỏi bà, đứa này tiếp đứa kia, nhanh như một vụ bề hội đồng, nhanh như một sự phản bội. Đôi khi tôi nghĩ chúng tôi chèn chéo lên nhau trong đó, có điều là anh ấy ra sớm, để chờ bên ngoài.

“Mẹ Ồn không? Mẹ uống một tách trà ghen?”

Bà nhìn tôi: rất bé nhỏ, trong chiếc ghế to. Bà ném cho tôi một cái nhìn khó chịu rồi quay đầu đi. Nó giáng xuống tôi như một lời nguyền rủa. Tôi là ai mà dám chạm vào, dám coi sóc và bỏ mặc, thứ chất liệu tình yêu của một bà mẹ?

Tôi là Veronica Hegarty. Đang đứng tại bồn rửa bát trong bộ đồng phục học sinh; có lẽ mười lăm, mười sáu tuổi, than khóc một người bạn trai vừa đánh mất và được an ủi bởi một phụ nữ mà, dù cố gắng hết sức, cũng không thể nhớ được tên tôi. Tôi là Veronica Hegarty, ba mươi chín, mức một muống đường vào tách trà cho người phụ nữ dễ thương nhất Dublin, người vừa mới nhận tin tức kinh khủng.

“Con vừa định gọi cho bà Cluny.”

“Gọi bà ta à?” bà nói. “*Gọi* bà ta à?” Bởi vì bà Cluny sống ngay nhà bên cạnh.

“Phải, mẹ ạ,” và bất ngờ bà nhớ ra rằng con trai bà đã chết. Bà kiểm tra lần nữa xem liệu đi đầu đó có thật không và tôi gật đầu theo một cách giả tạo. Không ngạc nhiên gì chuyện bà không tin tôi. Chính tôi cũng khó tin được đi đầu đó.

### 3

Những mồn mống cho cái chết của anh trai tôi đã được gieo cách đây nhiều năm. Người tròng chúng đã chết từ lâu - ít nhất tôi nghĩ thế. Vì vậy, nếu muốn kể câu chuyện của Liam, tôi phải bắt đầu từ lâu trước khi anh ra đời. Và, thực tế, đây là câu chuyện tôi thích được viết ra: lịch sử là một nơi thật lảng mạn, với những người đánh ngựa thuê, những trẻ đường phố và giày ống cài nút một bên. Giá mà nó chịu đứng yên, ổn định một chỗ, tôi nghĩ. Giá mà nó thôi không trượt quanh trong đầu tôi. Được rồi.

Lambert Nugent gặp bà ngoại Ada Merriman của tôi lần đầu tiên trong phòng chờ khách sạn năm 1925. Đây là thời khắc tôi chọn. Lúc đó là bảy giờ tối. Bà mười chín, ông hăm ba.

Bà đi vào phòng chờ và không nhìn quanh mà ngẫ vào chiếc ghế có lưng dựa hình ô van gần cửa. Lamb Nugent nhìn bà qua những chỉ dẫn và lũ lượt những người mới tới và những chỉ dẫn khi bà cởi găng tay trái ra trong lúc sau đó tháo găng bên phải. Bà kéo cái lắt tay nhỏ dưới tay áo ra, và bàn tay cằn đôi găng đặt trong lòng.

Bà đẹp, dĩ nhiên.

Thật khó nói Lamb Nugent trông ra sao, ở tuổi hăm ba. Ông ta đã ở trong huyết lâu thế rồi, thật khó tưởng tượng ra cảnh ông ta ngây thơ hoặc toát mồ hôi, khi tất cả chuyện này đã hóa thành cát bụi.

Bà đã thấy gì trong con người ông?

Ông ta phải được lắp ráp lại; tách, xọc; các bắp thịt của ông móc vào xương và được bọc mỡ, toàn thân được phủ lớp da và khoác vào bộ vest màu xanh biển hoặc nâu - các ve áo, có lẽ, kiểu cách hơi quá tân thời, và mùi trên hai tay ông có lẽ đằm đằm hơn mùi thuốc khử trùng một chút. Ông ta đã sành sỏi, ngay từ tuổi đó, lòng tự yêu mình khắc khổ của một người đàn ông bình thường, và tất cả hành động yêu chính mình của ông ta vừa tinh tế vừa chính xác. Ông ta không trau chuốt bản thân. Lamb Nugent quan sát. Hoặc đúng hơn không phải quan sát mà là để cho nó nhập vào ông ta - thế giới này, cùng mọi khía cạnh tinh tế của nó - ai nợ người nào cái gì đó.

Chắc hẳn đó là thứ ông ta đã thấy, khi bà ngoại tôi bước vào qua khung cửa. Đôi mắt trẻ thơ của ông ta. Đôi đồng tử đen, hình ảnh kép của Ada Merriman đã bước tới, ng ồi vào trong đó. Bà mặc đồ màu xanh, hoặc tôi tưởng tượng nó thế. Cái thực thể màu xanh của bà lưu lại trong những nếp gấp xám trong não ông, và nó nằm đó suốt phần đời còn lại của ông.

Đã bảy giờ năm phút. Câu chuyện trong phòng đợi là nói về mưa, về chuyện phải làm gì với người đánh xe ngựa thuê, và có nên yêu cầu những món ăn uống nhẹ không; sau đó búi người mới đến đã tẽ ra thành một đoàn tuôn qua cửa trước phòng đợi, và hai người đ ầy tớ bị bỏ lại đằng sau để chờ; bà ng ồi trên chiếc ghế gọn gàng của bà, ông với khuỷu tay đặt trên bàn tiếp tân cao, giống như một người đang đứng bên qu ầy rượu.

Họ vẫn ở vị trí đó trong ba tiếng rưỡi liên tục.

Họ thuộc v ề tầng lớp thấp. Đối với họ, việc chờ đợi không phải là vấn đề.

Thoạt tiên Ada không giả bộ chú ý đến ông ta. Đây có thể là đi ều lịch sự nên làm, nhưng tôi nghĩ hẳn ông đã rành rẽ ngay từ đ ầu, cái mánh khỏe

làm như không tồn tại này. Và những cơn thịnh nộ vẫn hành hạ ông ta trong đời sống sau này, vào năm 1925 đây hẳn phải là chuỗi bình thường những đam mê và hy vọng son trẻ. Nếu có chuyện gì hành hạ Nugent, trong những ngày đầu đó, thì đó là sự đứng đắn. Ông ta là người đứng đắn. Ông ta không phải người quen thuộc lắm với khách sạn. Ông ta không quen với những phụ nữ thể hiện độ chính xác khổ sở như thế khi sử dụng một chiếc găng tay. Chẳng có gì trong tiền sử của ông chuẩn bị cho cuộc gặp với Ada Merriman. Nhưng ông ngạc nhiên nhận thấy rằng, ông vẫn sẵn sàng đón nhận bà như thường.

Đằng sau chiếc bàn giấy cao, ông tạp vụ nhỏ thó treo chiếc chìa khóa lên tấm bảng rồi bỏ đi vì có chuông gọi ở đâu đó. Ông ta quay lại bàn giấy, viết một ghi chú ngắn, rồi lại bỏ đi. Một cô hầu phòng bước ra từ nhà bếp phía sau mang theo khay trà. Cô leo lên cầu thang, đi vào hành lang tầng trên và không hề quay xuống. Họ còn lại một mình.

Thận trọng biết mấy. Bởi vì Dublin đây những phụ nữ kiêu ngạo cũng như những đàn ông lịch sự, bạn có thể om sòm về nó hoặc bạn có thể, giống như đôi này, ung dung và im lặng. Và trong sự chú ý bình lặng đó người này nhận ra sức mạnh của người kia và nhận ra rằng không ai sẽ chịu làm người đầu tiên bỏ đi.

Thượng đế cho chúng ta quá ít người để yêu. Tôi muốn nói với các con gái tôi đi đâu này, rằng mỗi lần ta đem lòng yêu ai, đi đâu đó đều quan trọng, kể cả ở tuổi mười chín. Đặc biệt ở tuổi mười chín. Và nếu, ở tuổi mười chín, ta có thể đếm những người ta yêu trên một bàn tay, thì ở tuổi bốn mươi, ta sẽ không dùng hết các ngón của bàn tay kia. Thượng đế cho chúng ta quá ít người để yêu và tất cả họ đều dính chặt lại.

Đây là trường hợp Nugent, bị dính chặt vào Ada Merriman trước khi đồng hồ báo mười lăm phút. Và bà bị dính chặt vào ông, theo logic - dù bà chưa biết điều đó, hoặc không lộ ra là bà biết. Trong khi đó, ánh sáng nhạt dần và không có chuyện gì xảy ra. Cô hầu phòng, dù không hề thấy xuống lầu, đi qua phòng chờ với một cái khay khác và lại đi lên cầu thang và một lần nữa biến mất vào bóng tối của hành lang trên tầng cao nhất. Trong căn phòng sau bàn tiếp tân họ nghe ai đó mở cửa và hỏi thăm cô Hackett nào đó. Và Ada Merriman nhìn vào khoảng cách nghiêm túc giữa họ, nơi Lamb Nugent không tin một từ nào bà nói.

Không khí giữa họ quá mỏng cho tình yêu. Thứ duy nhất có thể ném vào không khí của thành phố Dublin là một kiểu nhạo báng.

*Tôi biết cô.*

Nhưng đã quá trễ cho toàn bộ chuyện đó. Nó đã xảy ra. Nó đã xảy ra khi bà bước vào cửa, khi bà nhìn quanh mình, nhưng chỉ nhìn đến chiếc ghế. Nó xảy ra trong cung cách hoàn hảo bà tìm cách để có mặt nhưng không bị ai nhìn thấy. Và còn lại chỉ là sự lo lắng bồn chồn: trước hết bà phải chú ý lại đến ông (và bà đã chú ý - bà chú ý sự lặng lẽ của ông), và thứ hai bà sẽ phải yêu ông như ông đã yêu bà; một cách bất ngờ, một cách trọn vẹn, và vượt quá những gì là địa vị được dành cho họ.

Ada đọc ông bằng một bên gương mặt bà; lông tơ trên má bà dựng lên vì mọi sự bà cần biết về người đàn ông đang đứng ở đầu kia căn phòng. Đó là khởi đầu cho một đợt đổ mắt, sự nhận biết này, nhưng Ada không đổ mắt. Bà nhìn chiếc vòng đeo tay của bà: một sợi xích mảnh bằng vàng pha đồng, với một chữ T ở móc, giống dây đeo đồng hồ. Bà sờ rầm vật kỳ lạ nhỏ bé ấy - một vật của nam giới trên cổ tay con gái của bà - và cảm thấy

sự hồ nghi của Nugent đè nặng lên bà. Rồi bà chỉ hơi ngẩng đầu lên nói, “Sao?”

Quá trơ tráo.

Lúc này có lẽ ông cảm ghét bà, dù Nugent quá trẻ, hai mươi ba, nên không thể gọi tên cái cảm xúc lướt qua ông và đi mất, kéo theo sau nó sự thay đổi của bầu không khí. Một cái gì đó mở ra. Một cơn gió hiu hiu. Đó là cái gì?

Sự khao khát.

Lúc bảy giờ mười ba phút nỗi khao khát thở trên đôi môi trẻ trung của Lamb Nugent - Suyt! Ông cảm thấy sự gần gũi khủng khiếp của nó. Nhu cầu bước tới trào dâng trong ông, nhưng ông không nhúc nhích. Ông giữ vững vị trí trong khi, ở đầu kia phòng, sự tĩnh lặng của Ada trở nên thảng thệ. Nếu ông rất kiên nhẫn, bà có thể nhìn ông, lúc này. Nếu ông rất nhún nhường, bà có thể nói rõ những điều kiện của mình.

Hoặc có thể bà sẽ không nói. Chẳng có gì được nói ra. Chẳng ai nhúc nhích. Có thể là Nugent đang tưởng tượng tất cả mọi chuyện - hoặc là tôi. Có lẽ ông là một kẻ đáng thương ở tuổi hai mươi ba; cái mũ vải tuyết vắn vẹo trên tay và cục yết hầu; có lẽ Ada thậm chí không nhận thấy ông ta ở đó bên kia phòng.

Nhưng đó là năm 1925. Một người đàn ông. Một người đàn bà. Bà *phải biết* cái gì nằm trước mặt họ lúc này. Bà biết bởi vì bà đẹp. Bà biết bởi vì tất cả mọi chuyện đã xảy ra từ đó đến giờ. Bà biết bởi vì bà là bà ngoại tôi, và khi bà đặt tay lên má tôi, tôi cảm thấy sự gần gũi của cái chết và được nó an ủi. Chẳng có thứ gì rụt rè như sự đụng chạm của một bà già; chẳng có gì triu mến hoặc kinh hoàng đến thế.

Ada là một phụ nữ tuyệt trần. Tôi không có từ nào khác dành cho bà. Cho dáng đôi vai và cách bà đi khoan thai xuống phố, túi mua sắm lật phật bên hông. Hai tay bà chẳng bao giờ để không, và ta không bao giờ thấy thứ gì trong đó; bất cứ thứ gì đã được gấp hoặc giặt hoặc dọn hoặc chùi. Ta cũng không bao giờ nhận thấy bà đang ăn, bởi vì bà lúc nào cũng đang lắng nghe ta, hoặc đang nói; thức ăn chỉ lặng lẽ biến mất; giống như nó không thực sự đi vào cái lỗ trên mặt bà. Nói cách khác, cung cách của bà thật hoàn hảo, và dễ lây lan. Ngay từ hồi tám tuổi, tôi đã biết bà có hấp lực.

Nhưng làm cách nào Nugent biết được đi đâu đó, trước khi bà mở miệng nói chuyện với ông? Tôi chỉ có thể giả định rằng chuyện đó không quan trọng, rằng sự gắn bó của ông thay đổi theo những thời kỳ và giai đoạn (rất cuộc, trước bảy giờ mười lăm phút ông đã chuyển sang ghét bà), mỗi thời kỳ ông sẽ phải thực hiện lại theo những chu kỳ dài hơn - nhiều năm hoặc nhiều thập niên - sẽ phải chuyển từ tình yêu sang một kiểu chế nhạo, ông sẽ phải bị day dứt bởi lòng căm ghét và xúc động bởi nỗi khao khát, ông phải tìm tới thái độ khiêm tốn cuối cùng và từ đó bắt đầu lại với tình yêu. Mỗi lần như thế ông có thể biết nhiều hơn về bà - có lẽ nhiều hơn về chính ông - và chẳng có gì ông biết được sẽ có bất kỳ tác động gì. Lúc bảy giờ mười bốn phút, họ quay lại nơi họ bắt đầu.

Nhưng còn tình yêu thì sao nào?

Bây giờ Nugent chuyển động, hoàn toàn bất ngờ.

Ông hụp trán xuống và xoa đường chân tóc. Có thể nào bà cũng yêu ông không? Liệu họ có trở lại giây phút khi bà đi vào cửa, và vượt lên những mối quan tâm vụn vặt về sự trao đổi và mất mát không?

*À có chứ*, mé bên khuôn mặt buồn của Ada nói. Và bà nghĩ về tình yêu một lát.



Nugent cảm thấy nó khuấy động sâu trong rễ dương vật của ông; tương lai, hay sự khởi đầu của tương lai. Lúc này không ai ngắt ngang họ. Ai đó đã bóp cổ cô hầu phòng trong một căn phòng trên lầu; ông tạp vụ con rối bị ném vào một chiếc ghế. Có hơn ba thước thảm nằm giữa họ. Nugent nghĩ về cái quy đầu phồng lên đang lộ ra khỏi lớp da lưng nhùng và Ada nghĩ về tình yêu, trong khi đồng hồ khách sạn chạy lặng lẽ, nghiêng nhẹ nhàng, kêu vo vo thành những tiếng ngân vang báo mười lăm phút.

Tình tính tính tình!

Tình tình tính tình!

Được hời sinh, được gọi đến, ông tạp vụ nhỏ con lột tót đi vào phòng đợi tối om với chiếc đôn nhỏ mà ông ta đặt dưới một cái đèn gắn trên tường. Ông ta lại lột tót đi ra và quay lại với một cái đóm gio lên cao, ngọn lửa của nó hóa ra xám xịt trong ánh sáng cuối ngày. Ông ta đứng trên đôn để gỡ cái chụp đèn, mở vòi khí, lóng ngóng châm cái đóm và, trước khi quá trễ, cũng châm được ngọn lửa vào luống khí. Nó rít lên màu xanh lè và âm thanh trống rỗng trước khi chuyển thành ánh sáng xanh ngả vàng của lưới măng sông, và ánh sáng chập chờn rồi bùng lên tỏa khắp phòng. Phòng đợi trở nên khó chịu vì mùi khí đốt, tiếp theo là mùi ấm của giấy bị cháy, khi những mảnh tàn đen bay rải rác từ những ngón tay vung vẩy của ông ta. Ông ta gắn chụp đèn lại, dời cái đôn tới dưới ngọn đèn kế tiếp và bỏ đi.

Trong khi ông ta vắng mặt, căn phòng phập phồng tối dần. Và tối hơn nữa.

Ông ta quay lại. Nugent và Ada nhìn theo khi ông ta hoàn tất nghi thức với ngọn đèn và cái ghế; việc ông ta đi vào và đi ra; vẻ vênh vang ma mị của ông ta khi di chuyển quanh các bức tường về phía ngọn đèn thứ tư và

cuối cùng, nằm ngay bên trên chiếc ghế Ada ngồi. Ông ta đặt cái đôn ngay cạnh chân bà, như thể cúi chào, và lại nhẹ nhàng rút đi. Sau một hồi lâu ông ta quay lại với ngọn lửa mà có thể, tuy không phải, ông ta lấy từ ngọn lửa đang cháy ở lò sưởi. Ông ta không muốn cúi khom người trước họ, có lẽ vậy, dù ông ta không áy náy gì nếu khiến Ada phải đứng dậy. Ông ta dừng lại trước mặt bà, nghiêng cái đóm sang phía này rồi phía khác, duy trì và hướng ngọn lửa cháy vào phần giấy. Ông ta nhìn mặt bà. Và chờ đợi.

Chiếc váy của Ada sột soạt tuột khỏi lòng bà khi bà đứng dậy. Và cũng chẳng khác gì nó tuột hết xuống sàn; tấm váy cứ như được làm bằng nước, nó cứ như một vũng màu quanh chân bà, bởi lúc này trông bà trần trụi quá. Nugent nhìn hết sức công khai khi bà khoanh hai tay lại trước ngực, và nhìn xuống. Ban đầu ông thấy tội nghiệp bà, rồi thì không tội nghiệp nữa. Cuối cùng ông cũng dịch chuyển, áp vào cạnh bàn làm việc, và nhẹ nhõm khi thấy mùi bốc ra theo làn hơi từ bên trong áo sơ mi của ông. Ồn Chúa vì đi đầu đó. Đó không phải là lỗi của ông.

Sáng đó ông có mặt tại nhà thờ chính tòa giáo xứ, dự lễ sớm. Ông đi trong hàng cùng những người đàn ông khác để rước lễ. Về mặt họ cũng đói khát như những người nghèo đang xếp hàng chờ lãnh xúp. Và khi đứng dậy từ tư thế quỳ, ông làm y như một quý ông đứng đắn: chậm rãi ở phần hông, nặng nề với sức nặng cuộc sống của ông trên trái đất này, buồn bã vì những người ông yêu thương. Can đảm.

Đó là mùa chay. Trong thời gian đó, Nugent đã từ bỏ những món giảm bông, xúc xích và các loại đồ lòng, cũng như rượu mạnh. Thân xác ông đã được làm sạch bởi những hoạt động của linh hồn ông - vì vậy mùi bốc lên từ bên trong áo sơ mi của ông phảng phất không khí mùa xuân, một mùi thoang thoảng của xà phòng buổi sáng sớm, mùi khó nhận thấy của một

ngày làm việc vất vả. Vải áo của ông sờn một cách đứng đắn và cổ áo sơ mi của ông sạch sẽ rất đứng đắn, và cuộc đời của ông trải dài trước mặt ông tiến triển đứng đắn tới một tuổi trung niên chắc chắn.

Chỉ trừ một chút ngất quăng nhỏ - bởi vì chẳng có gì đứng đắn trong cặp mắt trẻ thơ của ông, nhìn Ada Merriman trong phòng đợi của khách sạn Belvedere.

Bà đã nhìn lại ông. Đứng đó - tức là, trậ̀n truộ̀ng - với đôi tay khoanh lại trước ngực, bà ngược lên và nhìn vào mắt ông.

Đây chính là cú sốc. Cú sốc này là cái tôi trọn vẹn của Ada Merriman. Đồng tử bà giãn ra để đón nhận ông; chúng ủa tới và Nugent vui mừng vì có chỗ dựa, bên cạnh ông, là tấm ván gỗ của chiếc bàn làm việc.

Rồi họ mỉm cười. Ada mỉm cười. Giống như có một câu nói đùa nào đó trong phòng mà bà muốn ông chia sẻ.

Nugent nhìn bà. Ông tự hỏi bà thấy thích thú như thế vì bộ phận nào trên thân thể bà. Đó là bộ ngực của bà, hay cổ họng của bà? Hoặc bà không nhận ra mình trậ̀n truộ̀ng (rõ ràng bà đang mặc quần áo đầy đủ), hoặc là bà chẳng quan tâm gì cả. Bà có thể cười nhạo người đàn ông nhỏ thó đang thấp những ngọn đèn. Hoặc có thể bà đang cười nhạo ông - đứng đó giống như một thằng ngốc với một đùm lỏi ra trong quần. Và đôi mắt của Nugent ặng nước vì sự không sòng phẳng đó, và với sức mạnh của tình yêu bị từ chối.

Chỉ có đi ầu - như gã thấp đèn nhỏ thó có thể nói với ông - bà chưa từ chối ông bất cứ thứ gì. Bà chưa hề từ chối ông gì cả.

Những ngọn đèn khí chấp chờn và rút lên nhẹ nhẹ khi chiếc đèn được nhắc đi và người đàn ông rút lui, hơi xoay về đôi tình nhân với vẻ lịch sự

đầy mai mĩ, như thể ông ta có thể thấy tất cả, hành động giao hợp (tiếng xì xọt âm ỉ), tiền bạc, những lời dối trá mà họ đã bắt đầu nói ra.

Ồi, nếu đó là một bài hát thì bạn có thể hát. Nếu đó là một bài hát thì bạn có thể gõ nó ra trên những cái thìa. Đặc biệt là ở Dublin, năm 1925.



Đây hoàn toàn là tưởng tượng của tôi, dĩ nhiên rồi. Ai cũng có một bà ngoại đẹp - ắt vì nước ảnh đỏ nâu và chùm hoa màu cam trên mái tóc họ. Chưa kể cái nhìn kiên định trong những đôi mắt kiêu ngày xưa. Chúng ta không còn biết cách can đảm nữa, như một cô dâu can đảm thời bấy giờ. Đây là bức hình đám cưới của Ada: bà mang tấm mạng che mặt dài của những năm 1920 và lớp lụa của cái váy làm lộ ra những mũi thêu tay dịu dàng viền thành một hàng vết lõm quanh gấu áo. Bà trong trắng và thiêu đốt lòng người. Ada Merriman, bà ngoại nhiệt tình, khiêm tốn của tôi, là loại đề tài các nhà thơ thường viết, năm 1925.

Bà có đôi bàn chân giống tôi. Hoặc tôi có đôi bàn chân của bà: dài, với những ngón chân khẳng khiu. Cũng những xương mắt cá to và bắp chân thẳng, dài khiến tôi cảm thấy hết sức lóng ngóng ở trường, trước khi tôi học được cách sử dụng chúng. Tôi nhận ra mình có một thân thể đắt giá, khoảng năm 1979. Đây không phải chuyện tình dục. Các luật sư muốn làm tình để sinh con với tôi và các kiến trúc sư muốn tôi ngồi trên những chiếc ghế Eames của họ. Không có gì quá lớn ở mặt trước, chỉ cao và lỏng lẻo. Vì vậy tôi cho rằng tôi ăn diện đẹp - dù chẳng có gì thuyết phục được tôi mặc váy dài ngang bắp chân, để lộ mắt cá như của đàn ông và những ngón chân u nần tội nghiệp của tôi.

Vì vậy có đi đâu gì đó đáng tội ở bàn chân to của Ada trong đôi giày xa tanh. Bà lấy chõng. Bà hạnh phúc. Hay tôi tưởng tượng thế, khi cất tấm hình của bà vào lại chiếc hộp đựng giày giữ tất cả những gì còn lại về câu chuyện của bà, lúc này.

Bà không cưới Nugent, bạn sẽ thấy nhẹ nhõm khi nghe thế. Bà đã cưới Charlie Spillane bạn của ông ta. Và không chỉ bởi vì ông này có xe hơi.

Nhưng ông không bao giờ rời bỏ bà. Bà ngoại tôi là một hành động giàu tưởng tượng nhất của Lamb Nugent. Tôi có thể không tha thứ cho ông ta, nhưng chính điếu này - cái kiêu ông ta mãi trung thành với chuyện đó - đã định nghĩa người đàn ông này rõ nhất, đối với tôi.

## 4

Tôi gọi điện cho những tư vấn viên tang lễ ở Brighton và Hove bằng điện thoại của mẹ tôi trong hành lang, và họ cho tôi số của người làm dịch vụ tang lễ, người này rất tử tế, ghi lại thông tin thẻ tín dụng của tôi trong lúc tôi cần nó bên mình. Dĩ nhiên, còn phải cân nhắc chuyện quan tài, và vì một lý do nào đó tôi đã biết trước rằng mình sẽ chọn một cái bằng gỗ sồi - một quyết định được giao cho tôi, bởi vì tôi là người yêu anh ấy nhất. Và tất cả sẽ tốn bao nhiêu? Tôi nghĩ khi đặt điện thoại xuống.

Bà Cluny từ nhà bên cạnh bước sang, hoàn toàn im lặng. Bà đi qua hành lang vào nhà bếp và đóng cửa lại. Lát sau tôi nghe giọng mẹ tôi cất lên, rất nhỏ.

Tôi không đủ kiên nhẫn với đĩa quay số tròn kiểu cũ, vì vậy tôi bật di động của mình và đi lòng vòng quanh nhà, gọi điện cho cả đám, ở Clontarf và Phibsboro, ở Tucson, Arizona, để nói, “Tin buồn, về Liam. Vâng, vâng. Em e là như thế.” Và “Em đang ở nhà mẹ. Bị sốc. Thật sự sốc.” Tin tức sẽ được thảo luận bằng những lối nói quá tế nhị đến độ khó vạch ra. Jem sẽ gọi cho Ivor, và Ivor sẽ gọi cho vợ của Mossie, và Ita sẽ truyền cho Cha Ernest, ở đâu đó phía Bắc Arequipa. Sau đó tất cả sẽ điện về đây - hoặc vợ của họ sẽ điện - để biết những thời điểm, lý do, những chi tiết dữ dội và những chuyến bay.

Tôi đi qua cảnh lò mờ trong những căn phòng thời thơ ấu của chúng tôi và chẳng chạm vào thứ gì.

Tất cả giường đã trải khăn và sẵn sàng. Con gái ngủ trên lầu còn con trai ngủ dưới tầng trệt (bạn thấy đó, chúng tôi có một hệ thống). Nó là một tòa nhà có nhiều phòng nhỏ. Cái giường đôi của hai anh em sinh đôi nằm trong căn phòng nhỏ bên trái cửa tiền sảnh - căn phòng nơi bé Stevie chết. Đầu kia căn phòng ấy là một cánh cửa dẫn vào phần nhà xe mở rộng, với ba cái giường đơn. Vượt qua đó lại là lối vào khu vườn, nơi Ernest ngủ trên một tấm nệm trên sàn nhà, sau đó là Mossie, khi Ernest đi, và cuối cùng là Liam.

Mái dốc của lối đi được làm bằng tôn nhựa trong, gọn sòng. Tấm nệm vẫn ở đó, dựng đứng sát khung cửa màu vàng dẫn ra vườn với cửa sổ bằng kính nhám. Tấm bích chương hình Marc Bolan của Liam đã biến mất, nhưng vẫn thấy được những mẫu băng keo trong suốt dán tấm bích chương còn lủng lẳng trên bức tường bằng gạch xỉ.

Tôi đã hút điều thuốc lá đầu tiên của mình ở đây.

Tôi ngửi trên tấm nệm phủ một tấm mền xanh thô, gọi điện cho người em trai út của tôi.

“Chào Jem. Không, mọi chuyện đều tốt. Nhưng chị có tin buồn đây, về Liam.” Và Jem, đứa bé nhất trong chúng tôi, đứa dễ chịu nhất và được cưng nhất, nói, “Chà, ít nhất chuyện đó cũng xong.”

Tôi thử gọi cho Kitty lần nữa và lắng nghe điện thoại reo trong căn hộ vắng hoe của nó ở London. Tôi nằm xuống nhìn lên mái nhựa gọn sòng, tự hỏi làm sao có thể gỡ bỏ tất cả những nhà kho và những phần mở rộng thêm này, biến chỗ này trở lại ngôi nhà y như nó ngày xưa. Giá mà có thể phá rã tất cả và bắt đầu lại.



Khi Bea đến, tôi mở cửa ti ền sảnh và ôm chị bằng cả hai cánh tay, và chúng tôi quay một vòng như vậy khi chị đi qua tôi trong ti ền sảnh tối. Tôi theo chị vào ánh sáng vàng vọt của nhà bếp và thấy rằng mẹ tôi đã già đi năm, có lẽ mười tuổi trong khoảng thời gian tôi gọi những cú điện.

“Chào mẹ. Mẹ có muốn uống thuốc gì không? Bây giờ mẹ có cần bác sĩ, để có thứ gì đó giúp mẹ ngủ không?”

“Không, không. Cám ơn.”

“Con sẽ qua bên đó, để thu xếp các thứ,” tôi nói.

“Nước Anh hả?” Bà hỏi. “Bây giờ à?”

“Con sẽ gọi điện về, được chứ?”

Gò má bà, khi tôi hôn, mềm mại vô cùng. Tôi liếc nhìn qua Bea, chị ném cho tôi một cái nhìn u ám, đầy trách móc.

*Đừng nói với mẹ.*

Như thể toàn bộ là lỗi lầm của tôi.

Cha tôi thường ng ồi trong nhà bếp xem ti vi đến mười một giờ, với tờ báo nằm hờ hững trên đùi. Sau phần tin tức ông thường gấp tờ báo lại, rời ghế, tắt ti vi (bất kể đang có ai xem) và đi ngủ. Những chai sữa được súc sạch sẽ và đặt trên bậc thềm. Một trong hai đứa sinh đôi có thể được bế lên xi xô rồi ủ vào giường cho ngủ lại. Sau đó ông vào phòng nơi ông sẽ ngủ với mẹ tôi. Bà đã lên giường, đọc và thở dài từ chín rưỡi. Thường có tiếng nói chuyện thì thầm, âm thanh của những chìa khóa và đ ồng xu khi ông đi xuống. Tiếng lách cách của khóa thắt lưng ông. Một chiếc giày rơi xuống sàn nhà.



Im lặng.

Ở trường có những đứa con gái mà gia đình chúng phát triển thành cộng đồng vững chãi năm hay sáu người. Có những đứa con gái với bảy hay tám anh chị em - thế được coi là hơi nhiệt tình - và rồi có những đứa đáng tội như tôi, những đứa có ba mẹ chẳng tự coi sóc được gì trong việc này, mà cứ sinh đẻ tự nhiên như ỉa đái.



Thay vì rẽ trái khi ra khỏi nhà mẹ, tôi lại rẽ phải vào đường đến phi trường. Tôi không nghĩ đến việc mình đi đâu, tôi nghĩ về trời mưa, ánh đèn xi nhan, cần gạt nước cao su cào trên mặt kính. Tôi chẳng nghĩ về gì cả - chẳng có gì để nghĩ đến. Rồi sau đó tôi nghĩ đến một cốc rượu. Không có gì quá bày hầy. Một ngụm rượu whisky mạnh, có lẽ, hay rượu gin. Tôi trôi bồng bênh về phía nó trong chiếc Saab 9.3 đẹp đẽ của tôi - về phía ý tưởng về nó, đang nở hoa trong miệng tôi.

Tôi luôn khát khi rời khỏi ngôi nhà đó - chắc hẳn liên quan đến sự bất công của nơi này. Nhưng tôi sẽ không uống. Chưa uống. Khi gọi điện lúc này, Kitty đã say mèm đến độ tôi chỉ nghe được trên điện thoại một tiếng hú ngu ngốc.

“Owjz. Hizz,” con bé nói. “Hizz. Hizjim. Ohsfs. Chào.” Qua đó tôi phải tự đoán ra rằng một nữ cảnh sát cũng vừa mới ghé nhà nó. Và, vâng đó là một khoảng thời gian chờ đợi tã tẹ; dù không hẳn là lâu như thế. Mánh lới là ở chỗ, tôi muốn nói với con bé trên đường dây, mánh lới là ở chỗ uống say sau khi, chứ không phải trước khi hay tin. Đó là một ranh giới mỏng

manh, Kitty ạ, nhưng chúng tôi nghĩ nó quan trọng. Ngoài này, trong thế giới thực, chúng tôi nghĩ nó có khác biệt. Sự thật / Phỏng đoán. Chết / Sống. Say / Tỉnh. Ngoài đây trong cái thế giới không phải thế giới của gia đình Hegarty, chúng tôi nghĩ những việc này Không Phải Cùng Một Thứ.

Dĩ nhiên, tôi không nói bất cứ gì về chuyện này. Tôi nói, “Huh huh ho Chúa.”

Và con bé nói, “Ay ghai Ay Hizj.”

Và tôi nói, “Ho hohoo ho Chúa.”

Và đi đầu này cứ tiếp tục cho đến khi một người đàn ông cầm lấy ống nghe mà nói, “Phải chị của Kitty đó không?” bằng giọng Nam London tuyệt vời. Và tôi phải tỏ ra lịch sự với anh ta, và biện bạch chút đỉnh rằng anh trai tôi đã chết ngay giữa buổi chiều thứ Năm.

Tôi nhận ra rằng tôi chạy xe sai đường về nhà, nên tôi dừng lại gọi điện cho Tom chẳng tôi tại ngã tư đường để nói tối nay tôi sẽ không về. Tôi không muốn mấy đứa con gái gặp tôi, hay lo lắng về tôi, chừng nào tôi chưa giải quyết xong chuyện này.

Anh nói mọi việc sẽ tốt đẹp, tốt đẹp thôi. Mọi thứ sẽ tốt đẹp. Giọng anh hơi run và tôi nhận ra rằng nếu tôi không kết thúc cuộc gọi thì anh sẽ nói với tôi rằng anh yêu tôi, rằng đây là đi đầu kế tiếp anh sắp nói.

“Mọi chuyện đều ổn,” tôi nói. “Tạm biệt. Tạm biệt.” Và tôi lại hòa vào dòng giao thông và con đường ra phi trường.

Có đi đầu gì đó kỳ diệu ở cái chết, cái kiểu mọi thứ đóng sập xuống, và bao nhiêu đi đầu khiến bình thường ta nghĩ mình là thiết yếu thì thậm chí không quan trọng chút nào cả. Rốt cuộc thì chẳng ta cũng có thể nuôi bọn trẻ, anh có thể sử dụng cái lò mới, anh có thể tìm thấy xúc xích trong tủ

lạnh. Và cuộc họp quan trọng của anh không hề quan trọng, hoàn toàn không. Và bọn con gái sẽ được đón về từ trường và được đưa trở lại vào buổi sáng. Con gái lớn sẽ nhớ mang lọ thuốc xịt, con gái nhỏ sẽ mang đồ thể dục, và đúng như ta nghi ngờ - hầu hết mọi chuyện ta làm đều ngu ngốc, thực sự ngu ngốc, hầu hết mọi chuyện ta làm chỉ là la mắng và rên rỉ và dọn dẹp cho những người vốn lười biếng đến độ thậm chí không buồn yêu thương ta, nói gì đến việc tìm thấy giày của họ dưới gầm giường; những người thường quay sang buộc tội ta - đôi khi gào vào mặt ta - khi chỉ tìm thấy được một chiếc giày.

Và hiện giờ tôi đang khóc, đi dọc theo con đường phi trường, tôi đang khóc thảm thiết sau tay lái chiếc Saab 9.3, bởi ngay cả cuộc họp mà chúng ta dự, cuộc họp sống còn, lại không hề quan trọng (làm sao ta có thể từng nghĩ, thậm chí chỉ một phút thôi, những việc như thế là quan trọng được nhỉ?) và anh ta yêu thương ta trọn vẹn trong nửa giờ, hoặc nửa tuần lễ mà trong thời gian đó người anh của ta vừa mới chết.

Có lẽ tôi nên tập vào vệ đường nhưng tôi không tập: tôi vừa khóc vừa lái suốt đường đi. Tại đại lộ Collins, một người đàn ông kẹt trong dòng giao thông đang tiến tới nhìn sang tôi đang nức nở và bịt miệng trong chiếc hộp thiếc sang trọng của tôi. Ông ta cách tôi gần một mét. Ông ta ở ngay đó. Ông ta nhìn tôi hết sức thông cảm, sau đó ông ta đi qua. Chuyện đó xảy ra với tất cả chúng ta.

Và đi đâu khiến tôi ngạc nhiên khi tới đường cao tốc không phải là chuyện mọi người bị mất ai đó mà là mọi người đều yêu ai đó. Nó giống như một sự lãng phí năng lượng lớn lao - và tất cả chúng ta đều làm chuyện đó, tất cả mọi người hối hả xuôi giữa những làn đường trắng, hợp lại, tụ hội, vượt qua nhau. Mỗi chúng ta đều yêu ai đó, dù họ sẽ chết. Và

chúng ta vẫn cứ yêu họ, cho dù họ không còn ở đó để yêu nữa. Và không có luận lý hay ích dụng gì với bất cứ gì trong chuyện này, theo tôi thấy.

Ở phi trường, tôi lái xe lòng vòng trong bãi đậu xe, tầng này đến tầng khác, cho đến khi tôi ra ngoài dưới bầu trời buổi tối. Liam thường cười nhạo tôi vì chuyện này.

Mọi người thường cười nhạo tôi. Cái kiểu tôi luôn luôn đậu xe ở chỗ gần những chiếc máy bay nhất: và chỗ đó ở tuốt trên mái, ngoài trời mưa.

Tôi tắt máy xe và nhìn những giọt mưa chảy xuống kính chắn gió.

Lần cuối cùng tôi đưa anh ấy tới đây, tôi nóng lòng muốn tiễn anh ấy đi.

Hết sức nghiêm túc. Lần cuối đưa anh ấy tới đây, tôi ngẩng một lát, nhìn thẳng trước mặt, và thân hình đồ sộ của anh ở ghế trước cạnh tôi thật nổi bật: đồng to lù lù đen thui, khi tôi quay sang để nói với ông anh mà tôi biết - Chúa ơi! khối xám xịt mặc một cái sơ mi bản thủ, thứ tởm lợm khủng khiếp này, mà tôi quay sang nói. “Thế đấy. Còn khối thời gian.”

Tôi đi bộ với anh suốt đoạn đường đến các cổng khởi hành và nhìn anh đi qua. Tôi đã tự hỏi liệu anh có thể quay trở ra lại không. Tôi chợt nghĩ rằng việc đó có thể không trái luật. Ta có thể đi thẳng tới cổng và thay đổi ý định. Thậm chí ta có thể phóng khỏi chỗ ngẩng trên máy bay của ta và đổi ý mà đi ngược trở lại con đường ta đã đến, trở lại Ireland, nơi ta có thể khiến cho mọi người khốn khổ, trong một khoảng thời gian ngắn ngủi nữa.

Thường thì người ta vẫn thấy anh em trai trở nên bớt quan trọng, theo thời gian. Liam quyết định không như thế. Anh quyết định vẫn tiếp tục quan trọng, tới phút cuối.

Một chiếc máy bay gầnrú ở tầnthấp trên đầuvà, khi nó bay mất, tôi đang bám vào tay lái, miệng mở lớn. Chúng tôi nằm kẹt cứng như thế trong chốc lát, tôi với chiếc xe, rồi tôi ngẫithăng lên và mở cửa xe.

Trong khi tôi làm chuyện này - gào lên câmlặng trong chiếc xe mui xép trong bãi đậu xe của phi trường dưới mưa - tôi có thể cảm thấy Liam đang cười nhạo tôi. Hoặc tôi có thể cảm thấy sự vắng mặt của anh đang cười nhạo tôi. Bởi vì, đâu đó, ngoài kia ở mé bên - nơi ta hoàn toàn không thể thấy - anh ở đó trọn vẹn, mà lại hoàn toàn không ở đó. Anh không đau khổ, tôi nhận thấy, bởi bây giờ anh đã chết. Nhưng đó không chỉ là tâm trạng của anh, cái điềutôi đang cảm thấy như một sự ấmap tại chân cột sống tôi. Đó là cái tôi thiết yếu, khô chết, đã biến mất của anh. Đó là chính trái tim của anh, đã biến mất hoàn toàn, hoặc bây giờ đang biến mất.

Tạm biệt Vee

Tạm biệt

Tạm biệt

Tôi mở cửa và bước ra ngoài mưa.

## 5

Đây là ông ngoại tôi, Charlie Spillane, đang lái xe trên phố O'Connell tới chỗ vợ tương lai của ông trong khách sạn Belvedere.

Đã mười giờ rưỡi một tối thứ Ba. Đó là mùa chay. Vài cặp ngoại đạo rời khỏi nhà hàng Gresham hoặc Savoy Grill để đón xe điện hoặc bắt đầu đi bộ về nhà, nhưng ngoài chuyện đó thì thành phố thật yên tĩnh. Xe Charlie màu xám xịt và khi nó lướt đi dưới ngọn đèn đường một mảng da xanh mở ra trong đêm. Mui xe hạ xuống, những bộ phận bằng đồng thau lấp lánh và đầu của Charlie ánh lên. Chiếc xe này là một vật thể đẹp - tuy không hoàn toàn là xe của Charlie: dù ông đã có nó quá lâu đến độ ta có thể cho rằng người để nó lại cho ông sẽ không trở lại.

Đây là chiếc xe đã sống trong ga ra của Ada khi tôi còn là một đứa bé, một chiếc Bullnose Morris, mui cũ nứt, giống mui chiếc xe đẩy trẻ khổng lồ. Vào lúc tôi thấy nó, nó chẳng còn nguyên vẹn mấy, ngay cả cánh cửa cũng mất tiêu. Tôi thường ngồi ở ghế trước và lắng nghe chuột chạy trên máy, trong cái tĩnh lặng của những buổi chiều hè.

Hoặc “Rùm rùm!” Liam sẽ kêu, cạnh tôi. “Rùm, rùm.”

Năm 1925 chiếc xe vẫn là một vật tuyệt đẹp. Charlie rờ máy cùng lúc rần rộ bề cần số và đạp bàn đạp - Nugent nghĩ ông không nên lái nó chút nào, kỹ thuật bơm, nghiêng này quá sức tàn phá đối với những lò xo khớp ly hợp và nút van. Thắng trước đang mở bung ra trong vũng dầu của chính nó, trên chiếc bàn trong phòng trọ của ông - Nugent cũng không phải là chủ

nhân chiếc xe, nhưng ông yêu nó. Đứng trong phòng đợi của khách sạn Belvedere, ông lắng nghe tìm tiếng động cơ mà không biết ông đang lắng nghe cái gì. Trong khi đó, Charlie đang chạy quanh Dublin chỉ với những thắng sau, đi gặp một người về chuyện một con chó.

Ông là một người ưa đổi hướng, Charlie ấy. Ông không thích những kết thúc. Thậm chí ông không thích bắt đầu việc gì. Khi ông yêu thì chỉ vì ông nhận thấy nó đang tuột khỏi ông rồi. Nói cách khác ông về lấy Ada chỉ vào lúc bà quay lưng đi.

Nhưng Ada lúc này chưa biết Charlie. Ada Merriman đứng trong phòng đợi của khách sạn Belvedere mà nhìn Lamb Nugent, trong khi bên ngoài, Charlie Spillane lái xe vào đường Great Denmark, về hướng người vợ mà ông chưa từng gặp. Ông sắp sửa ghé xe vào cửa khách sạn Belvedere, ông gần tới được đó thì ngọn tháp của nhà thờ Findlater gọi ông nhớ ra đi đâu gì đấy, thế là ông về ga đi tới quán The Hut ở Phibsboro, để gặp ai đó về chuyện con chó.

Nugent đóng tai nghe theo tiếng động cơ thoát đi. Có một khoảng lặng sau khi tiếng động cơ mất hút, và rồi sự im lặng bắt đầu lan tỏa. Nó thấm vào phòng đợi của khách sạn Belvedere; tiếng xào xạc xa xa của đường phố chuyển từ ngày sang đêm, khi đêm sâu dần và cuộc rượu chè bắt đầu - ở nơi khác. Khi phụ nữ dỗ nín con cái họ, và đàn ông cởi ửng ra, và bọn con gái, sau khi làm việc cả đêm, tắm rửa trong những căn phòng xa xôi và liếc mình trong một mẫu gương, trước khi rời nhà để đi làm lại.



Ở đầu phòng bên kia, hơi thở của Ada quá nồng và nhẹ nhàng đến độ bà có lẽ là một thiên thần, trong chốc lát, đang giữ hình dạng một con búp bê. Cổ họng bà là một cây cột, như nhà thơ có thể nói, và đôi môi bà được tạc khít chặt trong ánh sáng.

Một cục than tàn trượt vào vỉ lò sưởi với tiếng “coong” thì ào.

Người chết đến.

Họ ng ấ x ớ m g ầ n nh ữ n g b ứ c t ườ n g và m ề n v ề p ứ a n g ầ n n ừ i ệ t c ứ i c ầ n g c ầ n g l ử a: ề m Lizz y c ầ n g Nugent; m ề ông, n ừ o ầ i k ồ n g t ấ c b ị c ầ t c ầ t n ầ o. Nh ữ n g c ầ n m ầ c ầ n g Nugent n ồ i l ấ p b ấ p, ề m d ị u và g ầ y g ắ t, t ườ n g k ầ i nh ữ n g c ầ n m ầ c ầ n g Ada k ồ n g n ồ i g ầ c ầ.

## Tại sao thế?

Dĩ nhiên vì bà là kẻ m'ôcôi.

Một khuôn mặt xuất hiện ngay kính cửa trước, và đẩy cửa mở ra. Một khuôn mặt nhỏ, lanh lợi, có một hàm râu. Nó nhìn quanh, rồi rút lui. Những người chết tản mác đi, nhưng một lát sau họ bắt đầu quay lại và, như thể Ada không thể chịu đựng được, bà lật đặt nhóm dây bước tới bàn giấy, rung chuông.

Kính coong!

Họ đang đứng bên nhau - cuối cùng cũng xong! - Ada và Nugent tại bàn giấy và bà khoái chí trước chuyện đó. Sự tự nhiên và thư thái của bà trở thành lảng mạp và khiêu khích với Nugent - Nugent tội nghiệp, đang cảm thấy nằm tắc giữa họ rõ rệt hơn bất kỳ khoảng cách không gian nào. Đang thềm đầy bất cứ phần nào của ông ta vào bất cứ phần nào của bà để tìm thấy sự khuây khỏa. Đang mong đặt hai tay ông lên bụng bà, để cảm nhận cái nóng và chuyển động của bộ ruột bà.



Đừng chế nhạo.

“Đến thế,” ông muốn nói. “Tôi đã yêu em đến thế.”

“Xin chào. Xin chào trong đó.”

Ông tap vự từ bóng tối của căn phòng phía sau bước ra.

“Ông có thứ gì kiểu như một ly rum nóng cho bác xà ích không? Người đứng ngoài kia đó.” Bà quay sang Nugent nói, “Tôi không biết tại sao tôi làm vậy cho hắn ta, hắn không bao giờ ở đó khi anh cần. Tôi cho rằng chỉ để giữ cho hắn đừng lĩnh đi.”

Sau đó bà quay trở lại ghế của bà cạnh cửa. Xét cho cùng bà mới chỉ mười chín. Và ông chỉ hai mươi ba.

“Tôi có người bạn có xe hơi,” bất ngờ ông nói.

“Vậy hả?” Bà dừng lại, quan tâm và hoạt bát lên.

“Anh ta sẽ tới đây bất cứ lúc nào, lẽ ra lúc này anh ta phải có mặt ở đây rồi.”

“Tôi thích đi xe hơi,” Ada nói. “Tôi muốn thử đi xe hơi đến điên lên được.”

Và bà xoay người để ng ỉ vào ghế.

Ô hãy tưởng tượng một sợi dây thừng kéo nó từ bên dưới bà - Nugent lướt qua phòng để đỡ lấy bà. Họ có thể hôn nhau trên màn hình đen trắng, bà quay đi để có thuyết minh:

Dừng lại!!

Bởi vì đó không chỉ là mùa chay, mà còn là mùa xuân. Làm sao mà khác được? Ada Merriman thì đẹp còn Lamb Nugent sống vượt t ần mình, và đây là điều chúng ta cần biết - rằng khi bà đi vào qua khung cửa này và

ng ồi với vẻ duyên dáng lạng lẽ như thế trên chiếc ghế có lưng tựa hình bầu dục nhỏ đó, ông đã thấy một cuộc sống trong đó không ai nợ ai bất cứ chuyện gì. Không chút xiu nào.



Một chiếc xe dừng lại bên ngoài. Nugent nghe tiếng máy xe rung lên và cái nhìn ông trao cho Ada biến thành cái nhìn của sự đau đớn và ly biệt - như thể tình huống của họ ít nhiều là bất khả. Nhưng nó không phải là bất khả, và sự cảnh giác vụt hiện lên giữa họ hiện giờ chỉ là một kiểu vui sướng khác.

Họ sẽ không bao giờ làm gì một mình nữa. Từ nay về sau.

Họ cùng nhau quay lại, khi Charlie Spillane bước qua cửa, nghênh ngang vì chút men, hào hứng với những lời hứa không giữ được và những cuộc hẹn bị lỡ. Đôi mắt ông đặt lên Nugent đang tựa người lên chiếc bàn giấy phía trước - rồi ông nhìn quanh cho đến khi thấy dáng người trong bộ đồ xanh, ngồi ngay bức tường cạnh cửa. Ô.

“Thưa bà,” ông nói, bỏ chiếc mũ quả dưa (tượng tượng) của ông ra, “tôi hy vọng anh bạn này đã giữ cho bà được vui.”

Và Ada bật cười.

Chỉ vậy thôi. Chỉ vung tay một vòng, Charlie đã thay đổi các phép tính - về tương lai của ông và quá khứ của tôi.



Đây là hai người bạn, rời khỏi Ada Merriman.

Charlie chỉ cửa khách sạn cho bạn ông rồi đi ra ngoài. Ông ngồi lại vào chiếc Bullnose Morris và cặm găng tay lái xe lên. Rồi ông dùng chúng chà xát mặt. Ông chà mặt mình như một người đàn ông đã ngừng khóc, sau khi đã khóc một hồi lâu. Nugent leo vào cạnh ông. Charlie nổ máy xe, vấp và cán lên gờ sắc của cục chặn bánh xe bị bỏ quên, và lái đi.

Phố Conways tối om. Họ vòng qua khu Rotunda và đậu trở lại trên đường Parnell nơi họ tìm thấy một chỗ bán rượu chui suốt đêm trong căn phòng sau của Blue Lion - một quán rượu tội lỗi. Có một bầu khí của sự thương tổn mới đây; mùi của thứ gì cháy bốc ra từ nhà vệ sinh trong sân.

“Một chai và một nước chanh,” Charlie nói.

Họ thường thức đồ uống và thận trọng nhìn đám khách đáng ngại của Blue Lion. Charlie buông một nhận xét lật vặt về chiếc xe trong khi Nugent chăm chú nhìn lớp vân gỗ và độ bóng của thanh đồng gác chân dưới thấp.

Trên đường về nhà Nugent chồm khỏi ghế và đứng nhô đầu cao hơn cửa sổ xe một chút để cho không khí ban đêm mơn man mặt ông. Khi họ cho xe bon bon dọc theo phố Green, ông liếc nhìn những cô gái đang đợi, ngay cả trong mùa chay, những khách sộp ra khỏi khách sạn Shelbourne: một loạt những khuôn mặt trái xoan trắng, mặt họ xoay quanh như những chiếc lá bị lật, khi có tiếng một chiếc xe.

Ông ngồi lại xuống ghế khi họ lướt tới một chỗ dừng, hơi vượt quá cửa nhà ông một chút.

“Anh sẽ xem qua nó, đúng không?” Charlie nói, ý chỉ cái trống của bộ trống xe, đang mở tung trên bàn trong phòng trọ của Nugent.

“Được,” ông nói và vẫy chào Charlie ở cửa trước.

Bên trong nhà, Nugent nhìn quanh căn phòng nhỏ của ông; chiếc giường hẹp, cửa sổ, với hai bức màn ren giống mái tóc rẽ ngôi giữa trên một khuôn mặt vuông nhỏ và buộc lại ở hai bên. Ông nhìn lên cái bàn nhỏ của ông - bộ thắng bị vỡ của chiếc Bullnose Morris, đẹp như bức tranh vẽ những quả táo trong ánh trăng. Ông bắt đầu cởi nút áo sơ mi ra, đứng trong bóng tối. Áo của ông bung từng nút một. Nó mở thành hình chữ V trên da thịt trước ngực ông. Sâu và sâu mãi xuống dưới. Và Nugent quỳ xuống. Ông tuột áo ra trong tư thế quỳ, và vung áo ra sau lưng, nên những chiếc nút quất vào lưng ông, một lần, hai lần; và sau đó ông bắt đầu những bài kinh ban đêm.

Bà ấy đến đây.

Lizzy.

Em gái ông. Trẻ hơn ông. Bà đã chết. Căn phòng nơi họ lớn lên ngập tiếng nấc hấp hối yếu ớt trong ngực bà; tiếng khò khè khủng khiếp của đờm dãi và máu tươi ghê rợn. Nugent không thể quên được bài kinh lần hạt hằng đêm, được đọc ở một khoảng cách an toàn, khủng khiếp xa giường bà những đốt ngón tay trắng bệch của bà sờ soạng trên khăn trải giường tìm những hạt tràng hạt bị rớt, hoặc ánh sáng tối đen trong mắt bà khi bà nhìn ông, giống như bà nhìn thấu ông đến tận xương tủy. Tuổi dậy thì của ông trôi qua không ai để ý - hầu như với ngay cả ông - như bộ ngực bé nhỏ của bà phồng lên dưới lớp áo ngủ. Bà đi về phía cái chết và thời đàn bà với cùng tốc độ, những núm vú giống như những vết thâm mở rộng, bộ ngực phát triển và rồi ngừng phát triển, trên cặp phổi chai đi vì bệnh tật. Và thế là bà chết.

Thế có đủ chuyện cho ông nghĩ đến, trong khi đang quỳ không?

Nghĩ rằng khi ông ta nắm dương vật mình khi đêm về, nó giống như làn da mỏng manh của bà, luôn luôn ẩm ướt, không bao giờ khô m ồ hôi. Bởi vì, trong những ngày đó, người ta thường bị trộn lẫn vào nhau theo những cách kinh tởm nhất...

## 6

Tôi sống cái đời mình từ khi Liam chết như thế này đây. Tôi thức suốt đêm. Tôi viết, hoặc tôi không viết. Tôi đi khắp nhà.

Không có gì đọng lại ở đây. Không cả bụi.

Chúng tôi mua cách đây tám năm, năm 1990, một căn nhà năm phòng ngủ biệt lập. Nó là ngôi nhà gạch đỏ mang chút phong cách Tudor với dấu ấn kiến trúc thời Nữ hoàng Anne, dù không có mái cổng, ờn Chúa, và bên trong được tôi thay đổi bằng màu nâu nhạt, màu kem, sa thạch, phiến thạch. Đây là ngôi nhà sáng như ban ngày nên mỗi khuya tôi bật mọi ngọn đèn với độ giảm sáng được tăng cao và tôi đi từ phòng này sang phòng khác. Chúng ăn thông nhau một cách tuyệt vời. Và tôi có một mình. Lũ con gái chỉ t ần tại dưới dạng căn lẳng: một cuốn phim thò ra từ khe máy, một cây son bóng bên cạnh chiếc điện thoại. Tom, anh đàn ông khó thỏa mãn của tôi, ở trên lầu đang mơ những giấc mơ khó thỏa mãn của anh về sự tổn thương và cứu chuộc trong thế giới của tài chính công ty, và tất cả đi ầu đó chẳng liên quan đến tôi.

Màu nâu nhạt, màu kem, sa thạch, phiến thạch.

Tôi bắt ầu với mọi kiểu tấm che thanh rèm cửa khi chúng tôi dọn tới đây, cả những tấm vải treo rủ trên cửa sổ. Tôi muốn loại vải in hoa lớn nhất tôi có thể tìm được cho cửa sổ l ầu ở mặt trước nhà - bạn có thể hình dung ra nó không? Vào lúc tìm được nguồn cung cấp món này, tôi đã chuyển sang thích những tấm rèm trơn kiểu La Mã và bây giờ khu vườn

được tròng trọt đúng kiểu tôi muốn... chẳng muốn gì cả. Tôi dành thời gian để nhìn ngắm các thứ và cầu mong chúng biến mất, dọn sạch các món.

Đó là cách tôi sống cái đời mình.

Tôi thức suốt đêm. Lúc mười một giờ rưỡi, nếu anh có nhà, Tom thò đầu vào thư phòng nhỏ và nói, “Đừng thức suốt đêm!” như thể anh không biết rằng tôi sẽ không ngủ với anh, ít ra là trong một thời gian dài tới đây, và có lẽ không bao giờ nữa - vốn là khởi đầu của tất cả sự vụ này, theo một cách nào đó, việc tôi từ chối leo lên giường nằm cạnh chồng tôi một tháng hoặc cỡ đó sau khi Liam chết, việc tôi không thể nào ngủ trên bất cứ chiếc giường nào khác ngoài chiếc giường mà chúng tôi từng nằm chung. Bởi vì tôi sẽ không để cho bọn con gái tìm thấy tôi trong căn phòng chỉ dành cho khách này.

Tôi có thể làm gì khác? Chúng tôi không gánh nổi chi phí ly dị. Ngoài ra tôi không muốn rời bỏ anh. Tôi không thể ngủ với anh, có vậy thôi. Vì thế chồng tôi chờ tôi ngủ lại với anh, còn tôi đang chờ đợi thứ gì khác. Tôi đang chờ mọi thứ trở nên rõ ràng.

Vì vậy chúng tôi không làm gì. Chúng tôi chia thời gian của chúng tôi. Ít nhất là tôi chia. Tôi nhận phần ban ngày mà Tom để lại cho tôi - có khá nhiều - và tôi sống trong giấc ngủ của anh. Lúc bảy giờ sáng, khi chuông báo thức của anh vang lên, tôi chui vào giường và anh quay sang tôi phàn nàn về cái mộng lạnh ngắt của tôi. Anh nói, “Em lại thức suốt đêm phải không?”

“Xin lỗi.”

Cứ như đây là vấn đề. Cứ như chúng tôi sẽ quan hệ tình dục, nếu không vì cái mộng lạnh ngắt của tôi và sự bất tiện quái quỷ thường xuyên trong *thời gian biểu* của chúng tôi.

Anh đánh thức bọn con gái dậy và rời khỏi nhà, và thế là tôi ngủ đến ba giờ, đó là khi tôi lê mặt tôi đến cổng trường. Sau đó, tôi chở chúng đến lớp học múa ba lê hoặc dân vũ Ireland hoặc cưỡi ngựa, hoặc chỉ là về nhà, ở đó chúng có thể được phép xem ti vi trước khi uống trà. Tôi giới hạn ti vi - tôi nói việc này là vì lợi ích của chúng nó, nhưng thực sự nó là vì tôi. Tôi thích nói chuyện với chúng. Nếu không nói chuyện với chúng tôi nghĩ mình sẽ chết vì đi đầu gù đó - cứ gọi là tình trạng không liên quan - tôi nghĩ mình sẽ tiêu trầm.

Vì vậy tôi đặt một đứa con gái lên trường kỷ và lèo lái khiến nó yêu thương tôi một chút: Rebecca quá ngốc và tốt bụng, hoặc Emily, con mèo, con gái cưng của ba; hơi thất vọng, hơi lạnh, và đôi mắt xanh nhà Hegarty của nó nới trái tim tôi xúc động nhất. Chúng tôi rúc vào nhau, và có sự lộn xộn và tán gẫu, rồi sẽ đến màn la lối về bài tập ở nhà, thức ăn bỏ bữa, hoặc giờ ngủ, và lúc chín giờ rưỡi, khi việc la lối và lộn xộn đã qua và chúng ngủ, tôi bắt đầu đi tha thẩn.

Tôi nghĩ chúng không thực sự muốn có tôi. Chúng chỉ chịu đựng tôi trong một thời gian.

Phòng chờ đến phòng khách đến phòng ăn đến nhà bếp, chỉ một dòng không gian quanh cầu thang; tầng trệt là không gian mở với một thư phòng nhỏ nép ở phía bên kia cánh cửa tiền sảnh. Nếu Tom về nhà tôi sẽ chui vào đó. Một số đêm tôi lên mạng. Nhưng phần lớn, tôi viết về Ada và Nugent trong khách sạn Belvedere, không ngừng nghỉ, lặp đi lặp lại.

Lúc mười một giờ rưỡi, Tom thò đầu qua cửa và nói, “Đừng thức suốt đêm!” và khi những bước chân của anh xa dần, thế giới này là của tôi.

Và thế giới đó mới điên khùng làm sao!



Có những khoảng thời gian dài khi đó tôi không biết mình đang làm gì, hoặc đã làm gì - phần lớn chẳng làm gì, nhưng đôi lúc cũng hay khi biết cái vụ không làm gì đó là cái gì. Khoảng bốn giờ tôi có thể làm một đợt lau dọn túi bụi. Tôi làm việc đó giống như một tên trộm, nín thở khi cọ rửa, chùi sạch bụi bẩn trên tường. Tôi cố không uống trước năm rưỡi, nhưng tôi luôn luôn uống - từ nắp chai vang đến giọt nhỏ xiu, cuối cùng. Đó là cách duy nhất mà tôi biết để kết thúc một ngày.

Lúc đêm khuya, tôi nghe những tiếng nói thành từng đợt và những mẫu rời - giống như máy thu thanh được bật lên rồi tắt, trong một phòng khác. Rời rạc, nhưng rất vui nhộn. Những câu chuyện bật ra từ các bức vách. Những mảnh vụn của cuộc sống, ngấm qua. Những tiếng thì thầm trong vòng xoay của tay nắm cửa. Những chú chim trên mái nhà. Tiếp bipbip thỉnh thoảng của đồ chơi con nít. Và một lần nữa, giọng anh trai tôi đang nói, “Nào, nào.”

Tôi lắng nghe chờ anh lần nữa, nhưng anh đã đi mất.

Khi mở tủ lạnh, đầu óc tôi dễ choáng váng và lờ mờ; bậc thang bạn bước trượt khi bạn ngủ. Những điềm báo. Tôi cảm thấy tương lai rơi xuyên đỉnh tâm trí của tôi và khi tôi nhìn thì không có gì ở đó. Một sợi dây thừng. Cái gì đó treo lủng lẳng trong một cái túi, mà tôi không chạm vào được.

Tôi cảm thấy tất cả những hối tiếc từ khi rót rượu vang ra tới lúc với lấy cái ly.



Đôi khi, tôi lên lầi để nhìn vào giường mình, không có tôi trên đó. Tom nằm ngửa ngủ. Anh không ngáy. Thỉnh thoảng, khi bu ồm rầi trong giấc ngủ, anh nằm nghiêng và hai tay anh thu lại dưới cằm. Ch ờng tôi, co giật trong lúc mơ.

Tom chuyển ti ền khắp nơi, qua mạng. Mỗi khi anh làm chuyện này, một chút xúu dính vào anh. Từng ngày một. Từng giờ một. Từng phút một. Cả đống ti ền, v ềlâu v ềdài.

Liam, anh trai tôi, dành phần lớn cuộc đời lao động của anh để làm y công trong bệnh viện Hamstead Royal Free. Anh đẩy giường dọc theo các hành lang và cho những cục bướu ung thư vào túi và mang những chi bị cắt xuống lò thiêu, và anh thích thú công việc đó, anh nói. Anh thích b ầu bạn ở đây.

Tôi từng là một nhà báo. Tôi thường viết về vấn đề mua sắm (ai đó phải làm việc này chứ). Bây giờ tôi chăm sóc bọn trẻ - đó gọi là gì?

Tom làm tình với tôi vào đêm thức canh người chết - như thể cái chết của Liam đã làm chúng tôi phấn chấn lại: cảnh nhận nhạo, bọn trẻ, công việc lớn lao bận rộn và những đêm khuya căng thẳng để khỏi ngủ với những phụ nữ khác. Anh đang quay lại với những đi ều cơ bản: nói với tôi rằng anh yêu tôi, nói với tôi rằng anh trai tôi có thể chết nhưng anh ấy vẫn còn sống rất trọn vẹn. Thực thi quyền của anh ấy. Tôi yêu ch ờng tôi, nhưng tôi nằm đó với hai chân cặp hai bên hông trai làng đang uốn éo của anh, và tôi không cảm thấy mình đang sống. Tôi cảm thấy giống một chú gà khi nó bị xẻ làm tư.

## 7

Nhưng hãy tạm gác cái đó lại. Hãy để con gà tội nghiệp đó chờ một lát.

Đây tôi đang trên đường Brighton, trên đường lấy xác anh tôi về, hoặc nhìn nó, hoặc nói xin chào với nó, hoặc tạm biệt, hoặc làm bất cứ chuyện gì với cái xác mà bạn từng thương yêu. *Bày tỏ lòng kính trọng*. Đó là một ngày thu êm đềm. Tôi nhìn ra cửa sổ và ngạc nhiên thấy vùng Downs quá có t ần tại. Nước Anh đối với tôi lúc nào cũng có cảm giác trẻ con.

Haywards Heath

Wivelsfield

Burgess Hill

Hassocks

Những cái tên thật l ố bịch và ngớ ngẩn cứ như chúng hẳn được b ị ra. Cảm giác ngạc nhiên không ngớt về vùng đất này, rằng nó thực sự xanh và thực sự yên bình. Rằng nó thực sự ở đó. Nó di chuyển qua chỗ tôi, nhưng theo những tốc độ khác nhau. Ở cự ly vừa phải một vùng đồng quê chạy qua một cách thanh bình, trong khi những ngọn đ ồi xa xa hơi chạy về phía sau, trong một dải hẹp. Tôi cố tìm ra cái đường mà dọc theo đó phong cảnh đứng yên hoặc thay đổi quyết định của nó, nghĩ rằng du hành là một thứ việc ngược lại, bởi vì di chuyển về phía người chết là không di chuyển gì cả.

R ồi chị Bea của tôi gọi điện thoại.

“Xin chào?”

“Em đang dùng chuyển vùng hả?”

“Em không biết.”

“Thế này, nếu đang ở Anh, là em có dùng chuyển vùng.”

“Được rồi, em dùng chuyển vùng.”

“Được rồi, chị sẽ không làm hóa đơn của em tăng lên đâu,” chị ấy bảo. Và chị bắt đầu nói.

Một ước muốn bất chợt xa xưa nào đó của mẹ tôi đã khiến bà muốn quan tài được mang về nhà trước khi đem đi, để Liam có thể được quàn trong căn phòng khá đáng sợ của chúng tôi. Dù, khi nghĩ đến chuyện đó, tôi không thể nghĩ ra tấm thảm nào tốt hơn cho một xác chết, như tôi nói với Bea; tất cả những hình chữ nhật cam và nâu đó.

“Đó là một *tấm thảm*,” Bea nói.

Và tôi nói, “Ồ, thôi mà.”

“Cứ làm vậy đi,” chị nói.

“Làm đi à?” tôi nói, nghĩa là, *Em trả tiền mắc dịch mua nó đó*.

“Nếu còn sống hẳn cha sẽ muốn như thế,” chị nói, nghĩa là, *Ta là người canh giữ ngọn lửa*, và tôi giận chị đến độ không nghe được mình nói gì, hoặc chị nói gì trong một lát nữa khi mi ền thôn quê, với mọi hướng và tốc độ khác nhau của nó, chạy qua cửa sổ xe và chúng tôi nỗ lực đưa mình trở lại địa phận an toàn.

Dĩ nhiên là chị đúng. Cha tôi lớn lên ở mi ền Tây - ông luôn luôn biết đi đâu gì là đúng đắn cần làm. Ông có phong cách đẹp. Mà đi đâu đó, nếu bạn hỏi tôi, chủ yếu là vấn đề chẳng nói gì cả, với bất cứ ai. “Xin chào, bác

khỏe không”, “Thôi tạm biệt, bảo trọng nhé”, toàn bộ sự vụ của con người phải được nghi thức hóa. “Tôi rất tiếc vì phải quấy quả ngài”, “Cất ti-ên đó đi”, “Đó là một miếng thịt muối ngon đấy”, “Cuộc gọi của ông thật tử tế quá”. Nó khiến tôi chán phát khóc, thực sự: tất cả sự tự chủ đó. Phẩm giá của con người này có phần bị hủy hoại bởi tốc độ sinh sản điên cuồng của ông. Cha chết vì một cơn đau tim năm 1986, và những người đưa ma cười nhạo về chuyện đó ở hiên nhà thờ, giống như ông tự làm kiệt sức mình vì đã quan hệ tình dục quá nhiều. “Chắc ông ấy sẽ tự hào khi thấy tất cả các cháu,” một người láng giềng nói. “Quá tự hào. Ngồi thành một hàng, giống như những bậc thang.” Tôi không nói ra, nhưng tôi không nghĩ vậy - không hẳn lắm. Tôi không nghĩ ông sẽ *đặc biệt* tự hào.

Ông quả là cực giỏi tiếng Ireland. Ngôn ngữ là một chốn lãng mạn, đối với ông, và nó là nơi tôi yêu ông, ngay cả lúc này.

Ông không phải kẻ tồi tệ nhất. Cha tôi là giảng viên trong trường cao đẳng sư phạm địa phương, vì vậy, giữa những kỳ nghỉ dài và những giờ dạy ngắn ngủi, ông thường ở trong nhà; sắp xếp, ra lệnh, hướng dẫn giao thông, bung vào nhà những hộp rau cải mùa đông mua ở chợ sớm giống như ông đang đi đầu hành một trại hè chứ không phải một gia đình. Dù tất cả chuyện này hẳn cũng dừng lại lúc nào đó - vào lúc tôi học trung học chúng tôi sống bằng cách phái hai anh em sinh đôi đến cửa hàng ở góc phố mua giảm bông; Ernest hoặc Mossie xóc leng keng mớ ti-ên lẻ trong túi nó để xem liệu chúng có đủ mua suất ăn sáng đầy đủ không. Không ai trong gia đình Hegarty buồn xỉn cả. Kể cả tôi, người lạnh lùng nhất trong gia đình Hegarty, cũng không keo kiệt. Điệu này không chỉ là một vấn đề xã hội, nó giống như một điệu cấm kỵ tôn giáo; một kẻ bần tiện vẫn làm da tôi nổi ốc, tôi phải quay đi nhìn hướng khác.

Xét theo cách đó tôi là thứ gì?

*Em trả tiền mắc dịch mua nó đó.*

Một sự phá vỡ trật tự tự nhiên, tôi là thứ đó.

Trong khi đó, xe lửa rên rĩ xuyên nước Anh, xành xạch xành xạch, và Bea nói tiếp, ngẩng trên đầu gối người cha đã chết của tôi với một sợi ruy băng trên tóc, giống hệt cô con gái nhỏ ngoan ngoãn là chị xưa nay, và tôi nhìn những ngọn đuốc, cổ lớn lên, cổ để cha tôi chết, có để chị tôi bước vào tuổi thanh xuân (chưa nói đến tuổi mãn kinh). Và không chuyện gì trong số những chuyện này là khả dĩ. Không chuyện gì. Có một đường trong quang cảnh này không chịu di chuyển, thay vì thế nó trượt lùi, và đó là chỗ tôi dán mắt vào.

“Chúc may mắn ở Brighton,” Bea nói, và giọng nói của chị lôi tôi vào những bụi cây đang vụt qua.

“Cám ơn,” tôi nói. “Chăm sóc mẹ ghen,” rồi tôi tắt điện thoại, và tự hỏi không biết tôi có nói các từ “xác chết” hay “quan tài” hay “thi hài” vào sự yên lặng kiểu Anh tuyệt vời của toa xe lửa, nghĩ tôi thà ăn cúrt còn hơn - món gì nhỉ? - *những thiên thần trên lưng ngựa\** với những láng giềng, quanh xác chết của anh tôi trong căn phòng khách cũ.

Món thịt lợn muối bọc sọ.

Tắm tắm thoải tha đó.

Và không chỉ láng giềng, mà cả những gì còn sót lại của đám Midge-Bea-Ernest-Stevie-Ita-Mossie-Liam-Veronica-Kitty-Alice-và-hai-đứa-sinh-đôi-Ivor-và-Jem. Người chết, những người sùng đạo và những người quản lý văn phòng (còn thêm các bà nội trợ, cựu nhà báo, nữ diễn viên thất bại, những chuyên viên gây mê, người thiết kế vườn cảnh, thứ gì đó trong công

nghe thông tin, và thứ gì khác trong công nghệ thông tin). Chúng tôi sẽ nhìn quanh và nói, Bớt một. Bớt một. Trong khi đó bọn trẻ chạy loanh quanh, bóc trần ngôi nhà đến còn trơ vữa bằng âm thanh gào la của chúng; Rebecca chơi với đứa em họ Anuna, thực ra là cháu gái hai đời của tôi - vì vậy đừng hỏi tôi bất cứ thứ gì “cách biệt” mấy đời.

Ôi! Anh ấy đã ở thế tuyệt vọng - đó là đi đầu chúng tôi sẽ nói. Anh ấy là kẻ gây rối khủng khiếp. Anh ấy luôn luôn đầy tiềm năng. Anh ấy chỉ không thể tập hợp nó lại. Anh ấy có một trái tim nhân hậu. Anh ấy có đầu óc lạnh mạnh. Anh ấy là bầu bạn cừ nhất, chúng tôi sẽ nói thế. Ô! Thông minh làm sao. Anh ấy ăn nói khôn ngoan, không còn nghi ngờ gì về chuyện đó! Nhưng anh ấy rất nhạy cảm. Vấn đề của Liam là cái vụ nhạy cảm. Bạn những muốn chăm sóc anh ấy. Anh ấy không đủ khả năng đương đầu thế giới này. Không hoàn toàn.

“Phải,” tôi sẽ nói. “Anh ấy là kẻ gây rối.”

Tôi không biết đó có phải là ký ức đầu tiên của tôi không, nhưng chắc chắn một trong những ký ức sâu đậm nhất của tôi về Liam là anh đá qua một hàng rào kẽm gai vào một hồ nước phẳng lặng ở phía bên kia.

“Xèèèè!”

Nước đá bắn vào hàng rào, và rồi thôi không bắn nữa, trong khi tôi lướt qua bằng giày trượt. Những chiếc giày trượt! Lúc này khi nhớ lại chúng, tôi nghĩ rằng Ada hẳn đã chỉ đầu chúng tôi đến hư.

## 8

Khi tôi vừa lên tám và Liam gần chín tuổi, chúng tôi được gửi cùng với đứa em nhỏ của chúng tôi, Kitty, đến ở với Ada tại Broadstone. Nơi này cách chỗ chúng tôi sống chỉ vài cây số - dĩ nhiên bây giờ tôi mới biết, nhưng khi tụi tôi còn bé nó cũng xa lắc xa lơ không khác gì Timbuctoo. Nó là một thế giới khép kín; một vùng cá biệt gồm những ngôi nhà của thợ thủ công sát trung tâm Dublin, khớp vào nhau như đồ chơi Lego.

Tôi nghĩ chúng tôi có thể cũng đã bị gửi tới đó khi Kitty còn bé xíu. Có một khoảng cách giữa các lần sinh nở của mẹ tôi lúc đó, và tôi mệnh danh những năm đó là những năm trẻ con chết, những năm ghi dấu lên con người bà và biến bà thành cái tạo vật mà tôi biết sau này.

Tôi không biết họ gọi những tình tiết này là gì. Những phụ nữ độc thân có “những lần tan vỡ”, nhưng vào thời đó các phụ nữ có chồng chỉ hoặc là có thêm con nhỏ, hoặc không có thêm con nhỏ nữa. Dù sao thì mẹ tôi lại tiếp tục nữa, với Alice năm 1967 (chúng tôi làm được gì nếu không có Alice!) rồi ngay sau đó đến Ivor và Jem. Tôi cho rằng sự bất công của việc sinh đôi đã kích thích “cơn kích động thần kinh” cuối cùng của bà. Chắc chắn luôn luôn có những viên thuốc an thần xen giữa thuốc hạ sốt Brufen và warfarin chống đông máu trong đĩa đựng thuốc của bà, và, trong chừng mực tôi biết, bà thường có những cơn run, những khó khăn không thể giải thích được, và những cơn khóc lóc bất chợt.



Đôi khi tôi tự hỏi bà ra sao trước khi chúng tôi phải ra đi, hoặc liệu tôi có biết thứ gì mất đi khi mỗi lần chúng tôi trở về không - liệu “bà mẹ” nào đó, người khiêu vũ với cây chổi và hôn bụng đứa bé, có được thay thế bằng khối thịt người hiền lành này, đang ngồi trong một căn phòng hay không.



Nhà của Ada rất yên tĩnh. Thật khó quên được âm thanh hơi thở của ta - đi vào, ngập ngừng ra - cho đến khi ta thấy ngộp, hơi chút thôi, vì chính sự do dự của ta. Đó là sự yên tĩnh của một ngôi nhà không có trẻ con và các phòng đầy đồ đạc. Có nhiều thứ trên mặt lò sưởi và những món be bé trên bàn mà ta không được phép đụng tới. Có những ngăn kéo đầy những thứ đã nhiều năm không dùng đến, hoặc chỉ được dùng một lần mỗi năm. Tất cả những thứ này tách rời nhau, và đều đặc biệt, khác hẳn với ở nhà nơi các thứ không bao giờ tách nhau.

Ada cũng tồn tại theo một cách khác biệt mà mẹ tôi không làm được. Bà cãi cọ với Charlie hoặc ve vãn ông trong nhà bếp. Ba mẹ tôi không bao giờ ve vãn nhau, có vẻ như họ không có khả năng làm chuyện đó.

“Bây giờ bật ti vi lên, để ba mày nghe tin tức.”

Họ nói với nhau thông qua lũ con cái, giống như mọi cặp vợ chồng khác mà tôi biết. Và nếu không có những lời âu yếm linh tinh thì cũng không có cãi cọ gì cả - dù đôi khi một giọng đay nghiến cũng xuất hiện trong cuộc trò chuyện của họ, nó có thể là dấu hiệu của sự lạnh nhạt hay chán ghét cá nhân. Tôi không biết nữa.

Có lẽ tôi sai. Có lẽ họ nói chuyện với nhau thường xuyên, nhưng có cái gì đó quá thân tình ở cách nói của họ mà tôi không nghe được, hoặc không giữ được - cũng như thật khó nhớ lại được tiếng cười cụ thể của ai đó mà ta yêu thương.

Nhưng Ada thì ve vãn Charlie - tôi nhớ rõ đi đâu đó: Ada đang đưa người từ bếp đến bàn, và hát trong khi bày bữa tối cho Charlie. Và tôi nhớ những thứ của bà - cái tủ ngăn kéo ở chiều nghỉ tầng trên đầy nhóc mảnh vải vụn; những cuốn sách mẫu thêu với những trang mà ta có thể lật giống như những trang giấy mềm của một cuốn sách không có câu chuyện, chỉ hết mẫu này đến mẫu khác. Có một bình thủy tinh chạm khắc đựng đầy lông chim trên mặt lò sưởi trong phòng ngủ của Ada; tôi nhớ tiếng lạo xạo của mấy cái nón rơm của bà, và mùi của những nón nỉ mà bà cất giữ dưới đáy tủ quần áo. Tất cả thứ này có lẽ từ thời kỳ tuổi thơ khó tính của tôi, lúc tám chín tuổi gì đó, khi tôi thích gấp và vuốt phẳng và giữ bí mật mọi thứ. Ngoại trừ mùi bên trong của những chiếc nón, mà tôi nhớ từ hồi lên ba.

Thỉnh thoảng chúng tôi mới ở trong nhà, phần lớn thời gian chúng tôi chạy ngoài đường và chơi quanh hồ, một hồ nhân tạo, nước của nó từng được dùng để làm rượu whisky Ireland. Chính chuyện này buộc Liam đá vào đó, và đây là bức tranh về anh mà tôi có trong đầu, một cậu trai uốn bụng dưới ra để phun vòng cung nước đá của mình lên không, nước đá tóe vào dây kềm gai hoặc bắn, đột nhiên thật dễ, qua một mắt lưới của tấm lưới hàng rào.

Cũng có pháo đài là trạm xe buýt tại Broadstone cần phải bao vây, một bức tường đen, giống như một vách đá được xẻ từ ngọn đồi ra, với bức tượng Đức Mẹ Đồng Trinh đặt trên đỉnh. Chúng tôi quanh quẩn ở các công, và sau cùng, một ngày nọ, lên vào nơi những chiếc xe buýt hai tầng

đậu thành hàng, luồn lách và bò dọc theo hông xe dài ngoẵng, cho đến khi - đó hẳn phải là Liam, khó mà là tôi được - một đứa chúng tôi thò tay tới nắm cửa được lắp giống như mặt đĩa hình bán nguyệt cạnh cửa.

Xìììì.

Ta có thể nghĩ thấy họ từ lớp da giả màu xanh bọc ghế, những người từng ngồi đây và lại đứng lên, để người khác có thể ngồi đây và lại đứng lên, hết phút này sang phút khác, hết ngày này sang ngày khác, với việc mua sắm và cuộc sống thường lệ của họ. Và dù chúng tôi không rạch ghế hay xẹt sơn lên trần xe, chiếc xe buýt này vẫn quá ư lì và trống trải khi chúng tôi chạy qua nó, đến độ nó khiến chúng tôi nhận ra, cả ba đứa, chúng tôi ở ngoài mọi thứ ra sao, khi được giao cho bà ngoại trông nom - người bất ngờ chẳng có nghĩa gì với chúng tôi - và nhớ ba mẹ chúng tôi, những người ngày càng ít có ý nghĩa. Trong chốc lát, khi Liam vặn mở cánh cửa lửng ngăn chỗ ngồi của tài xế, tôi có cảm giác càng lúc càng mạnh mẽ rằng anh ấy thực sự có thể lái vật thể này, lao loạng choạng xuống tới đồi Constitution, bò lên qua Phibsboro, tới nơi mà gia đình thực sự của chúng tôi đang phát triển mà không có chúng tôi, và đi xa hơn nữa.

Và sau đó chúng tôi bị bắt quả tang. Tôi ở tầng trên và chẳng nghe thấy gì ngoại trừ, sau này nhớ lại, tiếng xằng đan lẹp bẹp của Liam và Kitty khi họ bỏ chạy, Liam quay lại vào phút chót để hét gọi tôi, âm thanh này tôi nghe được, tên của tôi vọng tới, vì một lý do nào đó, từ bên ngoài xe buýt, trong khi bên trong xe có âm thanh của một người đàn ông lên bậc thang, và hình ảnh bàn tay ông ta trên thanh vịn mạ crôm khi ông đu người lên, từng bậc thang một, cuối cùng nửa thân trên của ông ta nhô lên khỏi đầu cầu thang giống như một quả bóng phình to. Sau khi bước lên hẳn ông ta dừng lại, nhìn tôi. Ông ta đội mũ lưỡi trai và mặc áo sơ mi xanh đồng

phục, cài khuy muốn bật tung trên cái bụng khổng lồ, cái kiêu bụng cần có thất lưng để đỡ lấy, như bộ ngực cần nịt vú vậy. Ông ta lê cái bụng bự đó dọc theo lối đi đến chỗ tôi, trong khi tôi bước lui, cho đến lúc tôi vấp té ngã xuống ở ghế cuối xe buýt. Sau đó ông ta gí nó vào tôi - và cho dù tôi không chắc tất cả chuyện này là có thật, tôi vẫn nhớ rõ độ căng cứng đáng ngạc nhiên và độ nảy tung của nó, khi ông ta ép nó vào mặt tôi với cái nút trắng nhô ra trước: sau cùng tôi ngọ ngoạy luồn dưới nó, tọt qua đôi chân nhỏ bé và mùi hôi từ cái quần gabardin tài xế của ông ta. Sau đó tuột xuống cầu thang.

“Cút ra!” ông ta quát với theo tôi, “Cút ra!”

Nhiều tài xế khác quay sang nhìn khi tôi chạy hết tốc lực ra cổng và rồi vượt qua đó.

Chỉ có một đường duy nhất để đi và nó chạy xuống đường Constitution, cho đến khi tôi hết hơi, ở nơi tôi chắc chắn sẽ gặp Kitty và Liam. Nhưng tôi không tìm thấy họ mãi đến khi tới cổng nhà thờ: Liam, ngay từ hồi ấy, với ý tưởng gì đó về nơi che chở - rằng ngay cả người soát vé xe buýt mặc đồng phục cũng không thể tóm được ta ở đó.

Chúng tôi đi vào để cầu nguyện - và tôi thực sự tin điều này đã xảy ra cùng ngày đó - chúng tôi quỳ gần bàn thờ với ý nghĩ có người đuổi theo ngay sau lưng, và sau khi nhịp tim bình ổn lại chúng tôi nhìn nhau, và giữa cái nhìn ấy như cầu bật cười lên đã chuyển dịch đi khi chúng tôi nhìn lên một cái gì thần thánh hơn, cao cả hơn. Thế là, với cảm giác phấn chấn ngoan đạo chúng tôi tạ ơn việc cứu nguy chúng tôi tại bàn thờ thánh Felix bằng cách đốt một cây nến và sau đó, khi tôi không tìm được cái khe để nhét mấy đống xu vào, chúng tôi đốt hai ba cây nến nữa, cho đến khi một linh mục làm hằn lên cánh tay Kitty một vòng những vết thâm tím, và giới

xuống chúng tôi, trong khi ông tiếp tục giữ chặt con bé, một bài giảng đầy cuồn cuộn về tội lỗi. Và tôi không thể nhớ được một lời nào trong bài giảng đó, hoặc những điếu sau đó Ada nói về tình trạng cánh tay của Kitty, dù tôi nhớ rõ cái vẻ sinh động, đậm nét trên bộ mặt đang lâm nhảm của ông linh mục, giống như một quả bí đặc. Và dù lý lẽ thường tình cho rằng hai sự kiện này không thể xảy ra cùng một ngày, tôi vẫn nói rằng chúng đã xảy ra, và khi một người đàn ông đi theo tôi qua những con phố nhỏ Venice, nhiều năm sau, với dương vật cương cứng trong tay, tôi đã lủi nhanh vào một nhà thờ như thể mời gọi một thứ gì tồi tệ hơn - thay vì điếu đó tôi chẳng nhận được gì cả: những chiếc ghế trống không, mồi meo trên tường,, một mẫu giấy dán bên dưới một bức tranh sơn dầu xám xịt với chữ “*di Tintoretto*” (của Tintoretto) viết bằng bút bi. Có một nhà nguyện phụ tối đen với cảnh thiên đường vẽ trên trần, ít nhất là khi ta bỏ đồng 100 Live cho những ngọn đèn sáng lên. Ngoài ra tất cả đều tồi tàn, tĩnh lặng. Chẳng có điếu tồi tệ hơn chờ chực xảy ra với tôi. Tôi quỳ quay lưng vào khung chữ nhật trắng lóa của cánh cửa mở, nhưng tay người Ý trên đường không xuất hiện sau lưng tôi, chẳng đứa bé nào từ phòng xưng tội bước ra với hai bàn tay chắp lại giữ một chén tinh trùng, không vị thánh nào nhúc nhích. Tôi cúi đầu cầu nguyện giống một phụ nữ trong một bộ phim hồi thập niên năm mươi, tôi cầu nguyện rằng nó sẽ rời khỏi tôi, cái cảm giác ghệt thở rằng đây là cách tôi sẽ chết, mặt tôi bị kẹp trong cái quần gabardin kinh tởm, màu xanh biển hoặc đen, và dương vật của người lạ thọc sâu trong hòng tôi và cái gì, cái gì, cái gì?

Cái gì đó xoay trong bụng tôi. Một con dao. Không phải con dao.

Nó không thật.

Nhưng cò-lích. Ánh đèn trong nhà nguyện phụ sáng lên, với một tiếng động lớn, tiếp theo là tiếng chạy máy móc chậm chạp của mớ tiề-n của ai đó tuôn ra. Tôi quỳ đó nhìn những người Đức và người Anh bước vào, đoán ra bí mật của hộp đựng đờng xu và bật cảnh thiên đường lên, trong khi ngay sau lưng tôi gã người Ý đó với dương vật cương cứng cứ lần lữa ngay khung cửa mở của nhà thờ, hoặc không. (Dù sao thì hẳn định làm gì với nó vậy?) Dù sao đi nữa hẳn cũng không qua được ngưỡng cửa, và khi kết thúc việc cầu nguyện vô thầ-n tuyệt vọng của mình tôi quay lại thì thấy hẳn đã đi mất. Thật là tốt. Có đi đâu lúc này, khi tôi đi trên phố, hẳn có mặt khắp nơi.

Nói chung chúng tôi là những đứa bé ngoan. Tôi tưởng tượng rằng chúng tôi là những đứa bé ngoan, trong những ngày ở Broadstone đó; hơi lặng lẽ, hơi lo lắng, có lẽ; Liam đặc biệt dễ có những dao động đột ngột và thay đổi đường hướng, nhưng những thứ này không chỉ đáng sợ mà cũng thường vui nhộn và dù Kitty có là một mối phiề-n hà thì nó cũng phiề-n hà theo một kiểu con nít, và chẳng có gì tai hại ở bất cứ đứa nào trong chúng tôi mà tôi có thể nghĩ ra - tại sao phải có cơ chứ?

Người đàn ông cạnh tôi trên chuyến xe lửa đến Brighton hơi nhích khung xương chậu của hắn lên, và lại đặt nó xuống. Hắn ngủ gật trong ánh nắng chập chờn, đầy dục tính, được ru và bị quấy rối vì chuyển động của xe lửa. Tôi có thể cảm thấy máu dồn lại trong đùi hắn; dương vật thôn dài của hắn nhích dọc ống quần của bộ đồ hắn mặc.

Lại một gã khác.

Nhưng nghĩ lại, chẳng có gì phải om sòm về chuyện này - một doanh nhân trẻ bị cưỡng cứng cạnh bạn trên xe lửa - cho dù bạn vừa mới mất người thân. Xét vì tình trạng của tôi lúc này, tôi nhận thấy cơ chế thủy lực học của vụ này còn hơn cả kỳ lạ. Những vật nhỏ như thế mang lại những kết quả lớn lao như thế. Tôi tự hỏi, thoáng qua, nếu Liam được sinh ra là phụ nữ và không phải đàn ông thì liệu giờ này anh còn sống không. Và đột nhiên, anh ở ngay kia, đang liếc mắt từ sau cái xe đẩy phục vụ trà, với khăn trùm đầu Dick Emery và nịt vú nâng ngực công nghiệp.

“Ô lê! Tôi còn sống!”

Và, “Không, cảm ơn,” tôi nói với người phụ nữ cực kỳ đáng kính đang đề nghị, “Quý vị dùng gì không?” khi người đàn ông cạnh tôi với lấy tờ báo để che đùi hắn lại.

Vô hại. Vô hại. Vô hại.

Và tôi nhắm mắt lại.

Liam đi vào phòng bệnh viện tôi nằm buổi tối sau khi tôi sinh Rebecca. Anh vừa mới đến, với một bó hoa màu hồng từ cửa hàng tầng dưới. Tom đã về nhà ngủ một chút và những cú điện đã được gọi xong và người ta cho tôi thời gian để hồi sức, nhưng tôi quá phấn khích, cứ khoe em bé với những y tá và lao công, tự hỏi phải chăng có một trận bóng đá hay một vụ tấn công khủng bố đã khiến cho tất cả những kẻ ngưỡng mộ con bé vướng vào cảnh kẹt xe nào đó?

Và Liam đứng ngay khung cửa - tôi thậm chí không biết anh đã về nhà. Và tôi ở đó, dựa trên những chiếc gối và đầm đìa mồ hôi với đứa bé - đẹp khôn tả - đặt trong nôi nhựa cạnh tôi.

Anh đi vào phòng để nhìn và có một vẻ vững chắc ở anh khi anh cúi nhìn thế hệ kế tiếp này, xem xét, theo phong cách một người chủ, đôi mắt, những ngón tay, ngón chân, những lỗ li ti trên mũi con bé còn bám đầy chất màu vàng đã bắt đầu làm tôi hoảng hốt về những mụn đầu đen khi con bé lớn lên.

“Em khỏe không?” anh chắc đã nói thế.

Tôi không nghĩ chúng tôi hôn nhau. Người nhà Hegarty không hôn nhau cho đến cuối thập niên tám mươi và ngay cả hồi đó chúng tôi vẫn chỉ hạn chế ở lễ Giáng sinh.

“Em khỏe,” tôi hân đáp lại vậy.

Và anh ngồi trên ghế dành cho khách và nhìn cảnh mới mẻ này: mẹ và con.

“Chuyện ổn không?” tôi nhớ anh đã nói câu đó, và tôi nhớ mình đã nói, “Chà, chuyện *giờ* ổn rồi.”



Những bức tường được sơn màu vàng và ánh nắng có gì đó đậm đặc và phấn khích, do đứa bé đã ra đời.

Tôi nhớ mình đã nghĩ anh mới dễ coi làm sao; anh sẽ có vẻ đẹp trai làm sao khi đi dọc một con phố toàn người lạ, ông anh hơi mập của tôi. Anh vui khi thấy đứa bé. Anh bị rút gọn lại, bởi hình ảnh con bé, thành ai đó tôi đã biết tận trong xương.

Việc sinh nở đã trả lại cho tôi khứu giác, vốn bị phá hỏng một cách kỳ cục trong thời gian tôi mang thai, và tôi khao khát hương thơm khi cái mũi chúi vào ly sâm banh đến độ tôi không chịu uống mà chỉ ngửi suốt buổi chiều. Tôi có thể xác định, từ giờ này sang giờ khác, thức uống này đang hư đi khi gặp không khí như thế nào. Đây là nơi tôi tồn tại - trong mùi hương bốc lên từ một vũng sâm banh - bên cạnh nó, ngay cả quần áo của Liam cũng thấy màu mè.

Tôi nói với anh mẹ chúng tôi đã gọi điện, và rằng bà đã khóc.

“Khóc à?” anh nói.

“Bà nghĩ tất cả chúng ta đều vô sinh,” tôi nói, dù trong thoáng chốc tôi bỗng cảm thấy sự phản bội của chính mình. Tôi đã rất vui mừng khi bà gọi đến.

Chúng tôi nói về bà một lát.

Anh nhìn cái ly trên tủ cạnh giường, và tôi bảo anh đó chỉ là một kiêu rượu đựng trong chai nhỏ trên máy bay. Nhưng anh đã uống cạn nó cho tôi trước khi ra về, dù nó đã hết lạnh và nhạt thêch và bắn thiu vì cái chất gì hăng cay đang chảy tràn khỏi những lỗ chân lông của tôi khi tôi xì hơi từ từ vào trong phòng. Tôi không quan tâm. Tôi nói với anh thật mừng là mùi của nó đã biến mất.

Ngồi trên chuyến xe lửa Brighton tôi cố đặt một thời gian biểu cho việc uống rượu của anh tôi. Rượu không phải là vấn đề của anh, nhưng sau cùng nó đã trở thành vấn đề của anh, đi đâu đó là một sự nhẹ nhõm cho mọi người có liên quan. “Em hơi lo về chuyện uống rượu của anh ấy,” - thế là, sau ít lâu, không ai còn nghe được một đi đâu anh nói nữa.

Cũng hoàn toàn đúng, tất cả hoàn toàn là bố láo. Chất cồn đã hủy hoại anh, quả đúng thế. Nhưng tôi đang cố xác định thời gian của nó - cái thời điểm tôi thôi lo lắng về anh mà thay vào đó tôi bắt đầu ưu tư về việc uống rượu của anh. Có lẽ chính là lúc đó - với đứa con mới chào đời của tôi đang mở mắt, nhiều lần, như thể kiểm tra để chắc rằng thế giới vẫn còn đó. Đó có lẽ là giây phút đó. Ngay lúc đó.

Một người uống rượu thì không tồn tại. Bất kể họ nói gì, đó chỉ là rượu nói. Hoặc họ chỉ tồn tại trong những thoáng chốc. Tôi dựa lưng vào một bức tường vàng nhìn đứa em gái yêu thương của bạn, người vừa rút ruột đẻ ra một đứa con. Một cái nhìn vào mắt bạn giống như những thời xa xưa. Phần còn lại không đáng tin cậy.

Tôi có thể ngửi thấy mùi món rượu đắng anh đã uống trước khi anh bước vào cửa bệnh viện, tôi có thể ngửi thấy mùi rượu vang bữa trưa của anh và mùi bia tối qua. Nhưng cũng có một sự chuyển hóa chất nào đó, một vị ngọt ngào trong máu và ở hơi thở của anh mà tôi không nhận ra. Anh ăn không nhiều, những năm cuối đó, thân thể anh ấy chạy bằng rượu. Và ngồi trên xe lửa đến Brighton tôi tự hỏi liệu anh có bị bệnh tiểu đường không, liệu đó có phải là đi đâu trực trặc không. Tôi chợt nghĩ rằng giá như anh đã làm xét nghiệm máu, chúng tôi có thể làm gì đó cho chuyện này, bởi xét cho cùng việc uống rượu của anh không phải là vấn đề có lẽ.

Rồi tôi nhận ra rằng anh đã chết.

Và dĩ nhiên chuyện uống rượu của anh là một tuyên bố hiện sinh, sao tôi có thể quên? Chắc chắn chẳng có gì *chuyển hóa chất* ở đây cả. Không có nguyên nhân.

Anh có say như khi chết không? Có lẽ có. Và bây giờ con nước nào chạy trong những mạch máu của anh? Máu, nước biển, rượu whisky. Anh là kẻ mê đắm whisky. Có lẽ anh nghĩ anh đang bơi tới nước Pháp thôi tha.

Tôi nhắm mắt tránh ánh nắng ấm áp và ngủ gật bên cạnh người đàn ông đang ngủ gật trên chuyến xe lửa đi Brighton.

Đây là Ada và Charlie trên giường một năm sau.

Charlie béo tốt như một con hải cẩu với cái bụng mập, dài; con cu ỉu xù đỏ hồng dựa vào cái đùi trắng, mập. Đó là sáng thứ Bảy, và mỗi cơn gió lạc, mỗi chuyển động của Ada bên dưới lớp mền bông đều có thể làm ông hưng lên, cho đến khi đạt đến một góc độ - chẳng hạn năm mươi độ - được ông đánh giá là vừa nghiêm khắc vừa tử tế. Ông suy ngẫm về nó một lát - bốn mươi có thể được coi là bất tiện, bất kỳ mức thấp hơn nào chỉ là lỗi lằm ngó ngẩn và mắc cỡ - và rồi nó là một điều ông phải chia sẻ, vấn đề về góc độ này. Ông chui ngược trở vào dưới lớp chăn mền tới bắp đùi khẳng khiu của Ada thế là bà bật cười và nhấc đầu gối lên. Họ đã làm chuyện này quá thường xuyên trong mấy giờ vừa qua đến độ khó xác định sự khác biệt giữa bên ngoài và bên trong. Lại còn sự khác biệt giữa mền đắp và không khí trong phòng, giữa quần áo của họ và bàn tay của họ: mọi thứ có vẻ mơn trớn họ. Họ là một bó dây thần kinh, bị chọc ngứa ở các đầu dây. Họ đang bào mòn nhau; cả hai ngạc nhiên bởi độ mỏng của lớp da bắt gặp ngay ở đó; họ có thể cận kề nhau đến độ nào, máu gần bên máu, đến nỗi, sau đó, sự ngộ nguỵ của người này bên trong người kia có thể là một trò đùa, hoặc một nhịp đập - tiếng đập của trái tim ai khác trong mạch máu của ta.

Dĩ nhiên Charlie, ở tuổi ba mươi ba, đủ hiểu biết để không kết thúc bên trong Ada thường xuyên hơn mức ông có thể dừng được (dù đôi khi, quá

thực, ông hoàn toàn không dừng được), và vì thế đến chạng cuối ông kéo mình ra để nằm soài ra như một người chết đuối, úa nước biển trên cầu cảng. Và Ada tê rất đi không chỉ vì tình yêu mà còn vì chất giấm mà bà dùng trong chiếc túi Pháp đặc biệt của bà; một món quà của Charlie - quá kỳ quặc và tinh quái - sau khi họ hứa hôn. Họ là tình nhân. Cho dù đã cưới nhau họ vẫn là tình nhân. Không nói chuyện về con cái: không có gì xảy ra trong đêm tối. Thời gian tìm hiểu của họ là một sự vụ mãnh liệt; việc hứa hôn, có vẻ thế, chỉ là một cái cớ để kéo dài sự ngọt ngào, vì vậy đến lúc chui được vào giữa những chăn mền hợp pháp họ đã mệt lử vì toàn bộ sự vụ và chờ đợi đêm tân hôn của họ như chờ đợi cuộc tàn phá cuối cùng. Ada cởi quần áo cạnh giường với vẻ một phụ nữ sắp đi tắm, Charlie nheo mắt dưới ánh đèn để lên dây đồng hồ của ông. Sau đó, với một cuộc giao hoan bất ngờ, khủng khiếp - mắt Ada mở to thô lỗ - họ thấy rốt cuộc họ có quá nhiều thứ cần phải học.

“Đừng lo.” Cứ như Charlie chẳng nói gì khác từ ngày họ gặp nhau. “Đừng lo, em sẽ chẳng đau đớn gì đâu.”

Ada không biết tại sao bà tin cậy ông, nhưng bà tin. Và bà đúng. Và tự nó là một kiểu chiến thắng đối với bà; Ada gầy nhom, thiết thực, với tính cảnh giác của bà. Bà tin ông lập tức, và bà không bao giờ ngừng tin ông, cả khi, có lúc, ông đưa những nhân viên sai áp đến nhà. Bây giờ, vào sáng thứ Bảy này, bà cầm tay ông lên và đặt nó lên xương mu được dùng quá nhiều của bà, để sức nặng và hơi ấm của nó, ít nhiều, sẽ khiến bà thoải mái lại. Mỗi thứ làm đau một chút. Họ vẫn chưa giỏi lắm về khoản này. Họ có những báo hiệu lớn lao về những gì sắp đến.

Chiếc giường bằng gỗ dái ngựa, chạm trổ hai bông hoa nhỏ gắn trên vòng cung trên tấm ván đầu giường. Nó hơi mềm - buộc đôi tình nhân,

những khi cần nghỉ ngơi quá dữ, phải lăn xuống sàn nhà. Nhưng quả là lạc thú khi nằm lên đó và Ada đã tiếp quản lâu đài của mình: cái giường của bà, với những chai lọ và thuốc men của bà trong chiếc tủ ngăn kéo, và tất cả mọi thứ của bà, sách vở và bữa điểm tâm, quanh bà. Bà đã lấy chồng. Bà có thể sống trên chiếc giường này. Bà có thể ăn trên đó, đọc trên đó và nằm lì trên đó một cách đầu đặn.

Và nếu chiếc giường là một lâu đài với bà, thì Charlie là vị khách mập tuyệt vời của bà. Trên nền lớp mền bông màu hồng phấn, mớ lông vàng hoe của ông ngời ấm lên. Nó chạy xuống dưới và cuộn lại quanh các vùng trũng trên thân thể ông. Nó dừng lại thành một hàng quanh mỗi cổ chân trước khi nhảy vọt, giống như một ngọn lửa thoát đi, thành từng tùm nhỏ từ ngón chân này sang ngón chân kia. Lông màu vàng chạy dọc theo bụng ông. Nó lơ phơ thành từng chùm nhỏ bên dưới mỗi đầu vú và bồm xồm thò ra dưới nách. Ada không bao giờ chán nó, cái cách nó chảy thành dòng, giống như ông vừa tắm xong - và cái chuyện cười ngay đỉnh, nơi đầu ông đã được gội sạch. Bởi vì Charlie rất hói.

Nhìn loại người như Charlie thì thấy như ông nên đội mũ quả dưa, nhưng Charlie rất tự hào về cái đầu hói của mình - ông thường đặt tôi ngồi trên đùi, khi tôi còn bé, để xoa đầu ông - và ông thường đi đầu trần, để nó được hưởng con gió hiu hiu. Tuy vậy, ông cũng ưa một cái khăn quàng cổ, và có thói quen gặm gù và hắng giọng, cũng như vỗ nhẹ ngực, quấn lại khăn quàng, và sửa đi ve lại bầu áo khoác lông lạc đà của ông. Charlie hiếm khi không mặc áo khoác. Ông choán đầy căn phòng, theo một cách luôn luôn gây ra khó hiểu bởi vì, tuy ông tạo ấn tượng là người nhỏ con - do chứng hói, hoặc có lẽ vẻ múp míp ở cặp đùi ông - nhưng thực ra ông khá to lớn và việc ông từ chối ở yên một chỗ có lẽ xuất phát từ mối ưu tư rằng

ông sẽ không vừa khớp. Charlie mãi chỉ tạm ghé qua. Ông không bao giờ dùng một tách trà. Có vẻ như ông có thông tin cần truyền đạt tuy rằng, sau khi ông đã đi, thật khó biết đó là thông tin gì. Giọng ông trầm, và khẩn cấp, và rất dễ chịu. Ông làm cho người ta cảm thấy ấm áp và không chắc chắn, như thể họ có lẽ đã bị lừa - nhưng lừa mất cái gì? Họ nhìn xuống để kiểm tra đôi tay họ nhưng không có gì bị lấy mất, chẳng có gì ở đó để lấy. Nên ông không được yêu thích vì điều đó - không hẳn thế. Sự thu hút của Charlie hoàn toàn vô bổ. Và không ai biết ông từ đâu đến.

Spillane là một cái tên vùng Kerry, nhưng giọng của ông là giọng Anh, với chút hơi hướng vùng Clare, và tất cả được Dublin hóa. Chắc chắn rằng, với những nguyên âm bị làm méo mó đi, Charlie muốn hòa đồng - trừ khi ông muốn nổi bật, theo cách nào đó. Tuy vậy, vẫn không ai tin một lời nào ông nói. Bản thân tôi cũng nhớ mình không hề tin ông, ngay ở tuổi lên tám.

Có chuyện gì đó về một con ngựa (luôn luôn có một con ngựa). Có câu chuyện về Huân tước Leinster, và những câu chuyện bất tận về khách sạn Shelbourne, và câu chuyện Khởi nghĩa 1916\* đôi khi được nhắc đến, nhưng cuối cùng không bao giờ được kể. “A, phải rồi, ông Spillane,” người đàn ông trong cửa hàng nói, nháy mắt với tôi qua quầy, “hắn là từ hồi những Ngày Vinh quang.”

Cuộc khởi nghĩa của Ireland nhằm lật đổ Anh và thành lập Cộng hòa Ireland.

Charlie đã mua cho tôi cái gì? Một thứ rượu trái cây. Dĩ nhiên rồi.

Tôi nhớ ông nhất là qua làn da tôi. Niềm thích thú lớn dần khi ông cúi xuống thì thầm, độ cứng của hàm râu ông và cảm giác trơn láng của vải tuyết. Ông chọc ta cười với ý tưởng rằng có thứ gì đó giấu trong tay hoặc

túi ông - nhưng mà chẳng có gì cả. Charlie chơi trò Tìm Con Đằm \* mà không có con đằm nào cả: chẳng qua ông thích trò hoa mỹ, và sau trò hoa mỹ ông thích bỏ đi.

Tìm Con Đằm (Find the Lady): trò chơi giống “tráo bài ba lá” ở ta, trong đó chủ trò hoán vị trí ba lá bài rất nhanh, người chơi phải đoán được lá bài nào trong đó là con đằm (lá Q).

Charlie tội nghiệp. Xác ông là thi hài đầu tiên tôi từng nhìn thấy; to lớn và yên lặng dưới lớp chăn màu hồng phấn của Ada. Đó là lý do tại sao thật là báng bổ khi viết về đêm tân hôn của họ trên chính chiếc giường này - dù sự báng bổ có vẻ như là công việc của tôi ở đây.

Tôi những mong mình có thể nhớ lại cách ông chết - dù với một tiếng động trong đêm, hay một sự im lặng kéo dài vào giữa buổi chiều. Nó hẳn đã xảy ra khi chúng tôi đang ở đó. Thậm chí đó có thể là lý do khiến chúng tôi phải về nhà. Nhưng những chi tiết và ngày tháng như thế thì quá khủng khiếp không thể ghi nhớ đối với một đứa trẻ, có lẽ vậy, bởi vì đầu óc tôi đã cố quên chúng - một cách trọn vẹn. Tôi chỉ nhớ được những gì diễn ra sau đó, cố không bật cười khi chúng tôi được đưa lên phòng.

Đó hẳn là tháng Hai năm 1968. Tôi mới tám tuổi, Liam chín, và chúng tôi đi lên để “tạm biệt” Charlie. Tôi nghĩ mình biết, thậm chí khi mới tám tuổi, rằng ta có thể nói tạm biệt bao nhiêu cũng được, nhưng khi ai đó đã chết họ sẽ không nói được gì đáp trả, vì vậy Liam phải nắm cứng cánh tay tôi mà dẫn lên qua những người láng giềng đang đọc kinh mân côi trên cầu thang. Trí nhớ của tôi ghi nhận tất cả bọn họ đầu quàng khăn; cái lưng của Ada nhô dần lên trước mặt chúng tôi bó chặt trong áo nịt lụa đen. Nhưng đây là năm 1968: hẳn là có những khăn trùm đầu với hoa văn và áo khoác nút to có mùi mưa. Ada chắc mặc bộ đồ vải xanh nước biển có viền trắng



của bà, vốn xuất hiện trong mọi dịp, với áo khoác ngắn màu xanh biển đồng bộ và đội một chiếc mũ trông giống như bong bóng bằng nỉ, đấm bẹp một bên.

Bàn chân của những láng giềng thò ra khá xa từ bậc thang nơi họ quỳ: giày của họ ve vẩy trong không khí, và có cái gì đó vướng víu và trục trặc ở cái thang thứ hai này, nó được làm bằng những xương ống chân mặc quần tất, gây khó khăn cho cái cầu thang mà chúng tôi đang cố leo lên.

Một phụ nữ đang cầu nguyện rất lớn tiếng trên lối trở xuống. Bà ta thấy tôi cười rúc rích với Liam liền tròn mắt buồn rầu, tựa như có một số điều hơn cả sự khiển trách. Tôi nhớ điều đó, được thôi; cảm giác được diễn tả chậm của việc có đầu óc lệch lạc và không thể thay đổi. Rồi tôi nhận ra mình không muốn đi vào phòng của ông bà ngoại tôi. Không muốn chút nào.

Thêm vài người nữa quỳ chen chúc ở đoạn cầu thang thứ hai, và sau đó, qua cánh cửa mở, tôi thấy đầu giường và khối lồi lõm cứng ngắc là đôi bàn chân của Charlie. Tôi nhớ độ thẳng của đôi chân ông khi lộ ra qua khung cửa mở rộng, chớp đầu gối nhỏ nhắn dễ sợ của ông, rồi đoạn lượn nhẹ nhàng của lớp mền bông trên cái bụng bự quá mức của ông. Đôi tay ông đặt trên ngực, đan lại, và tự mãn, được quấn trong chuỗi tràng hạt.

Xâu chuỗi này có vẻ quá chặt, có vẻ như chúng đang thít chặt vào da thịt ông. Những thủ tục nghiêm nhặt nho nhỏ vào phút cuối này; một kiểu trả thù ông, vì đã chết.

Ada nhìn để kiểm tra chúng tôi sau lưng bà và sau đó bước tránh qua để chúng tôi nhìn rõ hơn. Đó là cái cảnh mà tôi không muốn nhìn.

Charlie quả thực thích ra đi.

“Tạm biệt! Tạm biệt!” Ta không bao giờ biết ông đi đâu. Ông bỏ đi trong sự ngọt ngào của những lời giải thích vốn chẳng giải thích gì cả. Vì vậy, rốt cuộc, Ada được chứng tỏ là đúng - ông là một người khó chịu bậc nhất. Ta có thể thấy qua cách bà bứt rứt cử động về phía ông cứ như để phúi gàu khỏi ve áo ông. Và thực sự có cái gì đó ở đó - một con ruồi đang bò trên cổ ông. Tôi nghĩ nó bò ra từ cổ áo ông và thấy lo lắng bởi ý nghĩ về những con giòi - từ ngày đó trở đi, thực vậy. Dẫu sao thì nó cũng khiến tôi dừng ngay cái cười đáng ghét của mình, giống như Ada sắp sửa đập tôi chứ không phải con ruồi.

Bà nhìn nó bay lên và bay khỏi ông, đụng vào tấm rèm cuốn, một lần, hai lần. Rồi nó quay trở lại giường. Tôi đang đứng sau lưng bà, tôi có thể cảm thấy cơn tức giận ngấm ngấm dữ dội khi bà thấy nó bay đảo vòng, và linh mất, rồi quay lại đậu lên cái cổ chết cứng của Charlie. Nó đập xuống và bò trên mặt da, không phiền vì những nếp nhăn sâu trên lớp thịt mềm, hoặc mấy lọn tóc trên cao. Ada cử động, hoặc chuẩn bị cử động, và con ruồi bay lên và lặp lại quá trình đào thoát tới bức rèm cuốn, lần này tìm ra một con đường vòng qua mép rìa sáng của bức rèm để đụng vào ô cửa kính, ở đó nó kêu vo vo và tông kính kịch. Chúng tôi lắng nghe nó một lát, tiếng cầu kính mân cô bên ngoài, và âm thanh con ruồi đập vào mặt kính.

Ada chết điếng. Bà nhìn xác chết. Bà không nhúc nhích được. Rồi bất ngờ có vẻ như bà nhận ra rằng đây là phòng ngủ của chính bà, với chồng bà trong đó, dù chết hay không, bà chỉ đi vòng qua giường. Khi tới cửa sổ, bà giơ tay lên và ấn bức rèm sát vào. Tiếng vo vo ngừng bật. Ada bà nội trợ, với một vết bẩn kinh hoàng trên bức rèm cửa. Bọn trẻ chúng tôi lúc này phơi ra trước cái đầu hói của Charlie, trần trụi trong cái chết.

Ta có thể nghĩ có một cái gì đó nhẹ nhàng ở cái chết - đôi khi chúng ta cảm thấy cuộc sống của chúng ta quá nặng nề - nhưng vết lõm mà đầu của Charlie tạo ra trên gối thì sống động và sâu.

Tôi nhớ lần ông nằm xuống ở công viên Phoenix, đầu ông giống như một tảng đá trên cỏ. Và tôi nhớ bàn tay tôi trong miệng ông - nguyên cả bàn tay - trong khi ông vịn vẹo nó và bật cười. Hẳn tôi lúc đó còn rất nhỏ, bàn tay tôi biến mất trong khuôn mặt khổng lồ này và - có vẻ như nơi nào đó khác - sự hỗn loạn trào dâng của cái lưỡi ướt của ông, những phần phẳng và nhọn êm ái với những chiếc răng hàm của ông.

Hộp sọ là phần xương gần không khí nhất. Đây là điều tôi nhận ra khi nhìn da trên đỉnh đầu của Charlie; nó trong suốt không có máu, và màu râm nắng phủ khắp bề mặt, một lớp trắng hết sức mỏng. Ada từ cửa sổ quay lại, thúc chúng tôi bước tới nhìn, hoặc chứng kiến, hoặc có lẽ sờ nữa, vật thiêng liêng ngăn ngủi này, ông ngoại đã chết của chúng tôi. Và tôi cho rằng nó thật sững sốt. Giây phút nhìn này. Khi họ đã ra đi, nhưng chưa mất hẳn. Khi ta không chắc hoàn toàn về điều ta thấy.

Vì vậy tôi đã nhìn - vào ông, hoặc nó. Và tất cả ổn và không có gì ngạc nhiên, trừ hàm ria mép. Charlie, lúc sống, có bụi ria mép trắng tuyệt diệu, có mùi chanh, hơi vênh lên ở hai đầu. Ông ngoại là người duy nhất tôi biết có một món đồ chơi trên mặt. Hàm râu ông nhúc nhích và gây rối trí và làm hoa mắt. Nó là trò ảo thuật của cái miệng. Và bây giờ nó nằm yên, chẳng che giấu cái gì cả.

Không có ma thuật nào cả.

Đó là điều khiến tôi khóc - chờ hàm râu của Charlie nhúc nhích, và nhận thấy rằng nó không còn động đậy. Sau cùng, không có ma thuật nào cả. Ada trở lại cạnh chúng tôi, thì thào, “Giờ thì nói tạm biệt đi,” và Liam,

người lớn hơn tôi gần một tuổi, bước tới một bước rồi dừng lại, vì anh không biết phải làm gì.

“Suýt,” Ada nói với tôi. “Nín khóc đi.”

Tôi không biết khi ấy họ có rút máu ra không? Ý tôi là, liệu ông có được ướp xác trước khi liệm không, đó có phải là tục lệ của họ đó không? Máu đang tụ ở vai và hông ông, máu chảy xuống sau đầu ông, tìm kiếm trọng lực, đã muốn ngấm xuống qua tấm nệm: máu thâm tím và đông lại trong ông lúc này, khi phía trước ông (bạn thấy đấy, đi đâu đó đúng thực) trở nên nhẹ hơn gần như không nhận thấy, và chúng tôi đứng đó, để ông ra đi: máu đó, nặng nề và dẻo dính và kỳ cục như vậy - tôi tự hỏi nó còn ở trong ông không, bởi vì nó giống hệt, hoặc một phần tư giống hệt, như máu của chính tôi. Nếu tôi làm đứt tay, ngay bây giờ, tôi sẽ thấy nó tuôn chảy.

Thật buồn cười, nhưng tôi không bao giờ nghĩ rằng mình có bà con với Charlie, cho dù ông là ông ngoại tôi. Ông là một loại người khác. Ông khiêu vũ với Ada trong nhà bếp. Ông không có một công việc mà ta có thể gọi tên cụ thể. Ông không luôn luôn ở nhà.

Không người nhà Hegarty nào có đôi mắt màu nâu chó của ông, hoặc cái mũi cao, đẹp đẽ của ông - dù quả thực là những thằng cháu trai đằng ngoại của ông đều bị hói, khi thời điểm tới. Và đây là đi đâu mà Liam không dự kiến được khi anh đứng đó chờ làm việc thích hợp, ngay khi anh biết việc thích hợp cần làm là gì. Anh không thấy rằng anh sẽ chết với cái đầu hói trọc, dù tôi nghĩ cả hai chúng tôi đều biết, khi anh chồm tới để chạm vào bàn tay chết cứng tội nghiệp của Charlie, rằng Liam sẽ chết.

Anh đang trên đường tới đó.

Nếu bạn hỏi tôi anh trai tôi trông ra sao sau khi anh ấy chết, tôi có thể nói với bạn rằng anh ấy trông giống như chúa Giêsu trong tranh Mantegna,

trong bộ đồ ngủ có họa tiết cánh hoa. Và đây có thể là một sự thật tổng quát về người chết, hoặc có thể nó là điều xảy ra khi ai đó nằm trên cái bàn nhà xác, cao, chân hướng ra cửa. Đây là lý do tôi biết rằng Liam đã chết, khi cuối cùng tôi thấy anh ở Brighton, vì anh quá cao khỏi mặt đất, và cái thứ cho anh nằm thì quá cứng và phẳng, bởi vì người chết không bao giờ cảm thấy không thoải mái - thậm chí khi ta cố hết sức để bắt họ không thoải mái. Tôi không nghĩ tôi đã nhìn đỉnh đầu anh, hoặc nghĩ về cái đầu hói của anh, hoặc nghĩ về bất cứ chuyện gì. Và tôi vui mừng khi tôi đã thực tập chút đỉnh về toàn bộ sự vụ này - sự vụ nhìn - bởi vì dù tôi yêu Charlie, thì đó cũng vẫn là tình yêu hối hả, dễ dàng của một đứa trẻ, luôn luôn sẵn sàng để yêu ai đó mới hơn.

Nhưng, ta không dành thời gian để xem xét thân xác của anh trai ta, dù chết hay sống, hình dáng và những bộ phận của nó, hay kết cấu da của nó. Vì vậy tôi không thể nhớ lại Liam với bất kỳ chi tiết nào. Tôi chỉ biết là anh chết trông hoàn toàn khác hẳn, trong khi Charlie trông vẫn là chính ông. Và, khi ngơ ngác trước bộ đồ ngủ in hình những cánh hoa cũ xì, ngơ ngẩn, tôi nhận ra rằng đây là lý do chúng tôi bị đẩy lên những bậc thang ở Broadstone ở tuổi lên tám và vừa lên chín đó - bởi vì Ada đã thấy ngày này sẽ đến. Bà đã biết từ đầu. Bà muốn chúng tôi được chuẩn bị.

Hoặc có lẽ nỗi sầu não của bà quá lớn đến độ bà phải kéo mọi người vào trong đó, kể cả bọn trẻ chúng tôi. Có lẽ bà muốn toàn thể thế giới phải chứng kiến, và thấy kinh sợ.

Tôi không kinh sợ, tôi chỉ cảm thấy cô đơn. Không phải vì Charlie đã ra đi - tôi không quan tâm đến Charlie, tôi ghét Charlie, tôi hy vọng ông đang nhung nhúc những con giòi dưới bộ đồ đó. Nhưng bởi vì tôi không muốn ở trong căn phòng đó, và không ai quan tâm. Những cảm xúc của tôi

không có liên quan - không chỉ với sự kiện đặc biệt này, mà với toàn bộ việc là người còn sống.

Tiếng đọc kinh mân cô đã dậy lên trên đường cầu thang, khi Liam bước lui lại còn tôi đứng đó và không chịu nhúc nhích. Bàn tay Liam đặt lên cánh tay tôi, đã bắt đầu xám xịt vì thối rữa; Ada đằng sau vai tôi, thì thào bảo tôi tiến tới.

Tôi không đi.

Bà ngoại tôi không còn kiên nhẫn. Bà di chuyển thay cho tôi và đặt tay bà lên xác chết; lần đầu lên cổ tay, trong chớp mắt, và sau đó - có vẻ như ngẫu hứng - lướt dọc theo đường quai hàm của ông. Bà đặt tay từ tai đến cằm ông, ộp lấy chiềuh dài của xương.

Phải một lát sau chúng tôi mới nhận ra bà đã bị dính chặt. Và thêm một lát nữa mới có ai đó bước tới sau lưng bà và kéo bàn tay bà khỏi cái gò má lạnh ngắt, ngoạii cở lại, trong khi làm thế, để nói, “Thế đủ r ồi.”

Giống như toàn bộ là lỗi lầm của chúng tôi - sự phiềnhà của da thịt chết này, và tình yêu vẫn còn thở nằm trong thân thể Ada, một tình yêu không biết đi đâu.

“Thế đủ r ồi.”

Ông Nugent. Dĩ nhiên.

Và bây giờ tôi nhớ ông Nugent ở đó ở cuối phòng, lẽ ra tôi phải nhớ ông đã ở trong phòng ngay từ đầu, ng ồi cạnh tủ quần áo, vì vậy con ru ồi, khi nó bay lên khỏi cổ của Charlie mới bay ngang mặt ông ta, trước khi đánh vòng đến ánh sáng của cửa sổ và bức rèm. Ông ta đang cúi người về phía trước, khi chúng tôi lần đầu tiên bước vào, với khuỷu tay chõ vào

đầu gối và chuỗi tràng hạt lòng thòng muốn chạm sàn nhà, và mặt gỗ dái ngựa sau lưng ông tối đen gần bằng bộ đồ đen của ông.

Tôi chưa từng tin cậy những người đàn ông cẩu nguyện. Phụ nữ, dĩ nhiên, không có sự lựa chọn - nhưng đàn ông nghĩ gì, khi họ đang quỳ? Tôi không nghĩ bản chất của họ là cẩu nguyện: họ quá tự kiêu.

Nhưng ông ta đó, rậm rì bài kinh Kính Mừng khi chúng tôi lũ lượt kéo vào phòng: tôi, được cho là có trách nhiệm, anh tôi, thô kệch và ương bướng trong chiếc áo len chui cổ đi học màu xám của anh, và kế đến là Kitty. Và lúc này dĩ nhiên tôi phải thêm Kitty vào từ đầu, đứa em nhỏ của tôi, lên thang sau lưng chúng tôi, bởi vì hẳn nó cũng phải có mặt ở đó. Kitty làm công việc này giống như nó lên rước lễ - đầu hạ thấp và mặt hếch lên đầy sùng kính. Nó có đặt một bông hoa cúc dại lên ngực Charlie, một bông hoa mao lương vàng kiểu trẻ con lên áo gối không? Không. Như tôi nhớ lại, Kitty bước tới nói, “Bai bai,” và quay đi rời khỏi phòng. Con bé sáu tuổi. Nó thích chiều lòng khán giả. Lẽ ra tôi phải biết trước, đêm nào mà tôi chẳng phải uốn tóc nó vào những dải vải, để giữ cho những lọn tóc xoắn chặt.

Nugent ở đó ngay từ đầu: vì lòng can đảm của Charlie và lòng mộ đạo dễ thương của Kitty và vì quả bóng ích kỷ khổng lồ dâng lên và vỡ tung trong ngực tôi.

Tiếng gào to lớn, vô cùng khốn khổ của nó, nói với tôi rằng tôi còn sống.

Tôi nhớ đầu đó thật rõ. Tôi nhớ những lọn tóc của Kitty, tuy tôi không thể, dù đã cố hết sức, xoay ký ức về em gái tôi lại để nhìn khuôn mặt sáu tuổi của nó. Tôi không thể, dù đã cố hết sức, nhớ lại khuôn mặt Liam, dù tôi không thể quên được bàn tay chín tuổi của anh chạm vào bàn tay chết

của Charlie - bàn tay Liam lõm đốm vết đỏ bầm trong khi bàn tay Charlie thì sạch, bởi vì cơ thể của ông đã quên rằng đó là mùa đông, trong ngôi nhà lạnh lẽo đó. Có những bức ảnh. Đó là dấu vết nụ cười của anh tôi trong tấm gương của chính tôi, một giọng nói đôi khi tôi lặp lại. Tôi không nghĩ chúng tôi nhớ được gia đình mình trong bất cứ cảm giác thực nào. Mà chúng tôi sống trong họ.

Những đi đầu duy nhất tôi chắc chắn được là những đi đầu tôi chưa từng thấy - những trò bóng bở lật vạt của tôi - Ada và Charlie trên giường cưới của họ, xương mu của bà giống như ức của con gà thiếu ăn dưới bàn tay to lớn của ông, hoặc trọng lượng rầu rĩ của con cu ông khi bà thò xuống bên dưới cái bụng dài để kéo ông vào sát hơn. Mặt trời trên những bức màn in hoa.

Niềm hạnh phúc.



Tôi mở cửa xe cho các con gái một ngày trước khi Liam chết và, khi nó bật mở ra, tôi thấy hình phản chiếu của tôi trên cửa kính xe. Nó biến mất, và tôi nhìn vào hang tối của cái xe khi bọn nhỏ bước ra, hoặc quay trở vào để nhặt một mẫu đồ chơi nhựa màu hồng nào đó dưới sàn xe. Rồi hình phản chiếu đó vụt qua lần nữa, thật nhanh, khi tôi đóng cửa. Ánh nắng xuyên qua những đám mây thẫm đi, bầu trời trong ô cửa kính là một màu xanh thẫm, tuyệt vời, và trên gương mặt tối sẫm đang di chuyển qua của tôi là vết kéo dài của một nụ cười. Và tôi nhớ mình nghĩ, “Vây là mình hạnh phúc. Thật tuyệt khi biết vậy.”

Tôi hạnh phúc.

Rebecca giờ lên tám, con bé trông giống tôi. Emily lên sáu. Nó có mái tóc đen và đôi mắt xanh nhạt mà bạn gặp trên vùng bờ biển Đại Tây Dương - đôi mắt nhà Hegarty, có đi đâu hơn cả thế - và tôi nghĩ rằng, nếu chúng tôi chinh hàm răng của Emily, và nếu Rebecca thôi ngốc nghếch và học cách làm thế nào để cao lên, rồi một ngày nào đó cả hai đứa sẽ có cơ hội thực sự xinh xắn.

Con cái tôi không bao giờ đi bộ trên đường một mình. Chúng không bao giờ ngủ chung giường. Chúng là một loài khác. Chúng có vẻ phát triển như cây cỏ, được làm từ cành nhánh và hoa chứ không phải từ thịt.

Thế nhưng, ba mẹ chúng làm cho chúng kiệt sức. Trong lần đi nghỉ gần đây nhất của chúng tôi, có chút cãi cọ về phương hướng, và lúc đang cãi

tôi nhìn vào kính xe và thấy Rebecca chăm chú nhìn thẳng phía trước. Miệng con bé thụt vào trong và tôi nhìn thấy, với sự tiên tri khủng khiếp, chi tiết cụ thể sẽ gây trức trặc trên khuôn mặt con bé, hoặc nhanh hoặc chậm, đi đâu sẽ tước đi vẻ xinh đẹp của con bé trước khi nó lớn lên.

Tôi nghĩ, *tôi phải giữ cho con bé được hạnh phúc*. Tôi phải yêu thương ba nó và giữ cho nó được hạnh phúc, nếu không đi đâu này sẽ xảy ra với con bé, con bé sẽ trở thành một trong những người mà bạn đi qua trên đường mỗi ngày.

“Mẹ đã gặp ba như thế nào?” Emily, đối thủ của tôi hỏi. “Mẹ đã gặp ba ra sao?”

“Mẹ gặp ba tại một buổi khiêu vũ.”

“Mẹ mặc đồ gì?” chị con bé hỏi, đưa luôn luôn đứng về phe tôi.

“Mẹ mặc...” Thời đó đã lâu lắm rồi. Tôi không thể nhớ mình đã mặc gì. Tôi nói, “Mẹ mặc váy xanh.”

Đi đâu này có lẽ không đúng, nhưng chúng thích. Và quả thực là Tom mặc bộ com lê cắt may cực khéo khi tôi mỉm cười với anh, một đêm nọ ở phố Suzey - và vẫn mỉm cười, một cách u buồn, cho đến khi cuối cùng anh ngừng nói chuyện và chỉ nghiêng người xuống.

“Làm sao mẹ biết đó là ba?” Emily hỏi.

“Cái gì?”

“Sao mẹ biết đó là ba?”

“Mẹ biết vậy thôi,” tôi nói. “Mẹ biết vậy thôi.”

Đi đâu này đúng - nhưng không đúng theo cách chúng mong đợi. Tôi không thể nói đích xác với chúng rằng lúc đó anh đang sống với một phụ

nữ khác, và ngay giây phút tôi thấy họ đi cùng nhau tôi hiểu ra hai đi đâu. Thứ nhất anh không thuộc về cô ta, và thứ nhì anh thuộc về tôi.

Tôi có thể làm cho anh hạnh phúc. Có thể thôi. Tôi biết rằng, theo một cách chính xác nào đó, tôi có thể khiến người đàn ông này hạnh phúc.

“Mẹ biết đó là ba tui con, bởi vì ông ấy cao đến thế.”

Như thế là đủ. Khá đúng là thế. Tôi cũng thích đường cong ở môi trên của anh, và cái kiểu áo com lê của anh rũ mở khi anh nghiêng người nói chuyện với tôi, vết lõm trên ngực khi anh cúi xuống, sự trộn lẫn giữa vẻ kiêu ngạo và hạ mình.

Những người đàn ông cao, họ quá vụng về. Họ gặp người xuống, giống như bạn đã tháo một bản lề bí mật nào đó.

Nhưng đây không phải đi đâu bạn nói với các cô con gái của bạn mười năm sau; rằng ba mẹ chúng chỉ tình cờ có quan hệ tình dục, và phải mất nhiều tuần họ mới cởi hết quần áo ra trước khi làm. Rằng ba chúng đã điên lên vì tội lỗi đến độ anh thực sự làm tôi sợ hãi - cho đến phút giây tôi không còn thấy sợ hãi nữa. Rằng chúng tôi mê đắm nhau. Rằng sau đó chúng tôi đã nói về *cô ấy*. Và khi chúng tôi nói xong về *cô ấy*, khi *cô ấy* cuối cùng cũng biến mất, khoảng sáu tháng sau, chúng tôi đã có quan hệ tình dục dịu dàng, đặc thắng, và sau đó.

Sau đó.

Tôi cho rằng đó là lúc nên mua một ngôi nhà. Nhưng cái thời kỳ đầu điên cuồng là quan trọng. Và người phụ nữ khác cũng quan trọng. Một chút tàn nhẫn. Một thỏa ước. Một vụ trào máu. Bởi vì mỗi chúng tôi đều biết mình đã gặp kẻ ngang cơ với mình, về tham vọng, hoặc về thiệt hại - cứ gọi nó là gì bạn thích - chúng tôi biết chúng tôi sẽ thu xếp ổn thỏa một ngày

nào đó với kết quả này: hai cô con gái xinh đẹp trong hai phòng ngủ xinh đẹp. Cao, chắc chắn rồi, và thông minh. Chúng sẽ đến trường tư định sẵn cho chúng, và mỗi đứa sẽ được hoạch định, thảo luận, suy tính, và yêu thương nhiều.

Ít ra đó là kế hoạch.

“Rồi chuyện gì xảy ra tiếp đó?”

“Rồi bọn mẹ cưới nhau.”

“Rồi chuyện gì xảy ra tiếp theo?”

“Ba mẹ có tụi con!”

“Phải rồi!!!”

Và ba của con nhìn con một cái và chạy ra khỏi nhà. (Và đi đâu đó chắc chắn không đúng đâu. Coi đó! Ba vẫn ở đây.)

Tom được các thầy tu dòng Tên dạy dỗ - đi đâu đó giải thích mọi chuyện, anh nói. Anh có cái nhìn minh bạch về thế giới, nhưng anh thường xuyên tự vấn. Anh ấy rất nỗ lực, và hiếm khi hài lòng. Anh hoàn toàn ích kỷ, nói cách khác, nhưng theo cung cách sang trọng nhất có thể được. Tôi nhìn anh, một nét khốn khổ mạnh mẽ, gợi dục, với khuôn mặt dính chặt vào một ly Scotch mờ đục, trong lúc anh vạch lại dấu in chìm của thất bại chạy suốt cuộc đời anh, nằm ở đó trên mỗi trang.

Và khi anh nhìn những đứa con của mình, tôi không biết anh thấy gì. Anh yêu chúng, nhưng chúng đang *ngáng đường anh*. Và, dù anh có yêu tôi hay không, tôi cũng đang *ngáng đường anh*. Nhưng anh sai. Tôi không *ngáng đường* của anh. Tôi chưa từng *ngáng*.

Nếu đó là một cuộc chiến, thì đây là những dữ kiện: khi Tom bắt đầu công ty riêng, và tôi đã có một con nhỏ, tôi giao đứa bé cho một người giữ

trẻ và làm việc ngày đêm để kịp trả góp tiền thế chấp. Nhưng khi anh bắt đầu kiếm được tiền lại, thì rõ ràng là tiền của anh quan trọng hơn bất kỳ thứ tiền nào tôi kiếm được, rằng công việc của anh là công việc quan trọng, ta không thể mong chờ anh đưa đón con cái và tã lót và dãi mũi và ngủ gục với quá nhiều thứ quan trọng vây quanh. Và cuối cùng, tôi không đi làm nữa để chúng tôi không *ngáng đường anh* quá nhiều.

Nhưng dù đây là những là dữ kiện, chúng không hoàn toàn có thật. Tôi không bỏ việc, chẳng hạn. Hoàn toàn không. Thậm chí bây giờ tôi không thể tin mình đã lãng phí quá nhiều phần đời tôi để viết về giá treo khăn tắm được hấp nóng. Những lời lẽ bất tận. Về sự khác biệt giữa màu rám nâu và da màu dâu chín, về màu nâu nhạt, màu kem, sa thạch, phiến thạch.

Chúng tôi đã sống cuộc đời chúng tôi như thế.

Tôi bước vào nhà sau một ngày khủng khiếp tại văn phòng và hôn chồng tôi, rã rời sau một ngày làm việc và chăm sóc con nhỏ. Rồi tôi bế Rebecca từ tay anh và thay tã lót của con bé và bôi kem lên chỗ hăm, và tôi gây gổ với anh về chuyện này, hoặc về cái tủ lạnh trống trơn, hoặc việc rửa chén bát, và bằng cách nào đó con bé cũng được đặt vào giường và khoảng chín giờ rưỡi khi cuối cùng con bé đã ngủ, tôi xuống dưới nhà và làm một ly vang lớn và kịch liệt phê phán ông chủ của tôi, rồi tôi dọn dẹp và uống khá nhiều và thức khá khuya. Lúc mười một giờ rưỡi Tom dọn dẹp công việc của anh khỏi bàn nhà bếp và nói, “Đừng thức suốt đêm,” và một lát sau, tôi vắt khăn rửa chén lên vòi nước ở nhà bếp và lên giường. Tôi biết anh không vui đến thế nào. Chắc chắn rằng chồng tôi không vui, nhưng cũng hứng thú với công việc mới của anh, và chắc chắn tình trạng lộn xộn này không kéo dài. Những người khác cũng có con. Những người cha khác không cảm thấy, như anh cảm thấy, *mất tính đàn ông* vì chuyện đó - vì

chuyện thiếu thiện và sự rối ren này, và vấn đề là chuyện ở đây không có chỗ cho vẻ hấp dẫn đáng kể của anh.

Tôi nên để anh có không gian cho sức hấp dẫn đáng kể của anh. Tôi áp mặt tôi sát lưng anh và vòng tay quanh anh để bịt lấy cu anh, bởi vì tôi đã uống hơi nhiều vang, và tôi nghĩ hiện giờ anh thực sự ghét tôi. Tôi rất đáng khiển trách vì toàn bộ chuyện đó.

Và anh hoặc quay lại, hoặc không.

Và trong phút ngập ngừng đó tôi nhận ra rằng anh đang quan hệ tình dục với ai đó khác.

Không. Trong phút ngập ngừng đó tôi nhớ lại anh đã muốn quan hệ tình dục với ai đó khác đến chừng nào, khi ai đó khác chính là tôi.



Một tuần sau đám tang của Liam tôi nhìn thân hình của chồng tôi. Đang ngủ. Còn sống. Tôi muốn nhìn nó trọn vẹn. Đó là một đêm ấm áp. Tôi lệ làng tung hết chăn mền ra, và anh cựa mình và nằm im lại.

Tom thật buồn phiền trong giấc ngủ. Hai tay anh thu lại dưới cằm, cặp giò anh lớn và dài đến không tin được, chúng không gấp lại mà có vẻ như bị gãy ở đầu gối. Chỗ trũng bên dưới lồng ngực dốc xuống cái bụng phệ hơi thấp và bọc bìu dái nằm trong chỗ chữ V giữa hai đùi anh. Anh rất nhợt nhạt.

Tôi nhớ lại chuyện làm tình với thân xác này: một đám lông quanh dương vật của anh, khi tôi từ trên nhìn xuống; phần vòm nhỏ trong nách anh, giống như gian giữa của giáo đường mà không có nhà thờ, khi tôi từ

dưới nhìn lên. Chuyện này từ hồi những ngày đầu, khi chúng tôi luôn khao khát nhau và anh lần theo một chuỗi những nốt ruồi quanh cơ thể tôi, lần người tôi qua khi anh lần theo như thế, cho đến khi tôi hoàn toàn phơi hết người ra, và lần từ giường xuống sàn.

Tôi nhớ lại kích cỡ và độ thẳng xương đòn của anh dưới lớp áo sơ mi, một đêm trong mưa, trong những ngày đầu tiên, khi nó không giống chuyện làm tình mà giống như việc giết ai đó hoặc bị ai đó giết.

Giờ anh ở đó, trên giường của chúng tôi, vẫn còn sống. Không khí đi vào anh và không khí đi ra. Những móng chân anh mọc dài. Tóc anh ngả bạc lẳng lẽ.

Lần cuối cùng tôi chạm vào anh là đêm thức canh xác Liam. Và từ đó tôi không biết có chuyện gì trục trặc với tôi, nhưng tôi không tin vào thân thể của chồng tôi nữa.

## 12

Tin xấu cho Bea và mẹ tôi, và cả lũ kên kên sẽ tụ tập đến số 4 đường Griffith để thức canh người chết, là ít nhất sẽ phải chờ mười ngày nữa trước khi họ có thể ăn cỗ trên cái xác tội nghiệp của Liam, bởi thủ tục giấy tờ liên quan.

Tôi nghe đi đâu này từ người làm dịch vụ lễ tang trông khoảng mười chín tuổi. Cậu ta chạm vào cánh tay tôi trong hành lang nhà xác Brighton and Hove và đưa tôi đi, theo cách nào đó, bằng một chiếc xe hơi hoặc một chiếc taxi - tôi ng ẫ ở băng sau hoặc ở băng trước, tôi không nhớ lại nổi. Nhưng tôi biết mình sẽ nhớ đi đâu này, phía trong cơ sở dịch vụ tang lễ, t ần thường và nhàn nhạt: mỗi bên đầu có một cái bàn và một cái ghế và, dựng trên một giá quay, một cuốn bọc nhựa giới thiệu mẫu quan tài, mọi loại và mọi biến thể của chúng, ngoại trừ, khi tôi hỏi thăm chỉ để giải khuây, loại hòm bằng các tông của dân bảo vệ môi trường.

“Ông ấy thích thứ đó à?” chàng trai mặc đồ đen hỏi.

“Không hẳn. Chỉ một chút.”

Tôi biết mình muốn gì, tôi đã biết từ đầu, nhưng bộc lộ ra quá sớm thì trông không hay, nên tôi lật các trang để xem các lớp lót vi ền bằng lụa xấu xí, những kiểu xếp nếp và vắn xoắn, giống như được chôn trong một bức màn chiếu bóng ngay khi máy chiếu bật mở và bắt đầu chơi bài *Looney Tunes*. Tôi nói thành lời một số chuyện này trong khi tay làm dịch vụ tang lễ hơi lắng nghe, và để cho tôi thông thả.



Miệng cậu ta là một màu đỏ thẫm nổi bật trên làn da trắng. Cậu ta có một cái lỗ ướm, nhỏ xíu trên tai, nơi lẽ ra phải có một cái khuyên tai nhưng lại không có, trong khi cậu đang nói chuyện với thân nhân người chết.

“Đừng vội,” cậu nói.

Tôi mến cậu nhà đồn này. Cậu ta có thứ mà những người trẻ tuổi đã có, vào lúc nào đó sau khi tôi trưởng thành. Cậu ta không làm ra vẻ. Cậu ta không phán xét. Cậu nói về những chiếc quan tài theo kiểu “sao cũng được”, giống như tất cả chỉ là việc mua sắm - nhưng vấn đề thực sự là ở chỗ khác.

“Cái đó tốt đây,” cậu nói khi tôi chọc ngón tay vào một cái bằng gỗ sồi đơn giản, và tôi nghĩ rằng có lẽ một trong những cô con gái tôi sẽ cưới ai đó giống như vậy, ai đó có thể dễ dàng ngửi với một phụ nữ trong một căn phòng.

“Tôi không thể đáp máy bay với anh ấy,” tôi nói. “Chỉ là quá...”

“Hành khách nào cần giúp đỡ làm ơn bước ra phía trước hàng.”

Và tôi bật cười. Bất kể ý cậu ta là gì.

“Thật tình, nó sẽ ổn trong khoang hành lý thôi,” cậu ta nói.

Cậu ta không đẹp trai. Miệng cậu ta quá nhũn và đầy; cậu ta quá mềm và non nớt. Nhưng ở cậu ta không có gì không ổn. Tôi nhìn đôi tay cậu ta và chúng không khiến tôi chán ghét, và mi mắt cậu, khi cậu nhắm lại, khẽ nháy, để nói rõ là thép đánh bóng hơn crôm ở chỗ nào, cho thấy chúng có một mạng lưới mạch máu kiểu Trung cổ mờ mờ. Quần áo cậu không che nhạo thân hình cậu. Ta có thể lột trần cậu ta, cậu ta vẫn đích thực vậy.

Tôi phải hỏi tên cậu ta lần nữa. (Azrael.)

Cậu ta chạm vào cánh tay tôi khi tôi đứng cạnh xác của Liam và cậu ta dẫn tôi đi. Cậu ta là người đến sau khi ta chứng kiến đi đầu tệ hại nhất. Cậu ta là phần còn lại của cuộc đời tôi.

Sau khi đến nhà ga Brighton, tôi đi lòng vòng một hồi, nghĩ rằng tôi nên thực hiện chuyện này theo cách nó đã xảy ra - tôi phải bắt đầu tại nơi Liam đi xuống biển - bởi vì có một trật tự cho những chuyện này mà ta phải tuân theo. Vì vậy vào giờ ăn trưa, tôi đi bộ dọc khu dạo chơi và Liam vẫn, về mặt tàn tích, còn sống, và tôi đang hình dung nơi này trong bóng tối, và nước muối đen liếm quanh thắt lưng tôi. Liam ở giữa không trung. Những hình người đi qua được vẽ nguệch ngoạc bằng nét quệt bừa từ tia nhìn của anh: mọi thứ họ có đều tràn ra hoặc rũ xuống. Một đứa trẻ quá khổ có vú - có vẻ là một bé trai. Một ông già có vết đóng vảy dưới mũi. Một phụ nữ với hình xăm loang rộng. Một cuộc diễu hành của đám ruồi lơ lảo, những quần dài vấy bẩn và những dây quai nịt vú lộ ra bên dưới những dải băng mong manh khác. Người sống, với tất cả mùi và lỗ của họ. Liam luôn luôn là người cực giỏi về các *lỗ* của con người, về chuyện người nào đã gắn gì vào *lỗ* nào.

Anh trở lại trong đầu tôi giống như một mùi lan rộng - một không gian mở ra để cho phép anh nhìn ra từ mắt tôi và thấy ghê tởm vì cái lỗ đít hoặc núm vú, hoặc “núm vú lạnh”, thậm chí, vì da thịt vốn không bao giờ có nhiệt độ hoặc ẩm độ thích hợp, nó quá *nhộp mồ hôi*, hoặc thịt thì *bủn*, hoặc *có lông*, và những phụ nữ, nhất là, những người sống trong chiếc túi con người buồn bã này một cách quá hèn nhát hoặc quá đẹp (dĩ nhiên trừ *các lỗ* của họ), và rốt cuộc thì, anh ngủ với ai, anh hôn ai? Những người không có lỗ chân lông chẳng? Tôi nói đi đầu này với anh ấy, trong đầu tôi. Tôi tranh cãi đi đầu này cho ra lẽ, nhưng tôi không thể lay chuyển anh, tôi không thể

thắng, khi tôi đi ngang những ông già và những bà già, với những nếp nhăn bị bệnh chàm, hoặc chồm qua lan can, hít không khí biển vào để dẫn xuống chất nôn mưa đang trào lên, trong khi nghĩ về da thịt của anh trai tôi và việc nó sẽ trông ra sao trong hai tháng nữa, rồi trong ba tháng nữa.

Tôi nhìn qua lan can như thể để xem xét mật độ và sự đa dạng của những tảng đá nâu trên bãi biển bên dưới. Và nó ở đó: hương vị rộng mở, tiếng gọi, mùi của biển.

Một phép màu như thế, ở cuối tuyến đường Brighton, với thành phố chất đống sau lưng tôi, và đằng sau đó là tất cả sức nặng của nước Anh, trong làn khói và ánh sáng, bị ngăn cho dừng lại ở đây, chỉ ở đây, bởi mùi menh mông của biển.

Lần đầu chúng tôi đi phà, tôi và Liam, đó là cuối năm thứ hai của anh, và năm thứ nhất của tôi, ở Đại học Dublin. Chúng tôi sắp sang London đi làm thêm mùa hè. Chúng tôi ngồi trong khoảng trống giữa các toa xe lửa, từ Holyhead đến Euston, nhìn một người đàn ông - hóa ra, tình cờ, là bưu tá ở khu chúng tôi - vất những quả cam vào một chai rượu vodka miễn thuế. Ông ta đang đưa rượu cho một cô gái say rượu, ông đã gặp ở chỗ vượt biên giới, và ông cũng vẩy chai với chúng tôi, và chúng tôi có thể đã uống hoặc có thể không, nhưng đi đầu tôi thích là cách ông ta nháy mắt với chúng tôi trước khi quay lại với cô gái - cô đã hoàn toàn say khướt - như thể tất cả chúng tôi cùng một giuộc với nhau, trong trò đùa này, cái trò, “Ồi dào! Lãi lớn.”

Liam không bao giờ cho chúng tôi ăn đám cưới.

Nhà Hegarty thích đám cưới, và vài đứa bạn tôi đã thực sự có đám cưới, nhỏ hoặc lớn, một số đám mang tính thể tục, và trung tâm của tất cả chuyện này, đi đầu phải phép này, là một người đàn ông trung thực, một cô

gái xinh xắn, phịch nhau, theo cách đẹp đẽ nhất có thể được, trong tiếng chúc mừng và tiếng cụng ly - và đó là điều Liam không bao giờ biết cách làm, cách tạt vào và thoát ra chuyện chăn gối, cách đề cập thoáng qua nó, hoặc chia sẻ nó, nên tuy có nhiều bạn gái nhưng chúng tôi không bao giờ thấy mặt, hoặc nếu chúng tôi thấy họ thì anh không thích chúng tôi, người nhà Hegarty, nói chuyện với họ: một hàng những con người khẳng khiu và ủ rũ nắm tay anh và nhìn chúng tôi qua vai anh. Liam thích những phụ nữ xinh xắn. Anh thích những phụ nữ dịu dàng hoặc tử tế. Anh thích những cô gái mờ ảo đó. Và anh hoàn toàn đúng khi không nói với chúng tôi về họ, những kẻ tàn bạo nhà Hegarty, chính tôi và Kitty hát, “Và họ gọi đó là tình yêu tr...ee...ée ... c...o...n” ngay khi họ rời khỏi phòng.

Đi đầu bu ồn cười, không kể người đưa thư hứng tình, trong cuộc hành trình đầu tiên xuyên đêm nước Anh ấy của chúng tôi - vừa rời khỏi thuyền, năm mươi bước chân băng qua mặt đất ngoại quốc đầu tiên của chúng tôi và sau đó lại bước lên sàn xe lửa bằng sắt - là ở chỗ chúng tôi luôn luôn nghĩ rằng chúng tôi đã gần đến đó. Chúng tôi nhìn ra cửa sổ và, sau một lúc tối đen, có quá nhiều ánh đèn đến nỗi chúng tôi cho rằng chúng là những ngọn đèn đang tiến đến của thành phố London. Trừ việc chúng tôi không bao giờ đến nơi. Với chúng tôi dường như nước Anh là một thành phố duy nhất xuyên suốt từ bên này đến bên kia, không ngừng. Rồi, vào buổi sáng, khi chúng tôi cuối cùng, rõ ràng, dứt khoát đã đến nơi, chúng tôi đứng ngay lối xuống đường xe điện ngầm ở Euston, nghĩ rằng một chuyến xe vừa mới đi vào, và chúng tôi có thể tìm đường xuống khi đám đông đã giải tán. Một lát sau chúng tôi nhận ra rằng dòng người chen lấn sẽ không hề giãn ra, rằng không có chiếc xe cụ thể nào. London chỉ toàn là tuôn chảy, nó không có những ranh giới, nó là mọi nơi.

Liam không hề thích người Anh, hoặc anh tuyên bố như thế. Trong chuyện này anh nói anh đã được hậu thuẫn bằng sự kiện là người Anh cũng không thích chính họ.

Liam thông minh.

Và tôi không thể xoay sở để yêu được họ, cả lũ người này vội vàng đổ xuống bờ biển Brighton, tất cả bọn họ đều sung sướng tắm biển nơi Liam chết đuối. Nhưng tôi cố không ghét họ, cho dù họ sống còn anh tôi đã chết. Và tôi tự hỏi làm cách nào tôi thoát khỏi nó - lòng thù ghét của Liam đối với chuyện bất kỳ nào đó. Bọn đồng tính năm này, người Mỹ năm kế tiếp.

Tôi nên ghét ai?

Chúng tôi đã bơi ở đâu đó vào ban đêm. Khi tôi còn trẻ, chúng tôi bơi ban đêm, và tôi không thể nhớ lại đó có thể là chỗ nào.

Tôi nhìn vào biển cả mênh mông, dập dềnh, và chỉ trong chốc lát, tôi nghĩ tôi có một cuộc đời nhỏ, còn sống như tôi vẫn sống trong ánh nắng này, nhỏ hơn anh trai tôi, bước ra trong bóng tối; máu và rượu whisky đi vào biển muối. Liam, say lử, chỉ có lớp da ngăn cách bản thân anh ra khỏi cái tôi đầy khao khát của anh. Chỉ trong chốc lát, tôi nghĩ rằng lựa chọn không tồn tại là lựa chọn quả cảm hơn.

Tôi nhìn đôi tay tôi trên hàng lan can, chúng già nua, và thân xác rã rời vì con cái của tôi, mà xưa tôi rất tự hào, theo cách nào đó, tự hào về những con người mới đã sinh ra từ đó, chỉ để nuôi béo nắm mồi! Tôi muốn hét to vào những kẻ lạ mặt này, khi chúng đi qua. Tôi muốn viết bảng rầy đe dọa cả ở đằng trước lẫn sau lưng và bắc loa phóng thanh mà kêu gọi chấm dứt việc sinh sản - dù bây giờ tôi nhận thấy, cũng chẳng có nhiều trẻ con trên

sân chơi là bãi biển Brighton, ít nhất không phải buổi chiều thứ Ba này. Nước Anh, miền đất của người trưởng thành trọn vẹn.

Nhưng tôi không thực sự khó chịu vì những người này, cách này hay cách khác, và tôi yêu người phục vụ tang lễ. Người bạn cùng điếm qua sách mẫu quan tài, chàng trai người Anh của tôi. Sự thoải mái hợp thời mà cậu ta có hầu như thuộc về tâm linh. Tôi tự hỏi cậu ta về nhà với ai - những người bạn cậu ta thích, hoặc cha mẹ cậu ta thích - và làm thế nào có thể làm tình với một chàng trai giống như vậy. Cậu ta có tính khí thất thường không?

Khi xong xuôi, và cảm thấy bàn tay vô hại của cậu ta trong bàn tay (giữa) của mình, tôi đứng trên vỉa hè bên ngoài nhà tang lễ và mở điện thoại di động để gọi cho người chồng khó tính, trung niên của tôi trong khi mà đi đâu tôi muốn làm thay vì chuyện này là nằm xuống, ngay đó, ngang khung cửa của cậu trai, cho đến khi cậu ta bước qua thân xác sống soài của tôi và đỡ tôi lên.

Azrael.

“Mọi việc thế nào?” tôi hỏi Tom, và anh nói với tôi rằng các con gái đã đến nhà bạn bè sau giờ học, và mọi thứ đều ổn. Tôi mất một lúc để hình dung ra anh ở đâu.

“Anh đang làm việc hả?”

“Dĩ nhiên là anh làm việc.”

“Rebecca cần đến lớp học múa Ireland,” tôi nói.

“Ồ. Không phải hôm nay, nó không đi học.”

“Con bé có một màn trình diễn.” Tôi gào to câu đó ra phía con đường, và đồng thời không tin nó. Bởi vì đi đâu Tom đang nói (hoàn toàn đúng) là

hàm ý rằng những lo lắng của tôi là không quan trọng, chúng được bịa đặt ra, chúng là thứ gì đó giữ cho tôi luôn bận rộn trong khi anh làm chuyện nghiêm túc là kiếm tiền và sống một cách đúng mực hơn.

“Anh đang ở đâu?” tôi hỏi.

“Anh đã nói rồi. Anh đang làm việc.”

“Làm việc ở đâu? Anh *làm việc ở* đâu?”

Anh không thể dẫn điện thoại vào mặt tôi bởi vì tôi đang ở Brighton và vừa mới mất người thân. Có một khoảng ngưng lâu.

“Về nhà đi,” anh nói. “Bao giờ em về nhà?”

“Việc đó đối với anh thì có nghĩa gì?”

“Có nghĩa rất nhiều,” anh nói. “Em nghĩ gì vậy?” Và bây giờ đến lượt tôi, cắt liên lạc và đóng nắp điện thoại.

Anh chàng phục vụ tang lễ của tôi ở sau lưng tôi với cánh cửa mở, nói. “Chị cần một ly cà phê nữa không? Tôi có thể gọi ai đó không?”

Cậu ta đã đeo khuyên tai vào; một thanh vàng nhỏ xíu.

“Ồn cả mà,” tôi nói. “Cái kiểu nó là vậy.”



Tôi đã yêu, tôi đang bắt đầu nhận ra, khi mới ngoài hai mươi, khi tôi gặp và ngủ với một anh chàng quê ở Brooklyn tên là Michael Weiss. Anh ta tới Dublin để lấy bằng thạc sĩ về Ireland học hoặc Celt học, hoặc thứ gì đó - chúng tôi khinh thường những khóa học đó, chúng chỉ là thứ gì đó mà trường đại học nghĩ ra để thu hút những người Mỹ giàu có, vì vậy tôi lạ khi

nhận ra mình yêu Michael Weiss; cũng ngạc nhiên bởi vì anh ta không phải là người Mỹ cao lớn với khung xương vững chãi của miền đông cứng rắn, mà là một anh chàng kích cỡ trung bình chuyên hút thuốc rê và nói chuyện như có một viên sỏi Brooklyn trong miệng, có phần lấp bắp và có phần trầm tư.

Ngủ với anh ta thật ngọt ngào. Cách anh ta chỗi người dậy để nhìn ta và nói chuyện. Anh ta thích tán gẫu trong khi sờ ta. Anh ta thậm chí thích hút thuốc cả trong màn dạo đầu lúc chờ bất tận vốn hoàn toàn xa lạ với tôi hồi đó. Tôi đã hai mươi tuổi. Tôi không quen được chuyện quan hệ tình dục không mục đích và thiếu cụ thể như thế. Tôi không quen với quan hệ tình dục khi còn tỉnh táo, tôi cho rằng vậy, và toàn bộ vụ nói chuyện này chỉ khiến tôi cảm thấy không thoải mái: tôi nghĩ anh ta không thích tôi. Tôi nhìn khuôn mặt anh ta chuyển động mà ước gì anh ta bắt đầu đi cho rồi - cái phần ngạc nhiên, cái chuyện mà vì nó cả hai chúng tôi ở đây.

Tôi nghĩ, theo cách chậm chạp, châm biếm của anh, Michael Weiss biết rằng anh không thể giữ được tôi, và mọi thứ anh làm trong những buổi chiều buồn ngủ đó là tìm cách thuyết phục tôi xuống, giống như một con mèo trên cây, hoặc nữ tiếp viên phụ trách chuyển bay. “Em thấy cái cần đi đầu khiến bên phải em không? Anh muốn em xả cần đi đầu khiến đó xuống tới bốn mươi lăm độ.”

Và dù chúng tôi đã rất nhiều lần trải qua vụ này - tức là, chuyện tình dục - tôi chỉ có thể nhớ được cơn điên của mình lúc đó, nhìn bóng ngày bên ngoài cửa sổ chuyển sang hoàng hôn từng đợt từng đợt. Có lẽ đó là chuyện của thời thanh niên; đứng trần truồng trên tấm thảm nylon trong phòng trọ sinh viên của anh ta và cảm thấy việc thay đổi ánh sáng là không thể xảy ra được; giống như da tôi đang bị lột ra, khi ngày nhường chỗ, từng bước một, cho đêm tối.



Cha của Michael là nghệ sĩ còn mẹ anh ta làm một nghề gì khác. Tôi cũng không quen được với chuyện đó - hầu hết các bậc cha mẹ tôi biết đầu chỉ làm cha mẹ - nhưng anh lại có một người cha hơi nổi tiếng và người mẹ chuyên sắp xếp các cuộc hẹn, gặp người này người nọ và ăn mặc đẹp để đi ra ngoài, vì thế anh ta có tất cả những thứ đó kéo lê đằng sau anh ta. Anh ta khó lòng ý thức được mình sẽ làm gì khi lớn lên, bởi vì anh ta đã là người trưởng thành, theo ước tính, từ khi mười tuổi. Anh ta làm một số bài thơ, và có lẽ chúng là những bài thơ rất hay, nhưng cái ý tưởng đạt tới bất cứ địa vị nào vẫn là vấn đề đối với anh ta. Có tiền - không nhiều, nhưng khá khá - và tôi nghĩ anh ta, ngay từ hồi đó, đã quyết định chỉ tồn tại, và xem chuyện gì xảy ra với mình.

Cho nên bây giờ anh ta chỉ tồn tại thôi, giống như tôi, tuy có lẽ ở đâu đó thú vị hơn Booterstown, Dublin 4. Chẳng hạn anh ta ở Manhattan, hoặc những hẻm núi ở Los Angeles, và anh ta đang đưa con trai mình đến lớp học kèn saxo, anh ta đến dự buổi biểu diễn múa của con gái anh vào một buổi chiều thứ Năm, và thấy tất cả chuyện đó là đi đâu thú vị và quan trọng.

Tôi đi lại với Michael Weiss trong hai năm, với những quãng nghỉ; phát điên lên vì thói bạc nhược của anh - bị nó biến thành thiếu tự tin, và khao khát muốn lao vào thế giới phía trước chúng tôi, vốn đầy những chuyện phải làm. Tôi không chắc đó là những việc gì, nhưng chúng tốt hơn việc cứ lẩn quẩn cả buổi chiều, hôn hít và hút thuốc, nói về - cái gì? - về chuyện liệu Dirk Bogarde có thực sự đẹp trai không, và là, hoặc không phải là, người Do Thái thì nên thế nào.

Bây giờ, dĩ nhiên, những buổi chiều của tôi không dành để xem ti vi, vì thế chắc chắn là tôi đã đúng khi mất niềm tin và cuối cùng rời bỏ Michael Weiss để theo một cuộc sống nhanh hơn, tốt đẹp hơn, cuộc sống tôi hiện

có, nấu ăn cho một người không xuất hiện trước chín giờ và cho hai cô con gái cũng sẽ mau chóng không xuất hiện như thế. Chuyện làm tình đầy nước mắt, năm bữa nửa tháng, với người chồng trung niên của tôi; không biết nên đánh anh hay hôn anh.

*Bật đèn lên, tôi muốn nói. Bật đèn lên.*

Nhưng không chỉ là chuyện tình dục, hoặc chuyện tình dục được nhớ lại, khiến tôi nghĩ tôi yêu Michael Weiss dân Brooklyn, bây giờ đã trở tới mười bảy năm. Chính là cách anh từ chối sở hữu tôi, cho dù tôi có để được sở hữu bao nhiêu đi nữa. Chính là cách anh không đón nhận tôi, anh chỉ chịu gặp tôi, và cũng chỉ là nửa chừng.

Tôi nghĩ bây giờ mình đã sẵn sàng cho chuyện đó. Tôi nghĩ mình đã sẵn sàng để gặp mặt.



Tôi đang ngồi tại bàn ở một quán cà phê bên đường, với có lẽ tách cà phê sữa thứ năm trong ngày của tôi, thì một số đứa trẻ Mỹ đi ngang qua, hai cô gái và một cậu trai. Một trong hai cô nói, “Bạn biết cái gì lỏm nhất không? Cái thực sự lỏm là thứ cửa quỳ cài nút đó, khi bạn mất một nút?” và cậu trai trả lời, “Và bạn thì... thế này, bạn biết không?” với hai cổ tay bắt chéo ngay trước đũng quần, giống bức tranh Chúa bị hành xác.

Họ trông giống vậy đó, những sinh viên Mỹ ở Dublin - trong sáng, ồn ào và thú vị, ít nhất đối với chính họ. Có lẽ tất cả chúng ta đều giống thế, dù không ai mặc áo thun tay dài bên trong áo thun tay ngắn vào thời đại chúng ta. Và tôi không biết liệu “lỏm” có phải là một từ gây ấn tượng vào

thời đó không. Tôi nghĩ về cử chỉ của chàng trai này, và tự hỏi tại sao chữ đó lại được coi là khủng khiếp như thế. Nếu ai đó “lởm”, họ là mẫu người tồi nhất có thể có trên đời. Một người hư hỏng. Một từ xã hội như thế, tôi nghĩ, một từ của băng nhóm, dành cho một cử động cơ bắp rất riêng tư.

Đầu óc tôi hoạt động theo kiểu đó, khi tôi không thể lấy lại hờn vía và quay trở lại trên chuyến xe lửa đến phi trường trong khi anh tôi bị rút hết nước ra, được chở đi và được ướp xác (whisky hân hữu dụng), đầu đó trong thành phố sau lưng tôi. Tôi vào vài cửa hàng và cố bình thường trở lại trong chốc lát, và kết thúc bằng việc ngửi yên lặng trong khi thế giới ồn ào trôi qua, với một chiếc muỗng cà phê dài trong miệng, mút.

Khi còn học đại học, tôi đã xác định rằng Ada từng là gái điếm - kiểu nó phải thế. Đó hẳn vào khoảng thời điểm bà chết. Tôi nhớ có thảo luận giả thuyết này của mình với Michael Weiss, anh ta rất thích nó, tuy rằng, như anh chỉ ra, rất có thể bà từng là nữ tu, mà theo quan điểm của anh thì cả hai gần như cùng là một thứ, có lẽ bởi vì anh từ Brooklyn đến.

Vâng, đúng.

Michael Weiss là kiểu người ngày hôm trước cho sữa vào trà rồi ngày hôm sau quyết định phản đối chuyện đó hôm sau, và anh sẽ, chắc chắn, khiến tôi phát khùng lên qua thời gian. Nhưng tôi nghĩ anh nói đi đâu gì đó đúng về Ada, hoặc về khoảng cách giữa tôi và Ada. Bởi vì tôi, tương tự, có thể cũng từ Brooklyn đến, nhìn vào sự kiện bí ẩn của cuộc đời bà mà quyết định về câu chuyện duy nhất có thể giải thích về tất cả chúng tôi.

Tôi không nghĩ mình có mặt nổi trong buổi dọn nhà, khi bà chết - tối đó có lẽ tôi ở quán rượu Belfield - và những câu hỏi về việc ai là chủ ngôi nhà và tiêng sẽ đi về đâu, một khi xác Ada được mang ra khỏi đó, là một vấn đề mà tôi hoàn toàn dừng dừng. Dù câu hỏi này, đột nhiên, về việc bà là ai hay bà làm gì; kể mồ côi, Ada Merriman, thì không như vậy.

Tôi xoay xở có mặt được ở tang lễ. Có mái tóc uốn quăn của mẹ tôi trong hàng người trước mặt tôi, với cha chúng tôi một bên và bên kia, chị của bà, dì Rose của chúng tôi. Còn có một người con thứ ba, một em trai tên là Brendan, nhưng lúc đó có lẽ cậu đã chết, nên đây là những người còn

lại buồn bã của vận may của Ada: người mẹ rũ rượi của chúng tôi, Maureen, và Rose giáo viên nghệ thuật trong Bộ Đồ Vải Tuyết Lạ Mắt xanh thẫm và xanh ngọc. Anh chị em nhà Hegarty đứng thành hàng sau lưng họ: dẫu rằng những em bé được lọc ngửi riêng ở những hàng ghế xa hơn, và có thể rằng chúng tôi ngửi theo trật tự tuổi tác, ngay từ hồi ấy; “những bậc thang” như người ta thường ngân nga, dù cầu thang bây giờ không toàn vẹn nữa, với những khe hở và những tấm ván gãy nứt và sự không cân xứng giữa lũ ngốc này và lũ kế tiếp. Lớn lên, tất cả chúng tôi trông giống như những con chim cu, từng đưa một trong chúng tôi: tất cả chúng tôi đều có vẻ lạc loài.

Sau đó, tôi đứng ở rìa đám đông nhìn quan tài của bà ngoại tôi được hạ xuống, với sự thờ ơ buồn rầu. Ada của những năm gần đây là một bà già sống nốt quãng đời được dành cho mình. Bà hiền hậu, dĩ nhiên - bà là bà ngoại của tôi mà - nhưng bà không phải là người phụ nữ đánh thức tôi lúc bốn giờ sáng với câu trả lời cho tất cả chuyện này: vấn đề học búa của nhà Hegarty, lý do tất cả chúng tôi bị rối loạn cả lên thế này và có mặt đông đúc ở đây.

Lamb Nugent nhìn Ada Merriman bên kia tấm thảm của khách sạn Belvedere, và bà nhìn thẳng lại ông, và phần còn lại, như người ta nói, là lịch sử.

Năm mươi sáu năm sau chúng tôi uống trà và ăn sandwich kế tiếp là tự chúc mừng trong căn nhà nhỏ đến kỳ lạ của bà ở Broadstone; thế hệ thứ hai trải rộng, những người bắt đầu thế hệ thứ ba, mẹ tôi đăng quang yếu ớt trong căn phòng đẹp, chị bà trong nhà bếp phàn nàn về bất cứ thứ gì mắt bà nhìn thấy. Vào lúc đó, những gì hồng bét với khuôn mặt người ta đã hoàn toàn hồng bét với khuôn mặt của họ; miệng dì Rose tru lại với vẻ phản đối,

cái nhìn của mẹ tôi giờ đầy nước và mơ hồ. Ada có thể giỏi với con cái của người khác, nhưng bà cực kỳ kém cỏi với con của bà. Nhưng “O, bà ấy thật dễ thương,” họ nói, những láng giềng và vài người bạn còn lại: hai người đàn ông - bây giờ tôi mới biết họ đồng tính - vẫn đối xử tử tế với bà, con gái của một nữ diễn viên đã chết thường xuất hiện trên ti vi. Và chẳng lẽ Jimmy O’Dea không gửi một giỏ trái cây vào sinh nhật của bà sao? Và Frank Duff, người thực sự đứng đầu Đạo binh Đức Mẹ, đã ghé nhà bà mỗi Giáng sinh. Quả thật ông đã làm thế: tôi nhớ, đó phải là năm chúng tôi lưu lại đó, ông đến giống như một bà già Noel nhỏ với một hộp sô cô la trong chiếc túi thắt dây. Ông trao nó cho Ada và siết chặt cánh tay bà, giống như họ đã sống quá nhiều, mỗi người trong bọn họ, đến độ chẳng còn gì để nói.

Buổi sáng Giáng sinh đó trong trẻo và khô lạnh như thường lệ - ký ức của tôi sẽ không cho phép trời mưa. Mà nó cũng không cho phép chúng tôi về nhà ở đường Griffith, bởi vì đây là năm chúng tôi được giao cho Ada, tôi và Liam và Kitty, và chúng tôi không gặp mẹ, thậm chí Giáng sinh cũng không, dù cha chúng tôi đã đến cùng một Bea trông đầy tự mãn vào lúc nào đó trong buổi chiều.

“Mẹ vẫn chưa khỏe hẳn,” chị ấy nói, trông có vẻ cực kỳ sùng đạo trong chiếc áo thun không tay, một loại áo bằng nỉ với những sọc đỏ sậm và xanh. Và vào buổi tối, ông Nugent tạt vào thăm với một hộp nước quả nấu thành thạch, hoặc thạch giả trái cây, xếp thành những vòng bán nguyệt màu cam và vàng và xanh.

Tôi quá quen thuộc với những thứ này đến độ không quan tâm đến chúng, năm mà Ada đã chết. Quá khứ này là một điếu quá chán với tôi. Cái chết của Ada cực kỳ tẻ ngắt, khi chúng tôi chuy<sup>ển</sup> tay những miếng bánh

sandwich và chịu đựng không khí bị lạm dụng của những căn phòng nhỏ này. Và, “Ồ, bà ấy dễ thương khủng khiếp, bà ngoại của bạn ấy,” đi đâu đó là sự thật, dĩ nhiên rồi. Dĩ nhiên là đúng. Và họ nhấm nháp hoặc từ chối rượu sherry nhẹ của họ, và dọn dẹp nhà bếp đầy giấy gói thức ăn, rồi bỏ đi, để lại mẹ tôi trên chiếc ghế của bà trong căn phòng đẹp, người cha yêu *vợ quá đáng* của tôi đứng cạnh bà, hơi khom người xuống; dì Rose trên lầu lên hút thuốc cuối cùng ở cửa sổ phòng tắm, bởi vì dì vẫn không hút thuốc công khai, cho dù mẹ của dì tôi đã chết rồi không buồn quan tâm, và vả lại, bà vẫn luôn biết thế.

Có vẻ hơi thiếu đứng đắn, nhưng chính lúc này chúng tôi được đưa lên phòng ngủ của Ada, theo lệnh của cha chúng tôi để “lấy những gì các con thích”; bọn con gái nhà Hegarty thích thú hưởng trận đấu gào rú lạng lẽ nhất chúng tôi từng có, nghệt thở vì giận và thù ghét nhau trong tiếng thì thào. Tôi kết thúc với một số chuỗi hạt huyền, những chiếc lông đà điểu đen lấy ở bộ lò sưởi của Ada và một bàn tay bằng sứ nhỏ có một chỗ trống trong lòng bàn tay nơi bà cất nhẫn của bà. Ai đó khác đã lấy những chiếc nhẫn, dĩ nhiên rồi - tôi không có cơ hội. Kitty luôn luôn cần các thứ hơn ta cần, Bea luôn luôn đáng nhận chúng hơn, trong khi Midge tội nghiệp - ồ, Midge luôn từ chối mọi thứ cho đến khi chị ấy được thuyết phục nắm lấy tất tậ các thứ. Vì vậy tôi rời ngôi nhà với tiếng gào hơi tiếc vì tất cả những thứ tôi bị từ chối, dù chẳng có gì ở đó tôi thực sự ham muốn. Tôi đã bỏ vào giỏ, vì lòng ham muốn nhất thời, những mẫu vải và tập vải của Ada, dưới ánh sáng ban ngày chúng có vẻ là những món vô dụng đến độ tôi nhét chúng vào một thùng rác bên đường. Tôi không biết cách ham muốn những gì bà để lại đằng sau. Tôi muốn rời khỏi đó, chỉ vậy thôi. Tôi muốn một cuộc đời lớn lao hơn.

Liam đã bỏ lỡ tất cả chuyện này, bởi vì sau mùa hè chúng tôi đến làm việc ở London, anh không trở về nhà. Đúng hơn là thỉnh thoảng anh đến, và đi dự vài buổi nói chuyện: tôi có thể bất ngờ gặp anh trong một nhà hàng hay quán rượu, và anh luôn có một chỗ khác để lưu lại, và sau vài tháng hoang đường anh bỏ đi.

Đó là năm cuối cùng của anh ở trường đại học. Hầu như mọi tối, tôi bị lỡ xe buýt và ở lại với Michael Weiss trong phòng trọ Donnybrook của anh: hai phòng cao với một vách ngăn không chạm trần quanh nhà vệ sinh và một vách ngăn khác quanh nhà bếp. Cửa vào phòng ngủ đã mất và có một tủ quần áo đồ sộ cũ kỹ dựa sát tường. Tôi thiếp ngủ giữa những mảng bóng tối này - cái tủ đen, và khung cửa trống hoác, qua đó những giác quan của tôi đông đưa – chuyện gối chăn vẫn ấm và làm đau giữa hai bắp đùi tôi, và không có chỗ nào để nghỉ ngơi.

Có nhiều chuyện tôi đã nói với Michael Weiss, năm đó, mà từ đó đến nay tôi không nói với ai khác. Đó là năm 1981. Nhưng chưa có gì xảy ra, ở Ireland - đó có phải là điều buồn cười khi nói ra không? Chưa có gì xảy ra trong cuộc đời tôi trừ nhu cầu thoát ra khỏi nó. Tôi ép Michael Weiss uống whisky - những trò màu mè của nó - có lần, tôi ép anh dắt tôi quanh phòng và đi tới đi lui trên phố để già bớt một lượng paracetamol quá liều, thực tình chỉ ít thôi. Tôi đã cho Michael Weiss một thời kỳ gian khổ kỳ diệu và tôi đã cưới anh đến rồi ròi, khi đi đâu anh muốn làm chỉ là chống một tay chỗi người lên nhìn mặt tôi, thuyết phục tôi xuống.

Hình ảnh của tôi về những đêm ấy là một người đàn bà (chính tôi) nằm trên giường, lưng cong lại, miệng há mở, tay quờ quạng tìm bức tường. Không âm thanh.



Tôi nghĩ về bà khi tôi rửa bát đĩa. Dĩ nhiên là tôi có máy rửa chén, vì vậy nếu như có lúc tôi phải khóc thì cũng không khóc vào bồn rửa chén, một cách lặng lẽ như Ada. Bồn rửa chén là chỗ để bà khóc. Nhìn ra từ phía sau nhà, thứ gì đó ở đồng khoai tây bất tận cần gọt vỏ, hoặc vẻ lật vạt của cái sân, nhưng, có lẽ giống mọi phụ nữ khác, Ada sụt sịt chút đỉnh và sau đó tỉnh, tỉnh, vài giọt nước mắt rớt xuống nước trong bồn rửa. Giống như mọi phụ nữ Ada đôi khi phải chùi mũi bằng cẳng tay bởi vì đôi bàn tay bà ướt. Chẳng có gì ngạc nhiên về chuyện này. Tuy nhiên tôi phải nói, tôi có máy rửa chén Miele bằng thép không gỉ. Và nếu cần phải khóc, tôi khóc một cách đứng đắn, ngay trước ti vi.

Cuộc sống thật gian khó với bà ngoại tôi, giờ tôi biết đi đâu đó. Đi đâu đáng ngạc nhiên là ở chỗ, hầu hết thời gian, bà không hề khóc, mà thay vào đó bà cứ sống thế.

Ada rất ít tin. Bà tin vào ngôi nhà sạch sẽ. Nhưng bà không tin, hoặc chưa từng gợi ý, rằng nếu ta ăn hột táo thì một cây táo sẽ từ rốn ta mọc ra. Tôi không nghĩ bà có thể tin bức tranh của tôi về “cô bé Ada Merriman mồ côi”, dù quả thực cha mẹ bà chết trước khi bà lớn. Ada chỉ không tin tất cả *thứ chuyện đó*. Việc tưởng tượng ra các thứ, hay thậm chí nhớ lại chúng, có gì đó khiến bà hơi khó chịu - giống như chuyện đần nhảm, duy chỉ tởm hơn. Những ngày này, dĩ nhiên, tôi ít làm gì khác ngoài tưởng tượng. Và

tất cả là lỗi của bà. Bởi vì nếu tôi nhìn xem trí tưởng tượng của tôi bắt đầu ở đâu, thì đó là tại bồn rửa chén của Ada, ở Broadstone.

Có một tấm lưới nhựa đỏ cho công đoạn sơ khởi, một tấm vải xanh dày cho công đoạn tỉ mỉ và một miếng bọt biển cho công đoạn hoàn chỉnh. Có một tấm vải bông trắng để chùi khăn trải bàn, không bao giờ dùng để lau đĩa. Có một tấm vải dùng cho sàn nhà, không bao giờ dùng làm khăn trải bàn. Tôi phải biết tất cả chuyện này, bởi vì tôi là con gái lớn nhất trong nhà. Công việc của tôi là tiếp quản nhiệm vụ ở bồn rửa, và rửa chén đĩa.

Tôi không ghét chuyện đó lắm. Tôi thích được ở gần bà.

Nhưng tôi đã tưởng tượng ra các thứ. Đứng tại cái bồn rửa Belfast đó, nhìn ra khoảng sân và khung cửa màu xanh mở ra nhà xe bên ngoài, tôi tưởng tượng Ada với chiếc va li lúc chín tuổi, hoặc mười, hoặc bất cứ tuổi nào của bà khi mẹ bà chết và bà một mình đối mặt với thế giới rộng lớn này. Tôi cố tưởng tượng ra một ông bố cho bà, nhưng không thể. Tôi hình dung mẹ tôi chết tại nhà ở đường Griffith - lặp đi lặp lại, thực thế - mẹ tôi chết, và cha tôi khóc r ùi chết theo, và sau đó, khi bà đã được chôn chắt, tôi tưởng tượng những cuộc phiêu lưu kỳ thú cho chính tôi và Liam, bởi bây giờ chúng tôi cũng là những đứa m òcôi.

Tất cả chuyện này trong lúc Ada bắt tôi tráng đĩa với nước rót thẳng từ chiếc ấm đun, và Charlie nháy mắt với tôi, khi bà quay lưng đi.

Một buổi sáng nọ bà gọi tôi vào phòng bà. Bà sắp đi đâu đó, ăn mặc chỉnh tề. Bà cũng mang, tôi nhớ, một cái bao ngón tay như miếng băng cá nhân màu hồng, được kéo chặt quanh cổ tay bằng một vòng thun. Vì một lý do nào đó tôi nghĩ bà gặp tai nạn với cái máy may, nhưng đi đầu này có vẻ quá dữ dội, thực thế, đến độ không thể có thực. Tôi không có h ẫ ức nào về những cái móng bị đâm thủng, trong bất cứ trường hợp nào, hoặc những

tiếng rú và cảnh rối loạn từ phòng kho nhỏ. (Và sự việc là tôi bây giờ có thể mừng tượng ra việc đó - cây kim tuột khỏi tầm kiểm soát, việc lôi người phụ nữ ra khỏi cái máy may đầy đau đớn - khiến tôi nghĩ rằng Ada đúng; có đi đâu gì đó trái đạo đức ở việc tưởng tượng.)

Dù sao thì cái bao ngón tay cũng ở trên ngón tay bà và tôi được gọi lên căn phòng trên cùng và, “Lại đây,” bà nói, ngoái cổ nhìn và nâng nhẹ váy lên, ở phía sau. “Gắn lên cho bà coi.” Và bà xoay chân để tôi nhìn thấy một bên.

Đùi bà nhỏ xíu kỳ lạ. Nó chẳng chịt gân xanh đen tụ thành đám, bên trên đôi tất dài bùng nhùng, được gấp lại ở mép thành một đai màu cam dày. Những miếng trắng nhỏ đựng đưa ở đầu các dải ruy băng chun lại, từ một chỗ tôi không thấy được, hay không muốn thấy, và phải mất hồi lâu tôi mới hiểu ra bà yêu cầu tôi làm gì. Tôi phải cúi người xuống cạnh những tấm đắp kiểu Gothic trên chiếc coóc xê của bà và buộc nổi nó vào đôi tất dài chờ sẵn bên dưới. Tôi nhớ độ mềm mại của những chiếc khuy bấm cao su cắn vào lớp tất nylon không chịu nằm yên một chỗ, và sự mát lạnh của chân bà, và mùi chua của vật đáng trọng của bà. Và tôi tưởng tượng rằng mọi người đàn ông ghé chơi đây đều biết về những kẽ hở bí mật này giữa những quần áo của bà, tư thế hai chân kỳ thú của bà, và lớp vòm chặt căng của chiếc coóc xê của bà, phơi mở ra cho không khí bên dưới.

Và có lẽ họ đã biết.

Vì vậy khi Frank Duff đến nhà, tôi nghĩ ông ta cũng theo đuổi bà.

“Chỉ một chút gì đó thôi, Ada. Không, tôi năn nỉ đó! Chỉ một chút xíu gì đó thôi mà.”

Đó là Frank Duff, thủ lĩnh thực sự của Đạo binh Đức Mẹ thực sự, một tổ chức tôn giáo, vào năm 1967, tôn thờ sự vô nghĩa và việc pha trà.

“Chúa phù hộ em. Chúc Giáng sinh vui vẻ cho tất cả con cháu em.” Và ông ta vuốt bàn tay yêu thương lên má tôi, tóm nhẹ lấy cằm, buông nó ra.

Ông Nugent đến sau đó với hộp trái cây ướp thạch. Phốt lờ Ada và xoay ra nói chuyện với bọn trẻ. Đó là Giáng sinh: ngày của chúng tôi.

Thực ra thì Frank Duff dành những năm đầu đời để cứu vớt những cô gái điếm khỏi đường phố Dublin. Đó là chuyện ông làm năm 1925 - người đàn ông thông minh, dễ thương này - ông ta đang tổ chức những hội đoàn; ông ta thuyết phục các cô gái bỏ nhà chứa, trả tiền chuộc cho má mì của họ, và đưa họ đến những nhà lánh nạn. Đây là sứ mệnh vĩ đại đầu tiên của Đạo binh Đức Mẹ. Vào mùa chay năm 1925, khi Ada gặp Charlie, Frank Duff nói nhiều hơn những lời cầu nguyện của ông.

Tôi khám phá ra điểu này khi tôi đuổi theo ông qua những kho sách thư viện đại học, trong lúc làm tiểu luận cho bài tập cuối cùng ở đại học của tôi, đặt tên (tôi nghĩ không có ý mỉa mai châm biếm), “Việc trả tiền cho quan hệ tình dục ở Nhà nước Ireland Tự do”. Bởi vì tôi đột nhiên chắc chắn về nhiều điều. Bao gồm chuyện người ta giao cấu, đó là một trong những việc họ đã làm: đàn ông giao cấu với đàn bà - nó không xảy ra theo hướng ngược lại - và cơ chế gây ngạc nhiên này sẽ làm thay đổi, không chỉ tương lai của tôi, vốn đang hẹp lại giữa khi tôi nhìn nó, mà còn cả thế giới quá khứ đã hoàn tất và rộng lớn của tôi.

Vì vậy trong một lát tôi tưởng tượng Ada là một trong những gái điếm được phục hồi của Duff. Bà không phải là một gái điếm thô kệch, dĩ nhiên rồi - bà là một đứa trẻ mồ côi. Bà hầu như không phải là gái điếm. Bà là một cô gái tội nghiệp, quay mặt vô tường khi những đồng tiền kêu loảng xoảng trên bàn cạnh giường, và bóng dáng tối đen của một người đàn ông rời khỏi phòng.

Chúng ta hãy bám sát chuyện này. Một váy lót xa tanh, phần ren hơi bị rách. Một bức ảnh Đức Mẹ Đồng Trinh đặt trong một ngăn kéo, cho đến khi ông ta đi. Một tiểu thuyết về sự sa ngã. Và cơn lạnh run trong phòng chờ của bác sĩ, siết lấy cái áo khoác len ở ngay cổ, chỗ bị mất nút. Một sự tưởng tượng trung lưu, bản thủ, về những chiếc tất nhẵn nhúm, và bệnh lao, và việc ng ửi xôm để rửa ráy bên một cái chậu trên sàn nhà.

Vì vậy có những thầy tu trong sảnh khách sạn Belvedere tối đó vào mùa chay: và một bà tú, và người đàn ông của chúng tôi với hộp kẹo sô cô la, Frank Duff. Họ đang mua chuộc bà tú này. Một cách lặng lẽ. Họ đang dẹp chuyện làm ăn của bà ta.

Bên ngoài Ada và Nugent lắng nghe, và rồi quên lắng nghe mạch câu chuyện mong manh lọt ra khỏi sảnh trước. Ít nhất trong một chốc, họ chỉ ng ửi đối diện nhau - người đàn ông từ tổ chức Đạo binh Đức Mẹ và cô gái điểm thợ may nhỏ bé. Xác suất là bao nhiêu? Bà đẹp. Còn ông thì sống quá t ầm mình. Thành phố này lặng lẽ và khách sạn này lặng lẽ, và không có ai ở đây để nói với Lamb Nugent rằng ông sẽ ng ửi trong căn phòng trước đẹp đẽ của người phụ nữ này suốt phần đời còn lại của ông, chìa ra chiếc tách sứ nhỏ của ông để đáp lại câu *Thêm trà nhé, Lamb?*

Không có ai, nghĩa là, cho đến khi Charlie Spillane bước vào cửa.

“Thưa bà,” ông nói, khẽ nghiêng cái mũ không h ết ần tại cửa ông. “Tôi hy vọng anh bạn này đã giữ cho bà được vui.”

Michael Weiss, như tôi nói, thích nó - nhưng ngay khi anh ta thích nó, tôi đã đổi ý. Ngay khi anh ta nói từ “mại dâm” nó co rút lại, câu chuyện ốc sên nhỏ bé của tôi đang tìm đường vào thế giới này. Anh ta chưa bao giờ gặp Ada. Anh ta không biết gì về những đi ều tôi nói đến. Tôi đang nói về

gia đình. Tôi đang nói về việc chúng tôi đang làm, ba lần một đêm. Tôi đang nói về đóa hoa thịt của cái hăm của tôi dưới bàn tay anh.

Trong khi đó Liam xuất hiện và lại bỏ đi. Anh có một căn phòng đi vào một quán rượu ở Stoke Newington; và anh lo âu về những kỳ thi; cha chúng tôi đỏ mặt tía tai khi nói về sự lãng phí tài năng của anh và số tiền lớn đổ vào học phí.

“Hãy nói với thằng anh đó của con, nếu con gặp nó. Nói thằng anh con gặp mặt ta nếu nó có thể. Nói với nó vậy cho ba.”

“Ô, cái gì ba? Nói với anh ấy cái gì?”

“Ý con là sao, *cái gì* nghĩa là sao?”

“Được rồi. Con sẽ nói với anh ấy.”

“*Cái gì?*”

“Con sẽ nói với anh ấy.”

Mẹ tôi nói, “Ai? Nói với ai?”

Chất Mỹ trong Michael Weiss nghĩ gia đình Hegarty cực chịu chơi. Anh ấy thỉnh thoảng gặp Liam trong quán rượu Belfield, và hai người ăn ý theo cái đáng ngạc nhiên mà đàn ông có - người đàn ông ngủ với ta và anh trai ta, chẳng hạn, họ nhìn nhau, gật đầu, và liếc trở thành ẩn ý.

Nó khiến tôi hơi điên, thực sự, khi nhìn hai người bỏ đi chơi bi-a, trong khi tôi ngồi đó một mình với ly Satzenbrau.

Nhưng chúng tôi đã có mấy tối tuyệt vời, ba đưa chúng tôi, bản thân tôi và Liam làm một việc mà chúng tôi đã bắt đầu vào mùa hè đầu tiên đó ở London, đó là kể chuyện về gia đình chúng tôi cứ như toàn là bịa ra. Chúng tôi có màn tung hứng về lễ thụ phong của Ernest, lòng bàn chân vàng khủng khiếp của anh khi anh nằm phủ phục trên bệ thờ, hình ảnh mẹ chúng tôi,

khi tất cả trò phù phép được thực hiện xong, lập cập đi qua để mặc cho anh chiếc áo choàng, và sau đó, tại một kiểu tiệc cưới, hai người họ cùng cắt bánh với nhau, anh trai tôi và mẹ tôi, và hôn nhau khi làm xong.

“Anh không tin được,” Michael Weiss nói. “Mẹ em à! Anh không tin được!” và anh có thể bắt đầu kể lể đi đâu gì đó về lễ thành niên kiểu Do Thái của anh, đi đâu mà chúng tôi phớt lờ, dĩ nhiên.

Dù một số việc ở gia đình chúng tôi thấy là buồn cười nhưng anh không thấy buồn cười chút nào. Người anh bé bỏng Stevie của tôi - đã chết lúc lên hai - “Bà đã làm chuyện đó,” Liam nói. “Bà đã đặt cái gối lên mặt anh ấy,” và chúng tôi cười ngặt nghẽo. “Ô, thôi nào, mẹ có bầu suốt. Lúc nào cũng có bầu.”

“Anh thì có làm thế không?”

Không lâu sau Michael muốn ghé thăm nhà. Tôi không biết làm sao giải thích cho anh biết rằng không ai quan tâm anh có ghé thăm hay không, nhưng mọi người sẽ cười anh cả năm nếu anh xuất hiện tại cửa. Cuối cùng anh bấm chuông với một chùm hoa rất Mỹ vào đêm vũ hội sinh viên, và đi thẳng vào giống như Cary Grant, qua tiền sảnh và phần phòng khách mở rộng, đi tuốt luôn tới phần coi nồi làm nhà bếp, cha tôi nhõm lên khỏi ghế của ông mà bắt tay chàng trai, và “Ô. Xin chào,” mẹ tôi nói, như bà có thể nói, *có lẽ sẽ nói*, với người sao Hỏa từ lòng sáng hạ xuống tấm trải sàn của bà, hoặc với tay nghiện ma túy thủ con dao, như bà sẽ nói trên giường bệnh của mình với cô y tá, hoặc với đường hầm ánh sáng rộng mở.

“Ô. Xin chào.”

“Michael Weiss, thưa ngài,” Michael Weiss nói, chìa ra bàn tay thành thật và đầy nam tính; cha tôi, phải ghi nhận cho ông, đã nén xuống nhu cầu

muốn hỏi liệu đấy có phải là một loại tên Do Thái không, dù sau này ông vẫn hỏi tôi chuyện đó.

“Weiss, đó không phải là cái tên Do Thái chứ?” khẳng định rằng ông không phải là một kẻ bài Do Thái khi ông không biết bất cứ người Do Thái *ngớ ngẩn* nào.

“Bây giờ ba đã biết một người rồi đấy.”

Tất cả chuyện này trước khi tôi bắt đầu đi cả đêm không về và những cuộc cãi cọ xảy ra. Bạn có thể thắc mắc ông có được sinh lực từ đâu. Cha tôi rất nóng tính, nhưng hiếm khi ông mất bình tĩnh với các con gái của mình. Ông chỉ nổi nóng với các con trai, nhưng chỉ khi họ chống đối ông. Dĩ nhiên bọn con trai chống đối ông suốt, nhưng hễ là chuyện của bọn con gái, ông có thể phớt lờ mọi chuyện về nhà quá khuya miễn là ta không xin ông tiền trả taxi, ông có thể để cho ta đi vào say mềm, miễn là ta đi ngang ông và tiến thẳng lên lầu, ông có thể không nghe ta nôn mửa trong nhà vệ sinh miễn là sau đó ta dọn dẹp sạch sẽ, nhưng khi ông hỏi xin ta một điều thuốc và ta lôi ra một hộp Durex, giống như một nữ sinh cá biệt, thì ông buộc lòng phải phun trào, và vẫn tiếp tục phun trào, giống như suốt Old Faithful, cho đến khi ta tự tìm ra *nơi ở khác*.

Ngoài những lý do khác, chúng là của phi pháp. Mọi người đều có. Dù chúng ta cần chúng hoặc không.

Không có gì mà cha tôi sợ không nói. Ông không có ý thức về khoảng cách. Hầu như ông như thể đang nói chuyện với chính mình. Tôi *đánh đi khắp Dublin*. Tôi là *thứ hàng hóa cũ*, tôi đang biến mình thành cái *bồn cầu* - tôi không lừa bạn - dù tôi nghĩ đi đâu ông thực sự muốn nói là tôi *không làm việc tôi được sai bảo*.



Vụ la hét xuất hiện hai ba tháng trước kỳ thi tốt nghiệp của tôi. Và dù nó cũng là chuyện cười theo cách của nó, nó đã tác động đến kỳ thi của tôi - mà tôi thì rất coi trọng chuyện thi cử. Có lẽ đây là lý do tôi cảm thấy không can hệ đến thế: tôi đang ng ồi trong bếp nghĩ về Robespierre, chưa kể đến Frank Duff, cha tôi làm ra vẻ giận dữ - ông là người đàn ông nhỏ con, cha tôi ấy - và tôi cho rằng mình cũng góp phần đáng kể vào việc la hét, nhưng một phần trong tôi chỉ là nhìn ông, xì lên, màu đỏ trên cổ ông, trong khi mặt ông trắng bệch, rồi sắc đỏ sôi lên quanh đôi mắt xanh của ông, cho đến khi mặt ông đỏ lên một cách bất ngờ, đồng nhất, và lớn tiếng. Trên cái đầu hói của ông cũng có một vùng chỏm đỏ. Tôi nhớ mình đã nghĩ rằng bản thân ông không tin những đi ều ông nói, và chính sự thiếu niềm tin này, kết hợp với sự thiếu niềm tin của chính tôi, đã đẩy ông đến những thái cực như thế.

H ồi đó ở Belfield, người bạn thân nhất của tôi Deirdre Moloney vừa bị mẹ cô ấy tống ra khỏi nhà chẳng vì chuyện gì cả: một kiểu con gái rất chừng mực, con nhỏ mới quan hệ tình dục có hai lần. Con cái bị quăng ra đường khắp Dublin. Tất cả bố mẹ chúng tôi trong những ngày đó đều điên hết. Có đi ều gì đó ở mùi của chúng tôi phát triển khiến họ hoàn toàn mất trí.

Trong vài tuần, cha tôi không thể nhìn tôi, và đi ều này làm tổn thương tôi ở nơi ba-yêu-con-gái-cưng; nơi ta vẫn tin cậy và đùa giỡn. Nhưng dù nó gây tổn thương, tôi vẫn nhận ra rằng tôi có thể dựa vào những tổn thương xưa cũ nhiều hơn tổn thương đó - và đây là cách tôi sống sót. Đây là cách tất cả chúng ta sống sót. Chúng ta mặc định theo vết thương lâu đời nhất.

Đi ều gây thương tổn lúc này là việc cha tôi đã chết. Ông chết năm 1986. Vì vậy ông không bao giờ đi vào những cửa hàng nơi người ta bán

bao cao su cạnh máy tính tiền. Ông không bao giờ phải thay đổi cách nghĩ của mình, dù nhỏ nhất nhất. Tôi cũng nghĩ về ông khi tôi nắm bàn tay quanh tấm mai mực mà Rebecca nhặt được trên bãi biển, bởi vì nó gọi tôi nhớ về một hột xoài; thực sự thì khi cha tôi chết không ai ở Ireland ăn xoài, dù tôi nghĩ trái kiwi hồi đó là thứ rất được ưa chuộng. Và tôi cảm thấy mình phải an ủi ông vì những quả xoài. Tôi phải an ủi ông vì khoảng cách chúng tôi đã rời xa khỏi nơi ông dừng lại.

Nhân thế, hồn ma của ông không thêm lý tới chuyện tôi ngủ với ai. Hồn ma của ông ở ngoài chuyện tình dục. Và đôi khi tôi nghĩ rằng mình cũng thế.

Nhưng vẫn có Michael đó, trước con bão tố, bắt tay cha tôi và cha tôi không nói, “Weiss hả? Nói chung đó là loại tên gì?”

Tôi bước vào nhà bếp trong cái váy Jenny Vander màu đồng, trông, theo ước tính, khá đẹp. Hai chúng tôi đi bộ rời ngôi nhà tôi đã lớn lên, Michael Weiss vui thích đến không tả được.

“Anh không tin,” anh nói. “Anh không tin được. Mọi thứ em nói. Tất cả đều thật.”

Và tôi đã - tôi đến nay vẫn thế, ngay cả khi viết điếu này ra - xấu hổ điếu người.

Cửa tiền sảnh nhà Ada sát đường. Không có vườn hay lối dẫn tới cửa nên người ta đi ngang qua nó, rất gần, mà không bước vào. Cách bố trí này cũng không thay đổi được như bản thân Ada, và cũng đầy phần khích. Trong suy nghĩ của tôi, bà luôn luôn treo ngoe với thế giới.

Vào mùa hè, cửa này phủ lớp vải bạt màu kem, với những sọc nâu nhạt dày mỏng xen kẽ. Có một khe hở nằm ngang để lộ ra miệng hộp thư, một khe dài cho búa gõ cửa, và một lỗ tròn nhỏ cho cái chuông. Cánh cửa bên trong, nếu ta giở tấm vải lên, được sơn màu xanh ve chai.

Ngôi nhà nằm trong một dãy những ngôi nhà nhỏ y hệt nhau, mỗi căn đối xứng với căn kế tiếp, nên các cánh cửa nép sát vào nhau thành từng đôi. Chúng tôi ngủ ở phía sau ngôi nhà. Tôi nhớ mình đứng tại cửa sổ phòng ngủ nhìn ra nhà xe bé tí ở cuối khu vườn nhỏ của Ada, và nhìn con hẻm bên kia. Chúng tôi có hai giường cho ba đứa chúng tôi, một cái rộng cho hai đứa con gái và một cái hẹp cho Liam. Giấy dán tường là kiểu hoa màu xanh lơ và xanh lá cây, có dạng củ và hơi có ánh kim loại; chúng khiến cho toàn bộ nơi này hơi vắn vẹo dưới ánh mắt trẻ thơ chăm chăm của tôi.

Đây là tôi, ở tuổi lên ba, tai áp sát vào vách máy giặt màu đồng của bà, hoặc nhìn vào qua mép gờ, để thấy chuyển động cuộn xoáy và xóc nảy của quần áo: Ada đẩy mớ quần áo này qua máy vắt (*Đừng đừng vào máy vắt*), mớ xà bông cuối cùng xì xì ra trong khi mớ thứ quần áo, bị vắt cạn kiệt,

từ từ trượt qua, sau đó bò ra giữa hai trục lăn, rớt vào giỏ giống như một khối vải không nhàu Crimplene.

Đây là tôi đang nhai cái nón tắm cao su của Ada để những bông hoa màu vàng nổi tiếng của nó xuất hiện trong tã lót của tôi ngày hôm sau. Tuy rằng, dĩ nhiên, nó phải là tã lót của Kitty - khó mà là của tôi, ở tuổi lên ba. Ada hét gọi Charlie, ông nhìn qua vai bà và nói, “Ở đâu chúng ta có được một đứa con gái thông minh như thế?”

Dĩ nhiên tôi ghen tị với cô em gái mình, nhưng tôi cũng dành cho nó một tình yêu kỳ lạ, mạnh mẽ nữa. Chẳng có gì ngạc nhiên khi tôi đánh cắp những ký ức của nó thay cho những ký ức của riêng tôi. Tuy bây giờ tôi nhận ra, không có người đàn ông nào thò tay vào một tã bẩn, như tôi có thể thấy Charlie làm trong trí tưởng tượng của tôi, để kéo ra một chùm hoa vàng bột phấn.

Đây là tôi, dứt khoát là thế, kéo cái nón tắm che mặt. Tôi liếm mặt trong mằn mặn của nó, cho đến khi nó bịt kín tôi - mùi tóc của Ada trong biển. Rồi tôi bắt đầu chìm ngập trong ánh sáng màu hồng, nổ tung ra thành những đóa hoa mềm mại màu đỏ rực, và một màu đen tuyền sáng khác thường.

Chuyện này đã xảy ra chẳng? Thế giới tổn thương khi cái nón bị kéo đi; Ada, ở bên ngoài tôi, đang la hét. Tôi bị kéo vào bộ ngực lép xẹp của bà, có vị của len và những mẫu xà bông Lux.

Mà rất có thể, chính Liam đã chụp cái nón lên mặt tôi và suýt giết tôi. Hoặc là Kitty bị hai đứa tụi tôi làm ngạt thở. Chúng tôi đóng trò ngất xỉu suốt, việc đó sẽ đặt cái nón - cái nón tắm màu hồng thơm tho, kỳ quặc, với những bông hoa màu vàng mềm rũ - vào thế giới của một đứa bé tám tuổi chứ không phải thế giới của một đứa mới lên ba.

Đôi khi, trong những cửa hàng quần áo cũ, tôi tìm những món giống như những thứ đó, nghĩ rằng nếu có thể cầm cái nón đó trong tay, nếu có thể căng nó ra và ngửi mùi của nó, thì tôi sẽ biết cái nào là cái nào và đưa nào là đưa nào trong đám Kitty, Liam và tôi.

Lần thứ hai chúng tôi tới ở nhà Ada cha lái xe đưa chúng tôi đi ngang thành phố vào một buổi chiều vắng xe cộ - chắc là một ngày Chủ nhật - với những va li trong ngăn hành lý. Và đi đầu khiến tôi kinh ngạc h ồi đó là chẳng hiểu sao ông lại biết rành đường.

Đây là nơi sự im lặng xảy ra - khi tôi đứng trong căn phòng phía sau nhìn ra nhà xe và đường hẻm. Đó là một sự im lặng ngập tràn, giống như không khí được làm bằng gỗ, và kiểu hoa dạng củ trên giấy dán tường phòng phía sau vừa hơi vắn vẹo vừa hoàn toàn đứng yên, dưới con mắt tám tuổi của tôi.

Và - tôi không biết tại sao chuyện này lại cần nói ở đây - nhưng đây là cha tôi trong gian bếp ở đường Griffith, có lẽ sáu năm sau, đang nắm thành bàn gỗ cứ như nó là cuốn Kinh Thánh, và đang gào la với Liam bằng giọng thận trọng những câu, “Ta yêu mẹ con từ ngày ta để mắt thấy bà lần đầu. Ta tôn thờ mặt đất bà bước lên.”

Đây chắc là Liam đang nói đi đầu gì rất xúc phạm, ở tuổi mười ba hoặc cỡ đó. Môi cha tôi mọng lại và tím ngắt, ngực ông nhấp nhô như ống bể, ép vắt ra từng cụm từ như những luồng khí.

“Ta YÊU Mẹ con từ NGÀY ta để MẮT thấy bà lần đầu. Ta TÔN thờ mặt ĐẤT bà BƯỚC lên.”

Trong khi Mossie đọc báo, tôi tiếp tục làm bài tập ở nhà của tôi, và Midge vừa khóc về đi đầu gì đó khác hoàn toàn vừa pha một tách trà.

Ông chắc chắn là nói nghiêm túc. Cha tôi, run rẩy, trong khoảnh khắc trước khi cái gì đó bị ném hoặc bị vỡ. Lúc đó Liam gọi ông là con khi đột ngựa dái, có lẽ vậy.

“Ba là con khi đột ngựa dái!”

Và bay ra khỏi phòng, trước khi anh có thể bị tóm lấy đầu và ăn một quả dấm.

Cha tôi là người nhỏ con. Và ngực ông luôn luôn rít và hát lên. Và tôi chẳng nhớ gì giọng như tôi nhớ được sự im lặng sau khi ông đóng cánh cửa trước của Ada và chu ối vào ghế trước chiếc xe hơi, lái đi.



Khu vườn nhỏ của Ada có lẽ chỉ là một cái sân, nhưng chúng tôi nghĩ nó là một nơi đầy hứng thú, với những cây tằm ma và táo dại: cửa dẫn ra nhà xe có khi mở có khi bị chốt lại, và chuyện ta không bao giờ biết liệu ông Nugent có ở trong đó không chỉ tăng thêm phần thú vị mà thôi. Liam xài những dụng cụ trên bàn thợ máy, hoặc chơi với chiếc xe hư trong đó. Tôi thường ng ẩ trên lớp da xanh được khâu ráp của ghế trước, với nhiều chỗ còn căng phẳng và có chỗ bị xé toạc. Tôi không thử lái; bằng đồng hồ quá kỳ lạ. Tôi chỉ thường trượt tới trượt lui trên lớp nệm ghế, hoặc lăn trở trên những đường chỉ khâu khéo léo, và nói bằng giọng kẻ cả với bất cứ ai đang lái, dù anh ta thực sự có ở đó hay không.

Hai cánh cửa kép dẫn ra lối hẻm sau, nơi có một chiếc xe khác nữa nằm trên những cục kê, một vật mạ crôm và màu xanh nhạt với những cánh tản nhiệt to tướng kiểu Mỹ. Thậm chí bây giờ tôi cũng không thể nhìn một

chiếc xe bỏ phở mà không có cảm giác đau nhói. Ông Nugent đến và đi qua những cửa dẫn ra con hẻm, và quanh quẩn trên bàn thợ máy, hoặc đút đầu vào ca pô của con quái vật Mỹ này nếu đẹp trời. Vào thứ Sáu ông đi vòng ra cửa trước và gõ cửa, và ông luôn luôn có kẹo cho bọn trẻ. Ông đội mũ, giờ xuống khi Ada mở cửa. Phải qua nhiều năm tôi mới để ý ngạc nhiên trước tính nghi thức của cung cách này, hoặc đi đâu đang xảy ra.

Ada gọi ông là Nolly, dù tất cả chúng tôi biết rằng cần gọi ông ta là ông Nugent, nếu có bao giờ gọi ông ta bằng một tên gì, dù chúng tôi cũng không bao giờ gọi.

Đôi khi bà gọi ông là Nolly May, bà có thể gọi vậy sau khi ông đi, “Ôi, Nolly May,” đẩy cái ghế ông đã ngã lại sát tường. Ông chẳng làm gì nhiều trừ việc ngã đó cảm thấy bị xúc phạm vì giấy dán tường, nhưng luôn luôn có chút mồ hôi trên người ông, và ông hắng giọng hoài, và bạn có thể thấy rõ ông thèm muốn bà ngoại biết bao nhiêu.

Bà có cung cách thật tuyệt vời, bà ngoại tôi. Bà thích đặt các thứ lên khay. Bà có những quan điểm rõ ràng về đường cát đóng viên về chuyện chỗ nào là dành để đặt miếng bánh nướng của bạn giữa hai lần cắn, tất cả điều ấy khiến bạn cảm thấy thực sự không thoải mái và rất được yêu thương. Bà may quần áo trong phòng kho trên lầu, và đôi khi bà làm việc trong nhà hát, đó là lý do tại sao mọi việc phải đàng hoàng. Nó góp phần tạo ra một kiểu không khí cuộn xoắn giữa bà và những diễn viên thỉnh thoảng đến thử áo. Họ có vẻ bóp nặn ra cái gì đó giữa họ với nhau, cho đến khi - ồ, nói đi! - căn phòng ngập đi đâu ám chỉ. Tuy nhiên bà vẫn dọn dẹp ly tách sau khi chính người khách đó đã ra về và nói với tôi rằng sân khấu là một cuộc sống thú vị nhưng nó khiến bạn rất cay đắng. Hoặc bà sẽ nói đi đâu

gì đó khó quên kiểu như, “Tình dục chẳng đưa ta tới đâu cả trong thế giới này. Hãy nhớ đi đâu đó, tình dục dứt khoát Chẳng Đưa Ta Tới Đâu Cả.”

Dù Charlie thường vắng nhà, bà vẫn có chúng tôi bầu bạn, và đôi khi một nữ diễn viên nào đó ngủ lại trong phòng kho, nếu cô ta có một buổi diễn trong thành phố, bị nhét vào đằng sau hình nhân của thợ may và cái máy may điện. Ít nhất tôi nghĩ cô ta ngủ trong đó. Hình nhân này tác động kỳ lạ lên trí tưởng tượng của tôi; thậm chí trong đầu tôi cũng không thể mở được cánh cửa, lúc này, để nhìn vào trong.

Peggy McEvoy, cô ta được gọi vậy. Và cô ta đã đính hôn với ai đó trong lãnh vực truyền hình.

Và có Nolly trong căn phòng đẹp, hăng giọng và nuốt, trong khi chúng tôi ăn bánh quy VoVo do ông mang tới, và bánh pizza Blackjacks. Tôi biết ông qua vị của kẹo và ánh phản chiếu ở mắt kính của ông, hoặc vẻ nặng nề của những túi áo của ông, hoặc khối u nhỏ lạ kỳ đang mọc đầy bên trong tai ông. Đôi tay ông được đặt ngay ngắn trên mỗi đầu gối, và ông luôn luôn hơi chồm người tới, không dựa hoàn toàn vào lưng ghế. Ông ngẩng như một ai đó không có nhiều quan hệ tình dục, khi bây giờ tôi thấy ông trong tâm tưởng tôi - và cái nhìn của ông cũng quá suồng sã, theo một cách mà bây giờ tôi cũng nhận ra. Dù ông, theo cách chán nản của ông, có bốn đứa con và một bà vợ chúng tôi chưa hề gặp, tên Kathleen. Khi Ada rời khỏi phòng ông sẽ đứng lên khỏi ghế và bước tới ti vi tắt nó với một tiếng cạch. Sau đó ông sẽ ngẩng xuống lại và nhìn chúng tôi. Một phút sau ông thường xoay xổ lấy thứ gì đó từ túi áo ra.

“Nó không phải đồ chơi đâu.”

Dù nó luôn luôn là thứ gì đó thật thú vị. Ngày nọ nó là một con chuột bạch - hoặc, nó hẳn là một con chuột nhắt - với đôi mắt đỏ cái đuôi hồng,



và ông nâng cổ tay áo len của tôi lên, để cho nó chạy lên tay áo tôi và lên ngực tôi: Ada bước vào rồi rú lên.

Bà mang trà lên đặt trên một chiếc bàn nhỏ có hai bàn nữa nhét vào bên trong nó, cái này nhỏ hơn cái kia. “Trải khăn trên bộ bàn xếp lờng nhau này,” bà nói với tôi. Và “Charlie nói” đi đâu này và “Charlie nói” đi đâu nọ, bà sẽ nói với Nolly May, khi đặt khay xuống hoặc trao cho ông một tách trà. Bà đang nói về ông ngoại Charlie của chúng tôi, người mà, khi Nugent không nghĩ đó, “Ông ấy đi hồi mấy giờ? Cháu có thấy ông ấy lấy tiền trên kệ này không?”

Tôi không nghĩ Charlie uống rượu (thậm chí những thói xấu của ông cũng lỗi thời), ông chỉ làm mọi chuyện khác. Hoặc không chuyện gì khác. Thật khó mà nói rằng ông đã làm gì, trừ việc ông vắng mặt. Và đôi khi ông trở về với quần áo khác.

“Ô, ông đối đãi với bà cứ như một nữ hoàng,” như họ nói trong những bữa thịt được nấu trong đám tang. Họ có một câu chuyện, Ada và Charlie, đi đâu đó là chắc chắn, trong đó mỗi người đóng những vai quan trọng nhất, và khi bà băng qua phòng tới chỗ ông, ta có thể rõ họ cảm thấy cam chịu số phận ra sao, như thể tình yêu của họ là một gánh nặng lớn lao cũng như niềm vui với họ.

Một lần tôi bước vào phòng khách thì họ đang nghĩ trên hai đầu trường kỷ, ông để bàn chân già nua của bà lên lòng ông, và đang xoa bóp nó qua lớp tất mỏng.

Tôi không thể kể với bạn Nugent đã làm gì, dù đâu đó trong đầu tôi in chặt rằng ông là người thu tiền cược cá ngựa, hoặc thư ký của người thu tiền cược cá ngựa, rằng thỉnh thoảng ông mặc áo khoác len casomia xám, bước vào chiếc xe hơi đen, và được đưa đến trường đua. Tôi chỉ thực sự

biết rằng ông dùng nhà xe phía sau cho những chiếc xe hơi cũ cộc cạch của ông và ta không bao giờ biết liệu ông có ở trong đó hay không. Tôi đã nghĩ - nếu tôi có nghĩ bất cứ chuyện gì vào lúc đó - rằng Ada cho phép ông dùng nó bởi vì bà không có xe hơi riêng, và vào thời điểm đó, Charlie không lái xe.

Vậy là cuối cùng tất cả họ ở đây, đang đi đến trường đua. Đó là ngày thứ Hai lễ Phục sinh và mọi chiếc xe ở Dublin đều hướng về trường đua Fairyhouse thành một đoàn, có những chiếc xe buýt kiểu xưa đậu thành hàng dọc theo phố O'Connell, và cứ hai mươi phút có một chuyến xe lửa khởi hành từ nhà ga tại Broadstone.

Những ngày buồn tẻ của mùa chay đã qua, sứ mệnh của Đạo binh Đức mẹ đã thắng lợi, các nhà thờ bị cảnh sát bố ráp, được rẩy nước thánh, bị Frank Duff mua đứt, và bị đóng cửa. Một đám rước tôn giáo vĩ đại được tổ chức và một cây thánh giá được dựng ở phố Purdon bởi chính nhân vật này, đứng trên một cái bàn nhà bếp và đóng đinh bằng một cái búa lớn khủng khiếp. Hai mươi cô gái được đưa vào khu mái ấm Sancta Maria và đi điều trị bệnh nghiện rượu cũng như đi điều trị thói nghiện kia nữa. Người nào cũng cầu nguyện ngày lẫn đêm, đêm lẫn ngày, cho đến khi họ chán ngấy, cả thành phố cũng đã ngấy đến cỡ, họ đã lãnh nhận tro và hôn cây thánh giá, và cảm thấy *thanh sạch* về linh hồn, một cách sâu sắc, thực sự: Lễ Phục sinh bắt đầu, tạ ơn Chúa, và khi đã ăn uống xong cười đùa xong nhìn những cây hoa thủy tiên vàng họ lên giường làm tình (quả là một thời gian dài, bốn mươi ngày) rồi có một giấc ngủ no nê và, sáng hôm sau, tất cả họ đi xem đua ngựa.

Đó là thứ Hai Phục sinh, một thời điểm vẫn còn nhạy cảm. Đó là ngày Giêsu nói, "*Noli me tangere*," với người phụ nữ trong vườn. Đừng chạm

vào ta. Còn quá sớm. Quá sớm để bị chạm.

Ôi, Nolly May.

Dù có thể Ada đã nỗ lực thế nào đó. Có thể bà quên, trong chốc lát, rằng Charlie là người bà sẽ yêu mãi mãi mà tận lực với Nugent. Xét cho cùng ông là người đã mời mọc bà; nấn ná sau buổi lễ, đề cập đến khả năng một chuyến đi chơi xa. Dĩ nhiên chẳng nào bà cũng đi, nên đi đâu ông đề nghị không có vẻ một cuộc hẹn hò, mà như một chuyến đi nhờ xe hơn.

“Cô nói cô thích một chuyến đi bằng xe hơi,” ông nói trong khi nhìn xuống con đường giữa họ.

Bà dán mắt vào cùng một điểm và nhướn mày lên nói, “Tôi có thể dẫn theo một người bạn không?”

Vì vậy Nugent là người tình trong tất cả chuyện này, Charlie là phương tiện vận chuyển, Ada là hồn ma và nữ quý cô gái dễ thương người phụ nữ sa ngã cô gái điếm buồn kẻ mồ côi tội nghiệp lần đánh cược an toàn, tùy cách nhìn, và cùng với bà là Ellen, người đi cho có cặp với Charlie và chỉ là một hầu gái.

Nugent và Ada ngẩng ở đằng sau chiếc Morris và ánh sáng ban ngày hết sức hợp với bà. Có màu hồng tươi mới trên đôi má bà và tóc bà dày trong gió và ông cảm thấy thoải mái một cách ngờ nghệch ở đó cạnh bà, ông cảm thấy giống như ông chỉ cần nói chuyện - bà hiểu ông quá nhanh. Một người đàn ông có thể nói với một người đàn bà giống như vậy và cảm thấy mình thành một người tốt hơn, ông ta có thể quên hoàn toàn những suy nghĩ trong đêm và những cuộc đấu tranh của lương tâm, quên vết thương hở của linh hồn đang mở toác - trong giấc mơ hoặc trong cơn ác mộng nào đó - trong lồng ngực.

Nó đã biến mất, cái mẫu kỳ quặc này, nó đã bị quét mất biến bởi một chuyến đi hội hè trong một chiếc xe mui trần, trong cuộc diễu hành với mọi chiếc xe khác ở Dublin, do mùa chay đã qua, và cuộc đua đang diễn ra. Bàn tay của Nugent thì vững chãi còn cô gái cạnh ông thì chân thành và thơ mộng như một con thú, và vì thế ông an toàn. Với Ada, ông an toàn.

Và thế là họ lái xe - theo đường Navan, qua khu tổ hợp nhà máy Guinness nơi Charlie nhắc cái mũ tưởng tượng của ông lên để chúc mừng thứ bia ngon lành.

“Hú hu,” ông kêu. “Hú hu!”

Và bây giờ họ có một khoảng thời gian tuyệt vời, hát một bài hát - bài gì nhỉ? - “The Harp that Once”, “Silent O Moyle” - những bài hát ngoài trời, phổ biến. Charlie hát với giọng Anh nam trung tuyệt vời của ông, nhìn vào mọi thứ trừ con đường, vì vậy hình ảnh mà Ada thấy là bờ vai rộng của ông, được phủ kín mũ và ngực phía trên ghế ngay trước mặt bà, chiếc khăn quàng của ông lật phật vờn về phía bà ngồi đằng sau, những đầu mút hàm ria vuốt sấp của ông, đang làm dấu hiệu qua vai ông, thỉnh thoảng, gọi lên những ý nghĩ phấn khởi về tính đàn ông và sự sạch sẽ và, nếu ta ngắm nghía chúng đủ lâu, một cảm giác mơn trớn ở mặt trong cặp đùi của ta.

Nhưng Ada, chúng tôi chắc chắn, không nghĩ như vậy. Ada đã chịu đựng đủ những lời kết tội của chúng ta. Bà quay sang Nugent khi ông nói về những cuộc đua sắp xảy ra, tỷ lệ cá cược có thể có, và nhu cầu cần có bàn tay minh bạch của bộ trưởng Tài chính trong toàn bộ sự vụ này, bởi vì ai cũng thích cò bạc chút đỉnh, nó là một quyền lợi của người Ireland cũng như bất kỳ người Thiên chúa giáo nào khác.

Thật ngạc nhiên khi có lúc được nghe ông nói nhiều như vậy. Ada có cảm giác rằng Nugent nói tất cả cùng một lúc hoặc không nói gì cả. Ông là kiểu người mà phụ nữ được khuyên là nên làm sao cho “thỗ lộ tâm tình” - nói cách khác, là một việc khó nhằn vào thời đó và là con mồi cực kỳ dễ ăn.

Nhưng có thể chính lòng trắc ẩn, cũng mạnh như bất cứ thứ gì khác, đã dẫn bà đến việc chạm vào ông, ở đó trên chiếc xe mui trần. Hoặc sự khinh suất. Bà chỉ đang cố lôi kéo sự chú ý của ông, nhưng hướng tới cái gì? Huân tước và Huân tước phu nhân Talbot de Malahide chạy xe ngược chiều suốt con đường tới đây, với bàn tay đeo găng của tài xế đè chặt vào còi xe. Hoặc đi đầu gì đó lặng lẽ hơn, một con ngựa rơm trên cánh đồng của một nông dân nào đó đang đỡ một bảng hiệu ghi, “Giải khát ở đây”.

Đó có thể là một câu trả lời cho đi đầu gì ông nói, “Họ đã làm chuyện này lộn xộn hết cả,” hàm ý, dĩ nhiên, chính quyền Nhà nước Ireland Tự do; hoặc một lời bình thân tình hơn, kiểu như, “Về mặt cá nhân, tôi không bao giờ phiền nếu có chút mưa đâu.”

Sự thôi thúc là, dù sao đi nữa, phải chạm vào ông.

Bà sẽ xoay xở làm việc này cách nào? Bà sẽ đặt ngón tay lên cánh tay ông. Bà sẽ đặt lòng bàn tay bà lên cẳng tay ông. Hoặc, sau đó, bà có thể móc cổ tay bà vào chỗ khuỷu tay gấp lại của ông, và nối kết với ông khi họ đi bộ tới hàng rào. Và dù có làm theo bất cứ cách nào trong số đó, bà sẽ cảm thấy Nugent chùn lại.

Đây là Charlie đang ở trước mặt bà, cúi chào khi ông chìa ra miệng túi đựng kẹo cứng.

“Ô, cho tôi táo để tôi được b ồi dưỡng,”\* ông nói, trước khi tự nhớ ra và quay sang để dành lựa chọn đầu tiên cho Ellen, cô h ầu gái cầm chẻ, thân thiện.

Trích từ Sách Diễm ca 2:5 của Cựu ước.

Từ đó cho đến hết buổi chiều Lamb Nugent chăm sóc Ada, trong khi hai góc hàm của bà tiết ra thứ nước khó chịu vì những viên kẹo táo của Charlie. Ông đánh cá mỗi lần một xu với Myrellson ở phố Dame, người biết ông và biết ki ềm chế. Con Pride of Arras cho độ đua lúc ba giờ, trong độ đó con Ballystockhard dẫn đầu suốt, Ada nói, “Con đó là của em, con đó là của em phải không?” và Nugent nói, “Không, nó không phải của em.” Suốt buổi chiều ông nhìn vận may của ông chảy đi, Street Singer, con Amore, Daisy’s Boss - ai lại chọn những con ngựa này? Ô, nhưng họ phải đánh cược con Bean của Ellen đua với con Fairyhouse Plate, họ phải vậy thôi, và khi con ngựa về thứ nhì thì Ada đủ khôn ngoan để không nói, “Đi đâu đó nghĩa là gì, ‘cọc mũi ngựa’ ấy?”\* Coolcannon ngã ở chặng kế chót và cùng với nó là mọi hy vọng của ông, và r ồi cuối cùng Ada gặp may với con Knocknageena.

Thông thường cá ngựa có thể thắng cược nếu con ngựa về ở vị trí thứ nhất, nhì hoặc ba. Cược “mũi ngựa” là chỉ nhận được tiền cược nếu con ngựa về nhất.

Yahoo!

Cả nhóm, lúc bấy giờ, quá mệt mỏi vì sự được và mất của mỗi độ đua, và vì sự chờ đợi bất tận giữa các độ đua, đến độ khi Ada nháy mắt và giờ nắm tay bà lên, chẳng có gì giấu giếm với bất kỳ ai trong bọn. Bà có thể giữ nguyên như vậy - Ada thắng thiên - đông cứng lại trong chiến thắng, từ hai bàn tay nắm chặt tới đầu mũi giày chĩa xuống của bà. Vào lúc bà chạm

đất lại thì chuyện đã được dàn xếp: một trong hai người đàn ông này muốn bà thắng, và người kia muốn bà thua.

Và bà biết đi đâu đó.

Ngựa của Ada vênh nhất. Nhưng nó chỉ là con ngựa - nó không hẳn là lỗi của bà. Vì vậy có lẽ ý thức về sự công bằng của bà khiến bà chọn Charlie, người hoan hỉ vì bà, trái với Nugent người bị xúc phạm trước vận may của bà. Nhưng chắc chắn - việc chọn lựa đã được thực hiện.

Trên đường về nhà, Ellen hát trên băng ghế trước; những âm mỏng manh trong giọng hát tuyệt vời của cô ta theo gió bay trở lại với họ, “When Other Lips”, “I Dream I Dwelt”. Họ hiểu nhau hoàn toàn, từng người trong chiếc xe này. Họ nghĩ và nghĩ toàn bộ chuyện này nghĩa là gì: Charlie đã chiếm được Ada, Nugent đã mất bà. Và đi đâu này khuấy lên trong họ những ý nghĩ về những chuyện khác.

Chẳng hạn, Charlie đang nghĩ về những cô gái mà ông đã đẩy đến bờ vực hủy hoại trước khi buông tha từng cô một. Ông nói lời chào tạm biệt tất cả, những nỗi *u sầu* bất tận, hào nhoáng, mê hồn của người đàn bà này hoặc người đàn bà khác, người đàn bà này hay người đàn bà khác, cho đến khi người đàn ông phải nói thẳng với con cu của mình như ta có thể nói với một con chó lòng thông nước dãi, “Đủ rồi, ngài ạ! Đủ rồi!”

Ellen nghĩ rằng cô sẽ không bao giờ lập gia đình.

Nugent đang cố nhớ lại giấc mơ đêm rồi, tin chắc nó đang nói với ông rằng ông đã thua cuộc, hết rồi, trước cả khi ông cố gắng. Đó là giấc mơ về linh hồn ông, một chỗ mở toang trên ngực ông - bởi vì linh hồn này là giống cái - có một cô gái đang bùng nổ trong ông, xuyên phá, có một cái lỗ ứa ra mật hoa ngay phía trên tim ông, nó mở ra cho tay ông, ở đó - chỉ ở đó - một nơi mà mọi đi đâu tốt đẹp đều hiện diện, như hy vọng và lòng tử tế yêu



thương, một nơi ông có thể tìm thấy sự nghỉ ngơi tuyệt vời, và đi vào hoặc bị đi vào, lặp đi lặp lại, lần này rồi lần nữa, tìm thấy trong khi ông làm thế - cơn khoái cảm ngọt ngào của chính linh hồn, cho đến khi ông tỉnh dậy với nỗi kinh hoàng về những ý tưởng bóng bở của ông và cơn dư chấn của tình dịch ông vừa mới tiết ra, và chờ, trong bóng tối, cho mùa hè này lạnh đi.

Tôi không biết Ada nghĩ gì trong xe trên đường về nhà. Chắc hẳn bà đang nhầm những bài toán cộng trong đầu, tự hỏi tại sao bà lại phải lòng một người bị thủng một lỗ trong túi áo. Mặc dù vậy bà vẫn chìa tay ra cho Charlie và nói, “Cảm ơn vì một chuyến đi thú vị.”

Và với Nugent, “Cảm ơn vì một ngày tuyệt vời.”

Bà nhìn vào mắt Nugent. Và bà biết ông thấy gì. Và bà không quan tâm.

Tôi không biết tại sao bà cưới Charlie trong khi Nugent mới là người đánh giá đúng bà. Và dù ta có thể nói bà không cưới Nugent bởi vì bà không thích ông ta, đi đâu đó thực sự chưa đủ. Chúng ta không phải lúc nào cũng thích người chúng ta yêu - chúng ta không phải lúc nào cũng có chọn lựa đó.

Có lẽ đó là sai lầm của bà. Bà nghĩ bà có thể chọn. Bà nghĩ bà có thể cưới ai đó bà thích và hạnh phúc với người đó, và có những đứa con hạnh phúc. Bà không nhận ra rằng mỗi chọn lựa đều mang tính sinh tử. Đối với một phụ nữ như Ada, mỗi chọn lựa là một nhàn lẩn, ngay khi nó được thực hiện.

Ngày nọ, Ada gói ghém một giỏ đồ ăn và dẫn chúng tôi đến bờ biển bằng xe lửa. Hoặc, tôi nên nói vậy, bà gói vài cái sandwich trong giấy sáp từ một ổ bánh đã cắt lát sẵn, và bà để chúng vào chiếc túi mua sắm có dây rút - bà đang biến thành một thứ bạn vẫn thấy trên đài BBC, trong một phút, đi dọc theo con đường làng trong chiếc váy dài, với ruỗi nhuộm và những đốm bụi nhảy nhót trong ánh nắng quanh tóc. Thế mà không. Dù đây là tâm trạng chung, hoặc tâm trạng được nhớ lại, của chuyến đi này, nhưng Ada không bao giờ mặc cái váy dài có tay áo loe rộng, bà mặc váy liền (quả là vội vàng, khi nhớ chuyện này, bây giờ), một chiếc váy liền in hoa tử đinh hương lấm chấm - rất giống váy hoa mặc trong nhà, nếu không vì cái nền đen lạ lùng, cổ áo và ống tay được viền bằng hình hoa in tương tự, có đi đâu những bông hoa ở đây thì xanh dương nhạt, và đi đâu này tạo cho chiếc váy một vẻ khác biệt nào đó, dù nó chỉ là một chiếc váy hoa bình thường, với một chỗ thắt lại ở eo lưng và chân váy đủ dài, và một lớp phủ hơi bóng trên mặt vải, nó sột soạt khi bà đi chuyển.

Chúng tôi ngồi trên xe lửa bên cạnh bà suốt đường đến Donabate, nằm cạnh biển, và chúng tôi nghịch với sợi dây da ở ô cửa sổ trên cùng, hoặc mở cửa để nhìn dọc theo hành lang, và sau đó đẩy nó đóng lại. Băng qua đống Hawth là lên tới Malahide, xe lửa đi vào những vùng cát phẳng ngoại vi hạt Bắc Dublin, mà tất cả người nhà Hegarty đều biết nghĩa là “nghề vườn thương phẩm” tựa như Navan có nghĩa là “những tấm thảm” và

Newbridge là “dao nĩa và dây thừng”. Chúng tôi nhìn ra cửa sổ, tự hỏi “nghề vườn thương phẩm” trông ra sao nếu chúng tôi đi qua nó, và chúng tôi chơi trên các ghế ngỗ, và tôi cho rằng, hoàn toàn hạnh phúc.

Chúng tôi sắp tới một nơi gọi là Thánh Ita, và sau đó chúng tôi sẽ tới biển. Nơi đầu tiên này là một điểm đến khác lạ. Chúng tôi có một bà chị Ita, bà này, ngay cả hũ đó, là người khó ưa nhất trong tất cả chúng tôi, mà có lẽ đứa con gái nào cũng vậy, vào lúc ngực chúng bắt đầu nhú lên.

Thánh Ita là một nữ tu Ireland thời xưa, bà này, vì tình yêu đối với Giêsu lúc sơ sinh, đã cầu nguyện xin có khả năng nuôi con - và “sữa đã đến”. Vì vậy, hôm đó trên xe lửa, không phải là chúng tôi đang đi về một địa điểm, mà về phía một ý tưởng mù mẫm nào đó về việc “nuôi con nhỏ”, bất kể đi đâu đó có nghĩa gì với tôi ở tuổi lên tám: một phụ nữ dịu dàng quấn băng quanh miệng một đứa bé sơ sinh, hoặc một y tá mỉm cười chờ đợi - một cái gì kỳ quặc và dễ thương đằng sau cái đờng hồ treo lòng thòng và miếng vải trắng trên ngực bà. Chúng tôi quả thực đang du hành vào một vùng trắng xóa, xình xịch xình xịch. Và tôi chỉ nhớ được độ trắng xóa, khi cuối cùng chúng tôi đến nơi, một bầu trời trắng cháy sém, trong làn cháy bóng cuối cùng của màu trắng, gặp được một mặt biển xám xịt, xa mù.

Trong khi đó, tôi ngỗ trong toa xe cạnh chiếc váy hoa của Ada, lôi một chuỗi hạt nhựa ra khỏi đôi môi mím chặt, có lẽ vậy, và ngoạm chúng lại vào miệng. Chắc hết cỡ bốn mươi phút là tối đa, chuyến du hành bằng xe lửa bất tận, ly kỳ này. Kitty và tôi trong những chiếc áo in hoa bằng vải lanh kẻ sọc màu sắc khác nhau, nó màu hồng, tôi màu xanh, và Liam, như hầu hết con trai khác, mặc đồ màu xám và xanh biển. Chúng tôi xình xịch chạy tới, nảy tung thích thú trên những chiếc ghế lò xo, cùng với nhau, như những diễn viên trên sân khấu. Rồi, xuống ở nhà ga! Hơi nước rít lên, và Ada

mặc lại bộ váy tay loe của bà, khi chúng tôi trèo lên những bậc thang dẫn lên ngôi làng nhỏ và cây cầu vòm từ đó, ta có thể nhìn thấy những đường ray tách về phía Bắc đến Rush và Lusk. Có một cửa hàng bán kem que và bạn có thể ngửi mùi của biển, nhưng Ada còn phải đi xa hơn và chúng tôi đứng tại trạm xe buýt chờ cho đến khi một người lạ dừng lại trên chiếc xe màu xanh bạc hà và tất cả chúng tôi leo lên phía sau xe. “Quý vị tới bệnh viện hả?” người đàn ông ngồi sau tay lái nói và Ada nói, “Thánh Ita, phải,” trong một hơi thở dài. Người lạ để nó lắng xuống, cái chữ nặng nề này bây giờ bên cạnh chúng tôi trên xe. Ông sẽ không đi đến tận cổng, ông ta nói; ông ta sẽ để chúng tôi xuống đủ gần. Thói quen của ông, hiển nhiên rồi, là đón người ở trạm xe buýt này, và tôi biết qua cách ông ta nói chữ “bệnh viện” rằng Thánh Ita không phải là một bệnh viện. Nếu chúng tôi đến bệnh viện, hẳn Ada đã nói.

Có một cô bé ngồi ở ghế hành khách phía trước, khoảng năm tuổi. Cô bé có đôi mắt tròn xoe lạ lùng, không giày, không áo thun, và cô bé ngồi, vui như chim với cha cô ở ghế trước. Chúng tôi nhìn nhau khi chiếc xe dừng lại, và cô bé vẫn nhìn khi chúng tôi bước ra, giống như cô bé cũng thích bước ra với chúng tôi, bất chấp thời vận của cô bé. Và một phần của tôi đi theo cô khi chiếc xe lăn bánh.

Một phần khác của tôi, những năm sau này, vẫn đi xuôi theo con đường nơi người lạ thả chúng tôi xuống. Đó là con đường dài thẳng, một con đường quê; dù cũng có một con đường bê tông đích thực chạy dọc theo một bên nó, con đường bê tông này là nơi chúng tôi đi, ba đứa nhỏ cùng một phụ nữ với chiếc túi dây rút của bà. Có một con mương chạy dọc theo con đường này và sau đó là một cánh đồng ngô lớn, rung rinh. Phía bên kia con đường là một hàng cây xác xơ, kỳ lạ và một vạt bãi lầy trũng. Nửa đường

đọc bên chúng tôi, một ngôi nhà nhỏ đứng giữa cánh đồng, và chúng tôi chờ xem liệu có một con đường mòn nào chạy lên tới đó không, hay nó có bị bỏ hoang giữa đám ngô không.

Xa trước mặt chúng tôi - và đây là con đường xa nhất, thẳng nhất, mà tôi từng đi, ở tuổi lên tám - có một người đàn ông với hai cây gậy, và ông ta lê thân tới, một vai chồm qua đầu cây gậy này, rồi đến vai kia, hai chân ông ta đi ngược với hoặc theo sau nhịp điệu này, giống như ông ta chỉ sử dụng những cây gậy này để trình diễn. Ông ta thấp và rất cường tráng. Ông ta vịn bàn tay ở chỗ cổ tay, khi cái vai cong khom đó hạ xuống, và cây gậy có thể hơi vung vẩy trước khi ông chuyển sang bên kia. Chồm vịn vung bước. Chồm vịn lắc bước. Chẳng có gì bất ổn với hai chân của ông, trong chừng mực như tôi thấy, duy có đi đều chúng chậm chạp, và con đường thì rất dài. Chồm, vịn, đảo, bước. Vai, bàn tay và có lẽ, đứng, chân. Và chúng tôi hẳn sẽ vượt qua ông ta, nhưng con đường thì quá dài, và Ada bị chậm lại bởi đứa này hoặc đứa nọ trong bọn tôi, cho đến khi do khoảng cách và sự kích động của ngày hôm đó, tôi nghĩ rằng có đi đâu gì khác bất ổn với người đàn ông có hai cây gậy, đi đâu gì đó chúng tôi sẽ không biết cho đến khi chúng tôi đi qua, một vẻ biến dạng trên khuôn mặt ông, hoặc một biểu lộ mà chúng tôi chưa thấy được. Chúng tôi gần hơn nhưng chúng tôi vẫn chưa bắt kịp, vì ông ta cứ đi tới một cách hữu hiệu, vượt được quãng đường nhiều hơn mức bạn vẫn nghĩ đối với một người đàn ông có đôi chân khuyết tật, và chúng tôi có thể thực sự vượt qua ông ta nếu như Kitty không nhảy nhót trên đường, hoặc Ada tạm dừng lại do phải chuyển tay mang vác và những thao tác cần thiết với cái túi có dây rút, trong đó không chỉ có bánh sandwich trứng bọc giấy sáp, mà còn một số thứ khác. Có những gói nhỏ khác trong đó, quá tốt cho buổi cắm trại của chúng tôi,

những túi nhỏ của bà già, bọc trong giấy gói và băng keo, một gói trong đó trông giống hộp kẹo sô cô la After Eights, và một gói rất méo mó, xét cho cùng có thể là bất cứ thứ gì. Và Ada đựng chúng trong một chiếc túi nhựa riêng bên trong chiếc túi dây, tên được ghi bằng bút bi ở phía trước. Bà định đi thăm ai đó trong bệnh viện, và sau đó chúng tôi sẽ đến bãi biển. Và dĩ nhiên tôi đã biết điều này từ đầu - chúng tôi sẽ đến thăm cậu Brendan, dù ở tuổi lên tám tôi không thể hiểu rằng cậu tôi nhất thiết phải là con trai của Ada, hoặc tôi không biết ý nghĩa của từ đó - “con trai”. Nhưng chắc chắn từ đầu tôi đã biết chúng tôi sẽ đến thăm cậu Brendan ở Thánh Ita, vốn không hẳn là một bệnh viện, và sau đó chúng tôi sẽ đi lội nước biển.

Liam, đặc biệt, nghịch ngợm và cô đơn, anh muốn đi trên bờ bên kia và nhìn xuống cánh đồng thấp đang chuyển thành bãi lầy, nhưng Ada sẽ không cho phép anh, anh phải đi theo con đường mòn này, bởi vì con đường này là để đi, và mẹ chúng tôi sẽ nói gì nếu như Ada đưa anh trở về với bà mà bị gãy tay chân vì một chiếc xe? Và ngay khi nhắc đến mẹ chúng tôi mọi thứ trở nên hơi tệ hại hơn, bởi vì Liam là gì với tôi ngoài một “anh trai” và anh là gì với mẹ tôi trừ “con trai”, và khi tôi nhìn lên thì hai-cây-gậy-già đã biến mất, và chúng tôi đi qua một khoảng trống dài trong cánh đồng ngô, nếu như có một khoảng trống dài trên cánh đồng ngô, ngôi nhà gỗ trôi êm giữa cánh đồng ngô đằng sau chúng tôi, toàn màu vàng nâu lên tới hai be mạn của nó.

Tôi không nhớ được bệnh viện. Theo tôi đoán Ada không dắt chúng tôi vào trong. Có một sân chơi bóng ném trong khuôn viên và bà để chúng tôi ở đó, và chúng tôi chơi giữa những bức tường bê tông của nó. Trên gò cao đằng sau sân bóng ném có một tháp tròn, giống như tháp tròn Ireland trên những bìa vở tập viết của chúng tôi, bên cạnh đó là một bình đá khổng lồ,

có lẽ cao trên ba chục mét, và có một tháp nước, chúng đứng canh từ trên đũa, giống một phụ nữ mập và một ông gầy, đang nhìn ra xa tới biển khơi. Biển ở đó, ngay chân đũa. Một biển dữ dội, bên dưới một bầu trời trắng lạnh giá. Và chúng tôi hẳn có thể chạy xuống đó, nhưng Ada đã buộc chúng tôi ở nguyên tại chỗ, vì vậy chúng tôi chơi một chút trong sân bóng ném, chẳng làm gì, chỉ thích hình dạng của nó, và thích được ở trong đó; bức tường cuối sân và hai bức tường dốc bên cạnh, giống như cắt bỏ một đầu của cái hộp đựng giày. Một bên là tháp tròn và tháp nước, một bên là bức tường gạch đỏ. Chúng tôi không nhìn bức tường này, hoặc nhìn những cửa sổ hai cánh bản thiêu không có chấn song, nơi những người điên ở, và chúng tôi không nghĩ đến chuyện người điên làm gì khi họ thấy trẻ con - ăn thịt chúng, tôi nghĩ, mút vào tai chúng và nói lảm nhảm - vì vậy chúng tôi đóng trò làm Con Ngoan cho những người điên đang theo dõi kia cho đến khi Ada quay lại với chiếc túi dây đã vori một nửa, hài lòng không tả xiết, khi thấy chúng tôi vẫn chơi ở đó.

“Nào,” bà hẳn đã nói, và chúng tôi không nói cho bà biết về một người điên mà chúng tôi thấy từ biển đi ngược lên con đường, chậm, ngốc nghếch, bản thiêu và khủng khiếp, người đó nhìn thẳng vào chúng tôi khi ông ta lê bước qua.

Sau đó, hẳn sẽ có biển. Ada đưa chúng tôi vào một tiệm rượu để uống nước chanh đỏ, quán có mái màu đen có kẻ những chữ trắng to. Chắc là chúng tôi đã đón xe buýt trở lại trạm tại cổng bệnh viện, và đón xe lửa về nhà.

Dạo này Liam trở nên sợ hãi về đêm, và dù Kitty được phân ngủ trên chiếc giường đôi với tôi, anh thường lần mò trong đêm tối và bò vào nằm giữa chúng tôi, thúc cùi chỏ vào nó và rít bảo nó chuyển sang cái giường anh vừa rời đi. Kitty trông quá cổ điển trong chiếc áo ngủ của nó, gót chân và mắt cá chân nó trắng toát trên ván sàn, tóc nó lòa xòa trên khuôn mặt phì phị vì ngủ; tôi gần như nhớ nó, sự yên lặng dễ chịu của hơi thở nó trên chiếc gối bên cạnh, giờ đã bị khuôn mặt của Liam chiếm lấy, đôi mắt anh nhấp nháy và to, hai tay anh cuộn lại bên dưới vải trải giường khi anh lúc rúc kiểm một chỗ cho mình ở đó. Anh không hề nằm yên. Anh vùi người tuột khỏi gối và nhìn lên tôi, hoặc trồi ngược về phía đầu giường, anh bứt rứt hoặc uốn éo, hoặc anh cứng đờ người, kinh hãi - có một khuôn mặt tại cửa sổ, hoặc tưởng tượng không biết có một núi lửa dưới Dublin không, hoặc nếu bạn rơi xuống một cái lỗ và miệng bạn đầy giòi. Tất cả chuyện này được trình bày với tất cả nhiệt tình, vì vậy, dù mọi thứ anh nói đều khủng khiếp, tôi vẫn nhớ đó là những đêm hạnh phúc, nói chuyện cho đến bình minh. Lúc đó anh hẳn nhỏ hơn tôi, bởi vì anh luôn luôn cuộn người vào đường mép nơi cơ thể tôi tiếp xúc với tấm nệm. Và tôi sẽ phải thức dậy để đẩy anh ra.

Chúng tôi đã nói về chuyện gì? Tôi ước gì mình biết. Ở tuổi mới lớn, chúng tôi viết những lá thư mượn mà và “buồn cười” cho nhau, bất cứ khi



nào chúng tôi chia tay nhau, mùa hè anh đến Gaeltacht, hoặc thời gian trôi xa nhà trong chương trình trao đổi học sinh ở Pháp.

“Trong khi đó,” anh viết từ Gweedore, năm anh mười bốn, “bọn anh tê cả mông vì ng ồi trên bãi biển và không uống vodtka, hay ‘bhodhca’ như ở đây người ta gọi nó. Billy Tobin bị tống trở lại vì nói tiếng Anh vì vậy Michael với anh đã nghĩ ra một cách nói tiếng Anh cứ như nó thực sự là tiếng Ireland việc đó là trò rất vui và không dễ hiểu lắm. Lúc nào đó Iem nieng tự mi ềng thử xieng.”

Anh là người nói phần lớn, nhưng tôi không vì thế mà bực. Tôi ước sao mình có thể nhớ chính xác những gì anh nói, nhưng cuộc nói chuyện không gắn với ký ức của tôi về Liam. Chúng tôi không bao giờ ng ồi, người này đối diện người kia trên những chiếc ghế đàng hoàng, trong một ngôi nhà, nhà hàng, hoặc quán rượu. Chúng tôi nói chuyện như anh em có thể nói, nhìn chỗ khác, hoặc chúng tôi ng ồi trên sàn nhà, hút thuốc, với lưng dựa vào cùng một bức tường, chúng tôi nói chuyện khơi khơi trong khi nhìn những người qua đường, nghĩ về những đi ầu khác. Chúng tôi nói nhi ều trong bóng tối, sắp xếp theo đủ kiểu: cạnh nhau trên chiếc giường đôi tại phòng của Ada, trở ngược đ ầu một hoặc hai lần ở nhà, hoặc vuông góc tại một quán rượu ở Stoke Newington, với hai giường quay đ ầu về cùng một góc tường. Tôi thường thấy một vệt màu vàng quanh miệng anh khi điều thuốc nổ lách tách và sáng rực lên - r ồi đ ầu đỏ bay theo một đường cong, như bị ném đi. Nó làm tôi cảm thấy hơi muốn lộn mửa, lúc nào cũng chực lao tới để bắt lấy nó, và cùng lúc ấy vẫn ng ồi yên một chỗ. Tôi rất sợ lửa. Đó là mùa hè, đôi khi chúng tôi vẫn nói chuyện khi mặt trời lên, nhưng tôi không nhớ những câu chuyện đó là gì. Tôi đặt một cụm từ vào không khí phòng ngủ, kiểu như “Joan Armatrading”, và tôi nghĩ, *Chúng*

*ta sẽ không bao giờ nói về cô ta.* Tôi cho rằng chúng tôi nói về gia đình, dù cũng có một sự riêng tư ở những điều này. Cái gì nữa - cơ học lượng tử chẳng?

Chúng tôi nói về bất cứ gì và mọi thứ, có lẽ, và khi lôi lịch bịch cái vali của tôi xuống cầu thang quán rượu ở Stoke Newington, tôi biết rằng mình sẽ không bao giờ có những cuộc nói chuyện về bất cứ gì và mọi thứ nữa.

Đây là mùa hè thứ hai của tôi ở London. Liam vừa bị lỡ kỳ thi cuối cùng của anh, và tôi đang kiếm tiền học cho năm cuối của tôi, làm công việc tạm thời ở Elephant and Castle. Anh đã tìm thấy chỗ này để tạm trú, một căn nhà ba tầng có tầng hầm, mà không ai thực sự là chủ. Có một mùi khó chịu khá nặng nề trong phòng khách, một sự trộn lẫn giữa nhựa, nước đá và cá mòi; cuối cùng dẫn tới những ổ cắm điện luôn tóe lửa làm nổ tung mọi thứ mà ta cắm vào. Những vệt tỏa rộng màu đen của khói làm ố mặt nhựa trắng, và trong khi ta nhìn và ngửi chúng, tấm thảm để lại những vết ướm hình bầu dục trên đầu gối ta. Thực tình tôi không thể nhớ lại các lớp vải trải giường, mà trên đó, từng phòng một, mỗi người thuê đã làm tình qua quýt, những hình người bị bỏ lại trong sự buông thả đầy tính nghệ sĩ trên những gợn sóng và nếp nhàu nát của những tấm khăn trải giường xám xịt. Chúng tôi trẻ, vì vậy tôi cho rằng rất có thể chúng tôi đẹp, dù cô gái khốn khổ với đôi găng tay lưới của cô chỉ làm mọi người bức bối, và chàng trai người Úc tốt nhất là nên vứt cái làn da rám nắng ấy đi hoặc ngâm miệng lại hoặc ra ngoài, mỗi người, như tôi hình dung họ lúc này, dễ thương đến không tưởng, những xương nhỏ cứng của đôi vai trắng của cô ta nhún lên nhún xuống khi cô rút những điều thuốc Gitanes: anh ta, cởi trần trong nhà bếp, đường rãnh giữa thân người anh ngừng lại ngay rốn,

trước khi đổ ừa, thành một mớ lông vàng hoe, xuống cái quần cụt Úc vui mắt của anh. Họ dĩ nhiên là những tay nghiệp dư, những du khách giống như tôi, họ không co giạt hoặc kêu gào hoặc tung nắm đấm, họ không ném những thứ bậy bạ được cất kín ra ngoài cửa sổ lúc nửa đêm, bởi vì họ quên trong chốc lát họ ở đâu. Có một gã bán ma túy trong tầng hầm, nhưng khá ít ma túy trong nhà này, nhưng có lẽ chỉ là không ai mời chào chúng cho tôi - cái gì đó ở mái tóc màu cát và khuôn mặt hẹp của tôi, ngay từ hồi đó, cho thấy rằng tôi không nằm trong giới đặc biệt đó. Mà cũng không ai cố quan hệ tình dục gì nhiều với tôi, dù một đêm chính tôi và tay người Úc đã gặp gỡ nhau, chỉ vì chúng tôi có thể.

Thỉnh thoảng tôi nghĩ về cuộc gặp gỡ này - chẳng hạn khi tôi quyết định tôi nên đi ra đó mà “làm chuyện ấy” - tôi nhớ nó như nhớ một cảnh trong một bộ phim, những thân thể dịch chuyển cùng nhau trong ánh chiều, tay chân gập thành góc chậm chạp, những chiếc lưới cong lên. Bất chấp sự thực là nó đã xảy ra trong bóng tối, cái này tôi tin chắc, sau ánh nến và rượu vang hạng xoàng trong khu vườn um tùm sau nhà. Điều gì đó ở sự kiện này, ngay cả vào lúc đó, có nghĩa rằng nó đã được ném trái hàu như hoàn toàn từ bên ngoài; thân thể trẻ trung của tôi, thân thể trẻ trung của anh, mọi tư thế và động tác, và, bên trên chúng tôi, cái nhìn lơ lửng của tôi, có lẽ cả cái nhìn lơ lửng của anh, hoặc cả hai hợp nhất lại. Chúng tôi khiêu dâm một cách thật là sạch sẽ, điệu kỳ, và hoàn toàn thân thiện, giống như đang khiêu vũ, và tôi chẳng có cảm giác gì hơn một người khiêu vũ, trừ một nắm nhỏ cảm giác nơi tôi nắm giữ chàng người Úc này, bứt rứt rằng chúng tôi nên giữ cảnh này, với tất cả những biến tấu thận trọng của nó, kéo dài một lát.

Chúng tôi chia tay với một nụ cười chẳng khác gì một cái bắt tay, và tôi trở lại giường mình nằm xuống. Nó ở lại với tôi suốt một ngày, có lẽ hai ngày; sự tự do và hỗn loạn của việc giao hợp với bất cứ ai vừa mất ta, sự rõ ràng của nó, cho đến khi bất ngờ tôi sưng sờ và cứng lưỡi vì tình yêu dành cho anh chàng người Úc này, nằm hoài hoài ở đó mà lắng nghe ngôi nhà, những bước chân đi qua nó, những giọng nói và tiếng thì thào, tìm kiếm qua độ thăng trầm của chúng để nhận ra vẻ lú lo trăn đục trong giọng nói của anh. Tôi cũng nhận ra, rằng tôi không yêu anh, mà thay vào đó bị buộc phải chịu cả một đời đầy những xúc động mãnh liệt giả tạo như thế, rằng tôi sẽ phải yêu mỗi người đàn ông tôi đã ngủ chung để không căm ghét chính mình, và tình trạng bất thủ trong ngôi nhà bất ngờ trở thành không thể chịu đựng được với tôi, sự ẩm ướt và mốc meo, những cuộc chiến giành những chiếc bánh ngô nướng ăn cắp, sự xa cách chậm chạp giữa Liam và cô gái mang găng tay lưới, nỗi khốn khổ lộn xộn từ phòng bên cạnh, và gã bán ma túy ở tầng hầm được xóc lọ giống như nhà thổ một người, với một cô gái khác luôn luôn run rẩy bên ngoài trên cầu thang.

Và tôi vẫn nằm đó, trong mùi hôi thối khăng trải giường của bất kỳ ai, chờ tay người Úc gõ cửa, hoặc thời tiết thay đổi; chờ một cỗ máy xa xôi nào đó bắt lấy và đẩy cuộc đời tôi đi. Bây giờ, tôi tin rằng có thể tôi đã bị lạc lối, nói thế không có nghĩa là tôi, hồi này, đã *được người ta tìm thấy* theo bất cứ cách nào, mà chỉ là tôi nghĩ nếu cuộc đời tôi chết cứng tại đó, hẳn tôi đã bị lạc lối theo một cách tai hại hơn.

Căn phòng này chính thức là phòng của Liam, vì vậy một trong những vật tôi nhìn trong hai hay ba ngày đó khi tôi không ăn, và không thể nghĩ, chỉ di chuyển vào lúc nửa đêm, là chiếc giường của anh, vuông góc với giường của tôi; một chiếc mền len ngả vàng với một sọc hồng lớn chạy

đọc theo mép. Liam luôn luôn ở nơi nào khác một cách bí ẩn: đây có lẽ là một trong những tác động của việc chúng tôi sống ở nhà Ada; rằng nếu như anh tạo một mái nhà, đấy chỉ là để rời khỏi nó. Tôi không biết tại sao mình không lấy đó làm phiến: tôi ghen tị với sự tự do của anh, chắc chắn, nhưng tôi nghĩ tôi đã nhận ra, ngay từ hồi đó, rằng chỗ anh đến luôn luôn kém thú vị hơn chỗ anh đã bỏ lại sau lưng, hoặc khủng khiếp hơn. Liam dễ buồn chán và suy sụp; anh quá mơ hồ và bần thần không thể biến mình thành một đối tượng bị thăm, ngay từ dạo ấy.

Tôi muốn nói rằng tôi quá đậm chất trung lưu đối với Stoke Newington - trong những sắc thái vô hạn của những thứ này - nhưng đi đâu đó không hoàn toàn đúng. Không. Tôi nhắm mắt lại không nhìn phòng, và khi mở mắt ra, tôi mong nó đã biến mất, tức là tất cả: những vòng hoa màu hạt dẻ đựng đưa trên lớp giấy dán tường, những tấm ván nhỏ ốp chân tường màu ngọc lam, lớp sàn trần trụi với một miếng thảm được cắt thô làm giẻ chùi chân. Khi mở mắt, tôi muốn căn phòng này biến mất, hoặc bị lật hết, ngôi nhà trống, những người thuê chết, anh chàng người Úc đẹp và chán ngắt biến thành bụi (hoặc “Greg” như người ta gọi anh ta). Tôi muốn Liam nhòe dậy khỏi đồng mền của anh để nói, “Chúa ơi, Vee, tội mình đi kiếm một tách cà phê đi. Về nhà thôi.”

Đi đâu này, dù tôi biết rằng Liam sẽ không bao giờ về nhà bây giờ, không về với cái giường này, hoặc cái giường ở phố Griffith, hay bất cứ cái giường nào khác mà anh đã dọn cho chính mình, với những cái gối căng tròn lên, và lớp khăn trải giường trên cùng lật xuống.

Anh cũng cãi nhau với người ta - và ở Stoke Newington này, lần đầu tiên nó khiến tôi bức bối. Có một rắc rối về chuyện thuê nhà - anh đã đặt bao thư dưới cửa anh nói, nó là một bao thư trắng, loại dài, tên lão chủ

được viết trên đó bằng *bút bi đỏ*. Khi Liam đi vào chi tiết, tôi biết anh đang nói láo, cũng biết rằng anh đang bắt đầu tự thuyết phục mình; một khi đã nhớ được là nó màu đỏ thì anh cũng có thể tự nhớ rằng mình có thấy cái bút bi và nhớ có dùng nó để viết. Những cái vớ vẩn vô định này chỉ dẫn đến nhiều rắc rối và rên rỉ hơn: Liam bị ném ra khỏi cửa này hoặc cửa nọ lúc bốn giờ sáng hoặc hai giờ chiều với tiếng kêu, “Ô, mẹ kiếp. Thôi đi!”

Anh không bao giờ cãi cọ với tôi. Tôi là em gái anh. Tôi đứng về phía anh.

Nhưng anh hẳn đã nghĩ anh chàng người Úc là một trò bịp khá rẻ tiền, và tôi cũng biết đi đâu này khi tôi nằm cứng ngắc trong phòng chúng tôi ở chung, trong ba ngày mà tôi không thể nhớ, cho đến khi tôi thức dậy gói ghém đồ đạc và kéo lê va li của tôi xuống cầu thang.

Tôi nói rằng tôi không rời khỏi phòng trong suốt ba ngày, nhưng chắc chắn thỉnh thoảng tôi phải uống, hoặc nhà vệ sinh. Có một vấn đề với các cánh cửa trong ngôi nhà này: người ta luôn luôn gắn khóa vào chúng, và các ổ khóa luôn luôn bật mở, vì thế cửa dẫn đến phòng chúng tôi, như tôi thấy nó trong tâm trí mình, hơi đóng đưa một chút, và chính cái khoảng hở ấy gây vò tôi khi tôi nằm trên giường, sự thực là khi tôi mở mắt ra, tất cả mọi đi đâu vẫn ở đó.

Tôi buông Liam tới khoảng mở hé đó của cánh cửa, và tới bất cứ thứ gì đằng sau nó. Thứ gì đó chán phèo và khủng khiếp; thần Chết, kẻ cưỡng dâm, kẻ bước vào và đi lòng vòng, không chịu nói ông ta muốn gì, cho đến khi ông ta lấy nó đi. Và tôi ước gì mình nhớ được cái gì đã khiến tôi ngẩng dậy ném đồ đạc của mình vào va li, và ra đi: tôi tưởng tượng một tiếng chim hót xa xa; cảm giác ai đó gọi tôi về nhà, nhưng người duy nhất có thể gọi tôi là Liam song chẳng thấy anh đâu.

Va li có màu xanh không quân; cứng, với những góc tròn. Nó thuộc về cô bạn Deirdre Moloney của tôi ở đại học, đã bị mẹ tống ra đường khi còn ba tháng nữa là tới kỳ thi tốt nghiệp. Ở giai đoạn này cô ấy vẫn sống một cuộc đời bé mọn tội nghiệp, nơi những món như mấy chiếc va li và, chẳng hạn, ủng đi bộ, sẵn sàng trao tay. Thế là cái va li của nữ tiếp viên hàng không tôi mang xuống cầu thang đã chứa đầy, cũng giống va li của nữ tiếp viên, những quần áo bẩn và ống kem diệt tinh trùng đã đẹp lép; ở giữa tất cả đông đó, tiếng lọc ọc nhỏ xíu, bị nghẹt của một chai rượu gin g ần như cạn.

Lạch cách lạch cách lạch bộp cách.

Liam ở trong một ngôi nhà khác nào đó, giống cái này hoặc tệ hơn, và anh không có nhiều chuyện tình dục, hoặc ma túy hoặc những cuộc đối thoại sâu sắc và lãng đãng. Anh ấy chỉ là một anh chàng loanh quanh một chỗ, anh chàng không bao giờ đi đâu. Anh là người không thể trông cậy, người gây rối. “Mick,” họ gọi anh. “Ê, Mick!” hoặc giọng mềm của dân Rasta, “Hullo, thằng Ireland!”

Trong khi đó, tôi muốn tắm vòi sen. Tôi muốn là một đứa con gái. Tôi muốn một cuộc làm tình có ý nghĩa. Tôi muốn một điểm Giỏi trong tấm bằng nghệ thuật của tôi. Có một con đường mòn, tôi nghĩ - tôi thực sự nghĩ rằng phải có một con đường mòn - và Liam đã đi chệch khỏi nó, và tôi sẽ không đi ra đó để tìm anh, lần này thì không.

Đây không phải lần đầu tiên tôi rời bỏ anh tôi, và nó sẽ không phải là lần cuối cùng. Trong những năm rượu chè sau này của anh, tôi bỏ mặc anh mỗi lần anh đến. Nhưng thậm chí trước khi anh đụng vào cái chai, nhiều lần tôi chỉ trợn tròn mắt và bỏ đi.

Vấn đề với Liam không bao giờ là cái gì đó lớn lao. Vấn đề với Liam luôn luôn là một trăm chuyện nhỏ. Anh có thuốc lá nhưng không có diêm, tôi có diêm không? Có, nhưng diêm gãy, diêm không bật ra lửa, anh không thể đốt cháy những cây diêm Albani tã tẻ rở tiền này. Tôi có bật lửa không? Mẹ kiếp, anh đã đánh đổ hết bao diêm. Tại sao tôi không có bật lửa? Anh đi tìm một cái bật lửa, lục lọi mọi ngăn kéo trong nhà bếp. Anh đi ra, để cửa sau mở toang. Anh bước vào cửa trước hai mươi phút sau đó với một cái bật lửa anh tìm thấy trên đường - nằm ngay bên ngoài nhà - duy có điều nó bị ướt. Anh bật lò từ ngọn lửa chong và đốt điều thuốc từ bếp lò và làm phỏng tay anh và sau đó anh đặt tay dưới vòi nước một lát anh lục tung tủ chén để tìm cái chảo rán và anh đặt bật lửa - một chiếc bật lửa nhựa, rẻ tiền - anh thực sự đặt nó vào trong lò, và khi tôi gào lên với anh anh nạt ngay lại tôi và có một cuộc giằng co tại cửa bếp lò. Sau chuyện đó, có một giờ hờn dỗi bởi vì tôi không tin anh làm khô được bật lửa trong bếp lò mà không làm cháy rụi căn nhà. Và sau vụ hờn dỗi đó tiếp đến Cuộc thảo luận.

Liam thông minh.

Không. Liam đã chết.



Liam *từng* thông minh, tôi phải nói thế.

Dù sao đi nữa. Đối với ai đó vốn cực kỳ ngu ngốc gần như mọi lúc, thì anh trai tôi rất tinh ranh. Và khía cạnh mà anh rất tinh ranh là cuộc sống của người khác, những nhược điểm và hy vọng của họ, những đi đâu đối trá nhỏ nhặt mà họ thích tự nhủ về việc họ có nên rời khỏi giường không và tại sao phải thế. Đây là tài năng tuyệt vời của Liam – phơi bày lời nói dối.

Rượu chè làm anh ác ý, nhưng ngay khi không say rượu anh vẫn có thể nghĩ được bất cứ gì đang xảy ra trong phòng, tôi thế đó. Sau khi cha Tom chết anh chẳng làm gì ngoài việc nói về sự thối rữa. Tôi thấy Tom nhìn anh với khuôn mặt hoàn toàn trống rỗng, trong khi Liam cứ lải nhải về việc thời nay phải mất bao lâu các thi hài mới thối rữa, bởi vì mọi người đầy những chất phụ gia và bảo quản như thế. Vấn đề là, tôi thậm chí không chắc mình có nói với anh về việc cha chồng tôi hấp hối, anh chỉ tự cảm nhận được. Liam có thể hoàn toàn là một người khiến ta choáng váng, nhưng thật khó nói chính xác anh đã làm những gì để khiến ta cảm thấy kỳ dị như vậy.

“Tất cả chuyện này là sao?” Tom nói, sau khi anh ấy đã bỏ đi, vờ như không hiểu một lời nào - bởi vì nơi Liam hoạt động tốt nhất là trong vô thức của ta. Tôi không nghĩ đó là thứ gì anh có thể kiểm soát. Nó giống như một căn bệnh truyền nhiễm, chỉ là anh có một đầu óc dễ lây lan.

Và sau đó, anh thường làm vài ly.

“Những mụn nhọt trên cơ quan sinh dục,” anh nói, với một cái cười khẩy, vào bầu không khí trong trẻo của phòng khách gia đình chúng tôi, thuyết giảng rất hỉ hả về cách họ lần theo một chủng nào đó trong đám ấy qua một chuỗi những vụ ngoại tình trong bệnh viện Hampstead Royal Free. “Chúng ta gọi chúng là những mụn nhọt tự do,” anh nói, tiếp theo đó là

những trò đùa trong phòng dọn chất thải bệnh nhân, và những bà vợ của những nhà tư vấn bị choáng. Cả chuyện bệnh nhân bị hiếp khi hôn mê, dĩ nhiên, hoặc đơn giản là thức dậy với tình trùng trong lòng họ, và ồ! Liam! Anh làm mọi người hào hứng thế, thật tuyệt vời khi có anh ở đây.

Khi không say rượu, anh thường lờ xe buýt và không thể suy nghĩ mạch lạc và đánh mất các thứ hoặc ăn trộm các thứ. Dù Liam không hẳn là ăn trộm - nó là một vấn đề trí tuệ đối với anh, anh chỉ không thể hình dung tại sao bạn có thứ gì đó mà anh thì không, và giải pháp duy nhất là cầm lấy nó rồi bỏ đi, bất kể vật ngu ngốc đó là gì. Đôi khi là tiền, chắc chắn là từ tôi, và có lẽ từ Kitty nữa, dù đây không phải là đi đầu mà hai chúng tôi từng thảo luận, nhưng cả những thứ kỳ lạ nữa. Anh gỡ máy điện thoại khỏi tường bếp nhà tôi vào năm 1989, cho dù - hoặc có lẽ bởi vì - lúc đó tôi đang ở nhà thuê. Cho dù, và đây là đi đầu ngu ngốc nhất, những chiếc điện thoại Ireland không cắm được vào mạng British Telecom của Anh. Liam, dĩ nhiên, sẽ “biết ai đó” có thể chuyển đổi một cái điện thoại, vì vậy cái món phải gió ấy sẽ nằm quanh quẩn trong phòng ngủ của anh với dây nhợ lòng thòng chỉ có Chúa mới biết là trong bao lâu. Tôi chỉ biết một đi đầu rằng khi tôi gọi điện trong sáu tháng kế tiếp, không ai nhắc cái điện thoại Ireland, Anh, hay bất kỳ điện thoại nào khác. Tôi cũng biết rằng anh lấy nó bởi vì anh có cảm giác rằng anh sẽ biến mất trong ít lâu, và anh muốn có một cái gì đó của tôi đi theo anh, khi đến lúc phải ra đi. Anh muốn giữ mối liên hệ.

Vì vậy anh rời bỏ tôi và tôi rời bỏ anh. Anh em ruột thịt còn có bốn phận phải làm gì khác đây? Lần đầu tiên là khi chúng tôi đến trường Thánh Dymphna ở Broadstone. Anh bước vào một khung cửa, còn tôi đi vào một khung cửa khác, và dù chúng tôi vẫn ngủ chung một giường vào ban đêm,

nhưng lúc ban ngày anh là con trai và tôi là con gái, anh không để cho ai thấy anh nói chuyện với tôi trong sân trường. Vậy đó là lỗi của ai?

Đây là năm 1967, năm tôi bắt đầu cao hơn Liam và tôi vẫn giữ được như vậy từ hồi đó. Ngoài vụ phiêu lưu tuyệt vời ở trạm xe buýt đó, chẳng có gì nhiều xảy ra ở Broadstone. Chúng tôi đi lang thang các con phố; hai đứa nhỏ tóc đen bóng với đôi mắt xanh lạnh, và một đứa tóc hung cao lều lều, là tôi - đấy là năm tôi không hài lòng với tóc mình, tóc xõa sơi, ít được gội. Còn có những dấu hiệu khác của thời thiếu niên. Tôi vui mặt vào bồn rửa trên lầu để xem việc tự sát sẽ ra sao, hoặc tôi may những đôi ngón tay lại với nhau bằng một cây kim của Ada, trong khi Liam nghịch thuốc lá của bà. Dù tôi nghĩ tất cả chuyện đó xảy ra sau này, trong mùa xuân đầy ngạc nhiên, khi chúng tôi vẫn chưa trở về nhà.

Nó chỉ vốn định là một kỳ nghỉ hè. Hôm nay trên đường còn đầy trẻ con và hôm sau chúng đã biến mất, và chúng tôi nhận ra, cũng vì thế mà Liam và Kitty, rằng trường học đã khai giảng mà không có chúng tôi. Chúng tôi đã bị bỏ lại đằng sau. Chúng tôi đi trên đường phố qua những ngôi nhà trở thành gähn gủi nhờ sự im lặng. Có vẻ như chúng tôi có thể đi bất cứ đâu. Nhưng chúng tôi thích trở về nhà bà ngoại chúng tôi hơn đang ngẩng một lát.

Có cuộc nói chuyện rời rạc về việc làm gì với chúng tôi. Ada thường đề cập đi đâu này với hàng xóm trên bậc thềm - “Bà có ai ở Thánh Dymphna không?” Riêng tôi với Kitty cuối cùng lê bước theo sau bà tới chỗ vị nữ tu, người này nhích ra cho chúng tôi ngồi; Xơ Benedict, một phụ nữ mắt đen, nồng nhiệt, bà hôn chúng tôi rất mạnh và ép một bên má trẻ con này rồi tới bên má trẻ con kia vào ngực bà, vuốt ve chúng tôi và nói chuyện với

Ada, trong khi chúng tôi lắng nghe tiếng rừ rừ của giọng bà và tiếng đập kỳ lạ của trái tim bà.

Nhìn xuống, tôi bị lôi cuốn vì chuỗi hạt màu hồng của bà, lòng thông xuống sàn, và vì độ thẳng của những ngón chân bà, bẻ ra trong đôi xương đan kiểu tu sĩ bên dưới áo chùng.

Bà đẩy tôi ra, quỳ xuống trước mặt tôi, và ôm đầu tôi trong đôi tay to lớn. Thực ra bà đặt hai tay vào tai tôi, nên một lần nữa chính nhờ qua tiếng vang vọng trong cơ thể bà mà tôi nghe được bà nói tôi là một cô gái đẹp và trường học rất, rất vui vì có được tôi. Tôi sẽ học lớp của bà, bà bảo tôi, tôi sẽ là một trong những chiến sĩ nhỏ bé của Chúa - và đây là cách tôi nhớ lại thời gian của tôi với Xơ Benedict, như thời kỳ dành cho việc điều binh, với tất cả bàn học của chúng tôi xếp thành một hàng: Giêsu trong tim chúng tôi, và Maria nhìn qua một bên vai chúng tôi, Thiên thần hộ mệnh của chúng tôi đứng bên kia; Chúa nhìn thẳng xuống, trong khi Chúa thánh thần lao thẳng xuống đường rẽ ngói trên tóc chúng tôi, nở ra ở đó trong một lưỡi lửa vô hại. Và không ở đâu có chỗ cho quỷ Satan, là bóng tối lơ lửng gần vai trái ta, chỉ cần đảo mắt là thấy.

Điêu hay nhất ở Benedict là tên của bà. Bà đã chọn nó, bà nói, theo tên vị tu sĩ được một con quạ trong sa mạc cho ăn, bởi vì khi bà còn nhỏ trong bánh mì thường có mồi xém và những con bọ cánh cứng. Ngôi trường được đặt tên để vinh danh Dymphna, một công chúa Ireland xưa đã từ chối kết hôn với cha ruột cô. Khi hoàng hậu mẹ cô chết, cha cô tìm khắp vương quốc nhưng không sao chọn được một cô dâu. Rồi đôi mắt ông sáng rực trở lại nơi con gái ông, Dymphna chạy trốn cùng cha xưng tội của cô, suốt đường đến nước Bỉ, ở đó vua cha bắt kịp cô và chặt đầu cô. Quả là một câu

chuyện kỳ quái. Thánh Dymphna là thánh bảo trợ cho người mất trí, Xor Benedict nói, bởi vì cha cô quả là điên khi muốn cưới cô. Dĩ nhiên rồi.

Tên của tôi, Veronica - một thứ khá xấu xí, tôi luôn nghĩ thế, nó nghe hoặc giống tên thứ thuốc mỡ hoặc thứ bệnh lây nhiễm - là một trong những cái tên ưa thích dữ dội của bà. Thánh Veronica lau mặt cho Chúa trên đường đến Đồi Sọ và Chúa đã để lại hình khuôn mặt mình trên khăn lau chén của bà. Hoặc bức tranh khuôn mặt của Người. Đó là bức ảnh đầu tiên từng có trên đời, bà nói.

Tôi d ần rất yêu quý thánh Veronica; một hình ảnh nghiêng ra khỏi đám đông, vừa khấn khoản vừa dịu dàng. Tôi vẫn nghĩ về bà bất cứ khi nào những chiếc khăn ướt được đưa ra trong các nhà hàng của người Hoa và trên những chuyến bay kiều cũ. Chúng ta đã đánh mất nghệ thuật dịu dàng trước đám đông, những cử chỉ chùi và rửa nhỏ nhặt này; chúng ta đã quên rằng thân thể chào đón sự đụng chạm theo nghi thức một cách khốn khổ ra sao. Tôi biết số phận của tôi phải được nối kết với số phận của Veronica, theo một cách nào đó. Có lẽ tôi sẽ là một người chụp ảnh. Có lẽ tới một lúc nào đó tôi sẽ bước ra khỏi đám đông, và sau đó quay lại - không gì hơn. Tôi nghĩ tôi có thể trở thành một người lau rửa các thứ khi lớn lên: máu, nước mắt, tất cả những thứ đó.

Tôi nh ần Veronica với người đàn bà chảy máu trong các sách Phúc âm, người mà Chúa đã nhắc tới khi nói, “Ai đó đã chạm vào ta,” và lại nh ần bà ta với người phụ nữ mà Người đã nói, “*Noli me tangere*,” chuyện xảy ra sau cuộc phục sinh. “Đừng chạm vào ta.”

Tại sao không?

Tại sao bà không nên chạm vào Người? Thomas đã chạm vào Người, Thomas đã được mời đặt hai bàn tay vào trong những vết thương của

Người. Những đi đầu này rất quan trọng đối với tôi, ở tuổi lên tám.

Trong một thời gian, tôi thực hành với những vết thương và vết đóng vảy của mình, và mỗi lần đều bị thu hút, bởi vì độ rực rỡ của màu đỏ trên giấy vệ sinh trắng mà tôi dùng thay vì những chiếc khăn lau chén của Ada. Trẻ con không hiểu cơn đau; chúng thử nghiệm nó, nhưng hầu như ta có thể nói rằng chúng không cảm thấy nó, hoặc không biết cách để cảm thấy nó, cho đến khi chúng lớn lên. Và ngay cả lúc đó, có vẻ như chúng ta luôn luôn cảm thấy đau đối với đi đầu không đáng. Hoặc nó có vẻ như thế đối với tôi.

Tôi không phải là Veronica. Dù tôi đã thực hiện khá khá phần việc *lau chùi* của mình, trong thời của tôi, và quả thực rằng tôi đã bị hút về phía những người chịu đau khổ, hoặc những đàn ông đau khổ, ông chồng đau khổ của tôi, người anh đau khổ của tôi, hình dáng đau khổ của ông Nugent. Quả thực không may là, hạnh phúc, nơi một người đàn ông, không phải là thứ thỏa mãn được, đối với tôi.

Tôi nhớ lại một buổi chiều uể oải với chiếc giỏ may của Ada, thử thuật châm cứu lên đùi tôi, thử nghiệm độ sâu của những cây kim khi chúng đi qua lớp mỡ và thịt tới sụn hoặc xương - có lẽ có một sợi gân trong đó - tôi không thể thấy quan tâm đến chuyện cái gì đi tới đâu. Tôi không thể quan tâm đến các bác sĩ, hoặc những mũi khoan, hoặc sụn - hãy cho tôi gây mê toàn phần, tôi nói, cho tôi bây giờ, trước khi cái gì đó hư mất, và tôi cũng nhớ lại một đêm với Michael Weiss, xói mạnh vào đùi non của tôi, không phải bằng gì khác mà bằng một cây bút bi, và sau đó, rạch qua những đường màu xanh vô dụng bằng con dao làm bếp của anh. Và tôi nhớ lại cảm giác mát lạnh của vết cắt.

Và sau một hồi.

Một hồi sau, thế giới xa xăm chảy ri rỉ trở lại, nổi hạt ở các gờ, dày và đỏ; dâng lên để nối kết và làm ngập khoảng trống, rồi tràn chầm chậm qua mép thịt, với một giọt thơm tho, ứ máu. Toàn thể thế giới trở lại trong khi chảy máu, một thế giới trước hết bao gồm Michael Weiss, hoặc ít nhất giọng anh, đang phát ra, *Em làm ơn, xin em vui lòng, em làm ơn đừng mẹ nó lại đi được không!*

Nỗi ghê tởm như thế. Nỗi ghê tởm hoàn toàn và dứt khoát như thế. *Giờ thì em có đã tự vừa lòng chưa?* Michael Weiss tốt, dịu dàng, đầy tính người.

Màu nâu nhạt, màu kem, sa thạch, phiến thạch.

Không có máu ở đây. Không có máu trong ngôi nhà này. Nhưng tôi quan tâm một cách dư thừa, có thể nói vậy. Tôi quan tâm một cách dư thừa, đến khuôn mặt đầm máu của Chúa, và người phụ nữ có lẽ đã tồn tại, nhưng chắc chắn không được gọi là Veronica, người chùi sạch máu và cùng với nó là một phần cơn đau.

Lúc này tôi không đi lễ, và chẳng truyền mấy vụ này cho con cái tôi, dù Rebecca, lên tám, đang trải qua một thời kỳ sùng đạo, có lẽ để chống đối tôi. Chúng cao hết sức - những đứa trẻ tám tuổi. Chúng giống con người thực sự một cách đáng kinh ngạc. Dĩ nhiên con cái của ta luôn luôn là thật đối với ta, tất cả chúng đều ở đó ngay từ đầu, nhưng thậm chí con của người lạ cũng trông giống con người đích thực ở tuổi lên tám, và, như thế con bé đã nhận ra điếu này, đứa con tám tuổi của tôi đã hướng khuôn mặt tươi mới đầy chất người của nó tới Chúa.

Liam thích thánh Catherine xứ Siena, người liếm vết đau. Anh cũng thích ba vị thánh Roma với những cái tên buồn cười, những người bị treo

ngược lên và bị trút sữa với mù tạt vào mũi, việc đó, rõ ràng, đã giết chết họ. Theo như tôi nhớ việc đó dường như không làm Kitty khó chịu tí nào.



Trong khi viết, tôi nhìn ra cửa sổ kiểm tra cái thi hài tôi có đang ng ồi trong chiếc Saab tại cổng trước. Hấn luôn ở đó (đấy luôn là một giống đực), một nhân dạng r ữ tới trên ghế trước mà hóa ra, khi xem xét kỹ, lại là cục nệm tựa đầu nghiêng lệch đi. Nhưng mặc dù biết đi ều này, tôi vẫn bị hút tới khuôn mặt trống r ỗng, bị l ền chặt của hấn, mà tự hỏi tại sao hấn lại kiên nhẫn như thế. Hấn để cái nhìn ch ằm ch ằm đ ậu bất tận trên bảng đ ồng hồ, giống như một người đang lắng nghe đài phát thanh và không chịu bước vào nhà. Một dấu hiệu cho sự cô độc của đàn ông và cho tính ngoan cố của họ. Hấn sẽ không bước vào ngôi nhà, thi hài trên xe của tôi, người n ộ m dùng trong thí nghiệm đ ụng xe trên băng ghế trước. Hấn đang chờ kết quả những trận bóng đá cuối cùng.

Tôi thực sự không muốn hấn vào trong nhà, nhưng thế không có nghĩa là tôi vui khi thấy hấn lúc nào cũng ở trong xe tôi, người đàn ông này, người truy ền đạt cho tôi, hết sức thẳng th ừng, về sự kiên nhẫn và khả năng chịu đựng. Và khả năng rằng người ta không quan tâm về nhau - hoặc không thực sự - rằng đi ều ta muốn nhất trong cuộc sống là *thể thao*.

Tôi có thể thức với hấn hoặc tôi có thể lên l ầu ngủ với ch ồng tôi.

Cả đêm là một thời gian rất dài.

Tôi đang trong nỗi kinh hãi. Nó bắt đầu một thời đi ểm nào đó sau đám tang, có lẽ một tuần, sau khi Tom cố phục h ồi tôi bằng cách nằm cạnh tôi và hôn và chà xát và các thứ sau đó. Nhưng tôi đã qua chuyện ấy - tôi đã

quên nó. Tôi đã trở lại những chuyến đưa đón con đi học, hút bụi và gọi điện cho những bà mẹ khác vì những chuyện của các bà mẹ khác, kiểu như những cuộc hẹn cho trẻ con tới chơi với nhau, và mua giày múa Ireland cho Rebecca ở đâu. Mọi thứ đều buồn, nhưng tốt - thức ăn ngon, không khí trong lành, hơi quá nhiều những ly rượu vang, và đi ngủ. Và sau đó.

Nó đến đấy - cú điện đánh thức lúc bốn giờ. Nó bò vào tôi và tôi thức với cảm giác rờn rợn gào rú, trơn tuột, chậm chạp. Chúng là cái gì? Anh ấy *đang ngủ với ai khác*. Không, đó không phải là cú điện bốn giờ. Cú điện bốn giờ là chuyện cũ hơn, và khủng khiếp hơn nhiều.

Tôi không thể cảm thấy sức nặng của thân thể mình trên giường. Tôi không thể cảm thấy đường da tôi dọc theo khăn trải giường. Tôi đang đóng đưa bên trên tấm nệm khoảng hai ba phân, và tôi không tin vào chính mình - vào cách tôi thở hoặc trở mình - và tôi không tin Tom ở bên cạnh tôi: không tin rằng anh còn sống (đôi khi tôi thức dậy để nhận ra anh chết, chỉ để thức dậy lần nữa). Hoặc rằng anh yêu tôi. Hoặc rằng bất cứ ký ức nào của chúng tôi đều là của chung. Vì vậy anh nằm đó, tách biệt, trong khi tôi mất niềm tin. Anh nằm ngửa ngủ. Và một sáng - phải - lúc bốn giờ sáng, tôi nhận ra một sự căng phồng xám xịt trên thân thể sóng soài của anh; một vật tím ngắt đang bên bờ thối rữa. Tom nằm ngửa sai tay, say ngủ như một ông thánh chết, hoặc một đứa trẻ. Dù sao thì anh ngủ một cách đẹp mắt, lòng bàn tay ngửa lên và thả lỏng theo người, và một nụ cười kéo căng tại bờ mắt anh, giống như những gì anh thấy ngay giữa vầng trán mù lòa của anh thật là thuyết phục, và thoáng qua, và dễ thương hết mức. Tôi nhìn anh một hồi - ngớ ngẩn quá, sao phải thức dậy để gặp một ý tưởng ngớ ngẩn như thế - nhưng tôi không thể kiểm tra xem liệu nó có thực hay không, cái đi đâu mà giấc mơ của tôi đã đặt lên thân xác của người chồng đang ngủ;

một dương vật quá tím và nặng đến độ nó là một gánh nặng đối với anh. Anh nằm đó, ép sát lưng lên tấm nệm chỉ để chống đỡ nó, vật không thể chịu đựng được này, bị gắn chặt vào anh và tìm cách rời khỏi anh, trong khi anh ngủ bên dưới nó. Bơ vơ. Và đây những ý nghĩ thú vị.

Và tôi quay quanh lần nữa để gom những lớp mền quanh người, khi cái vật mà chúng tôi đang giao hợp trong giấc ngủ của anh từ từ lùi xa dần. Vật có thể là tôi.

Hoặc có thể không phải là tôi. Nó có thể là Marilyn Monroe - đã chết hay còn sống. Nó có thể là cô gái bằng nhựa trong, hoặc một phụ nữ anh biết ở chỗ làm, hoặc nó có thể là một đứa bé - con gái của chính anh, tại sao không?

Có những người đàn ông sẽ làm bất cứ chuyện gì, trong khi ngủ, và tôi không chắc cái gì ngăn họ lại khi họ thức. Tôi không biết họ vạch một giới hạn thế nào.

Đây là một cảnh khác. Nó xảy ra ở nhà Ada ở Broadstone, rất lâu sau. Nhiều năm sau. Đó là cảnh Ada muốn an ủi Nugent bởi vì cuộc sống của Nugent không ổn thỏa. Cuộc đời của Nugent diễn ra thật tồi tệ, và dù chẳng có điều gì được nói ra, Ada biết điều này bởi cái mùi lẫn quần quanh ông, bởi cái kiểu vai ông vẫn giữ thẳng trong khi phần còn lại của ông rũ xuống; bà biết rằng cảnh về già, với tất cả những thất vọng của nó, không thích hợp với Nugent.

Bà cũng không chắc nó có thích hợp với bà không nữa.

Khi bà đưa ông tách trà, nó lao đảo đáng ngạc nhiên trên chiếc đĩa, và ông lặng lẽ đón lấy, đặt nó xuống. Những chiếc bánh bích quy, trong hoàn cảnh như vậy, hơi sắc sảo. Với lớp cùi dừa trắng mịn rắc trên kẹo dẻo màu hồng, những chiếc bánh bích quy ít nhiều hơi lạc tông. Ada biết rằng ông buồn, nhưng bà không muốn thông cảm. Lamb Nugent có một người vợ, Kathleen, và bốn đứa con khỏe mạnh. Ông không có lý do gì để phàn nàn. Điều ông yêu cầu là điều Ada từ chối cho hơn hết, ông yêu cầu bà tin vào nỗi sầu khổ của ông, nỗi sầu khổ bình thường của một người đàn ông với một bà vợ ông không yêu nhiều lắm và bốn đứa con mà ông không hiểu được, dù chỉ trong chốc lát; nỗi sầu khổ thông thường của những người đàn ông khi họ nhận ra họ đã chẳng làm gì, và chẳng còn lại gì cho họ làm. Ông muốn bà thương hại ông vì cuộc sống thú vị hoàn hảo của ông, và thương vì nó không thuộc về ông; thương vì ông là bóng ma trong ngôi nhà

của chính ông, nhìn vợ ông, bà vợ đang d ãn ông tới chân tường, và bốn đứa con ông, những kẻ tước đoạt từng hơi thở khi nó thoát ra khỏi miệng ông. Trong khi ông ng ẫi đây với một phụ nữ đã quá già không thể lên giường, người giữ kho báu của ông, người phụ nữ không chịu yêu ông, dù bà thực sự biết bà nên yêu ông.

Và Charlie ở đâu trong suốt chuyện này? Ông đi để gặp một ông họ về chuyện một con chó.

Nên Ada tự ăn bánh quy, hết cái này đến cái khác, mắt bà lướt nhanh quanh phòng để bảo đảm là các thứ của bà vẫn đâu vào đó, rằng thời tiết đang cải thiện, rằng tờ báo vẫn được xếp trên tay ghế, chờ người đọc. Bà đã bốn mươi bảy, Nugent năm mươi một. Họ, theo tiêu chuẩn thời đó, đã rất già.

Nugent ng ẫi trong phòng trước của bà, r ầu rĩ. Chẳng có gì ngạc nhiên về chuyện này: Ada ấn những mẫu bánh vụn trên nĩa của bà, dính chúng vào ngón trỏ của bà trước khi đưa lên miệng. Tại sao sự việc t ẫi tệ đối với ông hơn đối với bất kỳ người đàn ông nào khác? Nhưng nó quả có t ẫi tệ hơn. Ông nhất quyết vậy. Lúc này ông đã chán bà.

Bà nói đi đâu gì đó mà ông không nghe rõ, hoặc có lẽ ông chỉ quyết định không trả lời. Có một sự l ầm lẩn, trong bất cứ trường hợp nào, một vết nứt trong không khí giữa họ, và bà nội trợ Ada di chuyển mà không nghĩ ngợi để đi đâu chỉnh nó. Bà đứng và loay hoay với cái khay một lát, lại quay sang chờ câu trả lời cho câu hỏi nào đó của bà: về triền l ầm mùa xuân, hoặc chất lượng của bãi biển tại Port Salon, và khi Nugent cố nói, nhưng không được, bà đưa tay đặt lên vai ông.

Thế thôi.

Bà vói tay tới vai ông và, theo cung cách của một người biết bà nhiều năm, ông nhìn lên và đưa tay lên hông bà. Họ cứ vậy trong một phút, và rồi Ada hạ người xuống để nhấc cái khay lên, và quay đi rời khỏi phòng.

Hoặc cái khay đã rơi và chiếc áo cánh của Ada mở bung dưới những ngón tay của Nugent và họ nửa trên sàn nửa trên ghế. Nó có thể giống cái gì, khi nhìn thân thể bà sau bao năm như thế? Họ không quen với tình trạng trần truồng. Họ không có sự lựa chọn về thân thể những con người bình thường trong đầu họ, như chúng ta có thể thu thập được chỉ bằng cách ng ồi trên một bãi biển mùa hè. Vì vậy bộ ngực mà ông rướn tới bằng cái miệng năm mươi một tuổi của ông, có thể đẹp hoặc không, họ không có cách nào để biết, cả hai người: cái vú nhỏ bồng nhùng với đầu vú cứng vênh lên của Ada, cả hai người không đánh giá nó vì tuổi tác hay thẩm mỹ, hay vì bất cứ điều gì, sự choáng váng của việc nó bị lôi ra ánh sáng đủ để lấp đầy đầu óc họ như một vụ đụng xe có thể choán hết đầu óc của bạn hoặc của tôi, vì thế tất cả những gì tiếp theo sau đầu chậm và tuyệt đối và không theo thứ tự, việc kéo lê làn da kín của ông trên làn da kín của bà, việc thúc dương vật của ông vào - đó là chân, hay háng hay bụng của bà? Ông có đủ sáng suốt để đỡ bà nằm xuống không? Liệu có giây phút nào, như có thể có ngày nay, là quyết định, hoặc thỉnh c ần - bởi vì đây là thứ mà những vấn đề chuyên môn đòi hỏi - hay nó cứ thế xảy ra? Bà cứ vậy nằm sấp xuống, không c ần đẩy, không c ần giúp, không c ần yêu c ần, và chuyện đã được làm xong, Lamb Nugent ứa ra nơi nào đó, bên ngoài hoặc bên trong Ada Merriman. Họ sửa sang lại quần áo và chẳng có gì được nói ra - điều này có thể chẳng? - rằng họ thậm chí khó nhớ rõ những gì đã xảy ra giữa họ, sẽ luôn luôn rất khó mà nói ai muốn cái gì hoặc di chuyển khi nào, trừ, thỉnh thoảng, một ánh chớp khi họ nhìn đường bên này hoặc bên kia để băng qua

đường, hoặc lúc ngừng khi chìa khóa cắm vào cửa, một cơn co giật xa xôi của bàn tay và ngực, cảm giác bên trong của miệng áp sát miệng, và mắt từ chối mở trong trường hợp ánh sáng ban ngày ngăn lại những gì đang xảy ra lần nữa, một cách mau chóng, khi họ bước qua ngưỡng cửa hoặc rời khỏi lề đường chẳng?

Hắn phải là hạnh phúc lớn khi cứ trông thành giống như thế này, Nugent kéo đai hông của bà lên trước khi bước vào chỗ trống êm mượt tại vùng háng, nó, theo những tiêu chuẩn thời đó, thật sự rất già. Tôi vẫn thích cho phép họ thêm nữa. Ada có ba đứa con, Nugent bốn, và dù có thể chịu đựng những sự kiện thể chất này cứ như chúng đang xảy ra với ai khác (như mẹ tôi có thể đã làm) tôi không nghĩ sự ngây thơ như vậy là nằm trong tính cách của Ada, hoặc tính cách của ông ấy.

Thế đấy. Có một sự đổi hướng trong cuộc nói chuyện. Nugent đột ngột dừng lại. Ada nhồm dẩy đế lẫn quần với cái khay. Bà giơ tay ra để vỗ vế ông, ông đặt tay lên hông của bà, và cuộc đời của họ chia hai hướng trước mặt họ. Họ có thể để tay họ ở đó, hoặc họ có thể buông chúng xuống. Họ trẻ lại; trở lại giây phút đó trong cuộc đời khi cơ thể của ai đó khác là một con đường ta có thể đi, không có cơ hội quay lại.

Họ cũng biết, rằng giây phút này đã qua lâu - họ không còn trẻ, và không có gì định mệnh trong một vụ giao hợp, khi đã quá trễ. Những gì nằm phía trước không giống một ngã ba trên con đường mà như một góc đỗ xe nhỏ hơn. Họ có thể làm chuyện đó, và đi đâu đó không quan trọng. Chẳng có gì sẽ bị nó thay đổi; cả tương lai lẫn quá khứ. Nugent hẳn vẫn yêu Ada, hoặc muốn bà, và Ada vẫn muốn Charlie, dù bà yêu ông hay không - dù, quả thực, bà từng yêu bất cứ ai, hay không. Đây là một câu hỏi khó cho bà trả lời ở tuổi bốn mươi bảy, và đó là câu hỏi được nêu lên qua

bàn tay Nugent trên hông bà: câu hỏi liệu bà có từng yêu bất kỳ ai không, ông chõng lang bạt của bà, hoặc con cái bà, hoặc chính bà, hoặc cha mẹ mà bà chưa từng có.

Vậy là sao? Ada không yêu ai mà đúng hơn bà chỉ cho họ ăn và giữ họ sạch, và đây cũng là một hình thức yêu, nhưng ông đã hút nó ra khỏi bà, người đàn ông này với bốn đứa con khỏe mạnh và bà vợ dễ thương cực kỳ của ông, ông ta đã soi xét tình yêu thương gia đình của bà và nhận thấy nó đầy khiếm khuyết, và trong giây lát Ada không nhận ra lời nói dối này - rằng mọi phụ nữ đều nhấn tâm bởi vì họ được thêm muốn. Trong chốc lát, Ada đứng đó và nghĩ rằng quả thực (và có lẽ nó cũng đúng thực), bà chưa bao giờ yêu một ai. Bà cô độc. Chẳng còn lại gì cho bà làm.

Vào lúc họ cử động, tất cả đã qua. Tình yêu của Ada đã bị xét xử và kết tội là khiếm khuyết, cũng như tình yêu của Nugent, cũng như tình yêu nói chung - họ thống nhất về chuyện này. Vì vậy chẳng có gì an ủi ở chuyện bàn tay bà trượt ra sau gáy cái đầu u sầu của ông, hoặc trong việc bàn tay ông kéo khiến bà quỵ xuống, khi ông chu ẩ khỏi chiếc ghế thấp để xuống sàn với bà, và có đi đâu gì đó thảm thương trong việc bà hếch cằm lên khi bà dọn một chỗ trên vai bà cho đầu ông và mặt ông áp sát cổ bà. Và họ di chuyển theo kiểu này, bằng những lần dừng lại run run và những khởi động thận trọng, qua ván cờ thân thể cho đến khi bà đã được chuẩn bị đầy đủ, và trên sàn phòng khách của bà, chờ đợi.

Tôi thích nghĩ một điều gì khác xảy ra, khi ông đi vào bà. Nhưng tôi không biết cái gì. Họ đang yêu nhau, một cách bất ngờ. Hoặc họ đang đau đớn. Hoặc đi đâu gì?

Họ có một thời gian vui vẻ.



Họ kéo sập ngôi nhà xuống: Chứa bị đập nát trên vỉ lò sưởi, Lịch sử, tả tôi, nằm vất vẻo giống như chiếc quần nịt của Ada trên bộ dụng cụ lò sưởi.

Người thu tiền cá cược làm tình với một con điếm (tôi đã quên bà là một gái điếm) và chúng ta đã ở gần sự thật về nó ở đây, chúng ta đang đạt tới *sự thật về* chuyện đó - về tính thu tiền cá cược cốt tủy của đàn ông và tính đàng điếm cốt tủy của đàn bà - bây giờ chúng ta đang thúc ép đòi đi đâu đó khi Nugent thúc vào Ada, sự việc về tính hèn hạ của bà, sự việc rằng *bà cũng muốn nó*. Hoặc đi đâu này là đủ? Liệu ông, để chứng minh quan điểm của mình, sẽ không cần làm thêm không?

Tôi có thể vặn vẹo họ đến hết mức, ở đây trên những trang giấy, làm cho họ chịu đựng tất cả kiểu kéo dài, hạnh phúc, sự vô tâm, sự hèn hạ, giải thoát. Tôi có thể uốn cong và cấu hình họ lại theo những cách thô bạo nhất có thể, nhưng trái tim không cho tôi làm vậy, có gì đó thật tàn nhẫn nơi những sự việc vốn xảy ra sau *những cánh cửa đóng*, những tội lỗi khủng khiếp mà xét cho cùng chỉ là tình dục.

Chỉ là tình dục.

Tôi thích rời bỏ thân thể tôi. Có lẽ đây là đi đâu họ bận tâm, những câu hỏi về chuyện lỗi nào và lỗi của ai, những chất lỏng đúng trong những chỗ sai, những lần lộn trẻ con và những trò bạo dâm vớ vẩn này: chúng là một cách để tìm đường cho chúng ta thoát khỏi tất cả khối thịt này (tôi chỉ thích bơi ra, bạn biết không? - bắn ra như một từ ngữ khỏi miệng tôi và biến mất với một cái vẩy đuôi của tôi) bởi vì có một giới hạn đối với những gì ta có thể giao hợp và với cái gì, Nugent mở bụng Ada với những ngón tay vuông, tội lỗi của ông, sục sạo vào những hốc xoang của bà, nắm lấy với sự khao khát thận trọng những thùy đẹp đẽ của hai lá phổi bà và vuốt ve -

“Ôi,” Ada thở hỗn hển, không khí tuôn ra khỏi bà - siết chặt hai lá phổi hông của bà lại.

“Ôi.”

Tôi đi tới phần kết thúc của những gì họ có thể làm, những gì họ chắc có thể đã làm, và tất cả khô quắt lại thành thế này:

Ada đưa tay bà tới vai Nugent và ông, theo cung cách của một người biết rõ bà bao năm nay, nhìn lên và đặt tay lên hông bà. Họ giữ nguyên vậy trong một lát, thế rồi Ada hạ người xuống để nhấc khay lên, và quay đi rời khỏi phòng.

Có những sự kiện về cách Liam chết, mà tôi ước gì mình không biết. Tất cả những điều tôi đã quên trong đời mình, và tôi không thể quên những chi tiết nhỏ nhất này. Tôi đã quên sinh nhật hai mươi một của tôi, cũng như sinh nhật thứ mười tám của tôi, tôi đã quên mọi ngày giao thừa ngoại trừ hai lần, tôi đã quên người anh quá cố của mình trông ra sao ở tuổi chín hoặc mười hoặc mười hai, nhưng tôi không bao giờ quên ba sự kiện nhỏ mà những người tốt bụng ở Brighton đã nói với tôi về cái xác mà họ kéo dưới biển lên.

Thứ nhất là Liam mặc áo khoác ngắn màu vàng phản quang khi anh chết, giống loại áo mà các công nhân đường xe lửa và người đi xe đạp mặc.

Thứ hai là anh có những viên đá trong túi áo.

Thứ ba là anh không có quần lót bên trong quần jean, và không có tất trong đôi giày da.

Thủy triều ở Brighton dâng thì nhanh và chúng lên xa. Anh đã mặc cái áo khoác đó để người ta thấy được anh đang xuống nước, và xác anh dễ tìm thấy. Liam, người không thể sắp xếp một bao diêm thì, trong vụ này, lại sắp xếp chu đáo.

Những viên đá đã tự chúng giải thích.

Việc thiếu quần lót đã khiến tôi khóc. Liam không bao giờ tỉnh táo, nhưng anh luôn sạch sẽ, và dù anh sống trong đủ loại hốc hẻm, nhưng chúng luôn có nước máy, anh lúc nào cũng biết chỗ có thể tìm thấy hiệu giặt tự động gần nhất. Anh dùng xà bông màu hồng kiểu xưa, có một mùi công nghiệp - tôi không biết nó hiệu gì. Tôi nhớ mình đứng trong siêu thị nghĩ tất cả các thanh qua lớp giấy, kết thúc với thứ xà bông không mùi nào đó mà anh sẽ không dùng. Anh xoa dầu gội Coal Tar lên tóc, và Listerine lên nướu răng. Anh phun bột chống nấm mốc khắp nơi và yêu cầu khăn lau ướt bên cạnh nhà vệ sinh. Anh xỉa răng bằng chỉ nha khoa. Chất chống mồ hôi nách của anh có thể lột tróc lớp sơn.

Liam cởi bỏ quần lót của anh bởi vì chúng không sạch. Anh cởi tất của anh ra bởi vì chúng không sạch. Có lẽ anh đã nghĩ, khi nước lạnh tràn ngập giày anh, những ý nghĩ làm sạch.

Tôi biết, khi tôi viết về ba đi đầu này: chiếc áo khoác, những viên đá, và sự trần trụi của anh trai tôi bên dưới quần áo của anh, rằng chúng đòi hỏi tôi làm việc với các sự kiện có thực. Đây là thời điểm để kết thúc cho những câu chuyện thay đổi và những cơn ác mộng. Đây là thời điểm kêu gọi một kết thúc cho câu chuyện lãng mạn và chỉ nói những gì đã xảy ra trong nhà Ada, năm tôi lên tám và Liam chưa đầy chín tuổi.

Đây là căn phòng khách đẹp đẽ của Ada ở Broadstone. Cửa được sơn màu trắng láng bóng, ngả vàng. Bên trong, căn phòng được dán giấy màu hồng bụi bặm. Có một chiếc trường kỷ gần hư, và hai ghế bành cứng, nhưng Ada đã đặt một mớ nệm kỳ quái lên lớp vải lót màu tối, và thay vì những bức tranh trên tường bà lại có những ảnh chụp nhà hát có chữ ký, được đóng khung. Phòng này sát ngay đường phố, vì vậy có một màn kéo màu vàng nâu cũng như những bức màn ren, và từ trần tới sàn, có những

bức màn đỏ dày như cửa nhà hát. Cửa sổ là vật đầu tiên ta thấy khi ta bước vào, nó khiến mọi thứ khác có vẻ mờ, trừ tấm gương bên trên bộ lò sưởi phản chiếu một phần sáng của căn phòng. Cửa mở vào bên trong và gần cửa ra tiêng sảnh, vì vậy ta phải đi vào trong mới thấy ai ở đó: Charlie ngủ trên trường kỷ - đôi khi trong bộ đồ ngủ - hoặc Ada đang đọc trên chiếc ghế bành lớn đặt sát cửa sổ để có ánh sáng tốt, hoặc ông Nugent ngồi trên chiếc ghế bành kia, vào một ngày thứ Sáu, trong khi Ada tránh ông trong nhà bếp, xếp bánh bích quy lên đĩa.

Vài tuần bà không ở đó đón ông gì cả. Ta không bao giờ biết bà thực sự ở đâu. Chúng tôi không lẫn lộn quanh Ada, bà luôn luôn rất dễ cáu bẳn, và luôn luôn có chuyện gì đó để làm. Ada thích thưởng thức trà, và khi bà ngồi uống trà ta có thể nói chuyện với bà bao nhiêu cũng được. Phần thời gian còn lại chúng tôi, như tất cả trẻ con thời đó, “vướng chân bà”.

Vì thế tôi dành phần lớn thời gian đi từ phòng này sang phòng khác, tìm cái gì đó hoặc tránh cái gì đó, thật khó nói đó là cái gì.

“Cháu đang làm gì ở đó?” Ada thường hỏi. “Cháu đang làm gì ở đó?”

Có một sự buồn chán khủng khiếp ở ngôi nhà này, và tôi không bao giờ có thể rũ sạch nó khỏi mình. Sự buồn chán ẩn khuất trong các góc, trên con đường tới nhà xe, trong sân nhỏ phía sau. Vào ngày cụ thể ấy tôi chán đủ kiêu trên cầu thang, hoặc tại bàn phòng ăn, hoặc trong tiêng sảnh, trước khi tôi trở nên chán nữa và quyết định đi vào căn phòng đẹp.

Điều khiến tôi ngạc nhiên là sự kỳ lạ của những gì tôi thấy, khi tôi mở cửa. Cứ như dương vật của ông Nugent, đang chĩa thẳng ra từ cửa quăng của ông, đã lớn lên một cách kỳ lạ, và nở hoa tại đỉnh để tạo ra hình thù to tướng kèn cồng của một cậu trai, cậu trai đó là anh Liam của tôi, anh ấy, cuối cùng tôi thấy, không phải là phần mở rộng của con cu người đàn ông

này, được đặt xuống đất một cách bí ẩn trước mặt ông, mà là một cậu bé lên chín bị sốc (dĩ nhiên anh đã bị sốc, tôi đã mở cửa), và thậm chí đó không phải là con cu, mà là cẳng tay trần của cậu trai, làm cây cầu thịt giữa cậu và ông Nugent. Bàn tay anh ấy chui vào lớp vải, nắm tay anh chộp quanh cái gì giấu trong đó. Họ không phải là một vật, được nối từ bụng dưới mở ra đầu này tới cái vai ở đầu kia, họ là hai người mà tôi biết, ông Nugent và Liam.

Tôi đang cố nhớ anh trông ra sao, nhưng thật khó nhớ lại khuôn mặt anh trai tôi h ữ là một đứa bé. Và cho dù biết rằng quả *thực* điều này đã xảy ra, nhưng tôi vẫn không biết liệu tôi có hình ảnh thực trong đầu mình không, sự phát triển lạ thường tại đầu của dương vật ông Nugent, cây cầu thịt giữa người đàn ông đó và cậu trai. Hình ảnh này có quá nhiều ánh sáng vàng trong đó, có quá nhiều bóng ngả dài trên sàn. Ông Nugent hơi ngả ra sau, hai bàn tay đặt ngay ngắn trên hai đầu gối. Tôi nghĩ nó có thể là một ký ức sai l ầm, bởi vì tôi phải vượt qua một tình trạng lộn xộn khủng khiếp của các thứ để tới được nó, trong đầu tôi. Và cũng bởi vì nó là một ký ức không thể chịu đựng được. Ông Nugent hơi dựa ra sau trên chiếc ghế, cầm cầm xuống cổ, mặt ông cứng lại với vẻ hài lòng, hoặc đau đớn. Ông trông giống như một nông dân già đang được xoa bóp bàn chân.

Tôi không biết tại sao niềm hoan lạc của ông lại phải là điều khủng khiếp nhất trong phòng đối với tôi. Tính hướng nội của nó. Nét nhăn nhó nó gây ra giống như một người đàn ông với một khối rầm cực thối đang tìm ngả đi qua ruột ông ta, hoặc như một người nghe được tin tức cực tệ nhưng lại buồn cười. Chính cuộc đấu tranh trên gương mặt của Nugent mới là thứ không chịu nổi, cuộc đấu tranh giữa một người không tán đ ồng niềm hoan lạc này, và một người yếu đuối trước nó.

Từ đó đến nay tôi đã ngủ với những người đàn ông giống như vậy - họ chẳng cho đi cái gì cho đến giây phút cuối cùng, và sau đó họ rên rỉ, như thể có chuyện gì đó khủng khiếp đã xảy ra. Sự khoái lạc ập đến với họ giống một kiểu phục kích nào đó. Và bạn cảm thấy mình có tội, dĩ nhiên. Bạn cảm thấy tất cả là lỗi lầm của bạn.

Tôi nói tôi đã ngủ với “những người đàn ông” nhưng bạn biết đó là một kiểu giả bộ, bởi vì ý tôi muốn nói là khi tôi ngủ với Tom, rằng đôi khi anh giống y như vậy, thèm khát ở cú rút lui và căm ghét trong cú đập tới, và, “Em đang nhìn cái gì vậy?” anh nói, hoặc một lời châm chọc kỳ quái tại bữa ăn với những bạn bè về chuyện tới bên, hoặc chuyện tôi không tới bên, dù bạn biết tôi quả có tới bên - ít nhất tôi nghĩ tôi tới - rồi nhận ra, sau đó, rằng đi đâu anh muốn, đi đâu chăng tôi luôn luôn muốn, và đi đâu tôi sẽ không cho anh, là sự gục ngã hoàn toàn của tôi. Lòng khao khát của anh biến chuyển theo kiểu đó. Nó biến chuyển gần thành lòng căm ghét. Đôi khi nó là cùng một thứ.

“Em đã làm gì anh?” tôi la to. “Trừ việc yêu anh? Em đã làm gì anh?” câu hỏi anh thấy là cực kỳ ngốc nghếch.

Tôi biết không phải tất cả đàn ông đều giống vậy. Đâu đó ngoài kia một trăm ngàn Michael Weiss đang dắt con trai và con gái họ tới những lớp học kèn saxo hoặc học dương cầm, sống trong bộ phim Mỹ êm dịu nào đó, nơi đàn ông là đàn ông và trái tim họ thoải mái. Tôi biết rằng những người đàn ông này tồn tại, thậm chí tôi đã gặp họ, chỉ có đi đâu tôi không thể yêu người nào, dù tôi có cố đi nữa. Tôi yêu những người đau khổ, và họ yêu tôi.

Họ thích thấy tôi ngã trên đờ đạc Ý tuyệt đẹp của họ, và họ thích thấy tôi khóc.

Và tôi biết chuyện đó ngớ ngẩn ra sao. Ta không giết ai đó bằng cách quan hệ tình dục với họ. Ta giết họ bằng một con dao, hoặc một sợi thừng, hoặc một cái búa, hoặc một khẩu súng. Ta siết cổ họ bằng chiếc quần tất của họ. Ta không giết họ bằng dương vật. Vậy nó chỉ là thế - cái chuyện tôi ghét bạn, tôi yêu bạn, tôi ghét - một giấc mơ về việc giết và chết, tôi hiểu rõ đi đâu đó; rằng khi bạn buông rời nhau và lăn qua để ngủ, lúc đó giấc mơ trôi qua đời sang một ngày khác.

Còn phải nghĩ đến sự khoái lạc của cậu bé con nữa. Còn là câu hỏi anh căm ghét ai, hoặc anh yêu ai. Dù Liam, trong ký ức hoặc hình ảnh này, có khuôn mặt quen thuộc của anh, đó là khuôn mặt cởi mở với sắc trắng bình thường, với hai hàng lông mi đen cong trên đôi mắt mở rộng đến độ chúng trông như màu xanh biển.

Anh kính hãi.

Và trước khi cảnh tượng này trở nên rõ ràng với tôi, tôi nhớ mình nghĩ, *Té ra điều bí mật là vậy*. Vật trong quần của một người đàn ông - đây là những gì nó làm khi ông ta giận dữ; nó phát triển thành hình thù một đứa trẻ khốn khổ.

Tôi nhớ lại trời rất lạnh. Ta nhớ cái lạnh trên làn da tưởng tượng nào đó không hoàn toàn trùng với da của ta và đây là chỗ tôi run, khi tôi nhớ lại độ nhóp nhách của không khí ngày đó trong phòng khách của Ada.

Cũng có mùi của thuốc sát trùng Germolene, đối với tôi sẽ trở thành, mãi mãi, mùi của những thứ bị hỏng đi.

Tôi thường nghĩ về cảnh Nugent nhìn tôi khi ông nhận ra tôi đứng ngay cửa. Bàn tay đưa con trai (chắc chắn đang di chuyển) đã dừng lại, và Nugent, dựa ngửa do niềm khoái lạc khó khăn của ông, mất một phút mới



nhận ra điếu này. Trong giây lát, ông muốn bàn tay đưa con trai tiếp tục hoạt động, tưởng tượng nó dịch chuyển, một lần, hai lần, cho đến khi đầu óc ông vấp phải sự ngưng lặng dai dẳng và ông mở mắt để thấy tôi đứng đó.

“Cháu có ra khỏi chỗ đó ngay không,” ông nói, và khi Liam rút bàn tay tội nghiệp của anh khỏi cửa quăn người đàn ông tôi cảm thấy mình đã phá hỏng nó đối với tất cả những người có liên quan.

Tôi dừng lại khi viết điếu này, và bụm tay lên mặt, liếm làn da dày của lòng bàn tay bằng cái lưỡi của một đứa con gái. Tôi hít vào. Những an ủi kỳ lạ của thịt. Của việc là chính tôi.

Tôi đã thấy vẻ u ám cực kỳ trong mắt của Liam, vào ngày đó và trong nhiều ngày kể từ đó - nhưng khi Nugent thấy tôi, một bé gái trong bộ đồng phục học sinh đang cầm nắm nắm cửa, trong mắt ông là một sự khó chịu rất thông thường.

“Cháu có ra khỏi chỗ đó ngay không?”

Và tôi đã làm thế. Tôi đóng cửa và chạy đến phòng vệ sinh trên lầu, với một thôi thúc muốn đái và nhìn nước đái chảy ra; muốn móc, cào xước hoặc chà xát khi tôi xong, và ngửi những ngón tay của tôi sau đó. Ít nhất tôi cho rằng đây là điếu tôi đã làm nếu tôi là đứa bé lên tám, nhưng có lẽ tôi chỉ mở vòi nước và nhìn xuống nước, hoặc rà những đầu ngón tay của tôi qua những bọt tắm của kính trong phòng tắm, hoặc đi trong không gian một cách đăng trí, giật ngược lại trước cơn lão đảo của bồn cầu, và bồn tắm màu trắng, đây không khí một cách bí ẩn đến thế.

Tôi nhìn những đứa con tôi và nghĩ bạn biết mọi thứ lúc tám tuổi. Nhưng có lẽ tôi sai. Bạn biết mọi thứ ở tuổi lên tám, nhưng nó bị giấu kín với bạn, bị niêm kín, theo cách bạn phải mổ toang chính mình để tìm ra.

Tôi bắt đầu có thói quen lái xe ban đêm. Chính bóng ma cái tựa đầu của tôi đã gọi tôi rời khỏi nhà lần đầu - tôi thấy hắt qua khóe mắt và nghĩ, trong thoáng chốc, rằng hắt đã đi. Sau đó tôi thấy hắt sụm tới trước dựa vào bảng đồng hồ, kiên nhẫn như người nhận tiền trợ cấp gặp nạn, cố nín thở. Tôi đã gấp ghế ngả tới trước để đưa xe đạp của Emily vào băng sau, và không dựng nó thẳng lại khi chúng tôi về đến nhà. Bây giờ ghế ngả đó chịu một tình trạng khẩn cấp nhỏ nhưng khủng khiếp ngoài đó trên đường lộ công cộng. Tôi kiểm tra giờ giấc: đó là 3:30 sáng. Lúc 3:45 ghế ngả đó vẫn bị kẹt. Đến 4:00 sáng nó đã từ bỏ mọi sự giả vờ đấu tranh, và úp mặt xuống một cách vô vọng. Tôi lấy một chai vang trắng khỏi tủ lạnh nửa giờ trước bình minh và, bất giác, nhặt lấy chìa khóa xe. Rồi với ly, chai và đồ khui tôi đi ra với con ma chỗ tựa đầu của tôi, trong mưa.

Khi tôi mở cửa phía bên hành khách và kéo cần gạt, cái ghế bật ngược ra, giật mình và nhẹ nhõm. Nó nhìn đắm đắm một chốc, thẳng trước mặt. Nó vẫn thích mạo hiểm, con ma chỗ tựa đầu của tôi, giống như một ngàn người bạn máy trong một ngàn phim hoạt hình. Tôi ngả vào. Mặt nệm lạnh. Tôi kéo nút bên ra và rót cho mình một ly vang, rồi tôi bỏ chai ra ngoài xuống mặt đường và đóng cửa lại. Tôi thư giãn trong ghế và uống trong vòng ôm lạnh lẽo của nó, hoàn toàn hạnh phúc; toàn bộ cuộc gặp gỡ được mưa làm thành riêng tư.

Tôi làm việc này vài lần trong tuần kế tiếp hoặc khoảng đó. Tôi đi ra và uống trong xe. Thỉnh thoảng trời không mưa, nó khiến tôi cảm thấy hết sức ngột thở khi đi ra ngoài đêm tối một mình. Có cái gì đó quá trăn trụi ở khu nhà nhỏ bé của chúng tôi về đêm; những láng giềng, mỗi người trong cơn điên khùng của họ, ngủ thành hàng. Không có gì quan trọng. Đứa trẻ trên xe lăn ở số bảy, và “Bạn Không Thể Đậu Xe Ở Đây” ở số mười, và ông chẳng đòi hỏi chăm sóc cao cấp của tôi ở số bốn, mỗi người mơ những giấc mơ bình thường của họ.

Tôi đút khóa vào ổ công tắc, chỉ để máy đi đầu hòa làm bầu bạn, và tôi bật máy thu thanh ở mức nhỏ. Nồi thổi thúc muốn lái xe rất mạnh, nhưng ly rượu vang, khi tôi thử, không đứng thẳng bằng được trong hốc giữ tách. Tuy nhiên - và lúc này tôi chính thức điên rồi, tôi là một bà nội trợ điên - tôi vẫn cho xe chầm chậm rời lề đường và, vừa lái vừa uống suốt, chạy quanh khu nhà ở số một. Tôi muốn quăng chiếc ly không vào khoảnh vườn trước của ai đó, nhưng dĩ nhiên tôi không làm vậy. Tôi tắt xe vào lề và bỏ nó xuống đường, đối diện với cái chai, và tôi lái qua cánh cổng nhỏ bằng thủy tinh ấy - qua tảng đá hoa cương chạm trổ tại cửa vào lãnh địa của chúng tôi, và tiến về thành phố ngoài kia.

Tôi đang trong trạng thái hầu như hết sức sợ hãi khi lao về hướng trung tâm thành phố; nhìn qua vai để kiểm tra sự trống rỗng trong chiếc xe sau lưng tôi, đi vào những con đường trước đây tôi chưa từng vào, luôn có xu hướng đi về phía biển. Tôi bám chặt tay lái, và đạp thắng quá gắt trước đèn giao thông. Tôi cạ bánh xe vào vỉa hè của vòng xoay trung tâm và khi cú va chạm mạnh này làm tỉnh táo đầu óc tôi nhận thấy rằng chúng tôi, chiếc xe và tôi, đang chạy lên phía Bắc, ôm theo đường cong Vịnh Dublin. Tôi thấy hài lòng với dĩ Howth, cảm thấy, khi lao trên con đường bằng phẳng dọc

theo nó, rằng tôi đang di chuyển trên cát, rằng thủy triều vẫn muốn đoạt lấy mặt đất bên dưới bánh xe của tôi. Trong một bãi đỗ xe tại đỉnh đồi, tôi dừng lại, ngừng, chờ bị giết.

Bây giờ tất cả đang trở nên hơi lộn xộn. Có lúc tôi không cho phép mình rời khỏi nhà trong nhiều đêm, hoặc tôi chộp lấy các món của mình ngay khi mọi thứ yên tĩnh lại và tôi đi. Tôi làm việc này có lẽ ba hoặc năm lần và bừng tỉnh khỏi cảm giác vô hồn trên con đường vắng sau khu Sugarloaf, hoặc chạy cạnh một bức tường trại ngựa giống ở Kildare. Chẳng có gì là bất hợp pháp ở chuyện lái xe, nhưng với tôi tất cả có vẻ như bị cấm, bà nội trợ trong chiếc Saab của mình, bỏ rơi những đứa con của bà trong khi chúng ngủ, để mặc chúng không được bảo vệ trước những giấc mơ của chúng.

Rồi một đêm tôi biết nơi tôi đang tránh né và, với những chuyển động thận trọng và tuyệt vời của tay lái, tôi khắc chế được sự miễn cưỡng tự nhiên của chiếc xe và lái nó thẳng đến Broadstone.

Những con đường bé xíu. Đây là những ngôi nhà đồ chơi, những ngôi nhà của trẻ con. Chúng tôi không thể sống ở đây. Nơi nào thích hợp cho chúng tôi? Trước khi kịp biết ra tôi đã ở ngoài trên Đồi Constitution đối diện một bức tường thấp có tượng Đức Mẹ Đồng Trinh xám đứng trên thế giới tròn, xám xịt, nhưng nó không phải là một pháo đài như tôi nhớ, với những chiếc xe buýt xếp thành hàng ở đỉnh. Trạm xe buýt tốt dưới đồi, dù nó trên một bờ cao, và khi đi xuống về phía dòng sông tôi thấy, bên trái tôi, ngôi nhà thờ nơi chúng tôi bị bắt quả tang ăn cắp nến. Đó là chủng viện Capuchin, tấm bảng bên ngoài ghi vậy, và tôi cảm thấy ông cha cố khủng khiếp chắc không thể từ đó tới, bởi vì họ là những thầy dòng, những con người dễ thương mang xăng đan không tất vào giữa mùa đông. Nhưng rồi

tại sao không nhỉ? Dù sao đi nữa nó cũng có thể xảy ra trong một chủng viện lắm chứ.

Tôi lái ngược lên Broadstone và thấy mình, rất nhanh, dừng trước cổng nhỏ dẫn vào Hồ ở đó tôi đậu và bước ra khỏi xe. Nó đó! Đây là nơi Liam đã đáí - không phải, như bây giờ tôi thấy, qua tấm lưới mắt cáo, mà qua những rào chắn cô lỗ, dù phần còn lại của nó thì giống như cũ. Tất cả đều y hệt. Nước y hệt. Và con đường. Đây là nơi nó đã xảy ra.

Tôi trở lại xe và lái không đèn thẳng tới nhà Ada. Tôi đậu xe ở chỗ trống đầu tiên, và tôi ng ẫ đó trong mười lăm, hai mươi phút, làm rất nhiều cuộc vắt óc cấp bách, cật lực, trước khi tôi nhận ra mình đến nhầm con phố, dù số nhà trên cửa là y hệt.



Tom gặp tôi tại cửa. Mũi anh ph ồng lên trước mùi không khí trong lành trên áo khoác của tôi r ẫ anh quay đi.

Tôi nói, “Mấy đứa con gái đâu?”

Anh nói, “Em đã ở đâu?”

Tôi bắt đầu cười. “Ha ha,” tôi cười lặng lẽ khi tôi đặt túi xuống qu ầy, khi tôi cởi áo khoác, khi tôi treo áo khoác dưới c ầu thang. Anh đã đưa các con tới trường và quay ngược v ề để đối đầu tôi. Qua cái nhìn nhú mày của anh tôi nghĩ có thể anh cho tôi một cú đấm.

“Anh trễ giờ làm, vì chuyện này à?” tôi nói.

“Em đã ở đâu?” anh nói, và tôi thích nói tôi đi ra ngoài, giống như anh lúc nào cũng ở ngoài. Làm lụng, thực hiện, sinh hoạt - hoặc thậm chí đeo.

Tôi thích nói, “Em chỉ ra ngoài đeo chút,” bằng giọng yêu đời, nhưng tôi không muốn nghĩ về chuyện thân xác tôi đã trở nên tàn tạ thế nào từ khi tôi bắt đầu thích bóng tối. Tôi dịu dàng đặt tay lên ngực áo sơ mi của anh, và cử chỉ này quá duyên dáng, cả khi tôi nhìn nó, đến độ nó dẫn tôi, hết sức dễ dàng, tới cái khóa dây nịt, tôi kéo mạnh nó bằng tay kia, và như thế, bằng cách nhẹ nhàng đẩy anh ra trong khi kéo anh tới trước, tôi xoay xở để mút chùng tôi, trong nhà bếp của chúng tôi. Vào một ngày đi học.

*Đây là thật, tôi nghĩ. Đây là thật.*

Dù tôi không chắc nó là vậy, thực sự. Khi chúng tôi đã xong, Tom đặt một nụ hôn khô khan trần trụi lên giữa trán tôi. Anh không thể phàn nàn rằng anh đã bị lừa - hoàn toàn không sau chuyện ưa thích chính thức, thường trực của anh - nhưng anh vẫn biết anh đã bị lừa như thường. Và đi đầu đó khiến anh giận dữ.

“Anh chỉ không biết vì sao em lại thế,” anh nói. Một cụm từ doanh nghiệp của anh chàng doanh nghiệp của tôi.

Khi anh đã đi, tôi lên lầu nằm xuống giường của Emily. Sau đó tôi dậy, kéo tấm mền bông lại và nằm xuống nữa. Tôi không biết con bé có mùi ra sao, con bé giống thứ nước hoa dùng quá lâu, con bé vẫn quá gần gũi với bên trong của tôi. Vì vậy tôi không thể nghe mùi con bé, hoàn toàn, nhưng tôi biết rằng mùi của con bé ở đó khi tôi nằm xuống với ý tưởng về nó bên cạnh tôi. Tôi muốn vuốt bàn tay dọc tấm lưng tuyệt đẹp của nó và qua cái mông nhỏ nhắn dễ thương của nó. Tôi muốn kiểm tra rằng tất cả vẫn ở đó, được gói ghém đẹp đẽ, và hạnh phúc, rằng những bắp thịt của con gái tôi phù hợp với xương của nó. Tôi muốn tìm được người mà tôi tạo dựng từ chất liệu của cơ thể tôi, và lớn lên với mười ngàn nĩa xúc xích sạch và những hạt đậu không chứa đường, tôi muốn vắt mỗi bộ phận của nó thật

chặt, cho đến khi nó được đúc và nén cứng. Tôi muốn hoàn tất công việc chế tạo ra nó, bởi vì khi được chế tạo trọn vẹn nó sẽ mạnh mẽ.

Tôi đón xe lửa từ Brighton trở về, và gặp Kitty trong một quầy rượu ở “Gatwich Village”, chờ chuyển bay về nhà. Nơi này thật đáng chán, vẫn toàn nước căn của ly vai và gạt tàn, mà lại là trên những chiếc bàn thu nhỏ để dành chỗ cho xe đẩy thức ăn, ba lô và túi xách; đàn ông ngủ gục bên cốc bia đang uống, râu ria không cạo và buồn bã. Còn quầy rượu thì chỉ là quầy rượu giả vờ, một góc được sơn phết của sảnh sân bay, một sàn nhà được tô màu khác. Không có cửa. Tôi len qua đông hành lý và những cuộc đời bị chậm hoãn để tìm Kitty - một phụ nữ giống cô em tôi một cách kỳ cục, dù già hơn nhiều.

Khi tới được cái bàn, tôi nhìn xuống những chiếc ly rỗng trước mặt nó và hỏi, “Cả mớ này là của em hả?”

“Ô, im mẹ nó đi,” con bé nói.

“Chỉ hỏi thôi.”

“Hai ly là của em, phần còn lại thì không, được chứ?”

“Em muốn một ly nữa không?”

“Được, cảm ơn, em sẽ vui lòng uống một ly nữa.”

Tôi quay người để len tới quầy rượu, và nghe nó nói, “Bunny,” đó là tên nó gọi tôi hồi nó còn nhỏ. Tôi quay lại ôm nó, lưng tôi vắn đi, thân người vươn ra, khi nó hơi nhồm dầy để nhận cái ôm, đùi nó kẹp bên dưới cái bàn gỗ nhỏ. Tóc nó sờ như đồ giả, giống như một bộ tóc giả, nhưng tôi



nghĩ nó chỉ bị cứng do tác dụng của thuốc nhuộm và dầu gội Frizz-Ease. Trông từ xa, nó vẫn đẹp, quăn và đen như xưa, tuy rằng khi nhìn kỹ mặt nó tôi thấy nó đã suy sụp, một cách rất cơ bản, và tất cả những gì vẫn khiến người ta chú ý - đôi mắt xanh, và đôi má tình nghịch, và nụ cười hút hồn, một con sóc Celtic tròn vẹn - đã tan chảy dễ như sáp, để lại thịt lỏng thong bắm lấy những xương, xương, toàn xương.

“Em khỏe không?” tôi hỏi.

“Em *khỏe không hả?*”

“Phải. Em khỏe không?” tôi nói.

“Khỏe. Em khỏe.”

“Thế lại, muốn uống gì đây?” tôi nói.

“Gin pha soda, cảm ơn.”

“Phải, chị đã nghĩ là vậy.”

“Phải.”

Đã nhiều năm rồi, tôi nghĩ, từ khi tôi gọi một ly ở quán rượu. Người bạn quây phốt lờ tôi trong khoảng thời gian dài kinh khủng. Tôi chỉ muốn hét vào mặt ông ta rằng tôi đã lớn và lúc này muốn cho ông ta một số tiền. Tôi muốn nói, “Anh tôi đã chết! Phục vụ tôi ngay!” nhưng rồi, thì đã sao? Một số người đã không gặp anh em họ hàng hai mươi năm.

Tôi lấy ly gin cho Kitty và một cho tôi.

“Hệ đo lường Anh,” nó nói, giờ ly lên mà lúc lắc, kiểu như tôi là một con cóc không bằng.

Kitty luôn than phiền về chuyện bị đánh khi còn nhỏ, dù trên thực tế nó là đứa cực kỳ hỗn láo; nó luôn gây chuyện để bị đánh nữa, và nó thường ăn đòn; không chỉ từ tôi và Liam, những người thực ra là thích nó, mà còn từ

Mossie-loạn-thần-kinh, người đã châm chích và chọc giận biến nó hoàn toàn thành một Shirley Temple\*. Có đi đâu gì đó siêu nhiên trong cơn giận dữ của nó ở tuổi lên sáu hoặc bảy, thân thể con bé cứng ngắc và cơn tức giận của con bé rít quanh phòng, cho đến khi con bé chộp được nó và nhét nó vào trong mình. Sau đó, con bé nổ bùng thành một nùi bông phun ra lửa, một cô em trong phim hoạt hình, trút những nắm đấm vào ngực Mossie. Mà đi đâu đó chỉ chuốc lấy rắc rối, bởi vì bạn không nên đưa mọi thứ đi quá xa với Mossie. Ít nhất với tôi và Liam, chúng tôi chỉ làm thế để chòng ghẹo.

Diễn viên nhí nổi tiếng hồi thập niên 1930 với vai một bé gái quá quắt trong bộ phim nhiều tập *Frolics of Youth*.

Và dĩ nhiên tôi cảm thấy có lỗi, khi nghĩ về nó lúc này, và tôi không tin vào việc đánh bất cứ ai, hoàn toàn không, nhưng tôi vẫn tìm thấy mơ hồ một thứ gì đó còn hơn cả giải trí khi con bé còn là một đứa nhóc quá quắt khó tính như vậy. Cái hất đầu, vẻ thượng đẳng nho nhỏ nào đó, nó khiến tôi ao ước con bé lại ở tuổi lên sáu lần nữa.

Tôi nâng ly lên, một cách nhẹ nhàng hết sức, nói, “Chúc mừng.”

Con bé bắt đầu khóc ngay khi chúng tôi lên máy bay; nó khóc suốt đường về nhà. Hàng lít nước mắt. Nó chuyển từ rí rỉ lặng lẽ sang thở dài, hắt và lắc mạnh, rồi trở lại từ đầu. Tôi nghe như nó đang tập luyện khóc không kém gì khóc thực sự. Tôi nhìn ra cửa sổ, trong khi cô tiếp viên tử tế đề nghị thêm suất rượu mạnh vào cà phê của nó và sau đó tính năm Bảng cho khoản đó.

“Cô ổn không? Cô có chắc không?”

Người đàn ông cạnh nó phía bên kia biết rằng ai đó đã chết. Ông ta tự hỏi tôi có phải là nhân viên xã hội không, hay có lẽ thậm chí là một viên

giám ngục, và tại sao tôi không cần tay con bé. Và tôi cũng tự hỏi sao tôi không cần tay con bé, khi tôi nhìn xuống bề mặt biển Ireland xa xa. “Chúng tôi đã ngủ cùng phòng suốt hai mươi năm,” tôi muốn nói với ông ta. “Đi đâu đó không đủ cho ông sao, nó không thực sự *hơn thế và xa hơn thế sao?*”

Trong khi đó, Liam đang ng ẫ phía trên cách một dãy ghế ở bên kia lối đi. Có một vẻ đe dọa mơ màng ở bóng ma của anh khiến tôi nhận ra anh hờ hững làm sao khi cuối cùng anh rời bỏ tất cả chúng tôi để đi vào lòng biển. Tôi có thể cảm thấy cái nhìn chăm chăm của anh lên hai má tôi khi anh ngoái lại nhìn tôi, kinh dị và chết chóc. Tôi biết cái nhìn đó nói gì.

Sự thật. Người chết chẳng muốn gì khác. Đó là thứ duy nhất họ đòi hỏi.

Tôi nhìn lên quá nhanh, và anh đã biến mất.

Có một ngôi nhà trắng lớn trên đảo Lambay - kiểu Georgie, theo ước đoán, đáng giá vô số tỷ. Tôi thấy nó lần đầu, ắt hẳn là từ bờ biển, vào cái ngày chúng tôi đi với Ada đến thăm cậu Brendan khủng điên của chúng tôi. Và bất ngờ tôi ý thức được trọn vẹn rằng con trai của Ada đã mất vì tình trạng bản thủ và thuốc an thần Largactyl. Đã bao nhiêu năm rồi nhỉ? Có lẽ cậu chết mà vẫn còn tự hỏi mình thực sự là ai.

Tôi đảo mắt dọc bờ biển tìm một bãi biển, một cây cầu, một cửa sông, rồi trở lại tới một mũi đất - và nó ở kia: một ngọn tháp tròn như mũi bút chì, một tháp nước như cái bình to và, bên cạnh nữa, một cụm những tòa nhà có cây cối vây quanh. Khi vừa nhìn thấy, tôi lại mất hút nó, máy bay nghiêng cánh và chỉ thấy bầu trời.

“Chuyện gì đã xảy ra với cậu Brendan?” tôi hét với Kitty, át tiếng ồn.

“Chuyện gì đã xảy ra với cậu Brendan?”

“Phải, cậu Brendan.”

“Chị muốn biết chuyện gì về cậu Brendan?”

Máy bay mở cửa bụng dưới và chúng tôi chờ những bánh xe khóa lại. Bung những chân nhỏ thẳng của nó ra, thọc sâu những gót của nó xuống.

“Cậu chết rồi,” Kitty nói, dịu giọng.

“Chết rồi à?”

“Em rất thích cậu.”

“Vây hả?”

Tôi tin chắc tôi chưa từng gặp cậu, dù bây giờ cậu ở đây, bất ngờ tại bàn tiệc Giáng sinh ở phố Griffith, một khuôn mặt bị biến thành kỳ quái bởi hai má chảy xệ, cánh mũi cậu viền đỏ và hai mắt - hai mắt khi tôi nghĩ về chúng thì mệt mỏi và không vui, như thể điên là một công việc chán ngắt, chán ngắt gần ngang với Giáng sinh. Ký ức của tôi đặt cậu vào một cái nón giấy màu cam, với một ly rượu mạnh trên bàn tay run rẩy, nhưng trong nhà chúng tôi không có rượu cho đến khi Liam bắt đầu lén mang vào, và cũng không hề có những chiếc nón giấy.

Chúng tôi thừa hưởng màu mắt từ Brendan: mắt Spillane gặp màu xanh Đại Tây Dương của cha tôi để cho chúng tôi đôi mắt nghiện rượu, nguyên tuyền, có màu xanh không-pha-không-uống-thêm; đẹp và bệnh hoạn và hơi thần thờ, hoặc đáng trí, cho đến khi chúng tôi “kích hoạt chúng”, nói thế là muốn nói chúng tôi chú ý đến ai đó và quyết định cho mắt chúng tôi màu xanh trọn vẹn.

(Mắt tôi giống mắt của Ada, một kiểu mắt xám mà người ta gọi là “*liath*” trong tiếng Ireland khi viết về những bức tường đá hoặc biển cả.

Alice cũng có đôi mắt màu mưa này, giống như Ivor và Midge. Chúng tôi không phải là dòng Hegarty náo động, đích thực, mà một tiểu chủng loại; chủng Firbolg\* của phố Griffith.)

Firbolg: một trong những sắc dân cư trú tại Ireland từ thượng cổ, theo thần thoại.

Cậu Brendan cũng là ngu ần cội nơi chúng tôi có được khiếu toán học - thực tế đó là một khả năng khá t ầm thường có liên quan tới việc nhớ số điện thoại và khiển trách các cô gái tại máy tính tiền siêu thị vì tính thừa tiền cho những mớ rau thập cẩm. Không ai trong chúng tôi có những thứ mà cậu Brendan có - đi ều này chúng tôi biết rõ - bởi vì cậu Brendan có Toán học. Chúng tôi vẫn luôn hiểu rằng em trai của mẹ tôi quá tốt để sống trong thế giới này.

Và dù Ernest đọc Lý thuyết Dây bên ánh nến trên mi ền núi Peru, nhưng hầu hết người thông minh trong họ Hegarty đ ầu chỉ vậy - *thông minh*, hàm ý rằng không được cứu chuộc; kiếm được ít hoặc nhiều tiền hơn người thường và có thói quen buông những lời nhận xét sắc sảo. Tôi nhận ra, khi chúng tôi hạ cánh, rằng cuộc sống ở Thánh Ita không phải là cuộc sống lãng mạn, mà giống hơn với một công việc kéo dài, bản thi ếu là nhìn nước đá đóng lại trên lòng bạn, và gần như biết bạn đang nghĩ gì, đôi lúc.

“Tôi biết mình đang nghĩ gì!” người điên trong đ ầu tôi nói, đấm mạnh vào tay ghế bằng gỗ. “Tôi biết mình đang nghĩ gì!” và người y tá đi ngang nói, “Tốt cho ông!”

Nhà ga phi trường bắt đ ầu trượt qua cửa sổ và trông nó rất giống một bức tranh về một tòa nhà, toàn bộ nghi thức hạ cánh có cảm giác quá phim ảnh và giả tạo, đến độ trong một lát tôi không tin bất cứ cái gì của nó. Cậu Brendan hiện giờ không hề chết, hoặc không chết một cách thích đáng. Và

có đi đâu gì đó quá bất kham ở băng đi bộ di động này, những cầu thang cuốn và những băng chuyền hành lý, cái gì đó sẽ không gắn được vào đất Ireland, đến độ khi tôi lấy chiếc Saab khỏi bãi đậu xe và ra tới vòng xoay tôi lại rẽ về hướng Bắc thay vì hướng Nam trên con đường phi trường.



Chỉ xa vài dặm, cái chỗ này đây. Cây cầu nhỏ vẫn ở đó, và tuyến đường sắt, cắt về hướng Bắc. Sau đó, có một chỗ lỏng lẻo bất ngờ trong bản đồ tâm trí tôi và con đường rã ra trước mặt tôi. Tôi chỉ mới bắt đầu mất hy vọng thì nó bật trở lại thành con đường tôi nhớ được - chính con đường dài, thẳng đó. Có một con đường bê tông dọc mé tay trái, một dãy những cây tai hại dọc bên phải, đằng sau chúng một con hào rãnh nhường chỗ cho một cánh đồng trũng, nơi một màu xanh ướt át sống động đây đó đổ dốc vào một hồ nước ngập trên cỏ.

Bên kia hàng cây là ánh sáng trắng thô của bầu trời bên trên mặt nước.

Nó đây. Không hề có sự thay đổi giữa con mắt tâm trí và con mắt thật của tôi. Tôi cố chậm dần lại bằng tốc độ của ký ức, nhưng nó đang trượt qua tôi quá nhanh.

“Em nhớ con đường này không?” tôi hỏi Kitty.

“Con đường nào?”

“Con đường này.”

“Nó thì sao?”

Con bé đã ăn sạch nửa quá khứ. Nửa cuộc đời tôi đã đi mất trước khi nó quyết định hiểu ra.

“Em nhớ nó không hả?” Kitty hỏi.

“Giêsu,” tôi đáp.

“Cái gì?”

Lúc này chúng tôi đi qua căn nhà nhỏ trong cánh đồng bắp, dù bắp đã bị xén tới gốc trong nắng thu xuống thấp.

“Cái ông với hai cây gậy?”

Và ở đây, nơi con bé có thể mang mọi thứ đến cao độ, Kitty chỉ nói, “À.”

“Đi dọc theo đây há?”

“Ở đây à?” Kitty nói. “Không, không ở đây.”

Vào lúc đó tôi tạm ngừng, và quẹo phải vào con đường tới bệnh viện.

Như thể chúng tôi đã lái xe qua một màn sương mù ngăn ngừi bất chợt, ở phía bên kia của nó là quá khứ. Tôi chạy xe ở số hai, chồm lên tay lái khi chúng tôi đi qua sân trước của dãy nhà dành cho người quản lý, nhà có lẽ của giám đốc, và sau đó tới bệnh viện, xây bằng gạch đỏ kiểu thời Victoria, bằng cỡ một thị trấn nhỏ.

“Dịch vụ cho người khuyết tật,” tấm bảng ghi và tôi nghĩ, với sự nhẹ nhõm, rằng những người điên giờ đã đi hết. Những người điên, rất tự nhiên, đã hóa thành tro bụi. Bây giờ người ta không còn điên nữa. Những người điên chỉ là một lớp chất cặn của da trong những phòng đó, bị cạo đi mất, hoặc bị chặt phăng đi, hoặc có thể bị loại đi: một triệu mẫu da, một sự mềm mại dưới lớp ván sàn, một đặc tính của ánh sáng.

Chúng tôi đi qua một vòng sân có một ống khói cao và một ngôi nhà thấp đặt n ữa hơi, tất cả bằng gạch công nghiệp đỏ, quá lố. Có những cửa sổ

tròn kỳ lạ ở ngôi nhà n ấ hơi với Ngôi sao David sáu cánh làm khung cho những ô kính.

“Giêsu,” Kitty nói, th ần nghĩ, như tôi đang nghĩ trong một giây, rằng họ đang thiếu những bệnh nhân tâm th ần trong đó, chỉ để giữ nóng những giàn sưởi của bệnh viện.

Tôi dừng lại ở bãi chơi bóng ném, vẫn để máy nổ, r ấ nhìn cột tháp tròn và tháp nước bên kia. Nhưng không thể kéo thẳng tay mà bước ra không khí tr ần trụi của dưỡng trí viện này, khi những cửa sổ hai cánh xếp thẳng hàng vẫn canh chừng. Tôi di chuyển ch ầm ch ậm về phía ngôi nhà nhỏ ở mé dưới gần biển, những bánh xe to bụi của tôi bò qua lớp sỏi, sau đó tôi làm ba động tác trở đầu xe, và rời đi.

Khi trở ra được khỏi cổng, tôi chạy nhanh vài trăm mét tới biển, biển công cộng, biển để bơi. Nước muối luôn làm tôi cảm thấy lạnh mạnh như vậy; độ cao của những con sóng, cú nhảy của cá, hoàn toàn bất chấp sức ép khổng lồ của nó xuống đáy biển. Có một khu gia cư nhỏ chạy tới sát bãi biển, một đứa bé trên chiếc xe đạp, nghệt ra vì tò mò, và, sau khi tôi rẽ ở cuối đường, một bức tường xám rào quanh một cánh đ ờng nhỏ. Và trong cánh đ ờng đó - rất nhỏ - là một thập giá Celt ghi:

Tôi bước ra khỏi xe r ấ đọc.

**1922-1989**

VÌ LÒNG NHÂN TỪ CỦA BẠN HÃY CẦU NGUYỆN  
CHO NHỮNG BỆNH NHÂN NỘI TRÚ CỦA  
**BỆNH VIỆN THÁNH ITA**  
ĐƯỢC CHÔN TRONG NGHĨA TRANG NÀY  
*CẦU MONG HỌ ĐƯỢC YÊN NGHỈ*



Chỉ một thập giá - còn mới - ở cuối con đường nhỏ ở giữa. Một hàng đôi cây non hứa hẹn trở thành những cây thanh hương trà. Không hề có những vật đánh dấu, không năm m ờ riêng lẻ. Tôi tự hỏi bao nhiêu người đã bị ném vào bụi của cánh đ ờng này và nhận ra, quá trễ, rằng nơi này đang sôi lên với những thi hài, đất được dẹt từ m ớ xương lộn xộn của họ.

Tôi ngoái nhìn, vô vọng, vào Kitty ở băng ghế trước.

Chúng nắm chặt bắp đùi tôi. Tôi bị chop ngay bắp đùi bởi một cảm giác bất kể nó là gì. Một cơn gió mơ hồ. Nó v ờ lấy tôi, lu ền rất nhanh giữa quần áo và da thịt tôi. Nó nhấc mọi sợi tóc lên. Nó gặm môi tôi. Và biến mất.

Có lần tôi thấy một người đàn ông bị bệnh giang mai giai đoạn ba tại buổi lễ nhà thờ. Ông ta ng ồi trên ghế trước mặt chúng tôi, lo nghĩ về việc riêng của mình cho đến khi Mossie chỉ ra ông ta, bởi vì Mossie là kiểu đàn ông biết rành những chuyện như thế. Hai vành tai ông ta bị ăn mất; chúng nhả nhúm lại, giống như miếng nhựa chảy. Khi ông ta quay mặt nghiêng đi, ta thấy rằng sống mũi ông ta sụm bẹp sát mặt, để lại một dùm thịt, kề bên chỗ vốn là cánh mũi ông ta. Tiếng thở của ông ta to và gấp gáp, nhưng ông ta không có vẻ điên - sau này Mossie nói cuối cùng họ luôn phát điên. Không còn nghi ngờ gì về những dấu hiệu, trên mặt ông ta, về lịch sử của ông ta.

Rời buổi lễ trên đường về nhà Kitty nói đi đâu đó ra. Con bé lúc đó chắc khoảng mười một. Nó nói, “Người đàn ông ng ồi trước bọn con bị giang mai giai đoạn ba.”

Đầu cha tôi rụt xuống khi ông lái xe, cả cái lưng ông trông dày hơn. Một lát sau mẹ tôi thốt ra, “Ôi.”

Lịch sử chỉ mang tính sinh học - tôi nghĩ thế. Chúng ta nhặt và chọn sự kiện về bản thân mình - chúng ta đến từ đâu và nó có nghĩa gì. Tôi ng ồi, vừa làm sạch lớp da bên dưới những móng tay vừa nghĩ về việc anh chàng làm dịch vụ lễ tang người Anh thanh lịch kia sửa móng tay lần cuối cho Liam, những lớp cấu đen từ một qu ầy rượu, lẫn lộn lớp dầu bóng và m ồ

hôi, bia đồ trần và da người khác. Những gì được viết cho tương lai thì được viết trong thân thể, phần còn lại chỉ là dấu vết.

Tôi không biết số phận của Liam được viết trong xương anh khi nào. Và dù Nugent là người đàn ông đầu tiên ghi tên mình ở đó, nhưng vì một lý do nào đó tôi không nghĩ ông ấy là người cuối cùng. Chẳng phải do tôi đã thấy bất cứ thứ gì khác diễn ra, mà bởi vì những thứ này vận hành theo kiểu đó. Dĩ nhiên, không ai biết những thứ này *vận hành* ra sao ở thời điểm ấy. Chúng tôi nhìn những kẻ giống Liam và có một câu chuyện hoàn toàn khác cho nó, một mớ ngôn từ khác.

*Chó con, thằng khó ưa, khỉ, thằng du côn, vô vọng, vô dụng, điên khùng, đứa hậu đậu.*



Bây giờ anh đã chết, tôi phải nói rằng Liam cũng đã có những tháng ngày huy hoàng.

Ở tuổi mười lăm anh tôi đẹp một cách không ngờ - đi đâu này, khi tôi vẫn còn ở giữa chạng bưng nổ mĩ nhòn của tuổi mới lớn. “Em kiếm đâu ra mấy cái đuôi chuột đó vậy?” Ita có thể nói về tóc tôi như thế, hoặc, “Sao mi mắt em đỏ quá vậy, em có nghĩ em bị *nhiễm trùng* không?”

Ita rồi sẽ trở nên “đẹp”, chị ấy sẽ “kiếm được một người đàn ông”, vì vậy có một cái gì đó bền vững trong dung mạo của chị từ hồi còn nhỏ. Trong khi đó, khuôn mặt của tôi ngày càng trở nên khó hiểu với tôi, từ tuổi này sang tuổi khác. “Em kiếm đâu ra cái mũi đó vậy?” chị nói. Đó là một câu hỏi hay, Ita, đó là một câu hỏi rất hay, cảm ơn.

Có một thời gian Liam để mái tóc rất buồn cười và đôi môi anh phát triển một cách kỳ lạ và định hình vĩnh viễn vào một ngày nọ khi anh mười bốn. Nhưng bởi vì anh nhỏ con và, theo tôi, “xinh xắn”, thời mới lớn của anh kéo dài khoảng một tuần. Hồi mười sáu anh đẹp và tề, và màu xanh của mắt anh gây choáng váng cho những ai nhìn vào đó. Và dù tính buồn chần của anh khiến anh cuối cùng không thích hợp cho thế giới người lớn, nhưng trong những năm cuối ở trường học Liam là một ông hoàng nhỏ, một kẻ làm tan vỡ những trái tim; anh ở bên ngoài những luật lệ.

Ngay khi Mossie rời nhà Liam dọn lối đi trong vườn, nơi các bức tường được quét vôi trắng, và có một tấm bạt cắt nham nhở trên sàn. Không gian này có lợi thế là một cánh cửa bên ngoài, vì vậy bạn không bao giờ biết anh có trong đó hay không. Anh có một đội quân nhỏ, chúng nhảy qua bức tường phía sau và thỉnh thoảng nhìn vào cửa sổ nhà bếp; hầu hết là con trai, và ít lâu sau, vài đứa con gái. Anh có một người bạn thân, Willow, để lang thang và làm những thí nghiệm - hầu hết những việc đó có vẻ dính đến chuyện nhét các thứ vào túi quần của họ và trông có vẻ ngu ngốc bất cứ lúc nào tôi mở cửa.

Tôi không quan tâm. Lúc đó tôi đã quá già đối với họ. Tôi đang bận vẽ nhăng nhít những chuyện tình phụ về anh trai Tanner của Willow lên bìa của hồ sơ trường của tôi. Tôi viết chúng bằng tiếng Pháp, để không ai hiểu được - trừ cô Gogarty, dĩ nhiên, cô là giáo viên tiếng Pháp mà. *Mon amour est un petit oiseau brun/ Blessé par toi,/ Tanner\** Cô đọc nó ngược trên trang giấy và nhìn tôi trêu mếu, mỉm cười. Tôi ghét cô vì chuyện này. Tôi ghét cô phát hiện ra tôi và thương tôi một chút (điều cô có vẻ đang làm), vấn đề là, có một sự riêng tư lớn trong một gia đình lớn. Không ai thò tay vào đồ đạc của bạn trừ khi để ăn cắp nó hoặc rửa rối bạn. Không ai thương

hại bạn, hoặc thương bạn một chút, có lẽ trừ Ernest, mà lòng thương hại của anh ta, ngay cả hồi đó, quá nhẹ nhàng đến độ không quan trọng. Và chúng tôi nghĩ đây là một cách sống đáng trọng. Theo một cách nào đó, tôi vẫn sống vậy.

Tình yêu của tôi là một con chim nâu nhỏ/ Bị anh làm đau./ Tanner.

Trong khi đó, tôi có hai người bạn tạt vào thăm trên đường từ trường về nhà, hết sức bất ngờ, và chúng tôi đã có một thời gian vô cùng thú vị - cho đến khi Liam đi vào nhà bếp, thì thời gian thú vị đó thậm chí trở nên tuyệt vời hơn: Fidelma, người mà tôi không quan tâm dù cách này hay cách khác và người bạn tốt nhất của tôi Jackie, người tôi quan tâm, thực sự. Ngoài mọi chuyện khác, tôi nghĩ, anh ấy quá thấp so với cô ấy. Chúng tôi uống với nhau bên ngoài lễ nửa đêm một mùa Phục sinh nọ, ngồi trong một bãi đất nơi người ta định xây trường học; chuyền tay một chai vodka đẹp, chúng tôi trộn vodka trong miệng mình với một ngụm nước cam có ga. Với ít nhiều miễn cưỡng tôi đã để cho mọi chuyện xảy ra - dù nó đã phải xảy ra, tôi biết thế. Hoặc không phải miễn cưỡng - cảm giác đó là gì? Sự cô đơn. Hình ảnh Liam biến thành vẻ lặng lẽ trên khuôn mặt của Jackie bạn tôi, trong bóng tối. Trong khi đó, Willow và tôi ngồi tách ra nuốt ừng ực. Bên trong nhà thờ họ chuyền ngọn lửa Phục sinh từ cây nến này sang cây nến khác cho đến khi toàn bộ chỗ đó trông như đang bốc cháy: rồi họ bật những ngọn đèn huỳnh quang.

Tôi không uống vodka nhiều năm rồi; thậm chí bây giờ tôi vẫn cảm thấy có gì đó ngọt ngào và giống như đũng quần ở cái mùi của nó, một mùi nồng của đất và thời mới lớn bốc ra từ ly và hắt vào mặt ta. Jackie khóc lóc qua điện thoại với tôi, rồi đến lượt Fidelma, cho đến khi tôi quát bảo Liam để cho những đứa bạn của tôi yên. Sau chuyện đó, anh ra ngoài vào

các tối thứ Bảy chỉ có một mình còn tôi lên xe hơi với Joe Chín Mươi - gọi như vậy bởi vì anh ta đã ba mươi tuổi - một người đàn ông mà, giờ tôi mới nhận ra, muốn đột nhập vào tôi dữ dội đến độ anh ta phải quay đi tránh cái hôn để giáng trán mình vào tường. Tôi yêu tất cả chuyện đó. Joe Chín Mươi thích tôi chưng diện và dẫn tôi vào những quán rượu, trong khi Liam trượt lùi khỏi chỗ tôi, trôi vào tuổi trẻ bị tiêu phí của anh.

Một đêm họ Bea nhắc điện thoại trong tiều sảnh.

“Phải, phải, đúng rồi,” chị ấy nói và cả nhà dừng lại để lắng nghe. Chị ấy gọi cha tôi.

“Phải, đúng rồi,” ông nói. “Đúng, đúng rồi. Đúng thế.” Rồi ông lê bước lên lầu tìm áo gi lê và cà vạt của ông rồi đi ra ngoài trong đêm tối mùa thu, đóng cửa trước lại.

Ông không bao giờ ra ngoài vào ban đêm.

Một giờ sau ông bước trở vào cánh cửa như ông đã đi ra khỏi, vô hồn và buồn bã. Sau lưng ông, Liam nhún vai và giơ hai tay lên, để nói không cần ủy ban đón tiếp. Sau đó, anh nói với chúng tôi anh được bảo lãnh ra khỏi đồn cảnh sát, đúng hơn là được cha moi ra, và chuyện chẳng có gì - họ chỉ vỗ anh một phát rồi cho anh về nhà.

Chúng tôi không bao giờ biết được tại sao. Cha tôi không nói về chuyện đó - cả lúc đó lẫn sau này. Và ông cư xử với Liam với một sự khinh miệt hoàn toàn, và mới mẻ. Với họ chuyện đã qua hẳn: không la hét nữa, cũng không còn kiểu *cúi người vào* ở cha tôi, ông thường thò ngón trở ra chọc vào chỗ trũng trên vai mấy đứa con trai.

“Tao. Đã. Nói. Với. Mà. Cái. Gì?”

Chọc. Chọc. Chọc.

Đôi khi tôi tự hỏi tại sao không có vụ giết người nào trong nhà bếp này.

“Ba đang thúc ép. Ba. Đừng ép con lúc này.”

Nhưng cha tôi thậm chí không quan tâm việc thúc ép Liam nữa. Gardai\* đã gọi điện tới nhà và nổi xấu hổ về chuyện đó là quá trọn vẹn, chẳng còn lại gì để nói.

Cảnh sát Ireland.

Bây giờ khi tôi nghĩ về vụ đó - chuyện lùm xùm như thế. Liam, trong bếp, vén tóc lên để lộ một bệt máu khô, và một vết đỏ từ má đến cổ, ở đó anh đã đập mặt vào tay nắm cửa xà lim. Tôi nhớ nó với màu sắc rực rỡ sống động: tóc anh rất đen, và vết đó rất đỏ, và đôi mắt một màu xanh lơ nguyên tuyền. Họ chỉ “đánh anh chút đỉnh”, anh nói, cho anh nếm “chút đấm đá”.

Và tôi nói, “Đừng ngốc như thế.”

Anh nhìn tôi.

Bây giờ, tôi nghĩ rằng ý tôi muốn nói là nếu họ đánh anh thì đó hẳn phải là lỗi của anh. Tôi cũng có ý rằng, nếu bị thúc ép, tôi sẽ không tin anh cho dù đi đâu anh nói là sự thật, nói thẳng ra như vậy.

Nếu tôi đang tìm kiếm thời điểm mà tôi phản bội anh mình, thì nó phải là ở đây. Tôi nhìn phần thịt nhô lên trên má anh và quyết định không tin anh, nếu có bất cứ việc “tin” nào cần thực hiện. Chỉ vậy thôi.

Tôi quyết định rằng anh không đáng được tin.

“Đừng ngốc như thế,” tôi nói.

Còn gì khác?

Chúng tôi thường cười nhạo nhiều việc: những thầy tu táy máy tay chân, và tình hoàn của những cậu trai nhỏ, và “Đến ng ẩ trên đùi ta nè, ông nhóc,” và những cậu bé Anh trong ca đoàn và mông đít của những gã đ ồng tính, và thực sự là bất cứ thứ gì liên quan tới tính ngây thơ và mông đít, dù không ai đề cập đến - giờ thì tôi ngừng lại mà liệt kê tất cả thứ này - không ai đề cập đến *con kẹc* của bạn, hoặc *xì ke* của bạn, hoặc *cho ai xóc lọ mày*. Chuyện đó là tại sao? Tại sao chúng ta nghĩ tất cả chuyện đó là vui nhộn, nhưng chỉ theo những cung cách nhất định, h ầu như là nghi thức?

Những cuộc nói chuyện này xảy ra trong một hoặc hai tháng một mùa hè nọ, và sau đó chúng biến mất. Tôi thích chúng. Tôi thích sự im lặng sau khi tiếng cười tắt. Sự im lặng của Liam giống như anh vừa mới tè d ần nhưng không ai nhận thấy, vì vậy tất cả đều ổn thỏa một cách kỳ diệu. Và sự im lặng của tôi là khả năng nhỏ nhất - được nâng lên r ồi sau đó bị bỏ xuống lại - chỉ ra m ảng ướt.

Vì niềm vui đó, nhỏ bé nhưng rất mạnh, tôi mong được tha thứ. Tôi mong được tha thứ, lúc này, bởi vì tôi hối hận vì đi ầu đó.

Nếu tôi tin vào một thứ gì như xưng tội thì tôi sẽ đi đến đó nói rằng, tôi không chỉ cười nhạo anh trai tôi, mà tôi còn để cho anh tự cười nhạo mình, cả cuộc đời anh. Giai đoạn cười này kéo dài suốt thời kỳ say sưa vui vẻ của anh, suốt thời kỳ say sưa khó chịu của anh và chỉ mất d ần trong thời kỳ say sưa t ối tệ cuối cùng của anh. Nhưng anh không bao giờ từ bỏ nó hoàn toàn - cái ý tưởng rằng nó *hoàn toàn là một trò đùa*.

Liam không bao giờ chấp nhận chuyện tự thương thân, thân anh, hoặc thân của bất kỳ ai khác. Khi ai đó cảm thấy mình khốn khổ - chẳng hạn như Kitty - thì luôn luôn là vì những lý do nhằm nh ỉ theo quan điểm của anh. Đừng hiểu l ầm tôi, Liam yêu thương những ai đau khổ - anh ấy yêu



thương người nghèo, người thiếu thốn, người cô đơn, người nghiện rượu, anh ấy thương hại bất cứ ai có vấn đề, miễn là họ không tự thương thân. Điều này với tôi nghe có vẻ hoàn toàn không công bằng. Với tôi nó nghe như sự *tự hào*.

Tôi biết mình có giọng cay đắng, và đôi khi Chúa ơi tôi ước gì mình không phải là một con mẹ nanh nọc như thế, nhưng anh trai tôi đã kết tội tôi suốt hai mươi năm hoặc hơn. Anh ấy kết tội tôi vì ngôi nhà đẹp của tôi, với nước sơn trắng đẹp trên các bức tường, và những đứa con gái xinh đẹp trong phòng ngủ màu tím nhạt xinh đẹp và màu hồng còn đẹp hơn của chúng. Anh kết tội tôi vì ông chồng mê chơi golf của tôi, dù Chúa biết rằng đã nhiều năm rồi Tom không có thời gian rảnh chơi một ván golf. Anh cư xử với tôi giống như tôi đang từ bỏ nguyên tắc về thứ gì đó, dù về thứ gì thì tôi không biết - bởi vì Liam cũng không cho phép *những giấc mơ*, dĩ nhiên rồi. Anh trai tôi có những ý tưởng mạnh mẽ về sự công bằng, nhưng anh không tử tế với người nào cố yêu thương anh; hầu như, và đặc biệt, với mọi phụ nữ anh từng ngủ chung, và dù vậy, sau một đời rải thương tổn khắp nơi, anh lại thành công trong việc kết tội tôi. Và tôi thành công trong việc cảm thấy có lỗi. Tại sao vậy?

Đây là điều do sự xấu hổ gây ra. Đây là cấu trúc và cơ chế của một gia đình - toàn bộ một đất nước thối tha - chết đuối trong nỗi xấu hổ.

Và, vâng, đôi khi tôi nhìn những bức tường đẹp đẽ của tôi và, giống như Liam, tôi nói, “Giật sập toàn bộ đồ đạc này xuống.” Đặc biệt sau khi uống chai vang trắng Riesling ngon lành của tôi. Như thế thế giới này được xây dựng trên một lời nói dối và lời nói dối ấy là rất bí mật và rất bản thủ. Nhưng tôi không nghĩ những đế quốc hoặc những thành phố hoặc những ngôi nhà biệt lập năm phòng ngủ được xây dựng trên sự kiện bí ối rằng con

người có quan hệ tình dục, tôi nghĩ chúng được xây dựng trên sự kiện bí ẩn rằng con người có những khoản thế chấp. Cho dù vậy chăng tôi lại làm tình với tôi ngay đêm thức canh xác anh trai tôi, và tôi vung cái chai rỗng của tôi về phía hệ thống ghế ngồi bằng da Ý, và tôi cũng nói, “Cho nó sụp hết đi.”

Một trong những lần cuối Liam qua đây, chúng tôi đang phá hết tường, thực vậy - phía sau nhà đã được dỡ ra, và tất cả chúng tôi cắm trại ở nửa nhà trước, ăn đồ chế biến sẵn. Tôi nghĩ mình đã kết tội Liam, hầu như vậy, chứ không phải những người thợ xây. Anh đã đến giữa đồng gạch vụn với một cô gái quá cao, buồm bả, có vẻ như không có ý kiến, ngay cả ý kiến về món cô ta muốn ăn. Anh uống liên tục. Sau năm ngày như vậy, họ đi Mayo, và tôi hy vọng sẽ không bao giờ gặp lại anh.

Tôi có một bức hình từ lần viếng thăm đó, của Liam với Emily ngồi trên đùi anh một đêm nọ sau khi con bé tắm. Anh là một đồng tử nhỏ bé, ngồi trên một ghế bành được phủ tấm vải ngăn bụi. Emily lên hai; trăn trăn, thẳng thắn, và đẹp hơn ngôn từ tôi có thể diễn tả. Đôi tay của Liam to, đôi tay được nhai, vòng ôm thắt lưng con bé, trong khi anh giữ nó ngồi vững. Mông nó gọn và chắc, ngồi một bên trên một đùi anh. Đằng sau nó, vải quăn của anh nhăn lại rũ xuống quanh bộ háng, một điếu bí ẩn mà không ai thêm quan tâm nữa. Mặt anh có vẻ thích thú.

Liam hiểu Emily - hai người thích nhau, về Rebecca, đứa giống tôi hơn, anh nói, “Tôi nghiệp hàm răng.”

Tôi cho rằng mình cũng phải tha thứ cả chuyện đó.

*Tôi nghiệp hàm răng.*



Ngay sau khi cảnh sát bắt anh và cha chúng tôi bảo lãnh cho anh ra lần nữa, anh đã ném con dao cắt bánh mì vào mẹ chúng tôi trong nhà bếp, bà có lẽ chỉ cố gắng nói đi đâu gì đó để nghe, và cả nhà lao vào anh, đuổi anh chạy quanh khu vườn phía sau.

“Mày là đồ thối tha.”

“Mày hỏng rồi, đồ óc bần.”

Và có một sự hả hê dữ dội ở chuyện đó, theo như tôi nhớ. Giống như một mài ghế cần phải lột ra. *Anh tự gây vạ cho mình.*

(Và có lẽ, bí mật hơn, mẹ tôi cũng vậy.)

Nhưng trong một thời gian dài tôi vẫn tự hỏi, cảnh sát bắt giữ anh vì vụ gì. Tôi nghĩ về chuyện đó rất nhiều. Có thể vì một cửa sổ bị đập vỡ, hoặc uống rượu quýt trong quán, hoặc chỉ vì ánh mắt của anh. Hoặc có thể vì cái gì đó mà tôi không đoán ra được. Có một cô gái, Natalie, đứng khóc và la hét tại góc đường - có lẽ đó là cô ấy. Tôi nghĩ có lẽ có một sự hiểu lầm nào đó, mà cha tôi buộc phải giải quyết với *thông tin bổ sung* về cô gái và những cung cách bày hầy của cô ta, và về chiều dài của chiếc váy đêm thứ Bảy của cô.

Cuối cùng tôi phải hỏi anh. Tôi nói, “Đó là Natalie hả? Phải em đó không?” và anh chỉ nhìn tôi.

Chuyện gì xảy ra nếu như anh cưỡng hiếp cô ta? Bộ đó không phải là một trong những chuyện mà đàn ông làm sao? Chuyện gì xảy ra nếu có máu ở chân cô ta, nước mắt trên mặt cô ta? Nước mũi. Còn gì khác?

Tôi mới mười sáu và tôi chẳng biết gì về tình dục. Đi đâu đó không kỳ lạ sao? Bất cứ thứ gì tôi biết về cơ chế của nó, vì sao đó, đều không đến được với tôi. Tôi không biết những việc này diễn tiến ra sao. Có vẻ như những năm thanh xuân của tôi là những năm ngây ngô tăng dần, bởi vì ở tuổi mười sáu tôi hết sức đam mê và hoàn toàn trong trắng. Tất cả chúng tôi có thể thành nhà thơ, tôi nghĩ, chúng tôi có thể yêu mãnh liệt, và Liam, trong cơn giận dữ của anh, có thể thay đổi thế giới.

Cho dù vậy, vẫn có đi đâu gì đó mà tôi hoàn toàn không thể nắm bắt: một đi đâu gì đó hết sức can hệ, mà tôi thực sự cần biết. Cuối cùng tôi phải hỏi anh.

“Có phải là Natalie không - vụ cóm đó?”

Liam nhìn tôi. Và khoảng trống mở ra giữa chúng tôi là khoảng trống tồn tại giữa một người đàn bà và một người đàn ông - hoặc tôi nghĩ thế, ở tuổi mười sáu - khác biệt giữa đi đâu đàn ông có thể làm, hoặc muốn làm, về mặt tình dục, chuyện mà đàn bà chỉ có thể phỏng đoán.

“Bộ anh lộn xộn với cô ta hả?” tôi hỏi.

Và anh đáp, “Đừng có óc bùn như thế.”



Có một khu rừng mà có lần chúng tôi đi qua. Đó là mùa thu, có lẽ ngay mùa thu đó. Những thân cây xám và sáng, và những chiếc lá bám chặt vào chúng là một sắc màu mèm đến hết mức. Đó là một con đường rộng toàn cây bách, giờ tôi nghĩ thế, rễ lồi lên thật to trên mặt đất ngay trước mặt chúng tôi.

Vậy thôi.

Đó là một cảnh lãng mạn, đi dọc theo đại lộ toàn những lá màu cam này, vì vậy tôi hẳn đã nghĩ về Tanner hoặc Joe Chín Mươi hoặc bất cứ ai tu ần lễ đó: tôi hẳn nghĩ về người đàn ông không quen biết mà số phận định rằng tôi phải yêu. Thay vào đó tôi lại bị dính chặt, trong tất cả vẻ đẹp này, vào anh trai tôi.

Có những ngọn núi xa xa, đ ồ sộ với đá và cây thạch thảo. Chúng tôi đi dưới bầu trời nhợt nhạt, cao và cảm thấy, trong khung cảnh này, mình quá nhỏ bé, và không có ai xét đoán. Vậy thôi. Có một cảm giác mênh mông về tình trạng phi Thượng đế ở cảnh đó. Điều đó khiến nó trở nên buồn cười, theo cách nào đấy - toàn bộ: những ngọn núi và bầu trời nhợt nhạt và những chiếc lá màu rất cam vốn không thềm rụng, trong những ngày này, những ngày kết thúc của khối liên minh tệ hại giữa chúng tôi.



Đó có phải là quãng thời gian dễ chịu tốt nhất không?

Khi Liam mười bốn hoặc cỡ đó, anh có một cái xe đạp còn tôi thì không và anh thường chở tôi trên thanh đòn ngang xuống các cửa hàng hoặc lên tới hồ bơi địa phương. Tôi không biết làm sao anh có thể nhìn qua vai tôi để chạy xe như vậy. Luôn luôn có một cuộc chiến đấu giành c ần lái - tôi giữ tay lái cứng ngắc, anh cố kéo theo hướng này hoặc hướng khác, trong khi cầm anh tì chặt vào lưng tôi, và tóc tôi bay vào mắt anh. Anh khuynh chân đạp, và hai chân tôi thò ra ở một bên; vì vậy chúng tôi là một đồng g ồm những khuỷu tay, đầu gối, cú thọc ra hai đầu tay lái và cú

đạp thúc bạo liệt vào hai bàn đạp bằng thép không gỉ. Bạn có thể nghĩ chúng tôi làm chuyện này cho vui, nhưng đó là một cuộc chiến từ đầu đến cuối.

Sau đó, trong hồ bơi, chúng tôi thường phớt lờ nhau vì lý do giới tính, và nếu không có đứa con trai nào cho anh bám theo, anh bơi một mình, và nếu không có con gái tôi cũng làm thế. Đôi khi chúng tôi không biết ai cả, nhưng chúng tôi không từ bỏ cơ hội làm quen ai đó bằng cách nói chuyện với nhau. Và nếu anh bơi qua chỗ tôi, với bộ ngực ướt gầy nhom của anh và khuôn mặt anh đỏ ửng từng mảng, tôi sẽ hết sức bức bối anh vì thổi tung lớp vỏ bọc của tôi. Bởi vì ai có thể trở thành vật thể bí ẩn từ đáy sâu khi anh trai của họ cứ quần quanh đầu đó, nói, “Mày có cục cứt mũi kìa.”

“Thôi đi.”

“Một cục xanh tở bố.”

“Không. Em không có. Xéo ngay.”

“Nó lù lù kìa.”

“Đồ cà chớn!! Xéo ngay!”

Bộ ngực gầy nhom của anh ưỡn ra sau. Cái miệng tím tái, bắn thiu của anh chìm xuống. Bàn chân anh quẫy nước vào mặt tôi, khi anh bơi đi để nhập vào đám con trai góm guốc ở cuối hồ bơi.

Natalie chắc cũng đã ở đó, một cô bé mập nhỏ mười tuổi với vài sợi lông mu giống như cằm của một bà già - cô bé bị mất quần tắm mỗi lần lao khỏi bờ hồ. Bốn năm sau tôi hỏi Liam là anh *lộn xộn với cô ta hả*, và anh nhìn tôi một phát từ một khoảng cách mà tôi không biết cách nào vượt qua được.

Giờ thì tôi biết.

Giờ thì tôi biết rằng cái nhìn trong mắt của Liam là cái nhìn của người ý thức được rằng mình cô đơn. Bởi vì thế giới sẽ không bao giờ biết chuyện gì đã xảy ra với ta và hệ quả gì ta vương vẩn bên lòng. Ngay cả em gái của ta - cứu tinh của ta theo một cách nào đó, cô bé đứng trong ánh đèn hành lang - ngay cả nó cũng không giữ hoặc nhớ đi đâu nó thấy. Bởi vì, vào thời kỳ đó, tôi nghĩ tôi đã quên nó hoàn toàn.

Suốt hai mươi năm sau đó, thế giới quanh chúng tôi thay đổi và tôi nhớ lại ông Nugent. Nhưng chắc tôi không bao giờ tự làm sự thay đổi đó - nếu tôi không lắng nghe đài phát thanh, và đọc báo, và nghe về chuyện xảy ra trong các trường học trong nhà thờ và trong nhà của người khác. Nó diễn ra ngay trước mắt tôi mà tôi vẫn không nhận ra nó. Và vì đi ầu này, tôi cũng rất hối hận.

Emily quay đôi mắt mèo của nó sang tôi.

“Cậu Liam chết sao vậy?” nó hỏi.

“Cậu chết chìm,” tôi nói.

“Cậu chết chìm làm sao?”

“Cậu không thở được dưới nước.”

“Dưới nước biển hả?”

“Phải.”

Nói rõ những chuyện này là quan trọng - Emily cần tháo tung thế giới này ra trước khi con bé có thể ghép nó lại. Đầu óc Rebecca là một kiểu cỗ máy mơ hồ hơn, sự lo lắng khiến nó hoang mang. Đôi khi tôi ước gì con bé có thể tập trung, nhưng ai mà nói được đâu là cách tồn tại tốt hơn?

“Con bơi được,” Emily nói.

“Phải, con bơi được, con là tay bơi giỏi mà.”

“Bộ cậu không biết bơi hả?”

“Cực căng, cậu không muốn.”

“Ô.”

“Con có muốn ôm một cái không?”

“Không.”

“Không gì?”



“Không, cảm ơn mẹ.”

“Ôi, mẹ muốn ôm. Lại đây ôm người mẹ tội nghiệp của con một cái nào.”

Và con bé bước sang với hai cánh tay dang rộng và một nụ cười giả tạo cho vở kịch câm “Người mẹ Tội nghiệp”. Lẽ ra tôi nên nghĩ về con bé như một đứa ích kỷ, nhưng tôi lại không - tôi nghĩ về nó như một vẻ đẹp hoàn toàn trong sự ích kỷ của nó.

“Con nghĩ tự sát thì cũng được,” con bé nói vào ngực tôi. “Mẹ biết đó, khi mẹ đã già.”

Thật khó nhớ rằng chúng không có ý làm thương tổn - hoặc không biết rằng chúng làm thế. Tôi đẩy con bé lui ra và tôi nói, giọng đầy nước mắt kiêu *con nên thấy xấu hổ chứ*, “Cậu Liam của con không già, Emily. Cậu bị bệnh. Con có nghe mẹ không? Cậu Liam bệnh, trong đầu ấy.”

Con bé nấn ná bên đầu gối tôi và dùng móng tay vẽ trên chiếc quần bó bằng nylon láng mượt của tôi.

“Như say sóng vậy hả?”

“Ồ, quên nó đi, được không? Quên nó đi.”

Nó nhảy tới ôm tôi, thắng lợi của nó đánh bại *những quan tâm* của tôi. Rồi nó bỏ chạy đi chơi.

Trong một tuần, tôi sáng tác một bài diễn văn tuyệt vời và đầy chất thơ cho các con tôi về chuyện có những tư tưởng nhỏ trong đầu bạn có thể lớn lên cho đến khi chúng chiếm toàn bộ tâm trí bạn. Chỉ những tư tưởng nhỏ xíu - chúng như một chứng ung thư, không biết được cái gì gây lan truyền, hoặc ai sẽ bị mắc phải, và tại sao một số người vướng bệnh và số khác lại thoát.

Tôi hoàn toàn tin c ần phải có nỗi buồn, tôi nói, đừng hiểu lầm tôi. Tôi hoàn toàn tin c ần phải có cuộc sống bình thường cho đ ầu óc. Nhưng đôi khi chúng ta đ ầy tràn, giống như những con chim gỗ nhỏ đậu trên một cái que - chúng ta đ ầy tràn nỗi buồn, cho đến khi *boong*, chúng ta nghiêng vào cốc rượu.

Khoảng một tháng sau đám tang, Tom về nhà như thường lệ và anh quăng áo khoác lên trường kỷ và đặt cặp xuống, sau đó anh bước tới bàn ăn, nói lỏng cà vạt, cởi áo khoác, vắt lên lưng ghế dựa gỗ; anh bước tới chỗ quầy bếp để lấy một miếng trái cây trong tô, và tôi nghĩ, *Nó không bao giờ xảy ra, Liam không hề chết, tất cả vẫn y nguyên như xưa nay*. Thay vì vậy, tôi lại nói, “Anh chắc đeo đủ thứ.”

“Hả?” anh nói.

Tôi nói, “Em không biết nó bắt đầu ở đâu và kết thúc ở chỗ nào, vậy thôi. Anh có thể đeo cô b ả bàn mười chín tuổi, hoặc đưa mười lăm mà trông như mười chín.”

“Em nói sao?”

“Em không biết giới hạn là đâu, vậy thôi. Em không biết anh vẽ đường ranh đó ở đâu. Tuổi dậy thì, đó là một đường ranh hả? Con gái lên chín là gặp r ấ, bây giờ đó.”

“Em đang nói chuyện gì vậy?” anh hỏi.

“Hoặc không phải đường ranh cho chuyện đeo thực sự của anh. Dĩ nhiên. Nhưng anh biết đó, cho *sự thèm khát* của anh. Cho những gì anh muốn. Có một giới hạn nào cho những thứ anh muốn đeo, ngoài đó không?”

Tôi đã phát điên r ấ.

“Chúa ơi,” Tom nói.

Anh nhặt cái áo khoác trên ghế rồi đi ra cửa trước, nhưng tôi đã lấy cái túi của mình và tới đó trước anh, quờ quạng tìm then cửa.

“Anh khỏi đi,” tôi nói.

“Tránh đường.”

“Anh không phải đi. Em đi. Em sẽ là người đi đến quán rượu chó đẻ.”

Giờ tôi đã mở cửa, vì vậy có một màn xô đẩy đáng xấu hổ ngay hàng hiên - xin chào, Booterstown! Tom, nhận ra anh sắp đánh tôi nếu không dừng được, giơ hai tay lên trời. Và tôi cho rằng, đây là câu trả lời của tôi cho câu hỏi về những thôi thúc và hành động của anh, và khoảng trống giữa hai người. Nếu tôi muốn thấy nó. Mà đi đâu đó thì tôi không muốn.

“Anh có thể đưa con đi vào buổi sáng,” tôi nói.

Bởi vì đây là nơi kết thúc cho mọi cảm xúc lớn lao của chúng tôi, ở chuyện ai đưa đón con cái và ai nấu cháo điểm tâm - ít nhất nó thường là vậy, cho đến khi tôi nhường bước và cố cứu cuộc hôn nhân của tôi bằng cách làm tất cả. Chúa ơi, tôi có thể trở nên cay đắng.

“Ý em là sao, ‘buổi sáng’?”

Tôi nhìn anh, lom lom. Anh giơ tay lên môi, như thể có thể có gì dính ở đó, đi đâu đó cho tôi nửa giây cần thiết để bước qua ngưỡng cửa và lui rời khỏi anh xuống đường xe chạy.

“Em đi đâu vậy?”

“Em không biết,” tôi nói.

Và tôi đi đến quán Shelbourne, bằng thẻ tín dụng của tôi.



Đây là một sai lầm.

Nơi này đây những người đang vui chơi thỏa thích. Họ ng ồi uống, nói và cười. Tất cả họ có vẻ nở tung với nó - bất kể nó là gì. Với việc hoàn toàn là chính họ. Anh chàng Dickie Kennedy đó đang uống rượu trong một góc, và tôi nhớ câu chuyện về cách anh ta thắng được cô vợ với lý do “rời bỏ mái ấm gia đình”. Và anh ta cũng thắng được cái nhà.

Lẽ ra tôi nên mặc chiếc váy xanh sáng của tôi, bó chặt ngang đùi - như thế sẽ phô chúng ra. Tôi nên ng ồi đây mặc một trong những chiếc áo sang trọng. Đây là đi ều tôi nghĩ tới, bên mép bờ cuộc hôn nhân của tôi (hoặc tình trạng tỉnh táo của tôi) trong quán rượu Shelbourne - tôi nghĩ qu ần áo sẽ có tác động.

Tôi ng ồi nhấm nháp ly rượu gin pha soda trong một cái ly nặng trĩu, và tôi nhận ra rằng chẳng có mấy con đường cho một phụ nữ như tôi đi theo.

Cách nay hai năm, tôi nhận một lá thư của Ernest. Anh ấy nói với tôi rằng anh sẽ rời khỏi đời sống th ầy tu, dù anh quyết định ở lại với ngôi trường nhỏ của anh trên núi cao. Giám mục của anh có thể có vài đi ều để nói về chuyện này, cho nên anh quyết định không nói với vị giám mục của anh - thực tế anh chẳng nói với ai trừ bạn bè và gia đình (nhưng đừng nói với Mẹ!) rằng không còn “Cha Ernest” nữa, mà chỉ “Ernest” suông vậy thôi. Một lần là th ầy tu thì luôn luôn là th ầy tu, dĩ nhiên r ồi - vì vậy anh không hẳn là đang nói dối bằng cách giữ kín miệng. “Anh không còn lại

chỗ nào để sống trừ trong trái tim anh,” anh viết, nghĩa là anh sẽ sống tiếp cuộc đời anh như trước đây, nhưng theo điểu khoản khác trong cõi riêng tư.

Và tôi nghĩ đây là thứ ngốc nhất tôi từng nghe nói cho đến khi, ng ồi trên cái ghế cao tại quán rượu Shelbourne, tôi tự hỏi chuyện gì có thể xảy ra nếu như tôi tiếp tục như thường lệ, chẳng nói với ai, chẳng thay đổi gì, và sau cùng quyết định mình không ở trong cuộc hôn nhân này nữa.

Tôi tự hỏi bao nhiêu người quanh tôi đang sống với và ngủ với và cười với vợ hay chồng của họ trên cơ sở này, và tôi tự hỏi họ buồn ra sao. Không buồn lắm, xét về ngoài của nó. Chẳng buồn gì cả.

Lần cuối cùng tôi gặp Dickie Kennedy là ở tận ngôi nhà ly kỳ của anh ta ở Glenageary. Đó phải là sau khi sinh Rebecca. Và Chúa ời anh ta là một kẻ man rợ. “Tôi thấy Brian bận rộn quá,” anh ta nói, sau khi người đàn bà tội nghiệp nào đó vuốt lại chiếc váy của cô ta trên bờ mông tròn trịa, bởi vì có vẻ như cô ta không có cách chi rút khỏi phòng. Chúng tôi ng ồi lắng nghe câu chuyện này, và chúng tôi ăn cơm chiên nấm, tiếp theo là món cá tuyết d ầm nước sốt xanh tươi tắn. Thức ăn rất ngon. Emer, người phụ nữ đã chế biến tất cả thứ này, có làn da bị dày lên vì quá nhiều nắng và quá nhiều kem. Tôi bị hấp dẫn bởi cổ áo chữ V của bà khi bà nhún vai, nhìn thấy toàn bộ khối đó di chuyển và gấp nếp. Bà hỏi tôi một số câu hỏi, đó là những câu hỏi hay, và tôi trả lời, và vì thế bữa ăn tiếp diễn với sự hài lòng của mọi người. Bà hết sức dí dỏm. Bà hơi say một chút. Bà kể câu chuyện về một phụ nữ mà tất cả chúng tôi đều biết, đã cởi áo mình trong văn phòng của Dickie - vẻ xấu xí của bà, bạn không biết được đâu, quần áo lót - anh ta về nhà *run rẩy*. Và tất cả chúng tôi cười ầm. Và rồi chúng tôi về nhà.

Ngay cả Tom, sau đó trong xe hơi, cũng hơi rùng mình, giống như anh không thể tin bản hợp đồng được mời chào cho chúng tôi, lại nằm ngay đó.

“Tất cả chuyện đó là sao?” Khi tôi đưa cô giữ trẻ về rồi trở lại nhà anh đang ngồi trong phòng khách, uống chai whisky, trong bóng tối.

Hoặc có thể đây là một đêm khác. Trong một thời gian, tất cả các đêm ấy đều như nhau.

“Anh muốn bật đèn không?”

“Không cảm ơn.”

“Anh định đi ngủ không?”

Chúng tôi lại như thế nữa. Luôn luôn sau vài ly, nhưng đôi khi thậm chí không say, chúng tôi chơi trò đau khổ, vòng quanh bất tận. Ding dong. Càng lúc càng chặt hơn. Cứ thế liên tục.

“Không, anh chỉ ngồi một lát.”

“Tùy anh.”

“Ừ.”

Đây tôi kéo bạn. Đến đây tôi sẽ nói cho anh nghe tôi ghét anh cỡ nào. Khoan một chút trong khi tôi bỏ anh đi. Suốt thời gian đó chúng tôi biết chúng tôi không đi vào vấn đề, dù là bất cứ vấn đề gì. Giờ tôi biết nó là gì, bởi vì trên lầu đưa bé la lên trong giấc ngủ. Tôi dợm bước đi.

“Cảm ơn,” anh nói.

“Cái gì?”

“Cảm ơn vì đã ở lại với anh.”

“Ồ, thôi đi.”

“Không. Thật đó.”

Hoặc một phiên bản nào đó của tình cảnh kể trên - chúng tôi hiếm khi la hét, bản thân tôi và Tom, chúng tôi chỉ ghét.

“Em sẽ quay lại ngay thôi,” tôi nói.

Và một đêm nọ - thậm chí có thể là đêm nay, sau món cá tuyết dầm nước xốt xanh, và bà vợ phốp pháp của Brian, và người đàn bà xấu xí trong bộ đồ lót tã tàn, và tất cả chuyện được thua - Tom rút điều thuốc ra khỏi miệng anh. Anh giơ nó lên, cao dưới cằm tôi, và bóp vụn nó trong nắm tay anh. Cái mùi, khi anh xòe bàn tay ra, nó chỉ chút đỉnh nhưng mà khủng khiếp.

Nó làm tôi tỉnh táo.

Sự việc là, nếu tôi lên lầu với Rebecca và hôn nó, nó sẽ vui. Nếu tôi ngẩng lên tay ghế và hôn Tom, anh sẽ không vui. Vì vậy tôi ở lại với anh chỉ thêm chút nữa, trong cái mùi cháy sém của sự tự kinh tởm của anh. Tôi áp đầu anh vào ngực tôi. Tôi làm vậy cho đến khi tiếng gào khóc của Rebecca lớn đến một độ chính xác vẫn buộc tôi đứng dậy, tất cả mọi lần. Sau đó tôi đi.



Chính con cái đã cứu vãn chúng tôi, ít nhất trong một thời gian. Tôi nghĩ anh ấy hết ghét tôi sau khi tôi thôi việc. Dĩ nhiên Tom vẫn nói anh không bao giờ ghét tôi, rằng anh yêu tôi mãi. Nhưng tôi biết sự ghét bỏ khi tôi thấy nó. Tôi biết nó, bởi vì có một phần con người tôi cũng muốn bị ghét.

Phải có thôi.



Dù gì đi nữa.

Qua năm tháng nó trở nên dễ chịu hơn, nhưng nó không bao giờ thực sự được sửa chữa.

Tôi nghĩ về chuyện này, khi ngồi trong quán rượu Shelbourne - rằng tôi đang sống cuộc đời của tôi trong những dấu ngoặc kép. Tôi có thể cầm chìa khóa lên và về “nhà” nơi tôi có thể “làm tình” với “chồng” tôi như nhiều người khác đã làm. Đây là điều tôi đã làm trong nhiều năm. Và tôi không có vẻ quan tâm đến những dấu ngoặc kép, hoặc thậm chí nhận thấy mình đang sống trong chúng, cho đến khi anh tôi mất.

Người Anh, tôi kết luận, chỉ chôn người ta khi họ chết rục đến nỗi bạn cần một từ khác cho chuyện này. Người Anh chờ một tang lễ lâu đến độ người ta tập hợp không để than khóc mà để phàn nàn rằng thi hài vẫn còn quàn lại. Có một hàng dài, họ nói trên điện thoại (người Anh thích xếp hàng). Họ không tập hợp lại cho đến khi cơn xúc động qua đi.

Tôi còn hiểu được gì khác về mười ngày chúng tôi phải chờ công việc giấy tờ; giấy chứng tử và lệnh chuyên chở, mà chúng phải theo những con đường riêng để chui vào cùng một bao thư sẽ tháp tùng anh tôi trên chuyến hành trình về nhà của anh.

Trong khi đó, khi những máy vi tính chờ đợi và những máy in kẹt giấy, khi những phụ tá của nhân viên pháp y đi đến phòng tập thể dục, và những hộ tịch viên đánh vật với trục trặc trong hệ thống sưởi trung tâm của họ, thì Liam nằm trong một cái tủ lạnh ngoại quốc không được định rõ nào đó, và tôi - tất cả chúng tôi - tiếp tục mọi việc. Thỉnh thoảng, khi đi loanh quanh trong nhà, tôi chợt có ý nghĩ rằng tôi, một cách đáng xấu hổ, đã quên đi điều gì đó: có một miếng băng vệ sinh thấm vào nước của nhà vệ sinh dưới nhà; tôi đã bỏ lại nửa cái bánh quy trên tay ghế nọ, hoặc quên uống nốt tách trà. Tôi có thể cảm thấy nó lạnh trong miệng tôi, khi tôi lùng sục khắp nơi và cuối cùng tìm được cái tách rỗng.

Mỗi ngày tôi tới phố Griffith và ngồi theo cách trang trọng với mẹ tôi, và Bea nếu chị có ở đó, hoặc Kitty. Chúng tôi nói về những đi đâu bình

thường. Hoặc chúng tôi để bà ngồi trước ti vi và rút lui vào nhà bếp, nơi Kitty - nơi tất cả chúng tôi - trông có vẻ bị thu nhỏ, lớn quá nhanh. Tôi bị choáng vì lượng sản phẩm chúng tôi cần, mỗi chúng tôi đều bôi mỡ và vuốt dầu, cho đến khi không bề mặt nào là không bóng lên hoặc mờ đi do mỹ phẩm. Đây là cái cảnh đạt đến tuổi trung niên ở nơi bạn từng là trẻ con, và bây giờ, tuy tóc có nhuộm màu, chúng tôi lại bị đối xử giống như trẻ con lần nữa, bởi mẹ chúng tôi thì ít, mà bởi chính cái chết thì nhiều. Duy có đi đâu lần này chúng tôi là những đứa trẻ rất tốt.

Tôi là đứa con gái tốt. Tôi là đứa con gái rất tốt. Nổi một cơn hứng trung lưu nào đó, tôi vào Kilkenny Design và mua cho mẹ tôi một khăn choàng len lụa mỏng, bằng tơ, tuyệt đẹp, màu kem.

Bà rút nó ra khỏi chiếc túi, trong một phút bị mê hoặc bởi ý tưởng rằng bà có thể trông giống một quý bà lớn tuổi bước ra từ ti vi.

*Vậy đây là thứ chúng tặng bạn, khi con cái bạn chết.*

Bà để cho tôi quàng nó trên người, nhưng đôi vai tròn già nua không chấp nhận nó, cũng như quai hàm của bà. Bà kéo nó xuống đùi, nói, “Nó sẽ thành một cái khăn choàng dễ thương cho lễ đặt tên, đúng không? Ciara sắp có em bé.” Bởi vì dù không hoàn toàn nhận biết chúng tôi khi gặp mặt chúng tôi, nhưng mẹ tôi đếm con cái bà và con cái họ đến thế hệ thứ ba; bà lần lượt kể tên chúng với vẻ vui thích và thoải mái.

“Tháng Hai là nó sinh, đúng không? Lạnh lắm đấy.”

Mọi đứa bé nhà Hegarty đều được rửa tội, bởi nếu làm khác thì sẽ là cướp đoạt của người phụ nữ này đi đâu mà bà sở hữu một cách hợp pháp, kho báu nhỏ bé gồm các linh hồn của bà - tất cả chúng tôi lê bước lên phía trước theo bốn phận và bàn giao chúng. Thực sự tôi không quan tâm, nhưng tôi nghĩ Jem đang thúc ép việc đó. Ai biết người nhà Hegarty tin cái

gì? Mossie loạn-thần-kinh đi lễ nhà thờ mỗi ngày suốt mùa chay, nhưng chúng tôi chỉ biết đi đầu này bởi vì anh nói với chúng tôi, vì là kẻ loạn thần kinh. Những đứa còn lại trong chúng tôi đều cầu nguyện một mình.

Tôi lấy chiếc khăn choàng khỏi vai bà, xếp lại bỏ vào túi giấy, vừa làm vậy vừa nói, “Mẹ nên mang một thứ gì đó cho riêng mẹ, chỉ một lần thôi.” Và bà ném cho tôi một ánh mắt nhọn hoắt, như muốn nói, *Cái gì? Con muốn mẹ giống con hả?*

Tôi không biết có gì sai ở việc tôi là chính tôi. Và tôi không biết liệu bà có thích tôi hơn không, liệu bà có thể nhớ tên tôi không. Mẹ tôi luôn được tự do chọn lựa đứa nào bà yêu đứa nào bà không yêu. Bọn con trai trước, dĩ nhiên rồi, và sau bọn con trai, bất cứ đứa nào trong số con gái cũng tốt.

Tôi không tốt. Tôi không chắc tại sao. Không phải là tôi đã từng làm bất cứ điều gì không đúng cách. Tôi chỉ không chấp nhận nó, và Liam cũng không. Chúng tôi chỉ không chấp nhận toàn bộ cái chuyện *Mẹ tội nghiệp* nhà Hegarty.

Mẹ tội nghiệp ng ồi xem ti vi buổi chiều, như bà thường làm, và sẽ làm, trước và sau cái chết của bất kỳ con người nào khác. Không thể nói bà đang nghĩ về cái gì. Khi bà nói thì đó là những chuyện xảy ra từ rất lâu, trước khi bất cứ đứa nào trong tụi tôi bước vào thế giới này; cuộc phiêu lưu của con ngựa của người bán sữa, ngày bà đốt cháy tấm thảm trong phòng khách ở Broadstone, mẹ Ada của bà lúc cuối tháng túng thiếu, làm một món hầm chỉ toàn rau - món hầm hỗn độn, bà gọi nó, những củ cà rốt là “thịt cọp” và củ cần là “món nhai của lạc đà”.

Quanh chúng tôi, ngôi nhà trống trải và t ối tàn; đầy những vách ngăn, chạy lon ton những bóng ma của những đứa con là chúng tôi ngày xưa. Ba

đứa chết - chúng tôi giờ gần như là một gia đình bình thường. Thêm một cặp nữa là chúng tôi sẽ đạt đúng kích cỡ.

Có lần tôi nhờ một anh chàng vào để làm sạch những tấm thảm, anh ta nói với tôi anh ta là đứa út trong số hai mươi một đứa con. Tất cả những đại gia đình đều giống nhau. Đôi khi tôi gặp họ tại các bữa tiệc hoặc trong quán rượu, chúng tôi tự giới thiệu và sau đó chúng tôi thương tiếc - Billy ở Boston, và Jimmy-Joe ở Jo'burg, làm ăn được - đầu tiên người chết, rồi người mất tích, và rồi người điên.

Luôn luôn có một người say rượu. Luôn luôn có ai đó bị xâm hại, lúc còn nhỏ. Luôn luôn có một thành công to lớn, với nhiều ngôi nhà ở các quốc gia khác nhau mà không ai từng được mời đến. Có một đứa em gái bí ẩn. Đây chỉ là những xu hướng, dĩ nhiên, và, giống những xu hướng, chúng thay đổi. Bởi vì gia đình chúng ta chứa đựng mọi thứ và, lúc khuya, mọi thứ đều có nghĩa. Chúng ta thương hại những bà mẹ của chúng ta, những gì họ phải chịu đựng trên giường hoặc trong nhà bếp, và chúng ta ghét họ hoặc tôn thờ họ, nhưng chúng ta luôn luôn khóc vì họ - ít nhất là tôi. Nỗi đau không thể đo lường được của mẹ tôi, mà tôi đã chai sạn đi để chống lại nó. Chỉ một ly quá lỡ thôi tôi sẽ đập bàn, giống như những người còn lại, và cũng khóc rống lên vì bà.

Đây là đi đâu, qua năm tháng, mẹ tôi đã làm ra:

#### 1) Những tách trà.

Trong cuộc đời bà, mẹ tôi đã tráng cả mấy ngàn bình trà - thực sự bà không làm bất cứ thứ gì khác. Chúng tôi luôn cãi nhau về vụ trà. Midge thích tách trà của chị đậm đắng; Ernest, trà loãng. Mossie thích vung vẩy bình trà, nhưng chính Ita là người từng có lần hắt trà vào tôi, khi quơ bình theo hình vòng cung - tôi vẫn còn thấy một dải nước bắn bay về phía tôi,

đường đau đớn ngang qua bụng tôi, và lớp vải bông lạnh như thế nào, khi tôi cố bóc nó ra.

*Trà cho ai?*

Có đi đâu lạ là, bà chỉ tạo ra hai đứa nghiện rượu, thuộc vào loại mày-có-chịu-thử-Hội-cai-rượu-ăn-danh-không. Nhưng tất cả người nhà Hegarty đều khát. Tất cả người nhà Hegarty có thể *giết người* vì một tách trà tử tế.

2) Lớp con cháu.

Hầu hết bọn con gái là những ngõ cụt về di truyền và ai có thể kết tội họ chứ, dù Midge có sáu đứa - chị sinh sớm và chị sinh thường xuyên; đứa đầu của chị đồng tuổi với đứa cuối của mẹ tôi (bạn biết đó không phải là một trò đua tranh). Jem có hai đứa bé rất xinh. Mossie, kẻ loạn thần kinh, có ba đứa con thận trọng không bao giờ rời khỏi mái ấm gia đình ở Clontarf.

3) Tiền.

Không ai có việc làm đích thực trừ Bea, làm giám đốc một công ty địa ốc trong thành phố, cũng như Mossie vốn là một nhân viên gây mê (chúng tôi ngờ rằng một ngày nào đó anh sẽ để lại hơi gây mê trong một khoảng tí xíu quá đà). Nhưng những đứa còn lại trong chúng tôi chỉ có những uyển ngữ. Ita là *người nội trợ*, Kitty là *nữ diễn viên*, tôi là *kẻ thức khuya*, Alice là *người làm vườn*. Cả Ivor và Jem làm việc trong *ngành đa truyền thông*, vốn là uyển ngữ lớn lao nhất trong tất cả họ. Ernest là *thầy tu* (tôi đã chứng minh xong).

4) Những người tình dục khác giới.

“Tất cả các bạn đều có tình dục bình thường chứ?” bạn Frank của tôi có lần hỏi tôi, bằng giọng điệu không tin tưởng.

“Hừmmmmmm...” tôi đáp.

Midge? Không thực sự liên quan, đúng không? Một khi bạn chết. Hoặc, theo cách khác, một khi bạn đã cưới một tay quản lý quán rượu và mua một ngôi nhà ở Churchtown. Midge là một người mẹ; chị là một người lau kính xe, một tay đánh đập thô bạo, một kẻ dễ hoảng loạn, một người tích trữ những nỗi đau, đặc biệt là nỗi đau lớn nhất và cuối cùng của chị. Chị có thể là người có quan hệ tình dục đồng giới hoặc khác giới hoặc làm tình với cừu, thật quá buồn đến độ không thể nghĩ đến. Điêu Midge *khao khát*, tuyệt không bao giờ thành vấn đề Còn với đám còn lại chúng tôi: một nửa số bạn trai của Bea là đồng tính, nhưng tôi không nghĩ chị là thế. Ernest thì đồng tính. Kitty ngủ với cả lũ đàn ông, nó yêu từng người trong số đó và tất cả bọn họ đều có vợ. Có phải đó là một định hướng tình dục? Chắc vậy - con bé lẳng lơ đó. Nó chỉ giao cấu với giấc mơ không thể đạt tới.

Không ai biết về Alice. Nhưng mọi người đều biết về cặp song sinh Ivor và Jem vốn có đời sống tình dục bình thường, thoải mái (hoan hô!) - không phải với nhau, tôi vội vàng nói thêm, mà với bạn tình của chúng, trong số đó có một cô gái quê ở Surrey và trong số đó có một tay người Đức dễ thương (nam giới) chuyên làm chương trình truyền thanh.

Trong khi đó, Bé Stevie làm tình với thiên thần, tuốt trên đó ở thiên đàng, trăn trườn với đám tiểu thiên thần còn lại. Hóa ra anh ấy đồng tính. Họ gây tiếng động chút đỉnh khi hôn. Nó nghe giống tên gọi của họ. *Putti. Putti.*

Không ai trong chúng tôi có tình dục bình thường. Không phải người nhà Hegarty không biết mình muốn gì, mà là họ không biết muốn *thế* nào. Có gì đó ở sự mong muốn của họ đã đi chệch hướng một cách tai hại.

Đó là đi đâu tôi cảm thấy khi nhìn lên cầu thang dẫn tới căn phòng nơi tất cả chúng tôi được hoài thai. Tôi cảm nhận sự hỗn mang trong số phận của chúng tôi - hoặc một sự mơ hồ hơn là hỗn mang - cái kiểu không ai tìm được một nhịp điệu. Và tôi nhớ chúng tôi đã tự hào thế nào. Và trung thành thế nào. Và cái kiểu tất cả chúng tôi gắn bó với nhau. Và đi đâu đó không *tuyệt vời* sao?

Tôi luôn biết mọi người ở đâu. Tôi thường ngó trên bậc cửa sổ phòng chúng tôi, rúc sát vào lớp kính mỏng manh, dõi theo toàn bộ ngôi nhà: Ita ở tắm gương phòng tắm, Midge ở bồn rửa. Mossie cắm đầu vào gáy cuốn sách sinh học của anh, Liam có bầu bạn trong lối đi ngoài vườn. Ngay cả về đêm tôi cũng có thể xác định ai đang ở đâu: mỗi căn phòng trở nên lạnh và ôi thiu một cách khác nhau khi cả ngày dài u ám bài tiết ra qua lớp da say ngủ của anh em tôi; mùi các viên thuốc của mẹ tôi trong phòng vệ sinh trên lầu, sau khi bà vào đó đi tiêu.

Họ đang thức dậy. Họ đang trở về nhà.

Bea, Ernest, Ita, Mossie, Kitty, có lẽ có Alice và dứt khoát có cặp song sinh, Ivor và Jem.

Họ sẽ ầm ầm tới từ trên trời, trong khoang bụng khổng lồ của những máy bay. Ivor từ Berlin và Jem từ London, Ita từ Tucson, Alice bí ẩn từ chỗ nào chỉ có Chúa biết. Có thể ngay cả Cha Ernest với cái nón sọc rằn của người dân tộc, đến từ Lima qua ngã Amsterdam.

Một cuộc tụ hội con nhà Hegarty. Chúa phù hộ tất cả chúng tôi.

Chúng tôi sẽ làm chuyện nhà Hegarty. Chúng tôi sẽ dũng cảm và trang nhã và nồng nhiệt, chúng tôi sẽ khóc và chịu đựng đến cùng. Sẽ không có *trò vớ vẩn*, vì dân Hegarty không làm *trò vớ vẩn*; đi đâu tuyệt vời ở việc lớn



lên với bố mẹ vô trách nhiệm là ở chỗ không có ai để đổ lỗi. Chúng tôi hoàn toàn được chẵn thả tự do. Chúng tôi là những con người ở dạng nguyên thô. Một số sống sót tốt hơn những đứa khác, vậy thôi.

Cái xác vẫn chưa tới.

Tom bỏ lại phụ trương địa ốc trên bàn nhà bếp, cùng những dấu khoanh tròn và dấu kiểm chữ V quanh những mẫu bỏ phế của vùng nội thành. Anh gạch dưới những chữ “Cần tân trang”. Tôi nghĩ anh ám chỉ tôi. Tôi cũng nghĩ rằng - cảm ơn, Tom - đây là chuyện hay ho đáng làm khi anh vợ của anh chết.

Tôi xuống phố để đổi cái khăn quàng của mẹ và lang thang quanh thành phố, và sau một hồi tôi thấy mình đang khóc trên thang cuốn ở Brown Thomas, vốn chỉ là một cửa hàng. Và điều khiến tôi khóc là chuyện chẳng có gì ở đây mà tôi không mua được. Tôi có thể mua mền gối, hoặc tôi có thể mua một cái giường. Tôi có thể mua quần jean xịn cho mấy đứa con gái hoặc áo khoác Miu Miu cho tôi, chỉ cần trông nó không quá hợp. Tôi có thể mua những hũ chứa thức ăn bằng nhựa hiệu Brabantia mà tôi đang nhìn chăm chăm trên tầng ba này, mà tôi có thể thực sự cần tới để đựng mì sợi và gạo, đậu lăng và hạt bí ngô và đủ thứ hàng khô khác, nhất là những thứ chẳng bao giờ được nấu hay sử dụng và cứ sống trên tầng kệ cao nhất của tôi. Tôi thử tính. Tôi có nên lấy một cái để đựng bột ngũ cốc vốn đã nằm nguyên trong bao bì suốt năm năm rưỡi, chờ đến một ngày chúng tôi cần đến tất cả các thực phẩm khô mà chúng tôi mua được chẳng? Còn mớ hạt đậu mở thì sao? Những hũ này được bán nửa giá. Tôi cần chín cái, tôi nghĩ. Tôi bắt đầu chắt chúng vào khuỷu tay trái khuyh ra của tôi, khóc thêm

một chút nữa, khi tôi tưởng tượng lũ lụt, dịch bệnh và bom nguyên tử nhốt chúng tôi trong nhà, buộc chúng tôi phải ăn bột ngũ cốc trữ đã năm năm. Nếu có ai hỏi, tôi có thể bảo họ rằng tôi khóc cho buổi tận cùng của thế giới. Và đột nhiên tôi muôn tung cả chín cái hũ Brabantia lên không trung và gào lên, hoặc đi lại phía quầỵ tính tiềן và trút sạch cái túi của tôi lên mặt quầỵ, đoạn nói, *Còn dân Phi châu đang chết đói thì sao, bụng ổng ra mắt thì chảy mủ?* bởi vì tôi có thể mua bất cứ gì trong cửa hàng này như thường. Anh tôi vừa mới chết vậy nhưng tôi có thể mua bất cứ gì như thường.

“Mẹ cần một thử thách,” Rebecca nói, một cách nghiêm nghị, mới lên tám.

Và tôi nói, “Chắc rồi, chẳng phải mẹ có con sao?”

Chúng có là con ngoan không? Chúng có là những con người đứng đắn không? Đại thể là thế. Tuy Emily hơi giống một con mèo, và bọn mèo, tôi luôn nghĩ, chỉ nhảy vào lòng bạn để kiểm tra xem bạn có đủ nguội, vào thời điểm đó, để ăn chưa.

Đôi khi tôi thắc mắc về Michael Weiss - liệu có phải anh cũng đã chịu nhượng bộ, chung sống cùng một bà vợ thích hàng cao cấp, và những đứa con sống trong giấc mơ trung lưu, nhưng với *niềm khao khát*, như cặp của tôi hay không. Và tôi cảm thấy anh có thể xoay sở được chuyện đó; anh vẫn có thể giải quyết thế giới của màu hồng, của lòng ưa thích những con búp bê Barbie nhưng không nhiều lắm, và mua chúng, hoặc chẳng buồn mua chúng.

Liam chẳng bao giờ vào trong một cửa hàng.

Nên, để tỏ lòng trân trọng Liam, tôi trả những cái hũ về chỗ cũ và lái xe về nhà, chỉ rõ mọi thay đổi cho anh, do anh giờ đã chết.

“Nhìn hàng đèn đường kia!” tôi nói.

Anh không chắc chắn.

Tôi thường làm thế khi anh còn sống, thực sự: tất cả những thay đổi và bức bối nho nhỏ, bãi đậu xe cho cư dân, nạn kẹt xe, bảy triệu trụ chóp màu cam từ đây tới Kinnegad, tất cả những chuyện đó tôi chỉ ra cho anh, bởi vì anh sống cách đây năm trăm dặm. Và tuy anh trở về đây theo một cách thất thường và đi nghỉ ở miền Tây, tất cả những thay đổi này đã diễn ra mà không có anh. Và tuy chẳng chuyện gì trong số đó có ý nghĩa gì nhiều, tôi vẫn buồn trước cái kiểu anh bị tụt lại đằng sau. Liam tụt tại trong thập niên bảy mươi, một cách nào đó. Anh có thể, thực tế, đã mang chất toàn cầu hơn chúng tôi - nấu cà ri ngay tại London, có đủ loại bạn bè ly kỳ - nhưng khi về nhà, anh luôn có vẻ hơi cổ lỗ, một anh nhà quê. Ông anh di trú của tôi trở thành một con ma kiểu xưa, và khi anh chết, tôi đi cho anh đôi ủng cao su mòn vẹt, trong khi đất nước Ireland thập niên bảy mươi nhúng ngược vào thập niên năm mươi trong tâm trí tôi.

Tôi cứ tưởng ngôi nhà sẽ chật ních, nhưng Bea lắc đầu nhè nhẹ bên cửa.

“Chỉ chúng ta thôi, thật đấy,” chị ấy nói. “Vài hàng xóm.”

“Thế chị chờ đợi gì?” tôi muốn nói. “Ai sẽ tới nhìn vào một cái xác trong phòng khách của chị, khi mà chẳng có lấy một ly rượu vang tử tế nào trong nhà?” Nhưng tôi không nói thế. Tom ngay sau lưng tôi. Anh đã nắm khuỷu tay tôi, dùng nó như cần đi đầu khiến để lái tôi đi vòng qua chị, và lẽ ra tôi đã khó chịu, nhưng kiểu nắm của anh thật cổ xưa. Không ai còn nắm bạn như thế nữa, ngoại trừ Frank ở chỗ tôi làm, dân đồng tính, nay đã chết.

“Tất cả là ở cách nhìn,” có lần anh nói thế, khi đưa tôi tới làm quen với buổi tiệc tùng tập thể dễ sợ nào đó. Và, *Frank tội nghiệp*, tôi nghĩ. *Tại sao tôi không than khóc cho Frank?* Và tôi nhận ra, đột nhiên và với niềm tin mạnh mẽ, rằng tôi phải trải thảm trên lầu, Frank chắc hẳn sẽ ủng hộ điếu này. Và kiếm một người lau dọn nữa. Tôi phải kiếm một người lau dọn để đối phó với mớ việc vất vả tăng thêm này. Rồi tôi nhớ đến chứng suyễn của Rebecca - như tôi luôn nhớ ngay thời điểm này - và trước khi nhớ xong điếu này tôi đã nhìn vào cái xác của Liam trong phòng trước.

*Mình gặp nhau trước đây chưa?*

Tôi có thể thấy chính xác cái màu của tấm thảm mới mà tôi muốn. “Màu củi mục”, hình như họ gọi là vậy.

*Sao anh cứ theo em khắp nơi vậy?*

Căn phòng hầu như trống trơn. Không có ai trong đây để tôi trao đổi về bộ phôi của con cái và màu thảm, về cách đan dệt và thắt nút và cỏ biển hoặc các tỷ lệ len trong thảm. Chết hay sống. Liam chẳng quan tâm về những chuyện như vậy. Tôi ng ồi xuống. Người ta đã mặc cho anh bộ đồ xanh sậm và sơ mi xanh dương - như một tay Garda. Chắc là anh thích thế.

Ai mặc cho anh vậy?

Cậu thanh niên người Anh làm nhà đòn, với cái miệng đầy đặn và tai có xỏ lỗ; nói chuyện qua di động với bạn gái trong khi nhấc cái đầu nặng nề lên để luồn cà vạt vào.

Bộ com lê này, tôi tin chắc, sẽ có trong hóa đơn.

Tôi những tưởng quan tài được đặt cắt ngang phòng, nhưng không đủ chỗ để làm thế. Đầu Liam quay về phía những tấm màn kéo kín và có những cây nến phía sau anh, trên những giá cắm cao. Từ chỗ đang ng ồi tôi không nhìn rõ được mặt anh. Gõ quan tài xiên góc xuống, cắt ngang gò má anh. Tôi thấy được chỗ trũng trên mặt xương nơi đáng ra phải có con mắt của anh, nhưng tôi không đứng lên để xem chỗ trũng ấy có được lấp đầy đúng cách không, hoặc mí mắt có khép lại không. Chỗ nâng lên và hạ xuống này của mặt xương là tất cả những gì tôi muốn nhìn thấy ở anh, vào lúc này, xin cảm ơn nhiều.

Các ghế dựa và trường kỷ đã được đẩy ra sau, nhưng bà Cluny, sau khi dừng lại để cầu nguyện, đã chọn ng ồi trên một trong mấy cái ghế cứng đem dưới nhà bếp lên. Kitty đang túc trực bên bức tường đằng kia để phòng trường hợp một người phân ưu bị bỏ lại một mình đầy bất tiện bên cái xác, trong trường hợp cái xác bị bỏ lại một mình một cách bất tiện. Nó

nhìn tôi khi tôi ngẩng lên tay tựa của trường kỷ và nó đảo mắt không tán đồng. Một lát sau nó qua chỗ tôi và nói, lặng lẽ, “Chị ở lại không?”

“Không,” tôi bảo nó. Nó không hiểu. Toàn bộ sự vụ giờ này đã kết thúc với tôi, còn hơn cả kết thúc nữa. Tôi chỉ muốn đem chôn cái của mắc dịch này cho xong việc.

Tôi nói, “Chị sẽ gọi Ita hay ai đó. Không. Chị không ở lại được. Chị còn mấy đứa nhỏ.”

“Ồ, mấy đứa nhỏ,” nó nói, hơi lớn tiếng.

“Phải, em biết đó. Mấy đứa nhỏ.”

Và quả thực Rebecca bỗng nhiên xuất hiện trong phòng, lui dần về phía tôi cho tới khi nó đụng vào đầu gối tôi.

“Ba con đâu rồi?”

Khi nhìn qua, tôi thấy Emily đu khỏi tay nắm cửa, mắt cứ dán vào quan tài, giày nó đá vào mặt sơn.

“Con thôi đi,” tôi nói.

Nó không thôi.

“Con *thôi để* lại vết trầy trên cửa nhà bà ngoại đi.”

Rồi tôi nhận ra chúng tôi đang ở đâu.

“Không sao đâu,” tôi bảo nó. “Cậu ấy chết rồi.” Khi nghĩ về chuyện này, tôi thấy đó chẳng phải điều dễ chịu nhất mà tôi có thể nói ra.

Trong một cử động đột ngột của chiếc váy xòe và mái tóc màu cát Rebecca trở lại nơi cửa, và cả hai lại biến đi. Tôi nghe chúng cười ở tiêng sảnh, rồi chạy lên cầu thang, tuy chúng không được chạy lên lầu. Tôi bỗng thấy nổi sùng lên với Tom, anh cứ nhất định mang bọn trẻ theo nhưng

chẳng buồn bỏ công trông nom chúng, không bỏ công cho dù có một cái xác trong nhà, sau đó có người lại nhấn vào nút cam, và phải mất một lúc tôi mới nhận ra Kitty đã đi khỏi và tôi là người nhà Hegarty duy nhất còn sống ng ồi lại trong phòng này. Tôi không biết tình trạng này kéo dài bao lâu, nhưng tôi cảm thấy nó là một quãng thời gian dài, dõi theo cơn hoảng loạn thì thào của bọn con gái khắp trên lầu - buộc chặt vào chúng, bất cứ nơi nào chúng đến, buộc chặt vào cả mẫu rác thải này trong phòng trước. Nhà sau đây âm thanh của những người tôi không muốn gặp, và bởi thế tôi ở nguyên tại chỗ, quyết định không phản nản.

Nên Ernest thấy tôi trong tình cảnh như thế khi anh bước vào khung cửa, vừa xuống khỏi máy bay. Có thể thấy rành rành anh vẫn là chính anh – mất một lát tôi mới thôi không thấy anh, ông anh của tôi ngày xưa, mà lui lại để xem anh trông ra sao, h ồi này. Anh trông rất ổn, tôi nhận thấy. Quần áo anh hơi buồn bã, nhưng bên trên cái áo có mũ trùm và cái quần polyester là cái đầu của anh, lớn và khỏe mạnh và càng đẹp đẽ hơn qua năm tháng. Chính là cái đầu của ông ngoại Charlie, tôi nhận ra, đang sáng lên trong ánh nến, và đôi bàn tay to lớn của ông ngoại Charlie đang nắm một tay tôi, và tôi không biết, khi tôi đứng đó còn Ernest ôm siết tôi vào người anh, liệu đây là một cái ôm siết của một tu sĩ hay ông ngoại - dù sao cũng không chạm ngực: bộ ngực nhỏ bé của tôi, trong cú ôm này, không cản trở.

Anh làm vậy cách nào?

Đó là việc của anh. Anh tôi có một con tim được rèn luyện; với anh trắc ẩn là một bắp cơ; anh nghiêng đầu khi ta nói. Anh hầu như không nhìn vào quan tài, mà thay vào đó chú tâm vào cái ánh trong mắt tôi. Rồi anh hơi quay về phía cái xác.



“Đừng báo cho ai trong nhà biết anh đã về được không?” anh nói. “Khoan hãy báo,” và ra hiệu bảo tôi, bằng cái gật đầu, hãy ra khỏi cửa. Và dĩ nhiên, đây là lý do tôi cũng ghét anh luôn, trong cái kiểu *thẳng thắn* thây tu của anh - trò giả dối này. Tuy nhiên, Ernest luôn dễ thương với tôi, hồi chúng tôi đang lớn. Chúng tôi cách nhau một khoảng vừa đẹp.

Ra ngoài tiều sảnh, tôi lắng nghe những giọng nói trong bếp - một giọng Mỹ sắc nét, ắt là của Ita. Và tiếng vợ của Mossie suýt bảo mấy đứa con tuyệt hảo của chị ta im lặng.

Tôi quay người lên lầu tìm lũ con của tôi.

“Rebecca! Emily!”

Cầu thang hẹp, và dốc hơn tôi nhớ. Tôi nghe được tiếng chúng cười, phía trên tôi, giống đám trẻ núp trong những nhánh cây, nhưng khi tôi lên tới chiều nghỉ thì chúng đã biến mất.

Lâu lắm rồi tôi mới lên tới đây. Đây là tầng của bọn con gái: Midge, Bea và Ita ở phía sau; tôi, Kitty và Alice ở phía trước, nhìn được cảnh hoa đào nở, và những dây điện nghiêng nghiêng, và một bóng đèn đường trắng. Hồi đó nó không có vẻ nhỏ. Túi đi chơi qua đêm của Kitty nằm trên giường của nó, hai cái giường kia trống trơn. Vây lấy cửa sổ là một lô lộn xộn những dây kệ, những cửa tủ nhỏ mà cha tôi đóng cho chúng tôi bằng ván trắng của hãng MFI. Vài cuốn sách giáo khoa còn lại trên một tầng kệ; không cuốn nào bằng tiếng Anh cả - có lẽ vì thế mà chúng không bị vất đi. Cuốn *Das Wrack* (Vụ đắm tàu) của Siegfried Lenz, và những truyện ngắn của Guy de Maupassant, một truyện có tựa “La Mer” (Biển cả), trong đó, như tôi nhớ lại hồi còn đi học, một thủy thủ bảo quản cánh tay bị đứt lìa của anh trong thùng muối để mang nó về nhà. Những cuốn sách này trông

như chúng bị làm bẩn chứ không phải bị đọc nát, nhưng quả là bọn tôi có đọc:

*Tá Tír na nÓg ar chúil an tí*

*Tír álainn trína chéile*

*(Ngay ở sau nhà là Xứ sở tuổi xanh*

*Một miền đất xinh đẹp và diên đảo)*

Tôi quay người thì thấy mấy đứa con gái ngay cửa.

“Nào, xuống thôi.” Và những đứa con này, vốn chẳng bao giờ làm một việc gì tôi bảo, quay người và đi trước tôi xuống cầu thang. Tới chân thang, Rebecca nắm tay tôi dẫn vào bếp, như một người không lờ bị lạc mất mà nó vừa tìm thấy ở ti ền sảnh.

Có một chuyện mà Mossie vẫn làm với bàn tay chúng tôi. Anh sẽ siết những đoạn xương mảnh cho đến khi ta rú lên, chà khớp đốt ngón tay lên nhau, trở qua trở lại. Anh ở đó trong bếp, đứng với Tom cạnh bàn: hai nhà chuyên môn trong căn phòng, nói chuyện đàn ông với nhau. *Tại sao đàn ông chẳng bao giờ ngồi xuống*, tôi nghĩ, rồi nhận ra rằng tất cả ghế đều ở trong kia với cái xác. Tôi nhìn quanh. Ita dựa lưng vào bồn rửa. Trông chị nhỏ hơn. Ngay khuôn mặt chị trông cũng nhỏ hơn - có lẽ chính ánh sáng cửa sổ đằng sau đã làm chị bị thu nhỏ như thế. Nhưng chị giữ được mình trẻ quá lâu và, khi hôn chị, tôi có một cảm giác buồn nôn về thứ da thịt được bôi sáp ngay phòng kế cạnh.

Rồi hai bên hai đứa em sinh đôi ôm lấy tôi - vì chúng luôn làm vậy, luôn tươi vui, và khó nhìn ra. Tôi nhìn quanh tìm Kitty và thấy nó ngoài vườn, đang hút thuốc. Alice bí ẩn không có ở đây. Có lẽ điên, tôi chợt nghĩ. Alice bí ẩn có lẽ lúc nào cũng điên.

Mấy đứa con của Midge đứng thành một nhóm và tôi quay về phía chúng một cách nhẹ nhõm, nhưng Bea ném cho tôi một cái nhìn, hất tóc ra sau vai.

Được rồi. Được rồi.

Tôi đi lại chỗ mẹ tôi đang ngồi rồi đứng cạnh cánh tựa đầu của chiếc ghế bà ngồi trong khi một người hàng xóm đang nói nốt những lời lẽ nghi.

“Dạ. Cảm ơn. Dạ.”

Người hàng xóm đó, bà Burke, đang cúi xuống thấp, nói một bí mật to lớn và đặc biệt nào đấy vào tai mẹ tôi; vuốt tay bà, vuốt đi vuốt lại.

“Dạ,” mẹ tôi lại nói. “Cảm ơn. Dạ.”

Khi bà Burke rời đi, tôi bước tới để hôn mẹ tôi.

Điều đó đã xảy ra. Bà ngồi xem ti vi suốt mười ngày qua, chờ đợi một điều nay đã đến thực sự và trọn vẹn. Nó đã, như người ta nói, “giáng trúng bà”. Như một tia sét. Con người bà không còn lại là mấy.

Luôn mờ ảo, mẹ tôi bây giờ hoàn toàn tàn tạ. Tôi nhìn vào mắt bà và cố tìm lại bà, nhưng bà bảo vệ bất cứ gì còn sót lại của bà ở sâu bên trong. Bà nhìn vào thế giới từ chốn xa xôi này, và cho phép toàn bộ chuyện này xảy ra, dù không hoàn toàn rõ nó là gì. Thật khó xác định bà tiếp nhận được bao nhiêu, nhưng cũng có một sự bình yên ở bà.

“Ô. Xin chào,” bà nói với tôi, và có một kiểu tình yêu mơ hồ trong giọng của bà - dành cho tôi, cho cái bàn bày sẵn thức ăn, cho mọi người ở đây.

“Mẹ,” tôi nói, và khom xuống hôn má bà, và tuy chẳng bao giờ giỏi hôn hoặc giỏi được hôn song bây giờ bà không tránh né tôi, mà nghiêng mặt lên như một cô bé mới tập tễnh giao tế để nhận đôi môi chum lại kiểu trẻ con

của tôi. Tôi e rằng bà đã hoàn toàn quên tôi, nhưng rồi bà cầm tay tôi, đặt nó ngay ngắn giữa hai bàn tay nhẹ tênh của bà, và bà ngược nhìn tôi.

“Hai đứa bay lúc nào cũng là bạn tốt,” bà nói.

“Dạ, mẹ.”

“Bay luôn tốt với nhau, phải không? Bay lúc nào cũng là bạn tốt.”

“Cám ơn, mẹ. Cám ơn.”

Bàn tay Tom ấm áp trên đoạn xương cụt sống của tôi. Ít nhất tôi nghĩ đó là anh, nhưng khi tôi ngoảnh đầu lại, anh không có ở đó. Ai đã chạm vào tôi? Tôi đứng thẳng dậy nhìn tất cả mọi người. Ai đã chạm vào tôi? Tôi muốn nói to câu đó ra, song những người nhà Hegarty và đám vợ Hegarty và con cái Hegarty đều cách xa tôi ít nhiều: họ di chuyển, họ nói chuyện, họ ăn tiếp, không hay biết.

“Ở đó mẹ ổn không, mẹ?” tôi nói, để cáo từ.

“Mẹ cần gặp lũ nhỏ,” bà nói.

“Gì ạ?” tôi hỏi. “Cái gì?”

“Lũ nhỏ,” bà lặp lại. “Mẹ cần gặp lũ nhỏ.”

“Chúng ở trên lầu, mẹ ạ,” tôi nói. “À không. Chúng ở đây. Con sẽ đi tìm chúng, mẹ. Con sẽ tìm chúng cho mẹ.”

Rồi sau cùng, Tom cũng ở bên tôi, thực sự. Anh cúi người cầm tay bà trong nỗi thương cảm lặng lẽ, rồi thẳng người lên cầm lấy khuỷu tay tôi và xoay tôi hướng về phần còn lại của căn phòng.

“Anh vào đó chưa?” tôi nói.

“Anh ấy trông,” Tom nói. Rồi anh ngừng lại. “Không giống anh ấy.”

“Em chẳng biết được,” tôi nói.

Những ngón tay anh nắm chặt cánh tay tôi. Chúng rất tự hào về bản thân chúng, những ngón tay ấy của anh. Chúng không để tôi bị chút hờnghi nào. Đây là người đàn ông sẽ sớm đeo tôi, để nhắc tôi nhớ rằng tôi vẫn đang sống. Trong lúc đó anh nói, “Trông anh ấy cứ như tay môi giới địa ốc.”

“Ấy là do cái áo,” tôi nói.

“Ừm. Nó đến với tất cả chúng ta.”

Rồi mấy đứa bé đến: Rebecca, Emily, và Róisín, đứa này là con út của Mossie - thường gặp thế, mà ít nghe tiếng thế. Một đứa dễ thương vậy. Nó đứng ngay phía trước tôi mà đóng đưa cái bụng.

“Cháu sẽ chào dì của cháu chứ?” tôi nói. “Cháu sẽ nói chào, hay sẽ chút chút, như con chuột nhắt? Chút chút. Chút chút.”

Tôi véo mũi nó bằng hai bàn tay già phù thủy. Rồi tôi đứng thẳng lên thì thào với Tom, “Mẹ nói cần gặp lũ nhỏ.”

“Tất nhiên rồi.”

“Anh có bao giờ cảm đi không,” tôi nói.

“Cái gì?”

“Tại sao mẹ cần gặp lũ nhỏ?”

“Ờ,” Tom nói.

“Lũ nhỏ đâu phải để làm chuyện đó,” tôi nói, rất gay gắt. Và anh nhìn tôi với vẻ quan tâm bất ngờ, trước khi xoay vai đâm con gái lại, để đẩy chúng tới chỗ bà ngoại.

“Hôn bà ngoại đi, nào, tiến lên.”

Bọn con gái đứng trước mẹ tôi. Có khả năng Emily sẽ chùi miệng ngay trước mặt bà - nó không thích miệng hôn ướt, nó nói, chỉ thích những nụ hôn khô “giống của ba”. Trên thực tế, không có nước nôi gì trong vụ này cả. Mẹ tôi giờ tay đặt lên đầu Rebecca, rồi bà quay qua, hết sức nghiêm trang, làm tương tự với Emily, nó nhận cử chỉ này với đôi mắt mở to.

Tôi quan sát cảnh tượng này như từ một chỗ rất xa. Cứ như tôi chẳng liên quan tới đứa nào trong bọn. Nhưng cũng có một tiếng gằn trong máu tôi.

“Thế chúng đề làm gì?” Tom nói.

“Chúng nó chẳng *đề* làm gì cả,” tôi nói. “Chúng nó chỉ vậy thôi.”

Và tôi cũng muốn thật vậy.

Rebecca trở lại với tôi. Mặt nó đầy nước mắt còn rung rung và tôi dẫn nó ra ngoài một lát. Căn phòng kia thì dành cho quan tài nên chúng tôi chẳng có chỗ nào để đi ngoại trừ cầu thang, nơi chúng tôi ngồi trong khi đứa con gái dịu dàng, đáng trí của tôi khóc trong lòng tôi vì đi đâu gì đó nó không hiểu. Rồi nó mạnh mẽ lên một chút.

“Con muốn về nhà,” nó nói, vẫn cúi mặt xuống.

“Chút xíu nữa thôi.”

“Vậy không công bằng. Con muốn về nhà.”

“Sao lại không công bằng?” tôi nói. “Có gì không công bằng trong chuyện đó?”

Đang tuổi thanh xuân, nó thấy bị chấn động vì sự cận kề của cái chết. Vụ này đang làm hỏng những ý tưởng của nó về việc tham gia một ban nhạc nữ, có lẽ thế - hoặc tôi nghĩ vậy, với một ý muốn bất chợt là đưa nó vào tận quan tài, đẩy nó quỳ xuống và buộc nó xét tới Tứ Chung\*.

The Four Last Things: người Công giáo gọi là Tứ Chung, tức bốn vấn đề cuối đời người - cái chết, cuộc phán xét, thiên đàng và hỏa ngục.

Chúa ơi. Ý nghĩ này từ đâu ra vậy? Tôi phải bình tĩnh lại.

“Nó không liên quan tới con, được chưa? Người ta vẫn chết, Rebecca à.”

“Con muốn về nhà!”

“Còn mẹ muốn con người lớn hơn một chút ở đây. Được chứ?”

Và chuyện cứ thế.

“Con còn không thích cậu ấy nữa,” nó nói, trong tiếng thút thít kinh khủng cuối cùng, và việc đó làm tôi bật cười lớn đến độ nó ngưng khóc mà ngược nhìn tôi.

“Mẹ cũng không thích, cục cưng ạ. Mẹ cũng không thích.”

Emily đã đi ra tìm tôi, theo sau nó là Tom. Nên chúng tôi đứng dậy và phủi bụi rồi quay người, một lần nữa. Tôi có con cái quanh tôi và ông chồng bên cạnh, và tôi bước vào dự một cuộc họp mặt gia đình khác nữa; mỗi cuộc đều có mặt bánh mì gọt vỏ ngoài kẹp thịt heo muối, và bơ, và rau cải siêu thị thái nhuyễn, và bánh quy kẹp pho mát rồi thì hành phụ thêm cho phần ăn. Có xúc xích ghim tăm và những vuông bánh nướng thập cẩm, và rau trộn trái cây cho Mossie, người luôn than phiền về chất béo chuyển vị. Có bánh quy Ritz với pa-tê cá hồi và một con tôm đặt bên trên, những món khác với một nhánh rau mùi trên một bột phô mai dạng kem. Có bánh khai vị chay houmous cho Kitty hoặc Jem, một trong hai đứa đó ăn chay tuần này, trong một bộ ba món nước xốt để dầm trong đó có xốt làm bằng trái bơ và xốt bằng trứng cá. Có món cá hồi hun khói cho tôi, món mì bò xốt cà chua của Bea, và món nước quả đông ly kỳ rung rinh trong những

chén thủy tinh nhỏ, do mẹ tôi làm với sự cẩn trọng lặng lẽ và để cho đông lại từ tối hôm trước.

Không có rượu vang.

Không, tôi nói sai. Lần này, lần đầu tiên - có lẽ để tưởng nhớ thói quen uống rượu tràn của Liam - có hai chai vang trên bàn; một đỏ, một trắng. Mọi người biết chúng có ở đó, và không một ai, nhưng không một ai, định uống. Mossie cố rót một ly cho bà Cluny, bà này gần như xưa anh đi bằng cái giỏ xách của bà. “Không, không, tôi không uống được,” bà ấy nói. “Không, dứt khoát không.”

Thật tuyệt khi ta gần bốn mươi, tôi nghĩ, và bám sát món nước cam có ga.

Jem vào để lấy thêm mấy cái ghế từ phòng bên cạnh, còn Bea chuyển các đĩa cho mọi người, và chúng tôi bắt đầu dùng bữa. Tôi cố giữ bọn trẻ trong vòng kiểm soát được một lát, rồi thì tôi bỏ mặc. Tôi dựa vào tường nhìn cả nhà ăn.

Khi bọn tôi còn nhỏ, Mossie thường khăng khăng nhai trong im lặng. Anh sẵn sàng ng ẩ với chúng tôi, anh nói, và chúng tôi có thể nói chuyện đến thỏa thích, nhưng anh lại không chịu nổi tiếng ồn của thức ăn bị nghiền nát trong miệng chúng tôi, và bất kỳ tiếng húp xì xụp nào, thậm chí tiếng nhóp nhép nhỏ nhất, cũng khiến ta bị vồ một phát vào đầu. Anh coi chừng bàn ăn trong suốt bữa, nhưng anh di chuyển nhanh và không cần nhìn. Tôi không biết tại sao chúng tôi lại chấp nhận chuyện đó - nó hẳn cũng vui nhộn - nhưng, nhìn gia đình tôi ngẫu nhiên những món ăn tang lễ, tôi ít khi nhìn ra cái lý của anh.

Ernest, người khẩn đ ờng trình, thì trông đặc biệt kinh khủng. Ngay mẹ tôi cũng ăn với vẻ tham lam bất ngờ, cứ như nhớ ra được cách ăn thế nào.



Đột nhận biết bất ngờ nào đó khiến bà lướt từ cái bánh quy Ritz này sang cái kế tiếp, bà cản trở người khác, và họ, trong thoáng chốc, thấy buồn phiền. Các hàng xóm lấy chút ít vào đĩa của họ rồi đặt đĩa xuống, rồi thì, lát sau, họ quên mất chính mình đến mức cũng ngẫu nhiên phần ăn. Một ông mà tôi dần dần nhận ra là chú ruột tôi đang lấy thức ăn cho mình bằng những ngón tay chuối mẩn. Ông thao tác nhanh nhẹn một cách thực dụng, thích thú trước hàng ngũ những món chiêu đãi nho nhỏ, chăm lo việc đưa một lượng thức ăn đúng mực vào cơ thể mình trước buổi tối.

Cha tôi gốc ở hạt Mayo - ấy là muốn nói ông rời hạt Mayo khi mười bảy tuổi. Liam xúc động với miền Tây Ireland, nhưng tôi không nghĩ cha tôi cũng xúc động như vậy, và tôi cũng không. Nhưng tôi xúc động với chú Val của tôi - hoặc tôi thấy như thế. Tôi quan sát chú, thầm nghĩ, nếu tôi nhìn đủ chăm chú, tuổi thơ của tôi sẽ trở dậy để gặp chú. Tôi cũng muốn hiểu chú là loại đàn ông thế nào, do bây giờ tôi đã gặp nhiều đàn ông khác, trong thế giới rộng lớn ngoài kia.

Val là nông gia độc thân đã ngoài bảy mươi, nên chú hẳn, theo đúng lẽ, nửa điên rồi. Nhưng trông chú cũng khá linh hoạt. Và thông minh nữa. Mỗi lần chú chỉ làm một việc, đó là đi đâu nổi bật ở chú. Chú chùi mấy ngón tay vào khăn giấy rồi tìm chỗ đặt nó xuống, và khi không tìm ra chỗ, chú vo tờ giấy lại nhét cẩn thận xuống dưới cái đĩa trống của chú. Rồi chú nhìn đĩa này hoặc đĩa kia trong bọn chúng tôi cứ như đang phỏng đoán về cuộc đời chúng tôi: chúng đã diễn ra thế nào và sẽ kết thúc ra sao. Chú Val yêu những đoạn kết. Chú đặc biệt yêu những vụ tự tử. Chú thường nói chuyện cặn kẽ với chúng tôi về các nhà hàng xóm, kể cho chúng tôi nghe ai tự bắn mình và ai dùng đến dây thừng. Chú kể cho Liam nghe câu chuyện về một

ông trong vùng, ông này, khi vợ ông ta không chịu làm tình với ông ta, đã bật dậy đi lấy con dao trong bếp và tự thiến mình trước mặt bà vợ.

“Cả một đàn tập bắn,” chú nói. “Cả công cuộc bắn giết.”

“Chú Val,” tôi nói, bắt tay ông, thần nghĩ mình có thể lên cơn hoảng loạn, chỉ vì ngửi phải cái mùi bộ quần áo của ông.

“Veronica, phải không? Chú rất tiếc. Nó là một đứa ngon lành. Chú nghĩ nó là đứa chú cưng nhất.”

“Dạ,” tôi nói.

“Nó là bầy bạn dễ thương, lúc nào cũng vậy.”

“Dạ.”

Tôi đã thương chú Val, tôi nhận ra, từ khi mới sáu tuổi.

“Anh ấy luôn thích thú mỗi lần đi thăm chú,” tôi nói. “Anh ấy tận hưởng chúng.”

“À phải,” chú Val nói. “Chúng ta đã cố hết sức.”

Và tôi chợt nghĩ ra rằng tôi không phải người duy nhất cố cứu vớt Liam - ông chú này cũng đã cố, và ông chú này, bị kẹt lại trong nông trại của ông ở mãi Maherbeg, sẽ luôn cảm thấy có tội vì ông đã không thành công. Lần đầu tiên từ “tự sát” lớn vờn trong không khí - cái kiểu tất cả chúng ta đã thất bại. Cho nên, cảm ơn Liam. Cảm ơn nhiều lắm.

Ita thò tay ra sau lấy ly nước chị đã đặt vào trong bồn rửa. Nó đã làm tôi rối trí suốt buổi tối - tại sao chị cứ giữ nó ở đó? Rồi tôi nhận ra nó không phải nước, mà là rượu gin. Thật ly kỳ. Trông chị vẫn như khi tôi vừa tới, tuy khuôn mặt chị hơi sưng và nghiêm nghị hơn. Còn có sự vụ về cái mũi của chị nữa, rõ ràng nó có một hình dạng khác, nhiều vẻ Mỹ hơn. Ita nhìn tất cả chúng tôi với vẻ giận dữ không che giấu. Có lẽ đó là do chúng

tôi xấu xí đến thế. Tuy tôi khó mà phàn nàn - cái kiêu tôi phản ứng trước cảnh tượng những cái miệng nhà Hegarty chuyển động quanh thức ăn ấy.

Trong khi đó, Tom trở lại nói chuyện với Mossie. “Người duy nhất tỉnh táo, thực vậy, trong cả gia đình,” như anh nói với tôi, hằng năm, lúc nào đó khoảng lễ Giáng sinh. Và đi đâu đó đúng, khi tôi nhìn anh, ông anh tôi quả tình trông rất bình thường, anh có một công việc tốt, một cô vợ dễ thương và anh gửi đi khắp nơi những bản tin lý thú báo cho chúng tôi biết gia đình anh sinh hoạt ra sao. “Một lời chào đón nồng nhiệt cho bé Darragh!!” Sự thật cần nói là Mossie đã chẳng làm gì loạn tâm thần suốt hai mươi năm qua. Nhưng Liam ở ngay phòng bên cạnh vẫn nói *ha ha*, khi Tom ông chững dãn chuyên môn của tôi lôi Mossie ông anh dãn chuyên môn của tôi vào một câu chuyện chính trị gì đó về cái kiêu đất nước này ngày càng thịnh lên. *Ha mẹ kiếp ha ha*, cái xác phòng bên lại nói.

Tôi muốn uống say. Đột nhiên. Thật tai hại khi mong muốn cái thứ này vào đúng lúc này, nhưng không thể khước từ nó. Tôi muốn thoát khỏi con cái và chững tôi để tôi có thể say bí tỉ đúng nghĩa một lần, bởi vì Chúa biết trước nay tôi chưa từng say bí tỉ đúng nghĩa. Và có Kitty trợn mắt nhìn tôi, từ bên kia phòng. Ita! Tôi di chuyển chần chệm bên bồn rửa (vì rượu luôn hữu dụng khi ta muốn có lúc thoải mái).

“Chúng ta cần một chai gì đó. Có chai nào không, để lát nữa dùng?”

Và, qua hàm răng nghiến chặt, Ita nói, “Tôi sẽ đi xem.”

Có một sự chuyển động trong phòng. Đến giờ di chuyển, hoặc đi. Tôi phải nói chuyện với mấy đứa con gái của Midge, thật nhanh, trước khi chúng rời đi cùng với lũ con cái cùng những bé sơ sinh và bé mới tập đi kéo ở sau đuôi. Cháu gái Ciara của tôi có bầu năm tháng, mặt nó nổi đóm dữ dội trong cái nóng này.

Tôi khẽ chạm vào cánh tay nó và nó vuốt nhẹ cổ tay tôi, vì phụ nữ có thai phải đụng chạm và được đụng chạm, và cái nhìn của tôi, tôi biết, thì rất nhiệt thành khi tôi nói, “Cháu đang ngủ hả? Cháu có cái giường mới chưa?” Ciara xoa bụng nó, rồi vươn qua tôi với đôi bàn tay lại run rẩy đột nữa.

“Chúa ơi, cuộc sống trên tấm thảm,” nó nói.

“Thằng ch ồng của cháu,” tôi nói. “Nó đáng bắn bỏ.”

“Ấy là do cái lưng anh ấy.”

“Phải, phải,” và cả hai đưa tôi bật cười - một cách tục tĩu, cứ như nãy giờ chúng tôi nói về tình dục.

Tom ở bên tôi, thích toàn bộ sự vụ này. Tôi quay qua chào chú Val, trông ông hơi hoảng loạn, đang được bà Cluny dìu sang nhà kế bên. Khi Ciara sắp ra về, Tom sắp xếp túi tả lót cho nó và đưa Brandon, đứa con mới chập chững biết đi, về chỗ nó. Rồi anh quay lại chỗ tôi.

Anh nói, “Em còn nhớ lúc em có b ầu Rebecca và em không tới nghĩa trang - đám ma của ai vậy nhỉ? Dù thế nào em cũng không đi, vì đứa bé có thể bị chân vòng kiềng, em nói vậy.”

“*Cam reilige.*”

“Cái gì?”

“Người ta gọi nó vậy. Bằng tiếng Ireland.”

“Em ngộ thật,” anh nói.

“Phải,” tôi nói. “Em là thứ buồn cười.”

*Cam reilige* là tiếng Ireland để chỉ sự vặn vẹo của năm mộ.

Lúc đó tôi đi khỏi chỗ anh, cảm thấy, một lần nữa, bóng dáng của một đứa con trong tôi, cuộc đột kích của tương lai trong bụng tôi, đen ngòm và công khai.

Tôi đặt tay lên bụng. Nó giống một cơn đau, gần như vậy.

“Dù sao thì nó cũng hữu hiệu,” Tom nói, vẫn bên vai tôi. “Nó có cặp giò dễ thương.”

*Tôi không cần anh nói với tôi điều đó.* Tôi quay lại để nói thế với anh. *Tôi không cần anh nói với tôi điều đó,* nhưng thay vì thấy chồng tôi, tôi chỉ thấy cái vòng rộng mở của con mắt anh. Nếu chúng tôi muốn có một đứa con nữa thì bây giờ nó đang chờ chúng tôi. Tôi hầu như thấy được nó. Nên nó chẳng phải chỉ lỗi là của anh, chuyện tình dục xảy ra sau đó. Nó không hoàn toàn là lỗi của anh, cái việc tôi không thích thú *chuyện tình dục*.

Trong khi đó anh gật đầu với tôi. “Anh sẽ trông đảm trẻ. Bất cứ lúc nào. Hãy về nhà bất cứ lúc nào.”

“Đừng thức khuya,” tôi nói.

Và anh nói, “Anh sẽ cố.”

Đó là đám tang chị Midge của tôi, thực vậy, còn tôi thì bị như một cái nhà. Cháu gái Karen của tôi đã sinh nở một tháng trước tôi, ở tuổi hăm mốt. Tôi nhớ mình ngồi trong nhà thờ nhìn đứa bé nhỏ xíu, ướt át, ọ ẹ trên vai mẹ nó, một băng cột tóc màu trắng quanh cái đầu nhỏ xíu, mới tỉnh của nó. Anuna - mọi đứa cháu của Midge đều có những cái tên ngớ ngẩn - bây giờ được mặc cái áo khoác phồng màu đỏ đất nện, một đứa con gái hấp dẫn, với con mắt dễ sợ nhà Hegarty; lạnh và hoang dại và xanh lơ.

“Chúc ngủ ngon, Karen. Nhớ coi chừng nó.”

Bây giờ chúng đang nhấp nháy với nhau từ hai đầu phòng, xanh với xanh, khi những người lạ và vai phụ cáo từ. Bea kéo mẹ tôi ra khỏi ghế.

“Mẹ mệt lắm đấy, mẹ.”

“Ờ.”

“Lại đây con đưa mẹ lên lầu.”

“Ờ.”

“Con sẽ mang trà lên.”

Nhưng có gì đó bà muốn làm trước khi đi. Mẹ thoát khỏi nắm tay cần giữ của Bea và đến bên bàn. Bà đặt hai tay lên mặt gỗ, nên mọi người biết phải ngưng nói chuyện. Bằng giọng dịu dàng, ngọt ngào, bà nói, “Ông ấy chắc rất tự hào về tất cả các con.”

Chúng tôi biết bà ám chỉ, không phải Liam, mà là cha chúng tôi. Bà nhớ lẫn lộn các đám tang với nhau. Hoặc có lẽ mọi đám tang bây giờ là cùng một đám tang.

“Ông ấy *rất*,” bà nói với niềm tin khủng khiếp. “Ba các con rất tự hào về tất cả các con.”

Bea xoay bà đi, để rời phòng. “Đủ rồi, mẹ.”

“Ngủ ngon,” bà nói.

“Ngủ ngon, mẹ,” chúng tôi nói, theo một kiểu lảm rảm gia đình.

“Ngủ ngon nghe.”

“Ngủ yên nghe, mẹ.”

“Hãy nghỉ một chút.”

“Ngon ngon,” hoàn toàn mất nhịp điệu, giống những giọt mưa đầu tiên.

“*Coladh sámh,*” Ernest nói, ngay bên cửa, và bà quay về phía anh để nhận động tác chúc phúc, mà ông anh tôi - gã khốn kiếp đạo đức giả dối trá trong kẻ vô thần tu xuất - chẳng ngần ngại làm ngay (bằng tiếng Ireland nữa chứ) và bà sung sướng bước đi. Ít nhất “sung sướng” là cái vẻ trên mặt bà. Sung sướng. Bà hài lòng với những con người bà tạo ra. Bà sung sướng.

Chúng tôi im lặng một lát sau khi bà đi. Mossie ng ồ. Ita hớp một ngụm thứ nước của chị, rồi miệng chị rúm sâu vào, trong lời cự nự nào đó giữa cuộc trò chuyện thẩn lảng đang diễn ra trong đầu chị. Kitty chầm một điều thuốc, việc đó gây chút bức bối cho mọi người. Và tôi nghĩ, *Mình không bao giờ nói sự thật với mẹ. Mình không bao giờ nói sự thật với bất kỳ ai trong số họ.*

Nhưng tôi nên nói gì? Một người chết thò tay mình vào cửa qu ần của một người chết xa hơn h ồi ba mươi năm về trước. Chắc chắn còn có những chuyện khác đáng nói tới hơn. Có những đi ều khác nữa cần được tiết lộ.

Nhưng như chuyện gì? Như chuyện gì?

Tôi bắt đầu giúp Bea rửa chén đĩa, trong khi Kitty bưng một ch ồng đĩa tới bồn rửa.

“Mày làm gì vậy?” Bea nói với nó.

“Dọn dẹp,” Kitty nói.

“Ô.”

“Cái gì?”

“Ô. Không sao, xin mời. Xin mời dọn dẹp.”

“Biến đi.”

“Không, luôn có một lần đầu.”

“Ôi, *biến đi*.”

“Được rồi, vết nó trước đã, được không? Vết nó đi, được không? *Vết nó, và chất nó đằng kia*.”

Kitty nâng cái đĩa lên khỏi đầu tựa như sắp giáng nó xuống sàn. Không ai nhìn. Nó giữ cái đĩa ở đó một hồi lâu - rồi, với một cú hất đầu, nó bùng món đó, nâng cao một cách trịnh trọng, tới cái thùng. Nó tiến hành vét đĩa, và rồi nó không tìm được mà tổng toàn bộ vào thùng rác, cái đĩa, thức ăn các thứ.

“Chúa ơi!” nó gào lên, nhìn con dao còn lại trên tay nó, cứ như nó đang nhỏ máu. Tôi liếc lên trần - Mẹ vẫn còn di chuyển loanh quanh trên lầu.

“Ô ChúaơìChúaơìChúaơì!” Kitty kêu lên, quăng cái vũ khí giết người ấy vào thùng, đoạn nó bỏ ra vườn để hút cho hết điều thuốc.

“Bea,” tôi nói.

“Gì,” Bea nói, rất gắt, khi chị nhặt chén đĩa ra khỏi thùng. “Gì?”

Và tôi biết ý chị muốn nói gì. Chị muốn nói, *Sự thật thì ích gì cho chúng ta lúc này?*

Ita từ phòng quần xác bước vào và nện một chai whisky xuống giữa mặt bàn gỗ thông màu vàng.

“Chỉ tìm được thế này,” chị ấy nói. Chai đó có cái tên Ireland buồn cười. Nó trông hơi có vẻ trang trí.

“Em có thể ra tiệm bán rượu chui,” Jem nói nho nhỏ.

“Không, không. Không cần lo.”



Chúng tôi vẫn khui chai rượu như thường, và rót ra cái ly, rượu rót xong nằm đó, đặc và ngọt. Nghi thức này lạ lùng với chúng tôi bởi vì, tuy người nhà Hegarty đầu uống rượu được, nhưng chúng tôi chưa uống với nhau bao giờ.

“Nhìn những cái chân trên đó kìa,” Ivor nói, tráng ly một vòng và giờ nó lên ánh sáng. Chúng tôi nhấm nháp, và ngẫm nghĩ một lát, rồi đột nhiên Jem cần chìa khóa xe lên, bỏ đi trong một loạt nhận xét và chỉ dẫn đủ loại về vang trắng hay đỏ. Con cái nhà Hegarty đã có một ngày dài.



Bea, vẫn đầy vẻ khinh bỉ, nhận trực ca đầu tiên trong phòng trước trong khi đám còn lại chúng tôi ở trong bếp và đi loanh quanh và tán gẫu. Ernest kiểm tra tủ ly chén - hơi hăng hái, thực vậy; thọc ngón tay vào món tương ớt xoài cũ mềm và ngửi ngửi mùi tạt. Mossie đôi lúc lớn tiếng cãi nới cái bàn gỗ thông trong khi Ita ở bên anh, ngả ra sau dựa vào quầy giữa bếp, bất động vì rượu đến độ không rửa được một cái đĩa.

Nó giống như lễ Giáng sinh dưới âm ty. Nó tựa như chúng tôi đầu đã chết, và thế cũng tốt.

Từng đưa một chúng tôi cạn ly và ngẩng, sẵn sàng khui rượu vang khi nó tới. Và khi nó tới thực, chúng tôi không chúc người chết mà chỉ uống và tán gẫu, như người bình thường vẫn làm.

Có câu chuyện nào đó về Alice bí ẩn, cũng như sự xuất hiện đáng ngạc nhiên của chú Val, ông trông chải chuốt thế.

Rồi Ivor nói rằng nó đang nghĩ tới việc mua đất ở Mayo.

“Cái gì?” Kitty nói, nó đang biến thành điển hình nát rượu Ireland điển hình với ly rượu trên tay. “Một phần của chỗ cũ nhà mình hả?”

“Ờ, có lẽ không chính xác ngay đó.”

“Chúa ơi.” Kitty nhìn đắm đắm tới trước như đang trông thấy chỗ đó. Nó cần một góc tấn công. Tụi tôi đưa nào cũng cần. Chúng tôi nói chuyện một lát về lái suất và những chuyến bay tới phi trường Knock.

Rồi Ernest nói, rất nhẹ nhàng, “Ở trên đó không nhiều tiền lắm.”

“Ờ, em nghĩ đó chính là vấn đề” Ivor nói. Và nhận ra nó đã ở thế phòng thủ.

“Tôi chẳng biết,” tôi nói. “Tôi chẳng bao giờ làm cái trò thối của bọn du khách bộ-nó-không-dễ-thương-sao với lại bộ-mình-không-dễ-thương-sao.”

Kitty nổi loạn. “Chú Val sống được cả tháng bằng mớ tiền mua cái áo khoác của mày. Cái áo khoác thối tha đó giá bao nhiêu vậy?”

“Chưa kể mày là thằng pê đê, đồ ngu ạ,” Jem nói. “Maherbeg là chỗ bọn pê đê chỉ tới để tự bắn chúng nó trong nhà kho.”

“Ô, hóa ra là chỗ đó,” Liam nói. Tôi bật cười và quay lại để chộp anh, nhưng anh không có ở đó. Anh đã chết. Anh được đặt nằm trong phòng kẻ bên.

Một khoảng lặng trôi qua, nhanh như một cánh cửa khép cách lại.

“Áo khoác đó đẹp đấy,” tôi nói.

“Cám ơn,” Ivor nói, cố hiểu ra mọi chuyện. Từ trước tới nay nó chưa bao giờ bị người nào trong nhà gọi là “pê đê”. Chưa bao giờ, chưa một lần. Giống như cái chai giữa bàn, nó chỉ xảy ra ở chỗ khác.

Mossie nhướn mày lên, và dúi mắt anh vào cái ly. Vẫn sâu dưới đó, anh nói, “Hiệu gì vậy - Paul Smith?”

“Ừm...” Ivor nói, kiểm tra túi trong áo khoác. Cứ như nó không biết.

Chúng tôi cũng chưa bao giờ nói chuyện tiền bạc - ý nghĩ rằng một người trong chúng tôi, ngay cả một ông chú, có thể là nghèo hay giàu, hoặc đi đâu đó là quan trọng. Đi đâu gì đó đã xảy ra với gia đình này. Cái nút thắt đã lỏng ra. Rồi Ita đứng dậy trên hai chân sau và giật mạnh một cái.

“Phải,” chị nói. “Cái áo khoác đẹp thiệt.”

Lại tới rồi. Ita đã uống lâu đến độ bị chính đi đâu ấy làm cho tỉnh táo, và chậm chạp, và dữ dội. Chị có đi đâu tiết lộ khủng khiếp nào đó muốn nói ra và tôi tự hỏi nó sẽ là cái gì. *Mày chẳng bao giờ nói tao đẹp*. Hay đi đâu gì đó tệ hơn: *Mày ăn cắp sợi băng cột tóc ngon nhất của tao hồi 1973* (tôi có làm thế thật). Những tội lỗi gia đình và những vết thương gia đình, sự khó chịu bất tận về đi đâu gì đó mà chúng tôi thấy khó gọi tên. Chẳng có gì là lớn lao, chỉ những câu thông thường, *Mày hủy hoại đời tao*, hay *Tao thì sao?* bởi vì với con nhà Hegarty một tuyên bố về bất hạnh luôn là một tuyên bố quy kết trách nhiệm.

“Cái gì?” tôi nói. “Cái gì?”

Với câu đó tôi muốn nói, *Sự thật thì ích gì cho chúng ta lúc này?*

“Tao sẽ qua ng ồi với Liam,” sau cùng, Ita nói, vì con nhà Hegarty cũng yêu một chút vị thế đạo đức cao. Chị bắt người khỏi bàn theo một góc thuận tiện để tới thẳng khung cửa. Tôi nhận ra, đi đâu chị cần là rượu gin. Việc đường hoàng cáo lui chỉ là một cái cớ để chị có thể đi lục lọi kho dự trữ của mình.

Tôi thò tay lấy cái chai, trong cơn hoảng loạn, và tự rót cho mình một ly. Liam gõ mũi anh ra hiệu tôi giữ bí mật. Nhưng vì Liam đã chết tôi phải làm thế cho anh. Nên tôi gõ mũi mình, ba lần.

“Cái gì?” Kitty nói.

“Cái mũi,” tôi nói.

“Cái gì?”

“Ita. Vụ sửa mũi.”

“Ô thôi nào,” nó nói.

“Hếch,” tôi nói. “Hếch.”

“Em theo chị,” Ivor nói, bây giờ cảm thấy bức bối rằng nó đã mất căn nhà nông thôn của mình.

“Người ta gọi thế là gì?” tôi nói. “Retroussé hả?” Mossie nói, “Tụi. Bay. Đang. Nói. Chuyện gì?”

“Cái mũi nhà Hegarty,” Kitty nói, “Ita đã cho sửa cái mũi chúng ta.”

“Tao thực tình nghĩ,” Mossie nói.

“Gì?”

“Tao thực sự nghĩ. Đó là mũi của nó. Đến lúc này.” Và chúng tôi ò lên cười, vì lý do nào đó.

Sau khi trận cười ngớt, còn lại Kitty và Mossie nhìn chăm chăm vào nhau từ hai bên bàn. Thế là đủ rồi, tôi nghĩ. Tôi không thể làm chuyện của Mossie cũng như mọi chuyện khác. Phải, anh ấy đánh tụi mình, Kitty. Anh ấy mười lăm. Anh ấy đánh tất cả chúng ta.

Tôi đứng dậy đi vào nhà vệ sinh, và gặp Bea ngay cửa.

Ita đã nhận phiên trực xác của chị. Chị đang tựa vào trụ cửa của phòng trước khi tôi đi qua; một ly nước đậm trong tay chị. Chị đang khóc. Hay chỉ rỉ rỉ, có lẽ vậy. Chị không quay lại khi tôi lên cầu thang. Nhìn từ sau, chị trông đẹp. Nhìn phía sau chị trông giống Lauren Bacall.

Tôi vào phòng tắm đi tiêu rồi rửa tay và nhìn vào chính tấm gương tủ tường phản chiếu khuôn mặt tôi trên dưới ba mươi năm qua. Lốp trắng thủy ở các mép gương đã tróc. *Ai trách nó được?* Tôi nghĩ. Và quay người đi ra và lại đối mặt mọi người dưới nhà.

Khi tôi ra khỏi phòng tắm, cửa phòng mẹ tôi mở, chỉ hé chút xíu.

“Bea hả?” tiếng bà len qua khoảng hở. “Bea hả?”

“Không, mẹ, con đây.”

Tôi đi tới. Khi mở hẳn cửa ra, tôi thấy bà đã ngồi dựa trên giường, một cách kỳ quặc, giống một đoạn video được cho chạy nhanh tới trước và rồi dừng lại.

“Mẹ cần gì, mẹ, mẹ ổn không?”

“Mẹ cứ tưởng con là Bea,” bà nói.

“Không, là con đây, mẹ. Mẹ muốn con gọi chị ấy lên không? Mẹ muốn vậy hả?”

Nhưng bà không nhớ rõ được.

“Nào. Nằm xuống đi, mẹ. Nằm xuống,” và bà tuân theo như đứa bé dễ thương là chính bà ngày xưa. Bà ngủ nằm nghiêng, tôi nhận thấy. Bà vẫn để lại rất nhiều khoảng trống.

“Chúng nó đi hết rồi,” bà nói, sau khi đã nằm yên trên gối.

“Không chúng nó có đi đâu, mẹ.”

“Đi hết rồi.”

“Con còn đây mà, mẹ. Con ng ồi với mẹ nhé? Con ng ồi một lát nghe?”

Không có cái ghế nào trong phòng này. Tôi ng ồi ghé vào cuối giường một lúc, và tôi xoa cổ chân và bàn chân bà qua lớp khăn phủ.

*Hức hức*, bà hít vào như một phụ nữ đang khóc. *Hờ*, bà thở ra.

*Hức hức. Hờ.*

*Hức hức hức. Hờ.*

Và thế là, một cách chập chờn, bà thiếp ngủ, trong khi tôi ng ồi trong mùi hương của đời bà: kem Nivea và Je Reviens và mùi tuổi già; mùi của cha tôi nữa, vẫn từng chút một ở đó, trong lớp len khô ran của cái chăn điện, có lẽ, và lớp h ồ bột hơi thiêu giữ lớp giấy dính vào tường.

Tôi đang khóc, tôi nhận ra thế. Mẹ tôi không ngủ mà đang nhìn tôi. Đôi mắt bà, khi chúng nhìn ra đăm đăm phía trên mép lớp chăn, thì rộng mở và trẻ trung.

“Xin lỗi, mẹ.” Tôi đứng dậy đi ra ngoài.

“Có gì vậy?”

“Không có gì,” tôi nói, dưới ánh nhìn thông minh sắc sảo của bà, vẫn chưa biết hẳn tôi là ai.

Ở cửa, tôi không nhìn bà khi nói, “Mẹ có nhớ một người đàn ông ở nhà bà ngoại không?”

“Ông nào?” Bà đang chờ một câu hỏi. Và bà không thích câu này.

“Chẳng ông nào cụ thể cả. Chỉ là một ông ở nhà bà ngoại, thường cho tụi con kẹo vào các thứ Sáu. Ông ấy được gọi là gì nhỉ?”

“Chủ nhà hả?”

“Phải ông ấy không?”

“Mình vẫn gọi ông ấy là chủ nhà,” bà nói. Và bà nhìn xoáy vào tôi.

“Sao vậy?”

“Vì ông ta là thế.”

Và đột nhiên sốt ruột vì cái gì đó, bà giở những lớp chăn và đưa hai chân khỏi cạnh giường, tấm thân không rõ nét trong bộ đồ ngủ của bà trượt bên này rồi bên kia khi bà trườn khỏi cạnh nệm và bắt đầu đi loanh quanh. Bà tới cửa tủ quần áo và mở ra, và đóng lại. Bà trở lại giường, rồi nheo mắt nhìn nóc tủ, như thể phòng có thể có gì trên đó.

“Mẹ không biết,” bà nói. “Con đang nói gì với mẹ đấy?”

“Đâu có gì, mẹ.”

“Con đang nói gì với mẹ đấy?”

Tôi nhìn bà.

Con định nói rằng, vào năm mà mẹ gửi tui con đi, đứa con đã chết của mẹ đã bị lạm dụng tình dục, khi mẹ không có mặt ở đó để vỗ về hay bảo vệ anh ấy, và cái vụ lạm dụng ấy là đủ để đẩy anh đi theo con đường đã kết thúc trong cái hòm dưới nhà. Đó là điều con định nói, nếu mẹ muốn biết.

“Con chỉ thích mớ kẹo thôi, mẹ. Trở vào giường đi. Con chỉ nhớ có mấy viên kẹo.”

Bởi vì tình thương của một người mẹ là trò đùa lớn nhất của Chúa. Và ngoài ra - ai xác định được đâu là nguyên nhân đầu tiên và đâu là nguyên nhân cuối cùng?

Tiếng rì rầm của những giọng nói trong bếp bên dưới tăng lên, và có tiếng cười, sau đó là tiếng sập cửa sau. Lại Kitty nữa, bỏ ra ngoài.

“Mẹ không biết.”

Mẹ ngã lại xuống giường. Giờ bà đã mệt. Giờ bà chẳng thích ai cả.

“Mẹ chẳng biết nó ở đâu,” bà nói. “Đồ trong nhà: nó ở đâu đó tốt trên kia. Nó ở cái kệ trên đó. Mẹ chẳng biết.”

Nhưng tôi đã ôm vai bà, và đang xoay bà lại, đặt nằm xuống giường.

“Con sẽ gọi Bea cho mẹ.”

“Ờ,” bà nói.

“Con sẽ gọi chị ấy cho mẹ ngay.”

Nhưng tôi không gọi.

Tôi đóng cửa và nhìn quanh chiếu nghĩ. Tôi đi lại phòng ngủ của mấy đứa con gái đã lớn, và tôi nhìn trên nóc tủ quần áo và mở các tủ chén bát, rồi tôi đi ra và làm tương tự trong phòng ngủ cũ của tôi. Tôi đứng trên giường của Alice trong ánh sáng vàng nhếch nhác và lôi xuống một hộp bánh quy có ghi chữ “Giấy tờ” bằng nét chữ yếu ớt, bay bướm của mẹ tôi. Tôi đang tìm thứ mà bà không tìm ra, nhưng những thứ trong hộp chỉ là các hồ sơ thuộc loại tùy tiện nhất trên đời, những giấy xác nhận làm phép thêm sức, chứng chỉ lớp Dân vũ Ireland của Kitty, lớp Diễn thuyết trước công chúng của Ernest tại Feis Maithiu; văn bằng của tôi, thật lạ ghê - điểm Giỏi đầy đặn ngon lành của tôi ở Đại học quốc gia Ireland; Giấy chứng nhận ra trường của Liam, bây giờ nó có ích cho anh biết mấy. Có vẻ như mẹ cất đi mọi thứ giấy tờ thuộc loại dày được cuộn lại và vô dụng. Tôi phóng tâm trí đi khắp ngôi nhà lòng tự hỏi cái thứ quan trọng thì nằm ở đâu, các khai sinh và khai tử, các ảnh chụp và hợp đồng và chứng thư. Đột nhiên, tôi hiểu ra bà cất chúng ở đâu, và đặt hộp xuống giường.



Nhưng tôi đã quấy rầy những bóng ma. Họ ở bên ngoài cửa phòng, lúc này, như những bóng ma của tuổi thơ tôi đã ở đó; họ ở sau cánh cửa đó. Câu chuyện của họ ở đó, ngoài kia trên chiếu nghỉ của căn nhà phố Griffith, đợi tôi một lần nữa.

Họ là ai?

Trước hết là Ada, chết một cách thực tế. Một thứ già nua mỏng manh, bà là loại ma luôn quay lảng đi. Ada yên ổn làm người chết. Quá khứ chảy thành một vũng nước quanh chân bà.

Charlie cũng ở đó, lóng ngóng và có màu nâu. Charlie, kẻ không có tính xấu trong người thế nhưng vẫn làm mọi thứ tồi tệ - những món nợ khó trả, những lời hứa bỏ mặc, và tình dục tồi tệ với những cô gái bán hàng và các bà nội trợ và những nữ diễn viên năm thì mười họa. Mong muốn vận may của ông xoay vần, tuy may mắn của ông luôn xoay vần, và vận may của ông thì lúc nào cũng vậy. Charlie không thể thoải mái với kiếp người chết cho đến khi ông lấy lại được hết cho Ada, tình yêu đích thực duy nhất của ông.

Đây là những ác mộng của tôi. Đó là thứ tôi phải đi xuyên qua để xuống dưới nhà.

Tôi vặn tay nắm cửa và Nugent là một vệt loang kinh hoàng trên chiếu nghỉ. Ông ta di chuyển như có mùi khắp căn nhà. Nugent chơi với em gái Lizzie của ông ta, giờ họ đều đã chết. Họ hôn nhau và được an ủi. Họ không thở; sự quẩn quýt và trườn bò của hai cái lưỡi của họ thì bất tận và thiếu hơi và lạnh.

Tôi băng qua nửa thước thảm đưa tôi tới mép bậc thang. Tôi rơi xuống chúng, mỗi lần một bậc. Tôi chín tuổi, tôi sáu tuổi, tôi bốn tuổi trở lại. Tôi

không thể đặt tay lên lan can, phòng khi tôi chạm thứ gì mà tôi không hiểu. Nút bật đèn ở chân thang có vẻ lui ra xa, theo bước tôi đi nhanh hơn. Ai đã tắt nó? Tại sao đèn trong ti ền sảnh tắt, khi có một cái xác trong nhà?

Cái cuối cùng luôn là tệ nhất. Chú Brendan của tôi, với quần cụt và tất cao đến gối. Ông đứng ở ti ền sảnh bên ngoài phòng của hai đứa em sinh đôi, căn phòng nơi Stevie chết lúc sơ sinh, và cái đầu trung niên của ông đầy ứ đến nổ tung những điều ông muốn nói với Ada, mà bà sẽ không nghe ông nói. Xương của Brendan bị trộn với xương người khác; nên có một cảnh rối loạn của các linh hồn đang rì rầm và rên rỉ bên trong áo quần của chú, họ sẽ hiện ra trong tiếng la ầm vang nếu chú mở nút quần; nếu chú há miệng họ sẽ tràn ra qua răng chú. Brendan chẳng được yên với họ, linh hồn của những người bị quên lãng phải luôn bò lê và phình ra và rên rỉ trong đó; chú thò tay và gỡ trong cổ áo và mấy mớ linh hồn thoát ra. Chỗ duy nhất vắng bóng họ là đôi mắt xanh không ư a được của chú, nên Brendan chỉ trơ mắt nhìn khi tôi thò tay tới nút điện, và áo của chú phập phồng, và đôi tai chú rỉ ra bọt điên và đám người chết phi ền hà.

Đèn bật sáng. Như nó vẫn thường như thế. Và thân xác tôi, trong ánh sáng, ờn trời là một thân xác hai chín tuổi. Và khi tôi bước vào phòng khách tất cả đều im lặng. Không có hồn ma nào trong đó với xác Liam, kể cả hồn anh.

Những ngọn nến đã cháy gần hết.

Trong ngách phòng, gần cửa sổ, là một món nội thất - tôi nghĩ chúng tôi thường gọi nó là “tủ ly chén” - một món bằng gỗ s ồi dày, với những kệ bày ly và bình lọ, và những ngăn kéo thấp bên dưới. Tôi kiểm tra những ngăn kéo này và không tìm thấy gì. Hoặc nói cách khác tôi tìm thấy đủ thứ: một cối xay sinh tố cũ trong một túi nhựa trong suốt đã ngả xám vì thời gian,

đĩa đơn 78 vòng của mẹ tôi từ một thời điểm khó tin trước khi bà lấy chồng, “Jussi Björling”, và “Furtwänglerconducts”; bàn chơi ráp chữ Scrabble; một trò chơi có tên Camel Run; một túi lưới đựng bốn món trái cây giả sứt mẻ; một tấm băng bảo vệ cho đầu gối của ai đó đã hết đau từ lâu. Rồi tôi nghĩ chuyện nhìn lên. Ở đó, đằng sau tấm gỗ cửa lọng trang trí nằm trên đỉnh cái tủ này, là mấy cái hộp. Tôi đẩy miếng vải lót sang một bên và leo lên, và thò tay tới một cái hộp giấy cứng màu xanh. Tôi khều nó xuống, và chụp được nó, và lóng ngóng quanh cái nắp, trên đó cha tôi đã viết chữ “Broadstone”. Rồi tôi leo xuống và đứng ở nền nhà, và mở nó ra.

Bên trong, có một túi giấy nâu đựng vài bức ảnh, tất cả đều in bằng thuốc tráng ảnh màu nâu. Mấy tờ hóa đơn - thứ mà bạn nhận được ở một tiệm bán thịt kiểu xưa. Một xấp nhỏ những lá thư được viết trên giấy màu xanh có in hoa văn mờ loại phụ nữ thường dùng, và được cột bằng một sợi thun. Một mớ những cuốn sổ bìa cứng màu xanh, mỗi cuốn được ràng theo chi đầu thẳng đứng bằng một sợi của thứ mà Ada gọi là “thun quần” bất kể bà dùng nó vào việc gì.

Chúng là những cuốn sổ thuê nhà; bắt đầu từ 1937, khi mẹ tôi được tám tuổi. Cuốn thứ nhất ghi chép việc chi trả tiền thuê trong mười lăm năm, cứ mỗi trang mười hai tuần. Cũng nét chữ ấy, cây bút máy ấy, hết dòng này tới dòng khác vào mỗi thứ Sáu, mỗi năm lại có một mức tăng nhỏ. Cây bút máy ấy tiếp tục qua cuốn thứ hai và chỉ đổi sang bút bi ở cuốn thứ ba - khi tiền thuê nhà được trả theo tháng, và nét chữ bắt đầu chuyển sang màu bút chì hoặc bút bi đỏ hay bất cứ thứ gì tiện trong tầm tay.

Những thứ này làm gì trong căn nhà của chúng tôi ở phố Griffith, mười sáu năm hay lâu hơn nữa sau khi người phụ nữ này chết? Tại sao người ta

phải giữ những thứ này, ngoại trừ do sợ hãi - sợ cánh tay dài ngoẵng của pháp luật, hay của những ủy viên thuế vụ; kiểm tra tình trạng thuế ở một ngôi nhà mà bạn không hề sở hữu, và mẹ bạn cũng không sở hữu trước khi bạn mua được nó? Khi trả nó lại vào hộp, tôi có cảm giác buồn nôn khi hiểu ra ý nghĩa của những cuốn sổ này đối với người sở hữu, những quyên hợp pháp mà chúng mang lại\*.

Ở Ireland, chủ nhà phải cung cấp cho người thuê nhà một cuốn sổ ghi chép tiền thuê nhà, gọi là rent book, cùng với hóa đơn mỗi khi nhận tiền thuê nhà. Sổ này có thể dùng làm chứng từ khai thuế cho cả chủ lẫn người thuê.

Sau 1975 chẳng có gì cả. Nhiều trang chẳng ghi gì. Tôi tự hỏi phải chăng đây là năm Nugent qua đời? Tôi giở cuốn sổ và quay lại giở nó ra cho Liam, và tôi thấy Ada nhìn chúng tôi từ khung cửa. Bà ở đó. Tôi thấy bà không giống như tôi “đã thấy” những bóng ma trên bậc thang. Tôi thấy bà như tôi có thể thấy một phụ nữ thực sự đứng trong ánh sáng của tiền sảnh.

Tôi không biết phần còn lại của đêm đó trôi qua thế nào, hoặc ai thức với xác Liam sau khi tôi đi ngủ; tôi nghĩ Bea với Ernest làm hết việc đó, tuy có lúc, Kitty kể tôi nghe, mọi người đầu vào đó và chơi bài. Rõ ràng, tôi đã hơi gầy lợt lợt trong phòng khách. Mossie nhét một viên thuốc nhỏ chua vào miệng tôi, và Ernest cố cầu nguyện với tôi, nhưng tôi từ chối thẳng thừng không ngủ trên cái giường cũ hời hợt của tôi, nên họ để tôi vào xe và đưa tôi về nhà.

Căn nhà trống rỗng khi tôi tới đó, quả là một điều an ủi sung sướng - tôi nghĩ đó là một trong những lý do dạo này tôi đi loang quanh về đêm, để nhận lại được cảm giác đó; cảm giác của sự lạnh mạnh và trống rỗng, của một phòng này chuyển dễ dàng sang phòng kế tiếp. Nên tôi thức một lát, rồi tôi lên lầu và làm tình với chồng tôi lần cuối cùng.

Dĩ nhiên, điều đó không phải ý định của tôi. Sau cái đêm tôi vừa trải qua thì tôi không hề có ý định làm tình theo bất cứ kiểu nào, chứ đừng nói tới làm tình lần cuối cùng. Nhưng tôi chuồn vào giường và Tom còn thức. Và anh yêu tôi. Thực tình chẳng có nghĩa lý gì trong việc xem xét các lý do của anh: anh yêu tôi; anh muốn lôi tôi trở lại miền đất của người sống. Và có lẽ, lúc này linh hồn tôi mềm nhũn như thế, anh cũng muốn để lại dấu ấn của anh ở đó. Tuy vậy, thân thể tôi không mềm. Tôi tự hỏi sao anh không nhận ra điều đó. Nhưng tôi làm mọi động tác, và tôi dọn đường cho

anh, và tôi không bảo anh dừng lại. Nén chắc là tôi cũng muốn chuyện đó, hay cái gì đại loại như thế.

Anh sẽ không được biết chuyện gì đã xảy ra ở phố Griffith sau khi anh cáo lui. Hoặc chuyện tôi đã uống viên thuốc (có lẽ đó là viên thuốc?) hoặc chuyện tôi cảm thấy giống miếng thịt vừa bị xẻ, ngay khi anh cảm thấy xúc động kinh khủng. Nếu đó là điều anh cảm thấy. Dù sao đi nữa thì anh cũng thở hổn hển và run rẩy, cứ như mọi dây thần kinh của anh đều bốc cháy.



Sau đó, chúng tôi nằm mặt đối mặt, mền kéo lên tận cổ. Chúng tôi đã nói quá nhiều với nhau, qua bao năm tháng. Chúng tôi im lặng một cách sáng suốt.

Nhưng anh ấy cần nói thêm một điều nữa.

“Anh rất tiếc”, anh nói.

Nhất thời tôi nghĩ anh đang xin lỗi về vụ làm tình kinh khủng này, rồi tôi nghĩ anh rất tiếc về cái chết của anh tôi, nhưng thực ra anh rất tiếc vì chuyện thiếu chung thủy nào đó anh đã mắc phải trong quá khứ - anh sẽ nói với tôi trong chốc lát nữa cô ấy chẳng nghĩa lý gì - và việc này sẽ là hết sức ngớ ngẩn và không thể chịu đựng trong hoàn cảnh này (tôi nhận ra, mình vừa ngủ với chồng mình lần cuối), đến độ tôi chặn trước anh bằng cách nói, “Không sao mà. Không sao.”

Anh xem đây như một dấu hiệu. Mọi thứ đang trở nên khá hơn. Anh nói tôi nên làm điều gì đó. Làm việc bán thời gian, hay ít nhất là đi dạo mỗi

ngày - còn một ngôi nhà thì sao, việc kiếm một ngôi nhà và sửa sang nó thì sao, khi mà bây giờ thị trường đang sôi động trở lại? Tiền. Tôi có thể kiếm tiền. Anh bảo anh đã rất bận, anh đã hơi bị giảm sút, nhưng chúng tôi đang thoát cơn thất ngạt, bây giờ anh vượt khỏi nó rồi. Và tôi nói, “*Giảm sút à?*”

Anh nói, “Thôi mà, đừng như thế nữa.”

Tôi nói, “Các con gái anh sẽ ngủ với những người như anh. Những người mà họ sẽ ghét chúng, chỉ vì họ thèm muốn chúng.”

Và anh nói, “Cái gì?” Anh nói, “Chúa ơi, em biết đó. Chỉ là...”

“Chỉ là gì?”

Tôi nghĩ anh muốn nói rằng có một giới hạn cho những chuyện đó, cho cái kiểu đàn ông suy nghĩ. Rằng nó không có thật. Rằng không ai bị giết, chẳng hạn. Tôi nghĩ anh muốn nói cái vụ song hành này là tất cả những gì chúng tôi có được.

Có lẽ anh đúng. Nên tôi nằm đó, bên cạnh anh, và tôi ngẫm nghĩ về vết bầm lan rộng nơi chỗ kín của tôi.

“Đi đâu buồn cười ở thân thể đàn ông,” tôi nói. “Nó không bao giờ nói dối. Đi đâu đó hẳn là tiện lợi. Ý em là anh được cấu tạo để nói sự thực. Tất/mở. Thích/ không thích. Muốn/ không muốn.”

Và Tom nói, “Không hẳn.” Không có sự nối kết đáng tin cậy nào, anh nói, giữa đi đâu bạn muốn và đi đâu thẳng nhỏ của bạn muốn; đôi khi khó mà nói được.

“Ô,” tôi nói, rồi lăn ra xa, và ngủ mất.

Dĩ nhiên, chính là Ita ở ngoài cửa, tôi lẽ ra phải biết.

Không phải là Ada, mà là bà chị mù mắt của tôi, loạn thần kinh vì rượu, và vì một cái mũi mới ngốc nghếch.

Đó là điều tôi nhớ, khi thấy chị ấy.

Tôi nhớ một bức tranh. Tôi không biết tên gì khác để gọi nó. Nó là bức tranh trong đầu tôi về Ada đứng ở cửa căn phòng đẹp tại Broadstone.

Tôi lên tám.

Đôi mắt Ada đang bò xuống vai và lưng tôi. Cái nhìn của bà xám ngoét dọc một bên hông tôi; nó giống một ngọn đèn: da tôi cứng lên dưới cái nhìn đó và nhẵn nhúm như một vết bỏng. Và bên hông kia của tôi là bóng tối chào đón của Lambert Nugent. Tôi đang quay mặt vào bóng tối đó và rơi. Tôi đang cầm con cu già nua của ông ta trong tay.

Nhưng đó là một bức tranh rất lạ. Nó được làm bằng những chữ nói ra chuyện đó. Tôi nghĩ đến cái “mắt” trên con cu ông, và nó đang ép vào mắt tôi. Tôi “kéo” ông và ông ta ngã về phía tôi. Tôi “bú” ông và từ miệng ông thò ra một viên kẹo chanh, thanh mảnh.

Vụ này xuất phát từ một chỗ trong đầu tôi nơi những lời lẽ và hành động bị cản nát. Nó đến từ ngay bước khởi đầu của mọi thứ, và tôi không thể xác định nó đúng hay không. Hoặc tôi không nói được nó có thật hay không. Nhưng tôi vẫn phát ốm vì cái xấu xa của ông ta như thường, tôi



đang đồ mồi hôi nhể nhại trong đó; những vết tam giác đen bên dưới xương gò má nhọn của ông ta, cái kiêu đầu ông ta quay chậm chạp và mắt ông ta đảo quanh, tuy chậm hơn, trong hốc mắt ông ta, hướng về ánh sáng của cánh cửa mở chỗ bà ngoại tôi đứng.

Tôi không tin vào cái ác - tôi tin rằng chúng ta là con người và có thể sai lầm, và chúng ta tạo ra các thứ và hủy hoại chúng theo một cách thức bình thường - song tôi vẫn cảm nhận động tác xoay chậm rãi của mắt ông ta về phía cửa là “cái ác”. Có một bọt khí bốc lên trong lồng ngực già nua của ông ta, một sự trương nở của cái gì đó nó có thể, vào bất cứ lúc nào, bắn ra khỏi cái miệng đang mở ra của ông ta làm nhuộm bẩn cả thế giới.

Đó là cái gì?

Tôi không thể cử động. Đây là ký ức hay giấc mơ, tôi không thể dừng nó lại, mà cũng không làm nó tiếp tục được. Bất cứ gì thoát ra từ miệng ông ta sẽ làm tôi chết khiếp, tuy tôi biết nó không thể hại tôi. Nó sẽ tràn khắp thế giới nhưng không ghi dấu lên đó được. Nó có sẵn ở đó trong sự ẩm ướt của tấm thảm và mùi kem sát trùng Germolene: cảm giác rằng Lamb Nugent đang giấu cọt tất cả chúng tôi; rằng ngay cả những bức tường cũng đang rỉ ra ý đồ quái quỷ của ông ta. Hoa văn trên giấy dán tường lặp đi lặp lại tới buồm nôn, trong khi trong tay nắm của tôi, nóng và thẳng, ngay cả tại khoảng cách nhiều năm này, vẫn dễ thương, bộ phận không lời của Nugent phập phồng, tự hào và rỉ nước trong tay tôi.

Và lời ông ta nói, khi cánh cửa mở hết ra và miệng ông ta mở hết ra, bọt khí vỡ tung trong hình tròn của miệng ông chỉ là một chữ:

“Ada.”

Dĩ nhiên.

Bà có hài lòng với chuyện bà thấy không? Điều này có làm bà hài lòng không?

Khi tôi cố nhớ, hoặc tưởng tượng rằng mình nhớ, nhìn vào mặt Ada khi tinh dịch của Lamb Nugent loang khắp tay tôi, tôi chỉ có thể nhớ về một khoảng trống rỗng, hoặc mặt bà như một khoảng trống rỗng. Cùng lắm là, có một chữ được viết trên khuôn mặt Ada, và chữ đó là, “Chẳng gì cả.”

Đây là giây phút để quy tội lỗi. Không khí vậy bản trong căn phòng đẹp của Ada sẽ ủa ra qua chỗ bà, khi bà đứng trong ánh sáng của ti ền sảnh. Đây là giây phút chúng tôi nhận ra rằng đó là lỗi của Ada ngay từ đầu.

Đưa con trai điên và đưa con gái mơ hồ Những lần có thai mơ hồ bất tận của đứa con gái mơ hồ, cái kiêu từng đứa và mọi đứa cháu ngoại của bà trở nên hồng bét một cách mơ hồ Đây là giây phút chúng tôi cần hỏi Ada đã làm gì - vì chắc chắn, nó hẳn phải là điều gì đó - để mang nhiều cái chết như vậy vào thế giới này.

Nhưng tôi không trách bà. Và tôi không biết tại sao lại vậy.



Tôi mắc nợ Liam phải làm mọi chuyện rõ ra - chuyện gì đã xảy ra và chuyện gì không xảy ra ở Broadstone. Bởi vì có những ảnh hưởng. Chúng tôi biết thế. Chúng tôi biết rằng những sự kiện có thật thì có ảnh hưởng thật. Theo một kiểu mà những sự kiện không có thật thì không có được. Hoặc gần như thật. Hoặc bất cứ cái tên nào có thể đặt cho những sự kiện diễn ra trong đầu tôi. Chúng tôi biết có một khác biệt giữa thân xác cụ thể

và thân xác tưởng tượng, rằng khi ta thực sự chạm vào ai đó, điều gì đó sẽ thực sự xảy ra (nhưng, theo cách nào đó, không phải điều ta trông đợi).

Bất cứ gì đã xảy ra với Liam đã không diễn ra trong căn phòng đẹp của Ada - bất kể bức tranh nào tôi có trong đầu. Nugent hẳn đã không ngu ngốc như vậy. Vụ lạm dụng đã xảy ra trong nhà xe, giữa những cái xe và những mảnh động cơ mà Liam yêu thích. Và Nugent thì cũng đáng sợ đối với ông anh tôi theo những cách bình thường, ở ngoài kia. Ông ta có những trò bạo dâm, tôi chắc chắn vậy, và những phương cách của ông ta. Tôi phải làm rõ điều này vì, đầu đó trong đầu tôi, trong một góc nào đó ương bướng và tiêu điều của tôi, tôi vẫn nghĩ khao khát và tình yêu là như nhau. Chúng không phải cùng một thứ, thậm chí chúng không có liên quan. Khi Nugent thêm khát anh trai tôi, ông ta không yêu anh ấy một chút nào.

Tôi chỉ biết có vậy.

Tôi cũng có thể nói rằng Liam chắc cũng đã muốn ông ta. Hoặc muốn điều gì đó.

“Bây giờ hãy xem cháu được gì này,” Nugent nói, khi vừa tôi khóc vừa lái xe quanh những đường phố sáng đèn đêm của Dublin. “Bây giờ hãy xem cháu được gì này.”

Còn với tôi - tôi không nghĩ mình thích cái nhà xe và tôi không bao giờ vào đó nữa. Tuy khi tôi lái xe những đêm ấy, và khi dừng xe lại, tôi tự hỏi, ngoài những chuyện khác, vụ đó có xảy ra với tôi không.

Tôi nói được gì đây? Tôi không nghĩ vậy.

Tôi thêm nó vào đời tôi, như một sự kiện, và tôi nghĩ, ờ được, điều đó có thể giải thích một số chuyện nào đó. Tôi thêm nó vào cuộc đời anh tôi

và đi đâu đó trở thành cốt tử; đó là nơi mà mọi nguyên nhân gặp mọi hậu quả, tâm điểm của chữ X. Theo một cách nào đó, nó giải thích quá nhiều.

Đây là những chuyện tôi quả tình, thực sự biết.

Tôi biết rằng anh Liam của tôi bị Lambert Nugent lạm dụng tình dục. Hoặc có lẽ đã bị Lambert Nugent lạm dụng tình dục.

Đây là những chuyện mà tôi không biết: rằng tôi bị Lambert Nugent sờ soạng, rằng chú Brendan của tôi bị ông ta làm cho phát điên lên, rằng mẹ tôi đã bị ông biến thành ngốc nghếch, rằng dì Rose và em Kitty của tôi đã thoát. Tóm lại, tôi không biết gì khác về Lambert Nugent: ông ta là ai và Ada đã gặp ông ta thế nào; ông đã làm gì, hoặc không làm gì.

Tôi biết ông ta có thể là lời giải thích cho toàn bộ những cuộc đời của chúng tôi, và tôi biết đi đâu gì đó còn kinh hoàng hơn - rằng chúng tôi không nhất thiết phải bị ông ta phá hại thì mới bị phá hại. Chính không khí ông ta thở đã làm thế với chúng tôi. Đó là cái kiểu chúng tôi bị buộc phải thở thứ không khí mà ông ta đã sử dụng qua.



Tôi trở lại trường Thánh Dymphna đây, với mực trên lưỡi tôi. Liam không ngủ với tôi nữa. Tôi mặc quần lót lên giường. Rồi tôi bò dậy và mặc thêm quần tất. Rồi tôi bò dậy và mặc thêm áo ngắn đi học; đi đâu quan trọng là phải sẵn sàng, khi thời điểm tới. Tôi lại bò dậy và vắt áo khoác thể dục lên lưng ghế. Tôi đặt đôi giày dưới cái ghế, và xoay mớ đó hướng về cửa, để khi tôi mặc chúng vào thì sẽ khỏi phải quay người để ra khỏi phòng. Rồi tôi bò dậy và gấp cái khăn quàng và đặt nó trong chiếc giày chân phải, với

đầu khăn thả dài trên sàn. Rồi tôi nhồm dậy và mặc áo khoác thể dục vào, sau đó tôi thiếp ngủ.

Ở trường, tôi tỏa mùi mệt mỏi. Những chỗ xếp nếp trên áo khoác thể dục đã bị xô tung. Tôi không thể để cảm giác của những tấm khăn trải lại đằng sau - những tấm khăn ma cọ xát và trượt trên áo khoác thể dục của tôi, khi thân thể tôi lăn trở trên giường, hướng này hay hướng kia. Liam ngủ ở đâu kia căn phòng, Kitty ngủ cạnh tôi. Trước mặt tôi Xơ Benedict dạy chúng tôi cách cầu nguyện:

Khi con nằm xuống ngủ

Cầu xin Chúa giữ linh hồn con

Và nếu con chết không trở dậy

Cầu xin Chúa nhận linh hồn con.

“Nếu Đức Mẹ Đồng Trinh Maria được đưa cả hồn lẫn xác lên trời, thì đức Mẹ đi vệ sinh ở chỗ nào?”

“Con nói gì vậy?” Cha tôi đang nhìn tôi.

“Nếu Đức Mẹ Đồng Trinh Maria được đưa cả hồn lẫn xác lên trời, thì đức Mẹ đi vệ sinh ở chỗ nào?” và cha tôi đã đánh tôi trước khi tôi kịp nhìn thấy bàn tay ông chuyển động.

Chuyện này xảy ra ngay sau khi chúng tôi từ nhà bà ngoại Ada trở về, khi tôi ở đỉnh cao của giai đoạn sùng đạo trong đời mình.

Tôi nhớ vụ này vì, tuy cha tôi thường đánh con cái suốt, ít hay nhiều, nhưng nó chưa bao giờ mang tính cá nhân. Ông có thể tát ba đứa một lúc và bỏ qua đứa thứ tư hoặc ông có thể đi huỳnh huých giữa bọn tôi với bàn tay giơ lên trong khi bọn tôi chạy, gào rú, quanh ông. Mấy đứa con trai thì khác, dĩ nhiên, nhưng chủ yếu cha tôi đánh chúng tôi, không phải vì ông nắm quyền kiểm soát, mà vì chúng tôi nắm quyền kiểm soát. Đó là lý do tại sao, khi Kitty bắt đầu kết án lung tung về chuyện đánh đập, tôi không thể hoàn toàn ủng hộ.

Nhưng, BỐP! âm thanh của mọi âm thanh bị hút bay khỏi một bên mặt ta, một sự câm lặng đờ đẫn bị cắt xuyên qua, sau một lát, bằng một tiếng ngân vang lan rộng của cảm giác đau.

Tuy vậy, câu hỏi ấy gần như đáng giá cú tát - bởi vì nó là bằng chứng duy nhất tôi nắm giữ cho thấy cha tôi là người Công giáo. Dĩ nhiên mẹ tôi cũng là người Công giáo, theo kiểu các bà mẹ vẫn vậy, nhưng suốt mười bốn năm hay khoảng đó tôi đã ngồi bên cạnh hoặc đằng sau cha tôi, trên một băng ghế gỗ nhà thờ, mỗi sáng Chủ nhật, và trong suốt thời gian đó tôi chưa bao giờ thấy môi ông động đậy. Tôi chưa bao giờ nghe ông cầu nguyện thành tiếng, hoặc thấy ông cúi đầu xuống, hoặc làm bất cứ việc gì đáng kể khác với khi ông đang ngồi ở tầng trên một chiếc xe buýt. Khi đến lúc rước lễ ông ngồi ở cuối băng ghế trong khi bọn tôi đi qua, giống như cho cừu ra khỏi cổng, nhưng tôi không biết ông có bao giờ theo chúng tôi lên tới hàng lan can rước lễ không. Cha tôi đi nhà thờ như một cách thi hành bổn phận. Nếu đi tìm niềm tin của riêng ông thì tôi không biết bắt đầu từ đâu, hoặc nó có thể nằm ở bộ phận thân thể nào của ông.

Tôi nghĩ về ông trong lúc chuyển xác Liam. Ernest đứng ở ban thờ trong những lớp áo choàng cha cố của anh. Hoa văn thêu dài xuống trước ngực anh có nét của văn hóa Maya, và anh trông rất tuyệt.

Gia đình Hegarty thu hẹp đang ngồi ở hàng ghế đầu theo thứ tự tuổi tác. Ernest hướng dẫn tất cả chúng tôi cầu nguyện và tôi đặt hai bàn tay chuối mẩn của cha tôi vào bên nhau, tôi cho chúng mò mẫm một chút quanh môi của ông, “Lạy Chúa,” tôi nói bằng giọng ông: nhưng nó hoàn toàn thiếu niềm tin - tức là, niềm tin của ông. Cha tôi chưa hề ngoan đạo và tôi không nghĩ rằng ông sợ lửa địa ngục - nên khi ông làm tình để tạo ra mười hai đứa con và bảy lần sẩy thai từng xảy ra bên trong thân thể mẹ tôi (cái thân thể hiện đang quỳ ở cuối hàng), thì đó là tất cả chuyện ông đang làm - ông đang làm tình. Nó chẳng liên quan gì đến đi đầu các cha cố nói

hoặc không nói với ông, nó chỉ là đi đâu ông cần làm, hoặc muốn làm; nó chỉ là đi đâu mà ông cảm thấy mình đáng hưởng.

Ông quả có yêu mẹ tôi. Sự thực chấp nhận được đó luôn hiện hữu - sự thực rằng cha tôi yêu mẹ tôi, và bà yêu lại ông. Nhưng ông không yêu bà tới mức để cho bà được yên. Không, tôi e rằng cha tôi đã làm tình theo kiểu con cái ông say rượu - tức là, trái với lý trí của ông, không vì lạc thú của việc ấy, mà là để khiến tất cả *dừng lại*.

Đây là mức gần nhất mà tôi có thể tiếp cận với con ngẫu hứng đã tạo ra đứa con hiện đang nằm trong quan tài ngay giữa lối đi chính trong nhà thờ. Bởi vì Liam, trong cái hòm của anh, lại là một thằng bé. Anh không lấp được hơn ba phần tư cái hòm. Những năm tháng đang trôi tuột khỏi anh. Những năm đang được chuyển hóa, cho đến khi anh đá sạch chúng ra, khi đứng bên hàng rào chắn song của Hồ ở Broadstone, lúc chín tuổi.

Xè xè!

Mọi con cái nhà Hegarty đều có cơn ngầy ngật, kể cả đứa trong hòm. Đó là một thứ cảm giác rất bình yên, quý giá; một sự trương nở của các giác quan, giữa đau đớn và ấm áp. Liam có cơn ngầy ngật lớn nhất, trong tất cả, dĩ nhiên, bởi vì Liam sau cùng đã say bí tỉ. Anh đã được no rượu. Sau cùng Liam đã thoát khỏi đầu óc của anh. Anh sẽ ngủ cho tan nó, trong một thời gian.

Ở cuối hàng, mẹ đã biến thành trong suốt vì sự ngọt ngào và đau khổ. Bea đứng cạnh bà, dự lễ theo bốn phận, giống y như cha vẫn làm. Cạnh đó là Mossie, luôn đọc rõ ràng những lời đáp phụng vụ. Những đứa còn lại trong chúng tôi lằm bằm và im lặng. Ở một bên tôi, Kitty cúi khom và sốt sắng (nhưng *cái gì* một cách sốt sắng - đó mới là vấn đề), trong khi ở bên kia, Ita ng ẩ, tâm trí chị như một hòn đá.



Tôi cố tin vào điều gì đó, chỉ để tin. Tôi nghĩ bừa ra nguyên lý tuyệt đối nào đó, một ý nghĩ mở rộng nào đó sẽ mở ra trong đầu tôi như ête - Thượng đế, hoặc tương lai, hoặc điều thiện lớn hơn. Tôi cúi đầu và cố tin rằng tình yêu sẽ cải thiện nó, hoặc nếu tình yêu không làm được thì con cái sẽ làm. Tôi quay từ cái cao cả sang cái hèn mọn và tin, mỗi lần nhiều giây, vào sự bé nhỏ và sự cần thiết của việc làm mẹ.

Nhưng thế là hơi *tử tế*, đối với một người mang họ Hegarty. Tôi nhận ra niềm tin cần điều gì đó kinh khủng thì nó mới hữu hiệu được - máu, những cây đinh, một chút thống khổ.

Nên tôi bắt lấy thống khổ của mình. Tôi nhìn cái hòm của Liam và cố tin vào tình yêu.

Không dễ.

Tôi có nhớ tình yêu của Chúa, năm đó trong nhà của bà ngoại Ada khi tôi lên tám, và Liam chín. Tôi nhớ rất rõ. Xor Benedict bảo chúng tôi đón nhận Chúa Giêsu “vào trái tim chúng tôi” và tôi đã làm, không vấn đề gì. Bây giờ tôi kiểm tra lại trái tim mình, và tôi thấy rằng vẫn có một cảm giác ở đó, về cái gì đó nóng và vùng vẫy. Tôi đảo mắt ra sau dưới hai mi khép chặt, và có cảm giác mở toang ra ngay giữa trán tôi. Cái trong ngực thì có vẻ đang chiến đấu tìm lời lẽ còn cái trong trán thì thuần khiết và trống rỗng, giống như sau khi mọi lời lẽ đầu đã được nói ra.

Giờ đó.

Niềm tin. Tôi có quy trình sinh trưởng của nó. Tôi chỉ cần chất liệu để đặt vào đó. Tất cả những gì tôi cần là lời lẽ.



Sau khi đánh vào một bên mặt tôi, cha tôi quay người bỏ đi, hoàn toàn im lặng. Có lẽ chính ông cũng choáng váng. Chắc hẳn ông đã làm tôi choáng. Nhưng sự thực là lúc đó tôi không tin vào thượng giới, và sẽ chẳng bao giờ tin. Và khi tôi nghĩ về địa ngục, nó cũng rất yên tĩnh.

Đây là bà ngoại Ada, ngồi trên trường kỷ trong căn phòng đẹp ở Broadstone. Bà có một món đồ khâu gì đó trên tay, một món đơn giản, hẳn là khâu viền hay mạng vá gì đó. Có một bé gái tám tuổi trong phòng, đó là tôi.

Tôi nhớ đường cong của lưng bà; hai tay bà, đặt trên lòng; động tác nhón và nhấc của những ngón tay bà khi bà rút sợi chỉ qua. Mặt trường kỷ sau lưng bà có màu đỏ sẫm, chắt một mớ nệm lót, tuy Ada không dựa vào chúng. Hai tấm thảm kiểu Thổ với tua viền ở đầu, từ cảnh dựng hậu cung nào đó ở Nhà hát Gate, một nệm lót tròn bọc nhung đỏ có xếp nếp tổ ong lỏng lẻo quanh mép rìa, giống như bánh xe của một cái xe ly kỳ bằng vải; một loạt súc gỗ nhỏ, lớp bọc của chúng được làm bằng sợi kim loại xếp thành sọc nâu và tía, giống vỏ cây trong một khu rừng trên sân khấu.

Bà ngồi trước tất cả những thứ đó, và hơi cúi xuống món đồ khâu, đầu bà thỉnh thoảng ngửa ra thêm một đoạn do tuổi tác đòi hỏi. Nhưng với tôi bà trông không già. Bà trông hài lòng, như mọi khi; bà trông hoàn toàn giống chính bà. Tôi đến ngồi bên bà và bà khẽ gật đầu về hướng tôi - và khi làm xong mũi khâu hay nút vặn đó, bà đưa tay ra mà không nhìn lên, cọ những khớp ngón tay vào má tôi.

“Chào con.”

Tôi nhớ được thế.

Không ai ra về và không ai tới. Charlie ở chỗ khác, ông Nugent không quan trọng, Liam và Kitty đang làm bài tập ở nhà, có lẽ vậy, trên bàn phòng ăn, và tôi đang ở bên Ada trong chốn tôn nghiêm là căn phòng đẹp của bà, những tấm màn sân khấu hung đỏ quay ra đường, và những ảnh chụp có chữ ký trên tường, Jimmy O’ Dee, chị em Adare, một bức vẽ ghi “Othello” tả một người đàn ông với khuôn mặt nâu và một bàn chân nhọn, thanh tú. Tất cả là những nhân vật trong một vở kịch xảy ra ở chỗ khác. Và ở đây, ngoài sân khấu, là nơi đáng ở, với Ada là người không thể là bất kỳ ai khác, kể cả cho dù bà muốn, người đã đi qua đời bà với tác phong lịch sự hoàn hảo; lặng lẽ, đôi khi hơi khắc nghiệt - tuy bà chưa bao giờ tiết lộ bà có thể khắc nghiệt tới mức nào. Ngồi ở đó, hoàn toàn là chính mình, Ada khêu. Quá khứ của bà ở sau lưng bà, tương lai của bà không cần quan tâm lắm. Bà di chuyển tới năm m ờ, theo tốc độ của bà.

Còn tôi, trong chốc lát bị thu hút vì hình ảnh mảnh vải trên lòng bà, nhìn thêm một, có thể hai, mũi thêu nữa, trước khi đứng dậy và chạy khỏi phòng.

Những cuốn sổ thuê nhà chỉ bắt đầu từ năm 1939 - đi đầu đó khiến tôi tưởng tượng, thoáng qua thôi, rằng Charlie từng sở hữu ngôi nhà này, nhưng mất nó về tay Nugent theo một con ngựa. Tôi e đi đầu này không đúng sự thực, nhưng hình ảnh phảng phất cứ quanh quẩn: Charlie ở tận Leopardstown với Nugent như một con quạ cao bên trên ông nơi lan can, vạt áo khoác bốc lên trong gió nhẹ.

“Anh cần lấy,” Charlie nói, thản nhiên một cách tuyệt vọng, đưa mẫu giấy cuối cùng cho người đàn ông yêu vợ ông nhiều hơn, hay ít nhất là sâu sắc hơn, chính ông.

“Không thừa không thiếu.”

Nhưng Nugent trông không giống con quạ, ông ta trông giống một người bình thường, tôi thực tình nhớ đi đầu đó, tuy đi đầu tôi nhớ rõ được ở ông ta chỉ là chỗ u kỳ cục ở tai, một cục nhỏ tròn trịa màu hồng láng bóng, và cái dáng dựa ngựa ra sau của ông ta trên ghế bành, vào một ngày thứ Sáu trong căn phòng đẹp phía trước.



Tôi đem lũ con gái tới nhà mẹ tôi một thứ Bảy nọ, như tôi bắt đầu thích làm từ khi Liam mất, và tôi hỏi bà, theo cách bình thường, rằng đầu tiên bà

sống ở đâu, trước khi đến Broadstone; họ đã ở trong ngôi nhà nào, trước khi dọn đến ngôi nhà mà tôi biết.

“Cái gì?” bà nói, nhìn tôi cứ như tôi có lẽ là một người lạ, vậy đó.

“Khi còn nhỏ, mẹ. Mẹ sống ở đâu hồi nhỏ?”

“Gần đâu đó,” bà nói, và rầu rĩ vì chuyện đó. “Mẹ nghĩ mẹ sống gần đâu đó.”

Quá khứ không phải chốn hạnh phúc. Và nỗi đau của nó thuộc về bà hơn là thuộc về tôi, tôi nghĩ vậy. Tôi là ai mà dám đòi đi đâu đó cho mình? Bà mẹ tội nghiệp của tôi có tới mười hai đứa con. Bà không thể ngừng sinh ra tương lai. Hết lần này tới lần khác. Mười hai tương lai. Thêm nữa. Có lẽ bà thích có tất cả những đứa con ấy. Có lẽ bà có nhiều quá khứ cần lau sạch, hơn hầu hết người khác.



Những lá thư tôi tìm thấy được viết trên giấy màu xanh, có in mờ dấu hiệu của hãng Basildon Bond. Chắc có mười lăm lá cả thảy, mỗi lá đều ký tên L. Nugent, hoặc Lambert Nugent, và mỗi lá thư lại mỗi lần thường hơn. Có những khoảng trống và cách quãng thời gian, trong đó tôi đọc ra sự giận dữ hoặc khao khát. Tôi sẽ làm đi đâu đó, đó là đi đâu tôi đang làm, nhưng, ít nhất, chúng cũng cam lặng một cách đáng tò mò.



Bà Spillane thân mến,

Tôi e rằng tôi không thể đưa ra một khoản bồi hoàn nào trong khoản sáu Shilling còn nợ từ lễ Phục sinh rồi. Công việc sửa lớp gỗ ốp chân tường bà đã cho làm đã được tiến hành không hề báo trước, và không thể được coi là khoản “thay thế”. Tôi sẽ yêu cầu trọn số tiền khi đến kỳ trả tiền thuê kế tiếp.

Chân thành

Lambert Nugent



Bà Spillane thân mến,

Hãy tin tôi khi tôi nói rằng tôi rất quan tâm tới sự an vui của bà trong chuyện cái nhà xe phía sau, mà nó đang nào cũng chạy ra đường nhỏ phía sau.

Chân thành

Lambert Nugent



Bà Spillane thân mến,

Chính bà cũng hiểu điều tôi muốn nói. Ý tôi là Giáng sinh chẳng có nghĩa gì trong cách sắp xếp này, vốn xưa nay vẫn vậy về mặt này.

Người lắp đặt bồn nước sẽ có mặt ở đó vào thứ Ba và đích thân tôi sẽ chi trả cho ông ta.

Cho tôi gửi lời thăm chồng bà, ông Spillane.

Chân thành

Lambert Nugent



Bà Spillane thân mến,

về chuyện bảy Shilling và sáu xu, rất có thể chồng bà sẽ có nó sau mùng 5. Tuy nhiên, tôi sẽ cần nó vào đúng ngày.

Chân thành

L. Nugent



Bà Spillane thân mến,

Tôi không thể thỏa đáp điều bà yêu cầu về chuyện thuê nhà. Qua việc cho bà McEnvoy thuê lại, bà đi ngược lại mọi thỏa thuận về việc này và tôi hoàn toàn có quyền, như bà sẽ thấy, yêu cầu tăng tiền nhà hoặc tìm người thuê khác, điều mà như bà biết, tôi vẫn chần chừ. Tôi rất hiểu quyền của mình.

Hy vọng tiếp tục một cách dàn xếp phù hợp cho mọi bên liên quan.

Chân thành

Lambert Nugent





Bà Spillane thân mến,

Kèm theo đây là biên nhận cho tr ần nhà phòng tắm.

Chân thành

LN



Bà Spillane thân mến,

Con trai tôi nói bà đã hơi hoảng loạn và tôi muốn gửi đến bà lời c ầu chúc chân thành nhất mong bà mau phục h ồi. Tôi sẽ không ph ải Nat tới vào thứ Sáu, mà tự tôi đến, nếu có thể được.

Chân thành

Lambert Nugent



Tuy nhiên, rất cuộc, chính Nugent là người chết trước.

Với tôi có vẻ như đây là một mối quan hệ toàn bực bội bất th ần và thô bạo lật v ật. Tôi có thể sai - đây có lẽ chỉ là cung cách của các chủ nhà nói với người thuê nhà. Nhưng cũng có một cảm giác nô dịch gì ở đó; cái kiêu Nugent làm lụng trong nhà xe, mà ông ta sở hữu, ở phía sau nhà r ồi thì đi vòng ra cánh cửa, mà ông ta sở hữu, ở đằng trước, và gõ cửa. Nó khiến

nghi thức uống trà ăn bánh quy thành một trò khá man rợ, về phần ông ta, và Ada ở độ hấp dẫn nhất - độ, có thể nói, gợi dục nhất của bà - bởi vì phụ nữ trong thế phòng thủ vẫn giống vậy. Ba mươi tám năm với bảy mươi Shilling mỗi tuần; cả cuộc đời bà trôi rĩ rã dần vào tay ông. Ba mươi tám năm *xổ mũi* ông ta bằng vẻ duyên dáng phụ nữ của bà, trong khi ông ta ngửi đó đón nhận điếu đó, và yêu thích nó, bởi vì ông ta nghĩ nó là điếu ông đáng hưởng.

Và *ông ta yêu bà!* tôi nói, tôi quả là đứa ngốc tội nghiệp. *Ông ta hẳn đã yêu bà!*

Nhưng nói đến chuyện ái tình, Nugent chỉ là kẻ nhỏ nhen; ông ta không có nhiều tình cảm để bỏ lung tung. Ông ta có căn nhà, và ông có người phụ nữ đó, đại khái thế, và ông ta làm những việc ông ta thích với những đứa trẻ đi qua. Ngay cả những điếu thỏa mãn của ông ta cũng nhỏ bé. Vì trẻ con hồi đó cũng ít quan trọng. Ba người nhà Hegarty chúng tôi rõ ràng là *ít quan trọng*.

Khi Nugent thấy một đứa trẻ là ông ta thấy sự báo thù - tôi không hề nghi ngờ chuyện đó - và một cách ra khỏi mọi chuyện đó; toàn bộ sự vụ nhằm chán của chuyện đánh đổi giữa người với người mà một gã đàn ông phải trải qua để đạt được điếu anh ta muốn.

Hãy nghĩ về chuyện đó. Nỗi cay đắng của người đàn ông và vẻ đẹp của cậu bé con.

Đêm nọ tôi thôi đi đâu khiến chiếc xe chạy đường này đường nọ mà để nó đi tới nơi nó muốn, đó là hướng Bắc, luôn là vậy, lần này chạy qua cái gò Howth Head và tiếp tới đường Swords, suốt cho tới Portrane.

Tôi chạy qua nhà thương điên và ngoặt xuống mé biển, rồi tôi dừng lại ở cổng một cánh cổng nhỏ, ở giữa đồng rác của nó là cái đầu toán học của chú tôi. Hơn năm ngàn người được chôn ở đây, theo Ernest, người quen biết linh mục địa phương. Tôi không ngạc nhiên. Một khối hoảng loạn nhô ra khỏi những bức tường đó. Không khí ở những cánh cổng có tiếng u u y như tiếng ta nghe thấy dưới dây điện cao thế.

Tôi đứng một lát, cảm thấy tóc mình cũng dựng đứng.

Trăng lên cao. Ở xa xa một lần sóng trắng mở ra dọc bờ, không gây tiếng động. Biển vỗ vào đá phía dưới tôi, bị chặn bởi những dòng nước cắt ngang và bởi cơn bão xa xôi nào đó. Trời không gió.

Tôi đứng đó mà nghĩ mình không còn có thể rơi vào tình trạng nào tệ hơn. Đây đã là đi đâu tệ nhất.

Nếu thế thì cũng không đến nỗi nào. Nếu tôi chỉ có thể điên đến thế thì cũng không đến nỗi nào. Con cái tôi sẽ không bị nó làm hại, tuy tôi có lẽ phải thay đổi đời mình một chút; ra ngoài nhiều hơn, bù tiền đổi chiếc Saab mới.

Phụ trương địa ốc tuần này - món quà nhỏ của Tom trên bàn bếp - có rao bán một căn nhà trên phố của bà ngoại Ada. Không phải căn của Ada, hoặc chưa, nhưng mọi người đang bán và dọn đi, nó có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Tôi có thể rình mò nó, ngôi nhà của Ada ấy. Tôi có thể mua căn này ở quãng đường trên, và sửa sang lại, rồi bán đi, cho tới một ngày kia - không xa lắm, tôi cảm thấy chắc chắn - khi tôi đứng trong phòng trước của Ada, lật một góc giấy dán tường lên, nói chuyện với một tay kiến trúc sư dễ thương nào đó về việc phá hết nội thất nhà này. Tôi sẽ mặc một bộ vest nữ giản dị và giày cao gót cực kỳ lố bịch và đi lạch cạch trên mặt ván trần, trong khi bảo anh lột bỏ trần nhà màu vàng và những bức vách nhộp nháp; phá bỏ cửa thông ra phòng khách, nhưng giữ lại bồn rửa Belfast trong căn bếp nhỏ, mà trên đó, nhìn qua cửa sổ sau nhà, tôi đã học được cách tưởng tượng các thứ. Chúng tôi sẽ trăn trờ với nhau, tay kiến trúc sư với tôi, về bông hồng nhỏ trên trần, và lò sưởi xinh xắn nơi mọi thứ được đốt bỏ; các thư từ, những phiếu ghi của người nhận tiền cá ngựa, mỡ heo, tóc vướng trong lược của Ada cháy nghe xèo xèo. Tôi sẽ yêu cầu anh ta dẹp sạch chỗ này bằng thứ gì đó thật sự mạnh mẽ, tôi không muốn thấy một phụ nữ với cây giẻ lau, tôi sẽ nói thế, tôi muốn có một toán đàn ông mặc áo liền quần với những bình khí trên lưng và máy que ống thép áp suất cao.

Còn nhà xe - chúng tôi sẽ biến nhà xe thành khu xưởng làm việc, với cửa sổ trên mái và vách trắng, và tôi sẽ lót ván sàn rộng trên nền xi măng cũ. Ván sồi.

“Anh nghĩ sao về ván sồi?” tôi sẽ hỏi.

Tôi sẽ cho thuê ngôi nhà đó ít lâu. Và tôi sẽ tử tế với người thuê. Và khi tôi xong việc. Khi tôi hoàn toàn xong việc. Khi tôi đã công phá chỗ này

và làm cho nó có mùi, theo một cách cực kỳ sạch nhưng cổ điển, của xà bông bảo vệ sàn và hoa mẫu đơn, tôi sẽ bán nó lại với giá gấp đôi.

Thế ỡn không, Liam?

Anh ở đó. Đứng ở mé nước, nhìn ra mặt sóng.

Thế ỡn không?

Anh trông như một vai quần chúng trong phim. Anh đang mặc bộ đồ nâu lông thừng, mà anh chắc chẳng bao giờ mặc trong đời thật, và đội cái mũ bê rê trên mái tóc đen xoắn trẻ trung. Đôi mắt màu xanh Ireland của anh nheo lại ở khóe khi anh nhìn vào bóng đêm. Anh không ở đó một mình. Có một người nữa phía xa kia, có một cậu trai đứng trên một doi đất; ở mỗi chỏm và mũi đất những lính canh này đứng, nhìn ra biển.

Nó giống một hình quảng cáo bia Guinness, nhưng không ai di chuyển.

Trên cao, một máy bay to tướng tiến vào để đáp. Chiếc đầu tiên trong ngày, kéo theo sương giá Bắc Cực. New York, Newfoundland, Greenland, Portrane. Đã sáu giờ sáng. Đến lúc về nhà rồi.

Tôi trở vào xe, tìm chìa khóa, chúng đã nguội đi trong ổ khóa. Lúc này là tháng Ba. Đã gần năm tháng từ khi Liam mất. Đứa bé của Ciara, người gặp anh bước tới cửa, giờ đã một tháng tuổi. Đứa con cuối cùng của tôi, đứa mà tôi có thể có với Tom, đang mệt mỏi với việc chờ đợi. Tôi vặn chìa khóa và khởi động xe.

Liam quay lại nhìn theo khi tôi rời đi. Anh không biết tôi là ai, hoặc biển là gì, hoặc một ngôi nhà ở Broadstone có thể là loại gì. Anh tràn đầy cái chết của chính anh. Cái chết của anh tràn kín anh như một trái mận căng đầy lớp vỏ của nó. Ngay đôi mắt anh cũng đầy. Đó là chuyện nghiêm trọng,

kiếp người chết ấy. Anh có thể thích làm chuyện đó cho đảng hoàng. Anh quây khỏi ánh đèn rối loạn của cái xe, và ngoảnh mặt ra biển.

Tôi chạy xe trở lên đường chính, nhưng cái xe không rẽ về nhà. Thay vào đó tôi đến phi trường và, một lát sau, tôi lên máy bay.

Những vụ tự tử luôn lôi kéo một đám đông lớn.

Người ta chen vào: họ lấn nhệt các cửa và đi lại rụt rè dọc các băng ghế phía sau, tụ tập ngoài rìa nhà thờ: họ xuất hiện theo nguyên tắc, vì một vụ tự tử đã bỏ lại mọi người sau lưng.

Tôi ước chi họ cứ ở nhà.

Tôi đứng trong hàng hiên nhà thờ chờ xe chở những người tham dự lễ tang từ phố Griffith tới. Tom đang đuổi theo Emily dọc một băng ghế. Rebecca đứng bên tôi và sẽ không buông tay tôi ra. Tôi nhẹ lòng khi có con cái để bận tâm giữa những người này, kẻ lạ và bạn bè, họ dò xét khuôn mặt tôi và không nói lời chào hỏi, hoặc chưa. Tôi lu bu bên đám trẻ, và rầy la Emily và bảo chúng lại chỗ cha chúng: anh sẽ cần đi sớm để đưa bọn nhỏ đi qua chỗ cái hòm ở đầu lối đi chính trong nhà thờ.

Một phụ nữ len qua đám đông đi về phía tôi. Tôi biết mặt cô ta ở đâu đó - giá như tôi nhớ được là ở đâu, thì tên cô có thể hiện ra với tôi, cùng với điều cô ta có thể muốn. Cô ta đã khóc nãy giờ, đó là điều phiền hà. Tôi nghĩ, bất kỳ ai cũng có thể phơi bày tình cảm với bạn, một khi bạn chết.

Cô ta cao, nhợt nhạt, tóc đen và thế này hẳn là đủ, tôi phải nhận ra cô qua điều đó, và qua cái vẻ bối rối của một phụ nữ vừa bị tổn thương vừa dụi dàng ở cô ta. Cô ta nhìn quanh cho đến khi thấy tôi - tôi biết chính tôi là người mà cô đang tìm - và cô ta tiến tới, len lách qua những người khác

với vẻ duyên dáng vụng về. Cô ta vai to hông nở, trong một chiếc áo khoác dài màu nâu và bộ váy len nâu nhạt.

Rồi tôi nhớ ra cô ta qua lần thăm viếng kinh khủng đó của Liam, cái lần tôi đưa thợ xây dựng tới, và phòng ngủ của đám con gái chưa lót nền, ngay giữa cảnh lộn xộn ấy, Liam đến cùng người phụ nữ này, người có vẻ như không có ý kiến về bất cứ chuyện gì. Thậm chí không có ý kiến về món mà cô ta muốn ăn.

Tôi không biết Liam sống chung với hoặc ngủ trên cái giường đơn của cô ta đã bao lâu, hoặc làm bất cứ gì anh đã làm với những cô gái tai hại này. Và tôi không thể, dù cố gắng đến mấy, nhớ được tên cô ta. Nhưng tôi có nhớ mình thương cô ta chút ít, vào thời điểm họ lên đường đi Mayo, với đôi bàn tay thon dài bần chần của cô ta, và làn da nổi gân xanh, và mái tóc búi tó ẩm nước. Tôi nhớ mình đã hy vọng rằng cô ta sẽ đem lại chút bình an ngời cho anh.

Bây giờ cô ta đã già hơn, tuy cái cảm giác tổn thương chập chờn ấy vẫn còn đó, khi những mảng ánh sáng qua kính nhuộm màu lứt ngược lên trên ngực và đậu lại ở khóe mắt cô ta. Nhưng đi đâu đó tan mất vào lúc cô ta đến chỗ tôi. Cô ta hướng khuôn mặt về phía tôi, và đẩy áp câu chuyện mà cô ta muốn nói. Nó đang tìm đường thoát ra khỏi cô ta, thứ này đó. Dù sao đi nữa, đi đâu đó chẳng phải lỗi của cô ta.

Và tôi vẫn không nhớ được tên cô ta.

“Phải Kitty báo cho cô không?” tôi nói. “Đường xá xa xôi quá.”

Và đột nhiên tôi thấy mình rất Ireland khi nắm lấy tay cô ta bằng cả hai tay, để cảm ơn cô ta vì đã bỏ công đi chuyến này, để chào đón và cho phép cô ta thương khóc.



“Cô sẽ trở lại khách sạn hả? Cô biết nó ở đâu không? Cô có muốn đi nhờ xe không?”

“Tôi vừa đến,” cô ta nói. “Tôi vừa tới.”

“Cô nghe tin hả?” tôi nói, ám chỉ vụ tự tử của anh, và cô ta gật đầu, cứ như chuyện này là hơi lạc đề.

“Đây là Rowan,” cô nói, đưa tay lôi một đứa bé đứng sau đôi chân thanh tú của cô ra, và tôi nhìn xuống thấy, lần đầu tiên, đứa con trai của ông anh tôi.

Nó có cái đầu lớn kỳ lạ và thân thể nhỏ bé nghiêng tới trước và tôi nhận ra, sau một giây, rằng đi đầu đó là do nó mới ba tuổi. Bởi vì nó mới ba tuổi - sắp lên bốn - nên cái đầu nó cân bằng thật dễ thương trên cần cổ khi gương mặt nó ngửa lên quan sát tôi, với đôi mắt xanh của anh tôi, tuy nhiên khi mẹ nó bảo nó, “Chào đi,” nó lại xoay người lần ra sau tấm áo khoác của cô. Nó lơ lửng nhìn ra rồi thụt vào, và tôi nhận ra mình cần phải chơi trốn tìm với đứa cháu này. Tôi cần phải nhìn người xuống và chạy vòng mé bên kia đôi chân gầy gò của mẹ nó. Và tôi làm vậy. Tôi nói, “Chào Rowan,” và “Cháu vừa đi máy bay hả?” Rồi tôi nói, “Chào Rowan,” lần nữa, “Chào bé cưng,” tự hỏi làm sao tôi lừa hay dụ được đứa bé này vào vòng tay tôi và, sau một lát, hôn nó, hoặc hít nó. Làm sao tôi rình hoặc lén được phép cạ má tôi trên da lưng nó, và nghịch những đốt xương sống của nó, và thổi những nụ hôn đậm đà vào chỗ mềm mại của đôi tay nó? Có lẽ sau này. Có lẽ tôi sẽ có thể làm chuyện đó sau này.

“Ô, nó giống kinh khủng,” tôi nói với mẹ nó, tên cô ta, tôi nhận ra, là Sarah. Tôi biết từ đầu rằng tên cô là thế.

“Dạ,” cô nói.

Và cái nhìn qua lại giữa hai chúng tôi là cái nhìn quan tâm thật sự.

“Cô vào ng ấ với chúng tôi chứ?” tôi nói, ra hiệu về phía đầu nhà thờ, tuy tôi biết đây có lẽ không phải là lúc tốt nhất để báo tin này.

“Không,” cô nói. “Ồ, không. Tôi rất tiếc, tôi chỉ ghé qua thôi.”

“Vậy cũng được,” tôi nói. “Cô sẽ trở lại sau chứ?”

“Ồ, tôi nghĩ thế,” cô nói. “Tôi nghĩ nên trở lại.”

“Phải, nên lắm. Nên lắm.”

Xe chở những người tham dự tang lễ đã tới bên ngoài, nhưng tôi thấy mình không rời thằng bé được. Tôi ng ấ xồm xuống và tôi mỉm cười. Nó lại trốn đi. Tôi thò tay ra và nó lui ra xa hơn. Nó biết nhu cầu của tôi muốn gần nó là quá lớn. Và rồi, con người quý quái là tôi đây, tôi nói, “Sau này, cháu biết đó, nếu cháu trở lại với tất cả chúng tôi, sẽ có *cả thùng cả thùng* kem đấy.”

Nó thì thích cái vụ đó thôi.

Họ đến rồi: mẹ tôi, nhỏ bé, tròn và phập phồng trong đôi tay thanh tú của Bea. Mossie kèm bên kia, cũng cao, và đẹp trai theo kiểu của dân có nghề bà vợ dịu dàng của anh; ba đứa con quá hoàn hảo của anh; Ita đi đầu bước chậm chạp; hai đứa song sinh, Ivor và Jem, cứ va vào nhau rồi tách ra, suốt đoạn đường lên tới lối đi giữa nhà thờ. Kitty, em kế tôi, dừng lại nắm lấy tay tôi, theo một kiểu lặng lẽ giả vờ. Khi tôi quay người đi, Sarah gật đầu hàm ý rằng cô sẽ không biến mất, rằng cô biết mình là ai, và tại sao cô đến đây.

Tôi đi về phía đầu nhà thờ và bị chìm trong thứ cảm xúc, dù là yêu thương hay buồn bã, đang dâng đầy ngực tôi. Khuôn mặt tôi cứng lại thành mặt nạ của một phụ nữ than khóc, một nửa bị lôi tới một màn khóc lóc mà

nửa kia không cho phép. Chẳng có nước mắt gì. Đầu tôi xoay tránh khỏi phía nhà thờ nào quan tâm hơn đến nỗi buồn của tôi, chỉ để phori nó ra với phía còn lại. Tới rồi đây. Cuộc điều hành chậm chạp của những Hegarty còn lại. Tôi không biết chúng tôi đang bày ra vết thương nào trước mắt mọi người, ngoài vết thương của gia đình. Bởi vì, ngay trong lúc này, tôi thấy rằng thuộc về một gia đình là phương cách đau đớn nhất trên đời này để sống.

Tom quay người, và khi thấy mặt tôi, anh dừng lại.

Anh hướng tôi vào chỗ ngồi ngay trước mặt anh, và mấy đứa con gái theo tôi từ mé bên kia.

“Ổn chứ?” anh hỏi, lướt tay anh trên tay tôi, trong khi Emily quay qua để bám lấy tôi - hoặc là, nếu cần nói sự thật, là để mân mê vú tôi trong khi giả vờ ngắm nghía (hay an ủi, có lẽ vậy) những cái cúc bọc vải trên áo khoác tang lễ tươm tất của tôi.

“Để mẹ con yên nào,” Tom nói.

Quả vậy. Tôi đã bị đụng chạm quá nhiều trong vài ngày qua. Tôi bắt tréo chân gác lên ký ức về cuộc làm tình của chúng tôi vào đêm canh xác. Hoặc cuộc làm tình của anh. Và đợi cho thánh lễ bắt đầu. Ai cũng muốn một chút ở tôi. Và đi đâu đó chẳng liên quan gì tới đi đâu tôi có thể muốn, hay đi đâu cơ thể tôi muốn, cho dù đó là đi đâu gì - Chúa biết rằng đã lâu lắm rồi tôi không còn biết đi đâu đó. Tôi đó, ngồi trên một băng ghế nhà thờ trong khối xác thịt của mình: bị cào cấu, sử dụng, được yêu, và rất cô đơn.

Thực ra, tôi có biết đi đâu tôi muốn. Tôi muốn kẻ nào đã chạm vào eo lưng tôi trong gian bếp của mẹ nói ra họ là ai. Và nói, một lần nữa, rằng mọi chuyện sẽ ổn. Bởi vì tôi cảm thấy cái đụng chạm yêu thương của ai đó,

và tôi đã hoàn toàn được nó trấn an, trước khi tôi quay lại để thấy rằng chẳng có ai ở đó cả.

Tôi cũng muốn Rowan nữa. Tôi thèm khát nó, không phải bằng môi hay tay, mà bằng cả khuôn mặt. Làn da của tôi muốn nó. Tôi muốn thơm nó, và cảm thấy mớ tóc sáng của nó châm râm ran vào cằm tôi. Tôi muốn nhấp nháy lông mi cạ vào má nó.

Những tưởng tượng miên man này chạy qua trí óc tôi suốt những gì diễn ra sau đó: thánh lễ và lão linh mục ngốc nghếch và mấy lời Ernest phát biểu bên ban thờ.

Liam chẳng bao giờ quan tâm đến những chuyện vật chất, Ernest nói. Anh có máu khôi hài thượng hạng.

“Em trai tôi mê cu ờng vì công lý,” anh nói, không đề cập tiếp rằng vụ này sẽ biến thành trò đá vào xe buýt lúc say. Nhưng việc này cũng kết thúc tốt. Những lời lẽ được nói ra đúng mực, trong khi đằng sau tôi, đi đầu bí mật lớn lao, và sắp-phải-tiết-lộ, của tôi gào lên, “Xin chào! Xin chào!” bằng giọng Nam London ở phía cuối nhà thờ.

Chúng tôi thực hiện toàn bộ sự vụ đó. Chúng tôi lại đi theo cái hòm dọc lối đi giữa nhà thờ và ngay khi ra tới ngoài trời, tôi nói đi đầu đó với Tom.

“Anh nhớ cô ấy không? Cái cô đi với anh ấy lần cuối cùng, hoặc là lần kế chót.”

“Cô nào?”

“Có nhớ cô gái không chịu ăn, mang cái mặt khó chịu, khi mình cho thợ sửa nhà đó?”

“Anh không biết,” anh nói.

“Anh ấy đối xử kinh khủng với cô ta.”

“Ô, vậy sao. Cô ấy.”

“Cô ta có thai,” tôi nói. “Lúc đó cô ta có thai.”

“Với anh ấy?”

“Ô, không nghi ngờ gì về thằng bé,” tôi nói. “Đó là Liam. Y hết.”

Nhà Hegarty bị kẹt trong hàng hiên, bắt tay năm trăm người. Tôi không biết đến nửa số đó, và tôi không quan tâm. Tôi chờ Sarah xuất hiện để tôi kéo cô qua một bên và nghĩ xem làm chuyện này như thế nào.

“Tôi rất tiếc cho chuyện nhà chị.”

“Cảm ơn.”

“Tôi rất tiếc.”

“Đây là mất mát lớn.”

Mọi người trong bọn họ đều bày tỏ áy náy về chuyện ai đó bạn yêu thương đã chết, khi thế giới thì đầy những người bạn không yêu.

“Tôi biết anh ấy h ồi còn đi học,” một ông nói với tôi, biến hình, ngay khi lời lẽ phát ra, từ một người lạ trung niên thành Willow trong vụ cái chai vodka đẹp và thành ông anh đẹp đẽ. Ông ta quả đúng là anh ấy, và đi ầu này làm tôi rối trí. Tôi không thể lấy lại hình ảnh một người trung niên, vì bây giờ tôi biết ông ấy là ai.

“Ôi, Willow,” tôi kêu lên, như một con nữ sinh ngốc. Tình yêu là một chuyện, nhưng có vô số người trên đời này để ưa thích, mà chúng ta chưa bao giờ gặp.

Quả là một việc kích động, cái chuyện chôn người chết này.



Tôi đợi đến khi chúng tôi tới khách sạn, và ngay cả lúc đó tôi cũng ngại báo tin. Tôi không thể chuyển nó cho Bea, người sở hữu mọi người nhà Hegarty. Tôi không thể phơi nó ra trước thói chua chát của Ivor, hay óc thông minh của Ita, hay những *kỹ năng quản trị* kỳ diệu của Mossie. Tôi cần có một đứa bé để làm việc này, hoặc một đứa bé lớn xác.

“Lại đây, Jem” tôi nói với thằng em tôi; đứa em út và được cưng nhất. Và tôi nhìn nó đi vòng quanh những người khác; mẹ là sau cùng. Bea cố cho bà ng ẩ xuống, nhưng bà không chịu ng ẩ. Mẹ đứng dậy và cởi nút áo cánh của bà, và, đôi mắt kích động, cởi tuột chiếc áo khoác đang phất quanh bà vì kẹt trong tay áo thứ nhì. Bà thấy Sarah với đứa bé, khi Bea kéo phần áo khoác cuối cùng ra khỏi tay bà, và bà vội vàng bước tới, thậm chí là chạy, để đặt hai tay bà lên vai cậu bé, rồi đưa lên ở cả hai bên để khẽ chạm vào khuôn mặt dễ thương của nó. Bà nhìn Sarah, với một thỏa thuận khùng khiếp trong mắt bà, và Sarah bước tới, rất lễ phép, và bắt tay bà. Sau đó, cứ như chuyện này chưa hề xảy ra, mẹ quay đi.

Thật khó để mô tả ảnh hưởng của cậu bé đối với những người nhà Hegarty tụ tập đó.

“Rowan hả?” họ nói. “*Rowan.*”

Cứ như chúng tôi chưa từng thấy một đứa bé trước đó. Nó có đôi mắt của nhà Hegarty, chúng tôi nói - với vẻ sung sướng, tựa như chúng không phải một lời nguy ền - và chúng tôi muốn tìm xem con người nào nhìn ra qua hai con mắt ấy, lần này. Thật quá kỳ lạ. Mọi người đều muốn chạm vào nó. Họ không được - họ đưa tay ra và nó tránh đi; thậm chí rúm lại. Người mà nó chọn làm chỗ nương náu, chẳng phải ai khác, là Mossie, anh đặt nó lên một bên chân dài và tưng nó, thật mạnh, *Nhong nhong ngựa ông* nào, có nguy cơ làm ngã nó xuống sàn. Mossie, một tấm gương đen

cho Liam, yêu thằng bé và nó yêu anh. Mấy đứa con của Mossie bu lại, và lần đầu tiên tôi thấy chúng hạnh phúc làm sao - bởi thế nên chúng mới ngoan ngoãn vậy, với bà mẹ dịu dàng và ông bố *cương quyết nhưng công bằng*, chúng hài lòng.

Đây có vẻ giống một điếu lạ lùng đáng nhận ra ở ông anh của bạn, sau bấy nhiêu năm - nó hầu như còn lạ lùng hơn chuyện về đứa con của Liam. Có lẽ là do sự cố về đứa con Liam thì quá hoang đường khó mà nghĩ tới, ngay giữa khu tiếp tân của một khách sạn, trong vùng ngoại ô của Dublin, nơi khoảng hai trăm người tôi biết ít nhiều đang ngẫ vào bàn chờ xúp hoặc dưa, kế tiếp là cá hồi và thịt bò.

Chúng tôi ăn sạch cả đồng. Tới tận bánh nướng nhân táo và kem. Chúng tôi không làm khách. Chúng tôi phết những tảng bơ lên các ổ bánh mì trắng loại xoàng, và chúng tôi yêu cầu thêm trà. Tôi quan tâm quá lỗ đến thức ăn. Tôi ngược mắt khỏi đĩa để nhìn Rowan rồi lại nhìn xuống để găm một cục khoai tây trộn bột chiên.

Có những chuyện khác nữa để ghi nhận, mỗi khi tôi đủ sức đưa ánh mắt khỏi thằng bé. Ivor nói chuyện với Willow bạn Liam trong nhiều quãng quá lâu. Một cái nhìn qua lại giữa họ với ông cha cố, rõ là thế, ông này lấy áo khoác và nhìn lại, trước khi ông ra khỏi cửa. Ernest cũng thấy cái nhìn cuối cùng đó và ghi nhận. Lại còn Ita đang ngẫ thẳng góc với Ernest, cần lấy cánh tay anh và nói chuyện với một bên mặt anh, khuôn mặt có cái nhìn rầu rĩ và bối rối mà tôi nhớ được qua lần xưng tội. Ai đó đã đưa cho Kitty cái micro, và nó đứng đó trong khi Mossie cần dao gõ vào ly. Rồi nó đặt micro xuống bàn, và ngược mặt lên hát, với giọng rất ngọt ngào, bài hát ưa thích của Liam:

Ta hãy dừng giữa những niềm vui trong đời

Và đếm bao nhiêu là nước mắt

Trong khi ta nhấm nháp nỗi buồn với người nghèo

Có một bài ca sẽ ngân nga

Mãi mãi trong tai ta

Ôi, thời khó khăn đừng tới nữa

Làm sao khác được. Chuyện ngu ngốc này. Tôi phải ép mạnh vào mi mắt, nước mắt sao mà bất ngờ và gắt vậy.

Đây là bài hát, tiếng thở dài của kẻ mệt mỏi

Thời buổi khó khăn, thời buổi khó khăn

Đừng tới nữa

Mày đã lén lữa bao ngày

Quanh cửa căn chòi của tao,

Ôi, thời khó khăn đừng tới nữa

Một sự đồng thuận không đầu tư lại trong đoạn điệp khúc, nhưng, do phép lạ nào đó, họ để nó hát đoạn xướng một mình: cô em phiền hà của tôi, nhìn lên trần nhà với đôi mắt ngây thơ, khi nó nhận từng nốt nhạc rồi dịu dàng nhả nó ra.

Trong khi chúng ta tìm hoan lạc và nhan sắc

Và tiếng nhạc nhẹ và vui,

Có những hình dạng hom hem ngất ở cửa;

Tuy tiếng nói họ lặng câm, những ánh mắt van xin của họ muốn nói

Ôi, thời khó khăn đừng tới nữa

Không có một con mắt nào còn khô trong ngôi nhà. Trên đầu gối Mossie, Rowan dấn bực bội, khi nó nhìn mẹ nó chùi nước mắt.



“Im đi,” đột nhiên nó nói. R ồi lớn tiếng hơn, “Im điiii!” bằng giọng Anh ngọt ngào của nó, và mọi người bật cười. Tôi chưa bao giờ dự một đám tang nào hạnh phúc hơn.

Tôi đẩy lui ghế và ra ngoài tìm một điếu thuốc.

Nhiều năm qua tôi đã không còn hút thuốc. Cả bọn chúng tôi đều đã bỏ thuốc, cách này hay cách khác, sau khi cha chết, nên tôi phải đường đột tới bên một người hàng xóm với yêu cầu su ồng sã kỳ khôi này.

“Tôi có thể lấy của ông một điếu được không? Ông cảm phiền chứ?”

“Cứ làm đi. Cứ làm đi.”

Tôi đi và ng ồi ở hành lang, và tôi hút thuốc. Điếu thuốc có vị như điếu đầu tiên mà tôi từng hút, khi ng ồi trên tấm nệm của Liam trong lối ra vườn, năm 1974.

Vào ngày nghe tin Lambert Nugent chết, bà ngoại Ada kêu một tách cà phê ở quán Bewley - không có gì ly kỳ, chỉ là cà phê sữa với một lát bánh kem sữa, do hầu bàn nữ phục vụ, và khi các thứ được mang tới, bà gỡ găng tay ra, cũng với sự chính xác co giật vốn khiến Nugent chú ý, rất nhiều năm trước. Thế là, ông ấy đã chết. Bà nhắp cà phê và cắt lát bánh thành những mẫu nhỏ, rồi bà ăn, từng mẫu một, cho tới khi xong.

Ada ưu tư về tiền thuê nhà - tuy bà không cần phải lo lắng về tiền thuê nhà; bà đã nghe tư vấn về vụ tiền thuê, nhiều năm trước. Ai đó khác sẽ tới và thu khoản đó - người nào đó bà không quan tâm, cách này hay cách khác, và nó sẽ vẫn là khoản tiền đó và vẫn ngôi nhà nhỏ đó, và vẫn cuộc đời bà sống trong đó. Cho dù vậy bà vẫn cảm thấy nó đã tách rời, rằng gạch xây và phiến thạch và những tấm hoa cương làm rậm đỡ đã ra khơi trên một vùng biển xám, yên tĩnh.

Xong hết rồi. Cho dù câu chuyện giữa họ là gì đi nữa.

Nolly May.

Hay thậm chí, như đôi khi họ gọi, Nolly May Quả Quýt - từ chuyện “Đừng chạm vào ta” của Kinh Thánh\*. Và tại sao? Tại sao không nên chạm vào Ngài?

Nguyên văn: “Nolly May Tangerine” với tangerine nghĩa là quả quýt, kiểu trẻ con nhại theo “Noli me tangere” (Đừng chạm vào ta) vốn là bản Latinh

của câu Giêsu nói với Mary Magdalene sau khi sống lại, theo Kinh Thánh. Ở đầu truyện, ta đã biết Nolly May là tên gọi khác của Nugent.

“Ông ta không phải một gã buồn cười sao?” như bà thường nói về Lamb Nugent, sau lời bình phẩm này nọ, sự hàm ý nào đó: thói hoang phí của bà ở cửa hàng thịt, hoặc những món cần thiết cho lễ Giáng sinh. “Ông ấy thật rộng lượng,” bà thường nói, qua đó hàm ý rằng, vào ngày ông mất, bà có thể kêu một lát bánh kem sữa ở tiệm Bewley, và thực sự sung sướng mà ăn nó.

Ada bảy mươi tuổi, đi đầu này với một lớp phụ nữ nào đó, thì chưa thực sự già. Bà luôn năng động và có thể còn tới hai mươi năm nữa trước mặt (tuy bà không hề có hai mươi năm trước mặt mình), Ada không đếm. Ở tuổi bảy mươi, bà nằm trên giường, giống như lũ còn lại chúng ta, nghĩ về độ ẩm áp và mịn màng ở bàn tay của bác sĩ gần đây nhất. Hai bàn tay bà, khi bà giải thoát chúng ra khỏi đôi găng tay da đen, thì gầy guộc và bần chần: một đám lộn xộn những dây những núm những xương, như đám thừng chảo của con thuyền. Ai cần đến bác sĩ, khi cơ thể ta đang cố thoát ra khỏi ta, để phơi bày những bộ phận vận hành của nó? Ada yêu đôi bàn tay của bà, thậm chí hơi tự hào nữa - chúng nó đã khéo léo làm vậy, qua bao năm. Về những phần còn lại của cơ thể, bà chẳng buồn kiểm tra, vốn từ lâu đã bất hòa với tấm gương, chúng có vẻ không đem đến cho bà chút thông tin hữu ích nào - tuyệt đối không.

Nhưng đôi tay bà, khi chúng chậm rãi nhúng cái muỗng, để cà phê thấm lên qua lớp đường phủ ngoài, đôi tay bà đã phục vụ tốt. Chúng đã khâu vá và tháo chỉ. Chúng đã làm công việc côn trùng của chúng, và thay đổi, như bọn kiến có thể thay đổi, bề mặt của trái đất.

Và khi bà mút đầu muống dẻo dính Charlie ở đó ngay trước mặt bà, cúi xuống bên một túi giấy và nói, “Ô, cho tôi táo để tôi được b ồi dưỡng,” ở trường đưa ngựa tại Fairyhouse, cách nay cả một đời người.

Ăn nói thật sắc mùi Tin Lành, bà chột nghĩ - kiểu trích dẫn Cựu Ước như vậy. Và bà tự hỏi lần thứ một ngàn, liệu ch ồng bà có thực là người như ông ta tự xưng không, dù may mắn.

Nếu Ada từng đi tới bất kỳ loại kết luận nào trong đời này, thì nó là một kết luận nho nhỏ. *Con người*, bà thường nghĩ, *không thay đổi, họ chỉ lộ ra thôi*. Châm ngôn này bà đã áp dụng, với độ thỏa mãn xoàng xĩnh nhất, cho các chính khách trở cờ, những bạn hôn phối không chung thủy, và những chàng trai hoang đàng mà sau cùng hóa ra lại đúng. Bây giờ bà áp dụng kết luận đó cho ký ức về Charlie Spillane và cho con tim đích thực của ông, chỉ càng trở nên đích thực một cách sâu sắc, và quan trọng, với bà sau bao năm. Nếu con người chỉ bị thời gian hé lộ ra, thì con người bị hé lộ ra với bà dưới lớp Charlie Spillane là tốt vô cùng tận - chỉ thế thôi - với mọi trò tránh né và hối tiếc của ông, với con mắt giỏi đánh giá con gái và cơ hội để tận dụng, thực chất của ch ồng bà đã sáng tỏ rạch ròi hơn với bà, vì ông đã chết.

Đó là một bí ẩn lớn: tính thiện.

Ada ch ắm phần mềm của ngón tay vào những vụn bánh cuối cùng, rồi không đưa nó lên miệng được. Bà phải hết nó đi, cho rớt xuống sàn, và bà nhớ ch ồng, và mọi đàn ông bà từng biết mà nay đã chết. Mỗi người trong bọn họ đều để lại một phẩm chất; đi đâu gì đó rõ rệt và khó nắm bắt. Nếu Ada có tin vào đi đâu gì thì bà tin vào sự t ồn tại kiên định này, thứ mà người khác có thể gọi là h ồn.

Trong trường hợp đó Lambert Nugent chẳng có hần nào cả, hoặc không có thứ hần mà bà có thể tìm thấy. Nugent là loại người phát điên lên vì bạn trong phút chốc; thời gian còn lại ông ta gần như không chú ý gì đến bạn. Cậu trai trẻ hăng hái, người đàn ông run rẩy, ngọn lửa trắng của tuổi già; bà đã thấy từng giai đoạn đó trong các thoáng chốc, phần còn lại là một đám mờ mịt những nhận xét nho nhỏ và những cái liếc qua chỗ khác, những thứ giấu đi trước khi chúng kịp phơi lộ ra.

Cái ông gốc nghềch ấy có gì phải giấu?

Khi Nugent già đi, miệng ông ta trở nên tham lam hơn quanh món bánh quy của bà, và lưỡi và họng của ông ta, toàn bộ guồng máy vị giác của ông ta là thứ sinh động và dịu dàng nhất ở ông. Đôi khi Ada cảm thấy ông ta thèm muốn bánh quy hơn là thèm muốn khoản tiền thuê nhà, ông có một cái lưỡi ưa ngọt như thế. Ông quả là một đứa trẻ. Có lẽ đó là điếu bí mật - sự thực ông chỉ và mãi mãi lên năm. Hoặc hai tuổi.

Ôi, Nolly May.

Bà mẹ nào đó có cả đồng chuyện phải chịu trách nhiệm, bà nghĩ. Chúa thương xót linh hồn ông ta (nếu Người tìm được nó).

Bà nhấp một ngụm cà phê trước khi lát bánh kem sữa được nhai và ăn sạch, và điếu này, đột nhiên, khiến bà khó chịu. Ada ghét trộn lộn các thứ trong miệng bà. Bà ghét trộn lộn các thứ ở nhà. Cuộc sống của bà ngày càng giống như vậy, người người quần áo trong tủ ngăn kéo cũ và giặt chúng lần nữa. Ngày càng nhiều, bà đặt các khăn lau bộ đồ trà trong lần giặt khác với các khăn tắm, hoặc không bỏ giặt chúng gì cả, mà luộc chúng trên bếp lò.

Bà đứng dậy và sắp xếp các thứ của bà, thẩn nghĩ, khi bà làm thế, về chứng phình mạch máu đã kết liễu Nugent, tự hỏi nó có đau không - chắc chắn chẳng có dây thần kinh nào trong đó để cảm thấy cơn đau. Dĩ nhiên ngoại trừ chuyện bộ não của bạn ở *cùng chỗ* với cơn đau theo cách nào đó, nên có lẽ đó là cách chết tệ nhất trong mọi cách.

Và thế là bà bước ra trong tiếng rền vang và ánh sáng của phố Grafton, với những cỗ xe buýt vụt qua, và, khi bà làm thế, trở lại là một đứa trẻ.

Ada với va li của bà, vào ngày mẹ bà chết.

Làm sao bà xoay và mang va li ra khỏi nhà được. Và mọi thứ vốn có vẻ bất khả rồi cuộc lại có thể xảy ra. Bà được Thượng đế ban cho đôi chân, để đặt cái này sau cái kia để bà có thể bước ra đó, và bà được ban cho đôi tay, để mở đường đi qua cuộc đời, và bà không nhìn lại.

Có một khách sạn trong phi trường Gatwick ở đó bạn có thể sống hết phần đời còn lại. Bạn có thể ở đó cho đến khi họ tìm thấy bạn, và họ có thể chẳng bao giờ tìm thấy bạn - tại sao họ phải tìm thấy chứ? Bạn có thể ăn bánh mì ngọt cũ trên những cái khay bỏ ngoài hành lang, giặt đồ lót trong bồn rửa, lần từ phòng này sang phòng khác khi cỗ xe lau chùi rảo quanh.

Nó có một khu nghỉ dưỡng. Tôi đã thấy nó khi đăng ký phòng. Tôi trở lại những cửa hàng trong nhà ga khu Nam và mua mấy món quần áo. Và tôi cũng mua tất và quần lót ở đó, và một cái túi để đựng chúng - một cái túi thật đẹp, rất đơn giản, bằng thứ da sần, rập nổi. Và khi trở lại, bước qua khu tiếp tân với cái chìa khóa dẹt trong ví, tôi mới nhận ra rằng mình không biết cách ra đi.

Có ba nhà hàng, hay đại khái thế như tờ quảng cáo trong thang máy cho biết, nhưng tôi không cần phải đi đến bất cứ nhà hàng nào trong số đó. Tôi có thể lên tầng trên rồi gọi món rau trộn Caesar - luôn có một món rau trộn Caesar. Tôi có thể đi khắp phòng - vì bạn luôn có thể đi khắp phòng, nếu có đủ khoảng trống. Và trong phòng này có vừa đủ khoảng trống để đi từ giường đến cửa sổ, đến cái tivi trên cái giá đỡ trong góc của nó, rồi qua cái bàn, nằm dưới một tấm gương phản chiếu cái giường. Ở đây, bạn có thể dừng lại để xem thông tin trong bìa kẹp giả da, sau đó, bạn có thể chuyển tới giàn ép quần dài và cái thùng có trục lăn ở trên, nơi người ta dự định cho bạn đặt va li, nếu bạn có va li - hầu hết khách trọ trong các khách

sạn ở Gatwick thì không có; hành lý của họ lưu chuyển không cần có họ, đâu đó trên kia giữa trời. Có mặt trong một khách sạn Gatwick không có nghĩa rằng bạn đã tới nơi. Mà ngược lại, nó có nghĩa rằng bạn còn rất nhiều đường đất phải đi.

Tiền sảnh chứa lượng người của một chiếc 747 bị hỏng động cơ trên bầu trời Kazakhstan. Đây là đêm thứ hai của họ trên mặt đất của xứ lạ; áo quần của họ bốc mùi - cần có giàn ép quần dài được hấp nóng ngay - và da dẻ của họ xám xịt. Họ sẽ nghĩ tới một bồn tắm rồi chấp nhận một vòi sen, nhưng chưa đâu, vì họ không có gì sạch sẽ để mặc. Họ sẽ kiểm tra tủ quần áo và đèn cạnh giường, sau đó, họ sẽ ngủ trên giường, rồi nằm xuống, hoặc kéo tuột lớp vải phủ giường và chui vào đó: tuy rằng lát sau chúng ta đều sẽ lăn hay bò hay ngã phịch tới chỗ cái tủ lạnh nhỏ bị bỏ quên, và tự hỏi nó đáng đồng tiền bát gạo không. Bất cứ gì trong đó.

Đây không phải nước Anh. Đây là một thành phố bay. Đây là thời gian có thêm.

San Miguel, Gordon's, Coca-Cola, Schweppes. Tôi cần thứ gì đó chính xác hơn - không có thứ gì đủ *chính xác* cho tôi uống ở đây. Tôi chọn nước bị định giá cao và nốc đến khi cái chai nhựa bẹp lại với một tiếng rắc. Tôi phải ra ngoài và kiếm một lít thứ này. Tôi phải đi và lăn sấp nhờ lông cừu chân trong khu nghỉ dưỡng. Tôi có phần đời còn lại cần tổ chức. Tôi không thể tổ chức phần đời còn lại với đôi chân đầy lông. Tôi tự hỏi có đường nào đi vào cửa hàng Clorins trong sảnh khách đi, nơi có một phụ nữ mặc áo khoác trắng thực hiện chăm sóc mặt kỹ lưỡng trong một phòng nhỏ phía sau, tuy những đợt chăm sóc mặt luôn khiến tôi trông như bị vặt lông. Tuy vậy, tôi vẫn thêm khát kinh khủng người phụ nữ mặc áo khoác trắng nhám



với những ngón tay ép chặt và vỗ nhẹ của bà sẽ làm khuôn mặt tôi dính lại, ở chỗ nó có nguy cơ rã ra.

Tôi cảm thấy bình thản khi lái xe tới phi trường Dublin. Tôi cảm thấy rất tỉnh táo và đầy dự định. Tôi có ý muốn đi thăm Rowan, có lẽ vậy, hoặc thả bộ trên bãi biển Brighton lần cuối cùng. Nhưng vào phút bánh máy bay chạm đất tôi biết ngay mình tới đây để làm gì. Ngủ. Tôi cần ngủ. Nên tôi chỉ đi theo bảng hiệu đề chữ “Khách sạn” và nó dẫn tôi, như nó thường làm thế, tới một cái giường chắc chắn, một tủ lạnh nhỏ đầy ứ, và một hộp điếu khiến từ xa tôi tàn cho tôi vị.

Và tôi ngủ.

Tôi thức dậy ăn mặc vẫn đầy đủ, cởi quần áo và chui vào giữa những lớp chăn mềm mát, chèn kỹ.

“Tôi cố bắt kịp em,” người đàn ông trong giấc mơ của tôi nói. “Nhưng em đã ở không đúng năm.” Đó là Michael Weiss. Anh đã bơi qua nhiều thập niên để đến với tôi, anh đã cật lực mở đường xuyên qua những lớp thời gian. Và khi đứng đối mặt nhau tôi nói, “Anh khỏe không Michael?” và anh đáp, “Tôi khỏe. Tôi rất khỏe.”

Tôi lại thức dậy và không xác định được ánh sáng bên ngoài là của buổi sáng hay buổi chiều. Tôi bấm ngón cái vào những nút mềm nhũn của hộp điếu khiến từ xa để xem giờ trên bản tin truyền hình. Bây giờ là sáu rưỡi tối. Tôi đã ngủ tám tiếng. Tôi quay qua ngủ tiếp, rồi hoảng hốt gọi điện cho đám con gái.

Tom trả lời điện thoại.

“Em cưng. Chào. Em ở đâu vậy?” Rất bình thản và đều giọng.

“Anh cho em nói chuyện với Rebecca được không?” tôi nói và nhận ra, trong khoảng lặng sau đó, rằng anh hoàn toàn có khả năng từ chối.

“Chào mẹ.” Giọng nó nghe trẻ hơn tuổi của nó nhiều.

“Chào, con yêu.”

“Mẹ ở đâu vậy?”

“Con ổn không?” tôi nói. “Mẹ sẽ về ngay thôi.”

“Ồ. Nhất trí.” Rất vui vẻ. Đây không phải trách nhiệm của nó. Hoàn toàn đúng thôi.

“Kêu em con lại nói chuyện đi.”

Emily thở rõ mồn một trong điện thoại.

“Chào,” tôi nói. “Chào con.”

Lại thêm tiếng thở. Đây là một sự vụ kéo hơi dài, với Emily, cái điện thoại (“Mẹ không có ở đây,” nó từng nói với tôi. “*Con* mới là ở đây.”) Lần này nó đã hình dung ra cái của khốn khổ này là để làm gì. Gần như thế.

“Mẹ hả?”

“Phải, con yêu.”

“Con cho mẹ một chữ,” nó nói. “Chữ đó là ‘yêu’.”

“Phải,” sau cùng tôi nói. “Phải. Đó là chữ đáng cho.”

“Tạm biệt!” và để cho tôi khỏi mất công, nó dập máy luôn.

Emily. Tôi không biết đứa con này là thông minh hay kỳ cục - nó không làm các thứ nối kết với nhau, theo cách nào đó, nhưng khi chúng nối kết thì thật đáng ngạc nhiên. Nên tôi không lo về nó, tôi nghĩ, trước khi nhận ra rằng, thực sự, tôi đang ở phi trường Gatwick. Tôi đã trốn chạy con gái tôi. Tôi đã bỏ nó lại.

Nhưng không có vụ bỏ mấy đứa con gái lại, chúng luôn ở bên tôi. Tôi cuộn mình vào đám chăn mền và sờ tìm mớ tóc mịn của Rebecca xoa trên gối, nơi nó đôi khi thích rúc người cạnh tôi; cái nhìn chăm chăm như mèo của em nó quan sát từ chỗ khác trong phòng. Chúng đẹp đến thế. Tôi chạm vào chỗ nào cũng gợi lên được vẻ mượt mà trong tóc của chúng, và nghĩ quả là một thắng lợi lớn lao và lạng lẽ khi có được chúng trong thế giới này.

Rebecca Mary và Emily Rose. Hiện chúng ở bên tôi trong giấc ngủ. Chúng khá kiên nhẫn. Chúng quay đi một lát, và để tôi yên.

Tôi lại thức giấc, và tắm dưới vòi sen. Tôi mặc quần lót mới và bỏ quần cũ trong thùng rác. Tôi loại bỏ cuộc đời khác này, và bỏ lại khách sạn sau lưng.

Ra ngoài, tôi ngạc nhiên khi thấy rằng mình vẫn còn ở trong phi trường, rằng giấc mơ tiếp tục. Tôi đã du hành lâu đến vậy mà vẫn còn ở đây.

Palma

Barcelona

Mombasa

Split

Từ bảng báo khởi hành, mọi địa danh tôi chưa từng đến đang mời mọc tôi như các ả điếm, vô cảm trước ước muốn của tôi.

Fuerteventura

Vilnius

Pula

Cork

Trò đánh đĩ thế. Mọi người quanh tôi, hoàn toàn chính đáng, chẳng thèm lý tới chúng và chỉ lo mua sắm. Tôi theo họ trong thang máy lắp kính lên tầng trên, và nhìn trong cửa hàng Accessorize tìm món gì nho nhỏ cho mỗi đứa con gái, món gì đó lấp lánh hoặc có hoa. Tôi nhìn những người đứng xếp hàng ở quầy tính tiền, và tôi tự hỏi có phải họ đang về nhà, hay họ đang rời xa những người họ yêu thương. Không có những chuyến hành trình khác. Và tôi nghĩ chúng ta làm nên những người tị nạn kỳ lạ, chạy khỏi máu mủ của mình, hoặc hướng đến máu mủ của mình; chảy phập phồng tới lui theo những mạch máu ma quái bao phủ thế giới trong một mạng kết bằng máu. Đây là điều tôi đang nghĩ, khi đứng xếp hàng tại chi nhánh Gatwick Village của Assessorize với hai đôi dép lê, cái có gắn một đóa lan lụa ở quai nhựa cho Emily, và cái gắn một đóa hồng mẫu đơn cho Rebecca. Tôi đang nghĩ về thế giới bọc trong máu, như một búi dây được quấn từ chính sợi dây. Rằng nếu cứ lần theo đường dây tôi sẽ tìm ra điều tôi muốn biết là gì.

Hướng tới hoặc rời xa.

Cơn cảm dỗ lôi tôi trở lại khách sạn rất mạnh, nhưng tôi buộc mình ngồi xuống một lát trong khu chờ đợi của ga khởi hành, thầm nghĩ tôi có thể chọn một nơi đến ở khu làm thủ tục lên chuyến bay, hiểu rằng tôi sẽ chẳng đi tới đâu, ngoại trừ về nhà.

Nice

Djerba

Edinburgh

Dublin

Mà, Djerba là ở đâu nhỉ?

Và lần này máy bay sẽ đáp đúng cách. Tôi chỉ cảm thấy nó đã không đáp *đúng cách*, trong lần trước tôi bay tới Dublin. Kitty đang khóc cạnh tôi, và Liam ng ẫi đó kết tội tôi, và nơi chúng tôi chạm xuống không phải là nơi tôi vẫn biết. Có lẽ chẳng có gì trong chuyện đó là có thật. Tôi cảm thấy như mình đã sống năm tháng vừa qua trên không.

Tôi gọi điện cho Kitty, đột nhiên.

“Mày ổn không?” tôi hỏi.

“Sao ạ?”

“Mày ổn không?” Và trong một giây, tôi nghĩ nó hiểu tôi đang nói về chuyện gì.

“Ừ, em ổn. Chị ổn không?”

“Ừ, tao ổn. Phải, tao cũng vậy.”

Và chúng tôi nói tiếp về những chuyện khác.

Tôi biết mình phải làm gì - cho dù đã quá trễ với sự thật, tôi sẽ nói sự thật. Tôi sẽ liên lạc với Ernest và nói cho anh nghe chuyện đã xảy ra với Liam ở Broadstone, và tôi sẽ yêu cầu anh tiết lộ chuyện rất lâu r ẫi này cho những người còn lại của gia đình (nhưng đừng nói với mẹ!) vì tự tôi không thể làm việc đó, tôi không có những luận điểm cho nó. Tôi chỉ không thể đối mặt với sự phản đối của Bea, hay nỗi buồn ảm lạnh của Ita, hoặc Ivor, nói khô khan, “Làm sao mấy người lại chiếm hết phần vui thú vậy được?” Chúa ơi, tôi ghét gia đình mình, những người này tôi chưa hề chọn để yêu, nhưng vẫn yêu như thường.

Và nỗ lực này thật đáng thương, cái chuyện bỏ chạy khỏi họ đấy. Phi trường Gatwick khốn nạn. Tôi nên ở Barcelona, tìm kiếm một dấu hiệu

trời ban. Tôi nên thả bộ trên những đường phố Paris chờ ai đó tìm thấy mình; một người nào đó sẽ bước tới chỗ tôi và nói, “Tôi đã chờ em lâu lắm rồi,” và sau đó, nhiều tuần sau đó, tôi sẽ nhìn mấy đứa trẻ chơi trong vườn Luxembourg và khởi đầu với tiếng kêu, “Không! Không! Không thể thế được.”

Nhưng tôi không muốn một số phận khác với số phận đã đem tôi tới đây. Tôi không muốn một cuộc đời khác. Tôi chỉ muốn có khả năng sống được nó, vậy thôi. Tôi muốn thức dậy vào buổi sáng và đi ngủ vào buổi tối. Tôi muốn lại làm tình với chính mình. Bởi vì, mỗi lần anh muốn phá vỡ tôi thì lại có tình yêu khiến tôi hàn gắn lại, khiến cả hai chúng tôi được hàn gắn lại. Giá như tôi cũng có thể nhớ được những lần đó. Giá như tôi có thể nhớ được từng lần, như bạn nhớ những nơi chốn khác nhau bạn đã từng thấy - một số nơi thật kỳ thú, lạ lùng, hoặc gây bối rối, hoặc lặng lẽ. Nếu tôi nói được tôi đã cảm thấy đi đâu đó vào lần Rebecca được hoài thai, hay Emily lần đầu quấy đạp. Hay có lần, tôi nhớ, buổi chiều nọ, khi anh ngồi ở cuối giường trong ánh sáng qua tấm màn trắng, và trông anh giống ai đó tôi đã biết ngay từ lúc khởi đầu, cho dù cái khởi đầu đó là ở đâu.

Tôi đứng trong hàng chờ lấy vé và tôi bất chợt phải nhắm mắt lại. Tôi đứng đó với hai mi mắt nhắm nghiền, bằng lái xe nắm chặt trong tay, và tay tôi ép sát vào cảm giác trống rỗng, nhộn nhạo trong bao tử - tương lai, đã trở lại để quấy rầy tôi. Linh hồn mới nào đó, với con mắt như những trái mận.

Một đứa con trai.

Này, Tom, mình hãy sinh đứa kế tiếp này đi. Chỉ đứa này thôi. Đứa con mà tôi đã biết tên. Ô, tới đi. Nó sẽ làm anh vui, vui lắm.

Ờ, phải.

Và tuy việc có một đứa con nữa có thể lý thú, nhưng đấy không phải điều tôi mong muốn nhất khi đứng xếp hàng ở phi trường Gatwick với đôi mắt nhắm lại: một phụ nữ không hành lý, không vật thể sắc nhọn, và không có gì mà tự tôi không đóng gói. Tôi chỉ muốn bớt sợ hãi đi. Vậy thôi. Bởi vì chính nỗi sợ hãi là điều tôi cảm thấy khi tôi chờ đợi để bước tới mép quầy đăng ký một chuyến bay hôm nay hoặc, nếu giá cả quá cao, thì chuyển sang sớm ngày mai. Tôi không biết mình có thể bước lên những bậc thang nhôm đó và vào máy bay không.

Phi trường Gatwick không phải là nơi tốt nhất để bị xâm chiếm bởi nỗi sợ bay. Nhưng có vẻ như đấy là điều hiện đang xảy ra với tôi; bởi vì bạn lên cao đến vậy, trong những thứ đó, và có cả một quãng dài phải rơi xuống. Và lại, tôi đã rơi nhiều tháng nay rồi. Tôi đã rơi vào cuộc đời của chính mình, nhiều tháng nay. Và tôi bây giờ sắp đụng vào nó.